

*Bối cảnh hình thành tác phẩm*  
*“Giáo Hành Tín Chứng”*



Nguyên tác: NABATA TAKASHI

Việt dịch: THÍCH NHƯ ĐIỂN

# **BỐI CẢNH HÌNH THÀNH TÁC PHẨM “GIÁO HÀNH TÍN CHỨNG”**

Khảo luận riêng về  
“Hiển Tịch Độ Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại”  
Bài giảng mùa An Cư năm 2011

Viên Giác Tùng Thư

2026

**BỐI CẢNH HÌNH THÀNH TÁC PHẨM**  
**“GIÁO HÀNH TÍN CHỨNG”**

Khảo luận riêng về

**“HIỂN TỊNH ĐỘ PHƯƠNG TIỆN HÓA THÂN ĐỘ VẮN LOẠI”**

Bài giảng mùa An Cư năm 2011

Tác giả: Nabata Takashi (名畑崇 - Danh Điền Sùng)

Trụ trì chùa Dưỡng Tuyền (養泉寺) Nhật Bản

Dịch giả: Thích Như Điển

Phương Trưởng Tổ đình Viên Giác Hannover Đức quốc.

Viên Giác Tùng Thư ấn hành lần thứ nhất, quý III/2026

Trách nhiệm xuất bản: Nguyên Đạo

Sửa bản in: Thích Trường Sỹ, Thích Trung Thành

Kỹ thuật và bìa: Quảng Hạnh Tuệ, Đình Khải

ISBN: 979-8-1827-4686-1

*VIÊN GIÁC TÙNG THƯ - 2026*

ISBN 979-8-1827-4686-1



9 798182 746861

# MỤC LỤC

|                                                                                                     |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Lời Nói Đầu.....                                                                                    | 7  |
| Quy ước trình bày.....                                                                              | 11 |
| Chương I - Hình thái của Giáo Hành Tín Chứng.....                                                   | 13 |
| Tiết 1 - Tổng quan về Giáo Hành Tín Chứng.....                                                      | 13 |
| Tiết 2 - Các đoạn trích dẫn kinh luận trong Giáo Hành Tín Chứng.....                                | 17 |
| Chương II - Hình thái của Hiến Tịnh Độ Phương Tiệm Hóa Thân Độ Văn Loại.....                        | 25 |
| Tiết 1 - Tổng quan quyền Hóa Thân Độ.....                                                           | 25 |
| Tiết 2 - Tổng quan tập mật quyền Hóa Thân Độ.....                                                   | 32 |
| Tiết 3 - Trích dẫn phần Nhật Tạng của Đại Tập Kinh (大集經).....                                       | 33 |
| Tiết 4 - Trích dẫn phần Nguyệt Tạng của Đại Tập Kinh (月藏經).....                                     | 35 |
| Chương III - Tấu trạng Hưng Phước Tự và Phương Tiệm Hóa Thân Độ Văn Loại.....                       | 41 |
| Tiết 1 - Vấn đề trọng điểm của “Tấu trạng Hưng Phước Tự”.....                                       | 41 |
| Tiết 2 - “Tấu trạng Hưng Phước Tự” và Giáo Hành Tín Chứng.....                                      | 44 |
| Tiết 3 - Chơn Tông tương ứng cả ba thời.....                                                        | 48 |
| Tiết 4 - Dị chấp của ngoại giáo tà nguy.....                                                        | 50 |
| Tiết 5 - Sự cố chấp vào định thiện và tán thiện.....                                                | 51 |
| Chương IV - “Đại chúng giải” của Diên Lịch Tự năm Nguyên Nhân nguyên niên và quyền Hóa Thân Độ..... | 55 |
| Tiết 1 - “Nguyên Nhân nguyên niên của chúng ta”.....                                                | 55 |
| Tiết 2 - “Đại chúng giải” của Diên Lịch Tự năm Nguyên Nhân nguyên niên.....                         | 61 |
| Tiết 3 - Chống lại thần minh và thuyết vong quốc.....                                               | 63 |
| Tiết 4 - Thời kỳ tượng pháp và việc hưng long Phật pháp.....                                        | 65 |
| Tiết 5 - Hình phạt và sự phê phán pháp môn niệm Phật.....                                           | 68 |
| Chương V - Pháp nạn thời Gia Lộc và Long Khoan.....                                                 | 73 |
| Tiết 1 - Thời gian đình chỉ niệm Phật.....                                                          | 73 |
| Tiết 2 - Căn bản của “Đại chúng giải Diên Lịch Tự”.....                                             | 77 |
| Tiết 3 - Pháp nạn thời Gia Lộc và Long Khoan.....                                                   | 80 |
| Tiết 4 - Cuộc gặp gỡ giữa Long Khoan và Thân Loan.....                                              | 83 |

|                                                                                                                    |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <i>Tiết 5 - Trước tác và những khổ nạn của Long Khoan</i> .....                                                    | 89  |
| <b>Chương VI - Những luận điểm phê phán niệm Phật và quyền Hóa Thân Độ</b> ..                                      | 93  |
| <i>Khoản một - Niệm Phật phạm pháp của thần quốc, chẳng kính thần mình</i>                                         | 93  |
| <i>Khoản hai - Xem các tông là nan hành, niệm Phật là chánh hành</i> .....                                         | 95  |
| <i>Khoản ba - Niệm Phật chuốc điểm chẳng lành khiến nước suy vi; niệm Phật là âm của nước mất</i> .....            | 96  |
| <i>Khoản bốn - Phế bỏ các Phật, các giáo; cho Chơn Ngôn - Chỉ Quán, Pháp Tướng - Tam Luận là vì danh lợi</i> ..... | 102 |
| <i>Khoản năm - Người niệm Phật ngoài Di Đà chẳng tôn sùng gì khác, ấy là cùng cực của bất hiểu.</i> .....          | 102 |
| <i>Khoản sáu - Nay chưa vào mật pháp; bảo rằng chỉ còn giáo pháp của Di Đà là kiến giải ngu muội</i> .....         | 104 |
| <i>Khoản bảy - Người chuyên tu gạt bỏ hết thấy các hạnh, cho là tạp hạnh</i> .                                     | 106 |
| <i>Khoản tám - Cửu phẩm vãng sanh trong Quán Kinh.</i> .....                                                       | 107 |
| <i>Khoản chín - Niệm Phật khiến quỷ thần mất tinh khí, cỏ cây lúa mạch suy tàn.</i> .....                          | 109 |
| <i>Khoản mười - Hưng long giáo hành của tám tông thì Phật pháp và vương pháp đều hưng thịnh</i> .....              | 110 |
| <b>Chương VII - Sự tích và thân thế của Thân Loan</b> .....                                                        | 113 |
| <i>Tiết 1 - Đọc tụng “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh” và bạn đạo Đông quốc</i> .....                                          | 113 |
| <i>Tiết 2 - Loan Thừa Cửu và thuyết “khúc sự”.</i> .....                                                           | 120 |
| <i>Tiết 3 - Bàn lại thuyết niệm Phật “vong quốc”</i> .....                                                         | 124 |
| <i>Tiết 4 - Thánh Giác và Duy Tín Sao.</i> .....                                                                   | 127 |
| <b>Chương VIII - Giáo Hành Tín Chứng và Hòa Tán</b> .....                                                          | 135 |
| <i>Tư liệu về việc cấm niệm Phật</i> .....                                                                         | 143 |
| <i>Tiểu sử tác giả.</i> .....                                                                                      | 197 |
| <i>Lời cuối sách của dịch giả</i> .....                                                                            | 199 |
| <b>Danh mục tác phẩm phiên dịch và sáng tác của Hòa Thượng Thích Như Điển đã xuất bản</b> .....                    | 205 |

## LỜI NÓI ĐẦU

Tác phẩm *Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại* (dưới đây gọi tắt là *Giáo Hành Tín Chứng*) do Thân Loan Thánh Nhơn trước tác mang nhan đề “Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại”, gồm trọn bộ sáu quyển.

Trong tiêu đề ấy, động từ “hiển” (顯わす) được đặt ở dạng hiện tại, nhằm biểu thị rằng chơn thật giáo, hành, tín của Tịnh độ đang được hiển lộ ngay trong hiện tại. Khi mở từng trang văn, nhờ giáo pháp chân thật mà Phật đạo khai mở, tự nhiên hiển hiện một cõi pháp giới bao la vô tận. Vượt lên trên hình thức của một trước tác thông thường, *Giáo Hành Tín Chứng* đã khai thị một thế giới siêu việt thời gian và không ngăn mé nhờ giáo pháp chân thật.

Nơi đầu sách bản in *Lục Yếu Sao* (Rokuyōshō) của Tồn Giác Thượng Nhơn (Zonkaku Shōnin) có ghi bài tán tụng: “Phật các, cơ cố dĩ cập Từ Tôn chi hội; Pháp thủy, viễn lưu nhi nhuận Lục thú chi ngoại.” (Tòa Phật các, nền móng vững bền trải dài đến tận Long Hoa hội của Đức Di Lặc; Dòng nước pháp tuôn chảy ngàn xa, nhuần thấm vượt ngoài sáu nẻo luân hồi). Lời tán tụng ví thế giới được hiển bày trong *Giáo Hành Tín Chứng* như một ngôi Phật các có nền móng kiên cố vững chãi; sự cứu độ nhờ Phật pháp khai mở nơi đây trải dài đến tận thời kỳ Đức Bồ Tát Di Lặc thị hiện ở đời, tươi mát và nhuần thấm đến tận cõi ngoài Lục đạo.

Nếu như Phật giáo Hiển Mật lấy các tòa đường tháp già lam

nguy nga tráng lệ để trang nghiêm hình tượng Phật, tự hào về sự tu đạo chứng quả nhờ vào lý trí tinh tấn của tự lực; thì ngược lại, Tịnh độ Chơn Tông lại dựa trên bốn pháp Giáo – Hành – Tín – Chứng chân thật bắt nguồn từ bốn nguyện của Phật, giúp hết thảy chúng sanh bình đẳng bước vào cảnh giới Niết Bàn nơi cõi Phật chân thật. *Giáo Hành Tín Chứng* là sự khai mở rõ ràng về Phật đạo trong thời mạt đại trước thế dựa trên Tuyển Chọn Bốn Nguyện. Tác phẩm đã chuyển biến hoàn toàn trực thể giới quan vốn được Phật giáo Hiền Mật xây dựng dựa trên nền tảng các chốn già lam tráng lệ kể từ thời nhà nước cổ đại.

Nói theo cách nhìn của Tồn Giác Thượng Nhơn, chúng ta có thể ví *Giáo Hành Tín Chứng* như một tòa Phật điện (Phật các) bao la hùng vĩ:

- Nền móng: Được kiến tạo vững chắc trên Tuyển Chọn Bốn Nguyện của Như Lai.
- Trụ cột: Lấy bốn pháp Giáo – Hành – Tín – Chứng làm rường cột chống đỡ bốn phương.
- Bậc thang tiếp dẫn: Thiết lập hai nấc thang dẫn tới chơn Phật độ (báo độ) và hóa thân độ (Hóa Độ).
- Bộ khung xà gồ (đóng lương): Lấy Tam Kinh Nhứt Luận gồm *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*, *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*, *Kinh A Di Đà*, và *Vãng Sanh Luận* (tức *Tịnh Độ Luận*) làm rui mè rường cột.
- Tường vách che chở: Lấy bảy vị Tổ gồm Long Thọ, Thế Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, Nguyên Tín, Nguyên Không làm bờ tường vách lũy, bình đẳng bao bọc lấy tất thảy chúng sanh tề tựu trong điện đường, che chở họ khỏi mưa gió cùng lạnh nóng của trần gian.

Nhờ những phương tiện trang nghiêm ấy, người nào tin sâu

bốn nguyện, hội đủ Giáo – Hành – Tín – Chứng chân thật sẽ tự nhiên bước lên những nấc thang dẫn về cõi Phật chân thật (chơn báo độ) và chứng đắc quả vị giải thoát (Niết Bàn). Ngược lại, kẻ nào ôm lòng nghi ngờ bốn nguyện, quay lưng lại với sự trang nghiêm của tòa Phật điện, thì phải bước lên từng bậc thang giả lập riêng rẽ, tạm dừng chân nơi cõi hóa thân (hóa độ) để tiếp nhận sự giáo hóa; bên cạnh đó là sự phân định thẩm tra rạch ròi giữa chân và ngụy, cùng lời răn dạy đối với các mối tà ngụy của ngoại giáo.

Quyển Hóa Thân Độ được mở ra đối ứng trực tiếp với quyển Chơn Phật Độ; và toàn bộ giáo nghĩa nơi đây, bao gồm cả tiến trình tam nguyện chuyển nhập, có lẽ không phải là những ý niệm tư biện thuần túy, mà đã được hiển bày chân xác dựa trên các sự kiện cụ thể diễn ra ngay trên chính thân phận thực tế của Thân Loạn Thánh Nhơn. Phần Hậu tự (後序) có trích lời tựa sau, thuật lại tường tận cơ duyên hạnh ngộ Nguyên Không Thượng Nhơn cùng tiến trình xảy ra pháp nạn cấm chỉ niệm Phật năm Thừa Nguyên (Jōgen); qua đó, quyển Hóa Thân Độ dường như đã khắc sâu bối cảnh lịch sử cùng dụng ý căn cốt của việc biên soạn *Giáo Hành Tín Chứng*.

Tựu trung lại, *Giáo Hành Tín Chứng* là bộ tác phẩm đưa giáo lý Tuyển Chọn Bốn Nguyện của Nguyên Không Thượng Nhơn trở về cội nguồn căn bản của Phật giáo Đại thừa, dùng bốn pháp Giáo – Hành – Tín – Chứng để luận chứng sáng rõ; trên cơ sở ấy, quyển Hóa Thân Độ chính là lời thức tỉnh, thúc giục sự sám hối ăn năn hướng đến giới học giả Phật giáo Hiên Mật và hàng quan lại triều đình-những kẻ luôn ôm mối nghi ngờ Tuyển Chọn Bốn Nguyện và không ngừng bài xích chánh pháp.

Xuất phát từ những góc nhìn này, xuyên suốt toàn bộ tác phẩm *Giáo Hành Tín Chứng*, quyển Hóa Thân Độ từ trước đến nay đã được nhiều bậc tiền bối dày công luận giải sâu sắc. Những năm gần đây, ý nghĩa của quyển Hóa Thân Độ một lần nữa lại được

tra vấn và đặt lại, hình thành nên xu hướng đọc và tái khám phá *Giáo Hành Tín Chứng* lấy quyển Hóa Thân Độ làm trục quy chiếu trung tâm.

Lần này, đứng trên lập trường lịch sử tư tưởng Phật giáo Nhật Bản, tôi muốn khảo sát và xem xét lại toàn bộ nội dung của những lần sóng phê phán, bài xích niệm Phật trải dài qua các niên hiệu Thừa Nguyên (Jōgen), Kiến Bảo (Kenpō), Nguyên Nhân (Gennin), và Gia Lộc (Karoku) dưới thời Thánh Nhơn tại thế; qua đó làm sáng tỏ tôn ý trước tác quyển Hóa Thân Độ, đồng thời nhìn sâu vào bối cảnh hình thành của bộ *Giáo Hành Tín Chứng*.

Từ trước tới nay, mối quan hệ giữa biến cố cấm niệm Phật năm Thừa Nguyên và sự ra đời của *Giáo Hành Tín Chứng* vốn đã được luận giải rất nhiều; song những lần sóng bài xích niệm Phật liên tiếp bùng phát sau đó vào các thời Kiến Bảo, Nguyên Nhân, Gia Lộc phần lớn chỉ mới dừng lại ở mức độ ghi nhận hiện tượng mà chưa được thẩm tra, mổ xẻ nội dung một cách tường tận, chi tiết.

Năm nay đúng vào dịp Đại lễ Tưởng niệm 750 năm ngày viên tịch của Tông tổ Thân Loan Thánh Nhơn. Cơ duyên may mắn được nhận trách nhiệm từ sơn môn, trong quá trình tìm hiểu sâu sát từng dấu tích hành trạng của Ngài, tôi xin được dâng trọn niềm tri ân sâu sắc nhứt lên cuộc đời 90 năm cùng giáo pháp vô giá của Thánh Nhơn, đồng thời cùng học tập, chia sẻ với toàn thể đại chúng nơi đây.

Đúng vào ngày 11 tháng 3 năm nay, trận đại địa chấn và sóng thần miền Đông Nhật Bản đã cướp đi sinh mạng của biết bao con người. Tự biết mình là kẻ không có cả chút từ bi nào, chẳng thấu nỗi nỗi đau của người đời. Kính nguyện muôn loài cùng được bốn nguyện đánh thức, đồng sanh về cõi chơn thật báo độ.

Ngày 13 tháng 7 năm 2011

**Nabata Takashi** (名畑崇 - **Danh Điền Sùng**)

## QUY ƯỚC TRÌNH BÀY

- Các đoạn dẫn văn đều đổi sang lối ghi kana hiện đại và, trong mức có thể, dùng tự thể hiện hành; văn chữ Hán thì đổi sang lối văn đọc xuôi tiếng Nhật (Kakikudashi-bun).
- Dấu ngắt câu và dấu ngoặc trong các đoạn dẫn văn được sửa cho thích hợp.
- Xuất xứ các đoạn dẫn được ghi tắt như sau:

|                  |                                                    |
|------------------|----------------------------------------------------|
| Viết tắt         | Nguyên thư                                         |
| Thánh điển       | “Chơn Tông Thánh Điển” (真宗聖典)                      |
| Chơn Thánh Toàn  | “Chơn Tông Thánh Giáo Toàn Thư” (真宗聖教全書)           |
| Pháp Truyện Toàn | “Pháp Nhiên Thượng Nhơn Truyện Toàn Tập” (法然上人伝全集) |

- Khi chuyển các sử liệu đăng trong phần “Tư liệu về việc cấm niệm Phật” sang lối văn đọc xuôi tiếng Nhật, những chữ bị chép lầm hoặc bị thiếu nơi chính văn xuất xứ đều được sửa và bổ theo các bản sau: “Thân Loan Thánh Nhơn Hành Thực” (bản in năm 2008), “Liên Thương Di Văn” quyển 4, 5, 6, và “Nham Ba Tư Tường Đại Hệ - Liên Thương Cự Phật Giáo”.



# CHƯƠNG I - HÌNH THÁI CỦA GIÁO HÀNH TÍN CHỨNG

## TIẾT 1 - TỔNG QUAN VỀ GIÁO HÀNH TÍN CHỨNG

Trước hết, để có cái nhìn bao quát về toàn thể *Giáo Hành Tín Chứng*, ta thử noi theo cách đặt tiêu đề của bản khắc in *Lục Yếu Sao*, ví tác phẩm này như một đại Phật điện (điện đường) hùng vĩ. Như đã trình bày trong lời mở đầu, ngôi Phật điện này được xây dựng trên nền tảng là Tuyển Chọn Bốn Nguyện của Như Lai; lấy bốn pháp giáo – hành – tín – chứng làm trụ cột, bố trí vây quanh bốn phương; đồng thời thiết lập hai tầng bậc dẫn đến chơn Phật độ và hóa thân độ. Phần mái của điện đường lấy *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* (大無量寿經), *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* (觀無量寿經), *Kinh A Di Đà* (阿弥陀經) và *Tịnh Độ Luận* (淨土論) - tức Tam Kinh Nhứt Luận - làm rường cột; lấy bảy vị Tổ Long Thọ (龍樹), Thế Thân (天親), Đàm Loan (曇鸞), Đạo Xước (道綽), Thiện Đạo (善導), Nguyên Tín (源信), Nguyên Không (源空) làm vách ngăn bảo hộ; từ đó ôm trọn tất cả chúng sanh hội tụ trong điện đường một cách bình đẳng, che chở khỏi gió mưa, nóng lạnh. Nhờ những thiết lập này, người tin vào bốn nguyện và đầy đủ chơn thật giáo – hành – tín – chứng sẽ bước lên tầng bậc dẫn đến chơn Phật độ (báo độ), tự nhiên đạt đến chứng quả (Niết Bàn). Kẻ nghi ngờ bốn nguyện và quay lưng với những thiết lập của Phật điện ấy thì tự mình leo lên bậc thang giả lập, lưu lại lâu dài nơi hóa thân độ (hóa

độ) mà tiếp nhận sự giáo hóa.

Tuyển Chọn Bốn Nguyên lại còn được ví như con thuyền lớn nổi trên biển sanh tử: được ánh sáng trí tuệ chiếu soi, cánh buồm hứng lấy làn gió công đức của Phật, vượt qua biển rộng sóng yên - đó là cảnh tượng ấy.

Ở phần mở đầu của *Giáo Hành Tín Chứng* với tư cách một trước tác, có nêu lời tựa chung (総序):

“Nếu lặng lẽ xét cho cùng, thì hoằng thệ khó nghĩ bàn là con thuyền lớn vượt qua biển khó vượt; ánh sáng vô ngại là mặt trời trí tuệ phá tan bóng tối vô minh. Do đó, khi nhân duyên của cõi Tịnh đã chín muồi, thì Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) khiến A Xà Thế (Ajātasatru) khởi lên việc nghịch hại; khi cơ duyên của tịnh nghiệp hiển lộ, thì Đức Thích Ca khiến Vy Đề Hy (Vaidehī) tuyển chọn cõi An Dưỡng. Điều này chính là lòng nhân của bậc quyền hóa, bình đẳng cứu độ muôn loài khổ não; là lòng bi của bậc Thế Hùng, muốn ban ân cho cả những kẻ nghịch báng, xiển đề. (Nói lược) Ở đây, Ngu Ngốc Thích Thân Loan, may mắn thay! Thánh điển của Tây Phiên, Nguyệt Chi; lời giải thích của các bậc thầy nơi Đông Hạ, Nhật Bản - vốn khó gặp mà nay được gặp, vốn khó nghe mà nay đã được nghe. Kính tin giáo – hành – chứng của Chơn Tông, đặc biệt thấu rõ ân đức sâu dày của Như Lai. Vì vậy, vui mừng với điều đã được nghe, cảm thán với điều đã đạt được.” (Thánh điển, tr. 149–150)

Từ đó có thể thấy: sự khai hiển chơn thật giáo – hành – tín – chứng khởi nguồn từ sự kiện tại thành Vương Xá thời Đức Thích Tôn còn tại thế, và niềm hoan hỷ khi bốn nguyên hiển hiện nơi chính thân hành của Thân Loan ở đời sau.

Tiếp theo lời tựa chung, các tiêu đề của từng quyển được nêu

lên, gọi là bảng nêu đề mục (標列):

- Hiển chơn thật giáo, quyển một (顯真實教一)
- Hiển chơn thật hành, quyển hai (顯真實行二)
- Hiển chơn thật tín, quyển ba (顯真實信三)
- Hiển chơn thật chứng, quyển bốn (顯真實証四)
- Hiển chơn Phật độ, quyển năm (顯真仏土五)
- Hiển hóa thân độ, quyển sáu (顯化身土六)

Sau đó, khi đi vào chính văn, trước hết nêu nhan đề và lời đề soạn “Ngu Ngốc Thích Thân Loan tập” (愚禿釈親鸞集), rồi lần lượt triển khai các “Văn loại” trải qua sáu quyển: chơn thật giáo – hành – tín – chứng, chơn Phật độ và Tịnh độ phương tiện hóa thân độ.

*Kinh Đại Vô Lượng Thọ:*

Hiển chơn thật giáo của Tịnh độ, văn loại một (顯浄土真實教文類一)

Hiển chơn thật hành của Tịnh độ, văn loại hai (顯浄土真實行文類二)

- bốn nguyện chư Phật xưng danh (諸仏称名の願)

Hiển chơn thật tín của Tịnh độ, văn loại ba (顯浄土真實信文類三)

- bốn nguyện chí tâm tín lạc (至心信樂の願) · Căn cơ chánh định tụ (正定聚の機)

Hiển chơn thật chứng của Tịnh độ, văn loại bốn (顯浄土真實証文類四)

- bốn nguyện tất chí diệt độ (必至滅度の願) · Nan tư nghì vãng sanh (難思議往生)

Hiển chơn Phật độ của Tịnh độ, văn loại năm (顯淨土真仏土文類五)

- bốn nguyện quang minh vô lượng (光明無量の願)

- bốn nguyện thọ mạng vô lượng (寿命無量の願)

Hiển phương tiện hóa thân độ của Tịnh độ, văn loại sáu (顯淨土方便化身土文類六)

Ý nghĩa của *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*:

- bốn nguyện chí tâm phát nguyện (至心発願の願) ·  
Căn cơ tà định tụ (邪定聚の機) · Vãng sanh dưới rừng song  
thọ (双樹林下往生)

Ý nghĩa của *Kinh A Di Đà*.

- bốn nguyện chí tâm hồi hướng (至心回向の願) ·  
Căn cơ bất định tụ (不定聚の機) · Nan tư vãng sanh (難思  
往生)

Trước đó, *Giáo Hành Tín Chứng* đã được ví như một đại Phật điện, với giáo – hành – tín – chứng là bốn trụ cột; ở đây nguồn gốc của từng trụ cột ấy được nêu rõ.

- Trụ cột thứ nhất, chơn thật giáo, chính là *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*, xuyên suốt với danh nghĩa “chơn thật giáo - Tịnh độ Chơn Tông”.
- Trụ cột thứ hai, chơn thật hành, có nguồn gốc từ bốn nguyện chư Phật xưng danh (nguyện thứ mười bảy) trong *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*, được gọi là “hành chơn thật của Tịnh độ - hành của Tuyển Chọn Bốn Nguyện”.
- Trụ cột thứ ba, chơn thật tín, bắt nguồn từ bốn nguyện chí tâm tín lạc (nguyện thứ mười tám) trong *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*, được gọi là “căn cơ chánh định tụ”.

- Trụ cột thứ tư, chơn thật chứng, có nguồn gốc từ bốn nguyên tắt chí diệt độ (nguyên thứ mười một) trong *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*, được gọi là “nan tư nghi vãng sanh”.

Tổng thể kết quy của những điều ấy là chơn Phật độ, mà căn nguyên là bốn nguyên quang minh vô lượng (nguyên thứ mười hai) và bốn nguyên thọ mạng vô lượng (nguyên thứ mười ba) của *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*. Hết thảy đều lấy chơn thật giáo là *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* làm căn nguyên, và Tuyển Chọn Bốn Nguyên được vận hành sâu xa từ đó.

Phương tiện hóa thân độ là cõi giả lập hiện ra nơi hình thức bên ngoài của *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* và *Kinh A Di Đà*, tương ứng với bốn nguyên chí tâm phát nguyện (nguyên thứ mười chín) và bốn nguyên chí tâm hồi hướng (nguyên thứ hai mươi) trong *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*. Trước là “căn cơ tà định tự”, “vãng sanh dưới rừng song thọ”, thuộc thuyết phương tiện của *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*; sau là “căn cơ bất định tự”, “nan tư vãng sanh”, thuộc thuyết phương tiện của *Kinh A Di Đà*. “Phương tiện” là con đường nhứt định đưa người ta từ những tầng bậc bị thu hẹp bởi thành kiến và nghi ngờ mà chuyển nhập vào đại tầng bậc chơn thật.

## TIẾT 2 - CÁC ĐOẠN TRÍCH DẪN KINH LUẬN TRONG GIÁO HÀNH TÍN CHỨNG

Những đoạn văn kinh, luận, chú giải được dẫn làm chứng trong sáu quyển *Giáo Hành Tín Chứng* - ngoại trừ phần cuối quyển *Hóa Thân Độ* - đều mở đầu mỗi quyển bằng lời dạy của *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*, tức chơn thật giáo của Tịnh độ.

Trước hết, tác phẩm quy định *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* là “chơn thật giáo - Tịnh độ Chơn Tông”, và tuyên bố: “Đức Thích Ca xuất hiện nơi đời, quang xiển đạo giáo, cứu vớt quần sanh, muốn ban cho lợi ích chơn thật. Do đó, thuyết bốn nguyên của Như Lai, lấy đó làm tông chỉ của kinh; tức lấy danh hiệu của Phật làm thể

của kinh.” (Thánh điển, tr. 152) Tiếp đó, những đoạn trích cùng ý được dẫn ra từ các bản dị dịch của *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* là *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*, *Bình Đăng Giác Kinh*, và từ *Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán* của Cảnh Hưng (憬興).

Tiếp theo, trong quyển Hành, ngay phần đầu đã nêu rõ:

“Đại hạnh, tức là xưng niệm danh hiệu của Vô Ngại Quang Như Lai. Hạnh này thấu nhiếp mọi thiện pháp, đầy đủ mọi đức bốn; cực tốc viên mãn, là biển báu công đức của chơn như nhứt thực, vì thế gọi là đại hạnh. Nhưng hạnh này phát xuất từ nguyện đại bi, tức gọi là bốn nguyện chư Phật xưng dương, cũng gọi là bốn nguyện chư Phật xưng danh, cũng gọi là bốn nguyện chư Phật ca ngợi; lại nên gọi là bốn nguyện vãng tướng hồi hướng’, cũng nên gọi là bốn nguyện tuyển chọn xưng danh.” (Thánh điển, tr. 157)

Sau đó, trích dẫn từ *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*: “Giả sử Ta được thành Phật mà vô lượng chư Phật trong mười phương thế giới không đồng loạt tán thán, xưng danh hiệu của Ta, thì Ta quyết không thành Chánh Giác” (nguyện thứ mười bảy; Thánh điển, tr. 158) - Đây chính là điều gọi là “bốn nguyện chư Phật xưng danh”.

Tiếp đó, quyển Hành dẫn những đoạn cùng ý từ bản dị dịch *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*, *Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Gia Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn Quá Độ Nhơn Đạo Kinh*, *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đăng Giác Kinh*; phần dẫn chứng còn trải rộng qua *Bi Hoa Kinh*, *Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận*, *Tịnh Độ Luận*, *Tịnh Độ Luận Chú*, *An Lạc Tập*, *Vãng Sanh Lễ Tán*, *Huyền Nghĩa Phần*, *Quán Niệm Pháp Môn*, *Bát Chu Tán*, *Tịnh Độ Ngũ Hội niệm Phật Lược Pháp Sư Nghi Tán*, cho đến *Thuật Văn Tán*, *Lạc Bang Văn Loại*, *Quán Kinh Nghĩa Sớ* của Nguyên Chiếu (元照), *Di Đà Kinh Nghĩa Văn* của Nguyên Chiếu, *Quán Kinh Sớ Chính Quán Ký* của Giới Độ (戒度),

văn số của Dụng Khâm (用欽), *Quán Kinh Sớ* của Gia Tường (嘉祥), *Đại Kinh Nghĩa Sớ* của Pháp Vị (法位), *Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận*, *Vãng Sanh Yếu Tập*, *Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập*, *Niết Bàn Kinh* và *Hoa Nghiêm Kinh* - phạm vi dẫn chứng vô cùng rộng lớn.

Trong đó, sau đoạn trích *Vãng Sanh Yếu Tập*, đoạn văn sau đây được dẫn từ *Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập*:

“Nam mô A Di Đà Phật - nghiệp vãng sanh lấy niệm Phật làm gốc. Lại nói: Nếu muốn mau chóng lìa sanh tử, thì trong hai pháp thù thắng, hãy tạm gác lại Thánh đạo môn mà tuyển chọn đi vào Tịnh độ môn. Muốn vào Tịnh độ môn thì trong hai hạnh chánh và tạp, hãy tạm buông bỏ các tạp hạnh mà tuyển chọn quy về chánh hạnh. Muốn tu chánh hạnh thì trong hai nghiệp chánh và trợ, hãy để trợ nghiệp sang một bên mà tuyển chọn chuyên nhứt nơi chánh định. Chánh định nghiệp ấy chính là xưng danh hiệu Phật. Xưng danh ắt được vãng sanh, vì nương nơi bốn nguyện của Phật.” (Thánh điển, tr. 189)

Danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai - tức hành chơn thật của Tịnh độ - phát hiện từ *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*, truyền qua Long Thọ, Thế Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, Nguyên Tín, đến Nguyên Không mà quyết định thành: “Nam mô A Di Đà Phật - nghiệp vãng sanh lấy niệm Phật làm gốc.”

Trong quyển Tín kế tiếp, lời tựa riêng (別序) được nêu lên:

“Nếu xét cho cùng, việc đạt được tín lạc là khởi phát từ tâm nguyện tuyển trạch của Như Lai; việc khai hiển lộ chơn tâm là do phương tiện thiện xảo của bậc Đại Thánh mà được hiển chương. Thế nhưng hàng đạo tục thời mạt pháp, các tông sư cận thế lại chìm đắm trong tự tính duy tâm mà hạ thấp chơn chứng của Tịnh độ, mê lầm nơi tự

tâm định tán nên mờ tối đối với chơn tín kim cang. Vì vậy, Ngu Ngốc Thích Thân Loan thuận theo chơn thuyết của chư Phật Như Lai, khảo duyệt tông nghĩa của các luận gia và các nhà chú thích; rộng nhờ ánh sáng của ba kinh mà riêng khai mở văn nghĩa của nhứt tâm; tạm nêu nghi vấn để cuối cùng đưa ra minh chứng. Thật lòng nghĩ đến ân Phật sâu nặng mà chẳng hổ trước lời cười nhạo của người đời. Hỡi hàng đồ chúng vui cầu cõi Tịnh, hỡi các loài chơn lìa cõi uế: dầu có lấy có bỏ, cũng xin chớ sanh lòng hủy báng.” (Thánh điển, tr. 210)

Đoạn văn “Việc đạt được tín lạc là khởi phát từ tâm nguyện tuyển chọn của Như Lai” cho thấy rằng việc đạt được tín tâm cũng phát xuất từ Tuyển Chọn Bốn Nguyện mà Nguyên Không đã dạy. Thế mà hàng đạo tục thời mạt đại và các tông sư cận thế lại chìm đắm trong tự tính duy tâm, hạ thấp chơn chứng của Tịnh độ mà Nguyên Không khuyến khích; mê lầm nơi tự tâm định tán nên không khai mở được chơn tín kim cang. Ở đây, sự khai hiển của quyển Hóa Thân Độ đã được dự báo. Chính văn quyển Tín mở đầu như sau:

“Kính cần xét về sự hồi hướng vắng tướng, có đại tín. Đại tín tâm ấy chính là thần phương trường sanh bất tử, là diệu thuật hân tịnh yếm uế, là trực tâm của tuyển chọn hồi hướng, là tín lạc lợi tha sâu rộng, là chơn tâm kim cang bất hoại, là tịnh tín dễ về mà chẳng người về, là nhứt tâm được tâm quang nhiếp hộ, là đại tín hy hữu tối thắng, là đường tắt mà thế gian khó tin, là chánh nhân chứng Đại Niết Bàn, là bạch đạo cực tốc viên dung, là biến tín của chơn như nhứt thực. Tâm này phát xuất từ bốn nguyện niệm Phật vắng sanh. Đại nguyện này gọi là Tuyển Chọn Bốn Nguyện, cũng gọi là bốn nguyện tam tâm, cũng gọi là bốn nguyện chí tâm tín lạc, lại nên gọi là bốn nguyện vắng tướng tín tâm.” (Thánh điển, tr. 211)

Đại tín tâm được tán dương như cánh giới cứu cánh của Tịnh độ Chơn Tông. Ở đây, đại tín tâm cũng được gọi là “trực tâm của tuyển chọn hồi hướng”, đại nguyện niệm Phật vãng sanh được gọi là “Tuyển Chọn Bốn Nguyện”, cho thấy cốt lõi của tín tâm là nương vào sự “tuyển chọn” của Như Lai mà Nguyên Không đã hiển bày.

Căn cứ của bốn nguyện chí tâm tín lạc đương nhiên là nguyện thứ mười tám của *Đại Kinh* (Kinh Đại Vô Lượng Thọ): “Giả sử khi ta thành Phật, chúng sanh mười phương chí tâm tín lạc, muốn sanh về cõi nước Ta, cho đến mười niệm; nếu chẳng được sanh, thì Ta chẳng chứng ngôi Chánh giác.” (Thánh điển, tr. 18) Kế đến là phần dẫn chứng rộng lớn theo thứ tự *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*, *Tịnh Độ Luận Chú*, *Tán A Di Đà Phật Kệ*, *Định Thiệu Nghĩa*, *Tự Phần Nghĩa*, *Tán Thiệu Nghĩa*, *Bát Chu Tán*, *Vãng Sanh Lễ Tán* (dẫn từ *Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi*), *Vãng Sanh Yếu Tập*, *Niết Bàn Kinh*, *Hoa Nghiêm Kinh* (bản dịch đời Tấn và đời Đường), *Tịnh Độ Luận*, *Huyền Nghĩa Phần*, *A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ*, *Văn Trì Ký*, *Lạc Bang Văn Loại*, *Ma Ha Chỉ Quán* (摩訶止觀), *Đại A Di Đà Kinh*, *Bình Đăng Giác Kinh*, *Quán Kinh*, *An Lạc Tập*, *Quán Niệm Pháp Môn*, *Pháp Sư Tán*; trong đó có lời bi thán: “Thật đã biết rõ. Than ôi đáng buồn thay, Ngu Ngốc Loạn (愚禿亂) chìm đắm nơi biển rộng ái dục, mê hoặc nơi núi lớn danh lợi, chẳng mừng khi được vào số định tụ, chẳng vui khi được gần chúng quả chơn thật - đáng hổ thẹn, đáng thương xót.” (Thánh điển, tr. 251) Về “hạng người khó hóa độ” (難治の機), có một đoạn trích dẫn dài từ *Niết Bàn Kinh*.

Tiếp đến, quyển *Chứng mở đầu* như sau:

“Kính cần hiển bày chơn thật chúng, đó chính là diệu vị lợi tha viên mãn, là quả vị tối hậu của Niết Bàn vô thượng, tức phát xuất từ bốn nguyện tất chí diệt độ, cũng gọi là bốn nguyện chúng đại Niết Bàn. Thế nhưng, phàm phu thành tựu phiền não, biển quần sanh sanh tử tội trọng, nếu

đạt được tâm hành hồi hướng vắng tướng thì ngay lúc ấy liền vào hàng chánh định tụ của Đại thừa. Vì trụ nơi chánh định tụ nên tất đến diệt độ. Tất đến diệt độ, đó chính là thường lạc. Thường lạc tức là cứu cánh tịch diệt. Tịch diệt tức là Niết Bàn vô thượng.” (Thánh điển, tr. 280)

Căn cứ của bốn nguyện tất chí diệt độ là nguyện thứ mười một của *Đại Kinh*: “Giả sử khi Ta thành Phật, hàng người trời trong nước nếu chẳng trụ định tụ và chẳng đạt đến diệt độ, thì Ta chẳng chứng ngôi Chánh giác.” (Thánh điển, tr. 17) Tiếp đó dẫn chứng *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*, *Tịnh Độ Luận Chú*, *An Lạc Tập*, *Huyền Nghĩa Phần*, *Định Thiện Nghĩa*, *Tịnh Độ Luận*, rồi dựa vào *Tịnh Độ Luận Chú* mà luận chi tiết về “hoàn tướng hồi hướng” (還相回向).

Kế đến, quyển *Chơn Phật Độ* nêu lên “bốn nguyện quang minh vô lượng” và “bốn nguyện thọ mạng vô lượng”:

“Kính cần xét về chơn Phật độ: Phật chính là Bất Khả Tư Nghì Quang Như Lai, độ lại là Vô Lượng Quang Minh độ. Vì đáp lại thệ nguyện đại bi nên gọi là chơn báo Phật độ. Đã có nguyện, thì tức là nguyện quang minh và thọ mạng vậy.” (Thánh điển, tr. 300)

Căn cứ của điều ấy là sự thành tựu của nguyện thứ mười hai - “Giả sử khi Ta thành Phật, ánh sáng nếu có hạn lượng, dưới đến chẳng chiếu được trăm nghìn ức na do tha cõi nước chư Phật, thì Ta chẳng chứng ngôi Chánh giác” - và nguyện thứ mười ba - “Giả sử khi Ta thành Phật, thọ mạng nếu có hạn lượng, dưới đến trăm nghìn ức na do tha kiếp, thì Ta chẳng chứng ngôi Chánh giác” (Thánh điển, tr. 17) - được thuyết trong *Đại Kinh*. Sự thành tựu của các nguyện này được ca ngợi tuyệt đối trong văn nguyện thành tựu: “Uy thần quang minh của Vô Lượng Thọ Phật, tối tôn đệ nhất.” (Thánh điển, tr. 30)

Những dẫn chứng từ *Đại Kinh* trở xuống bao gồm *Vô Lượng Thọ*

*Như Lai Hội, Bình Đăng Giác Kinh, Đại A Di Đà Kinh, Bất Không Quyển Sách Thần Biến Chơn Ngôn Kinh, Niết Bàn Kinh* (các phẩm Tứ Tướng, Tứ Y, Thánh Hành, Phạm Hành, Đức Vương, Ca Diếp, Sư Tử Hống Bồ Tát) và *Tịnh Độ Luận, Tịnh Độ Luận Chú, Tán A Di Đà Phật Kệ, Huyền Nghĩa Phần, Tự Phần Nghĩa, Định Thiện Nghĩa, Pháp Sư Tán, Thuật Văn Tán, Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận*, v.v. Trên cơ sở đó, Thân Loan cao giọng khẳng định (揚言):

“Chơn thuyết của Như Lai, thích nghĩa của các tông sư - đã biết rõ ràng, hiển bày rằng cõi tịnh An Dưỡng là chơn báo độ.” (Thánh điển, tr. 322)

“Về nguyện hải, có chơn có giả. Do đó, về Phật độ cũng có chơn có giả. Do chánh nhân của Tuyển Chơn Bốn Nguyện mà thành tựu chơn Phật độ. Nói chơn Phật, thì *Đại Kinh* gọi là ‘Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật’, lại nói ‘là vua trong các Đức Phật, là đấng tối tôn trong ánh sáng’. *Luận* thì nói ‘Quy mạng Tận Thập Phương Vô Ngại Quang Như Lai’. Nói chơn độ, thì *Đại Kinh* gọi là ‘Vô Lượng Quang Minh độ’.” (Thánh điển, tr. 323)

“Lại nói ‘nan tư nghi vãng sanh’, chính là đây. Còn cõi Phật giả thì sẽ được biết ở phần sau. Như vậy, chơn và giả đều là sự đáp ứng của biển nguyện đại bi. Cho nên biết rằng đó là báo Phật độ. Thật vậy, nghiệp nhân của cõi Phật giả muôn ngàn khác biệt thì cõi độ cũng muôn ngàn khác biệt; những cõi ấy gọi là ‘phương tiện hóa thân, hóa độ’ (方便化身 - 化土). Do chẳng biết chơn giả mà mê mất ân đức rộng lớn của Như Lai. Vì vậy, nay hiển bày chơn Phật, chơn độ. Đây chính là chánh ý của Chơn Tông. Chánh thuyết của kinh gia, luận gia; giải nghĩa của các tông sư Tịnh độ - cần được tôn kính và trân trọng, đặc biệt là phải giữ gìn và thực hành. Nên biết vậy.” (Thánh điển, tr. 324)



## CHƯƠNG II - HÌNH THÁI CỦA *HIỂN TỊNH ĐỘ* *PHƯƠNG TIỆN HÓA THÂN ĐỘ VĂN LOẠI*

### TIẾT 1 - TỔNG QUAN QUYỂN HÓA THÂN ĐỘ

*Hiển Tịnh Độ Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại* (sau đây gọi tắt là “quyển Hóa Thân Độ”) gồm hai tập bốn và mặt. Theo bản Bản Đông (坂東本, Bandō-bon) là thủ bút thật của Thân Loan, quyển Hóa Thân Độ ban đầu được biên thành một tập (một quyển), nhưng vì số tờ nhiều, số lượng tăng lên, nên được chia thành hai tập bốn – mặt (hai quyển). Bìa tập bốn đề “Hiển Tịnh Độ Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại Lục, Bốn”; mặt sau bìa (trang lót) có phần đề mục nêu đầu quyển (標挙):

Ý nghĩa của *Vô Lượng Thọ Phật Quán Kinh*:

Bốn nguyện chí tâm phát nguyện (至心発願の願)

Căn cơ tà định tụ (邪定聚の機)

Vãng sanh dưới rừng song thọ (双樹林下往生)

Bốn nguyện chí tâm hồi hướng (至心回向の願)

Căn cơ bất định tụ (不定聚の機)

Nan tư vãng sanh (難思往生)

(Thánh điển, tr. 325)

Tiêu đề bên trong ghi “Hiển Tịnh Độ Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại Lục”, bên dưới ghi “Ngu Ngốc Thích Thân Loan tập” (愚禿釈親鸞集).

Tổng quan tập bốn quyển Hóa Thân Độ làm sáng tỏ rằng *Quán Kinh* (nguyện thứ mười chín) và *Tiểu Kinh* (nguyện thứ hai mươi) là thuyết phương tiện. So với bốn nguyện chí tâm tín lạc (nguyện thứ mười tám) của *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* đã nêu trước - “căn cơ chánh định tụ, nan tư nghì vãng sanh” - thì ở đây *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* được xem là bốn nguyện chí tâm phát nguyện (nguyện thứ mười chín), “căn cơ tà định tụ, vãng sanh dưới rừng song thọ”; còn *Kinh A Di Đà* là bốn nguyện chí tâm hồi hướng (nguyện thứ hai mươi), “căn cơ bất định tụ, nan tư vãng sanh”.

Việc bố trí quyển Hóa Thân Độ tương ứng với quyển Chơn Phật Độ trước đó đã được báo trước ở cuối quyển Chơn Phật Độ: “Còn cõi Phật giả thì sẽ được biết ở phần sau. Như vậy, chơn và giả đều là sự đáp ứng của biển nguyện đại bi. Cho nên biết rằng đó là báo Phật độ. Thật vậy, nghiệp nhân của cõi Phật giả muôn ngàn khác biệt thì cõi độ cũng muôn ngàn khác biệt.” (Thánh điển, tr. 324) Người nương vào bốn nguyện chí tâm tín lạc của *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* (*Đại Kinh*) là căn cơ chánh định tụ, thành tựu nan tư nghì vãng sanh mà đến chơn Phật độ; nhưng kẻ vướng mắc nơi bốn nguyện chí tâm phát nguyện của *Quán Kinh*, hoặc bốn nguyện chí tâm hồi hướng của *Tiểu Kinh*, thì làm căn cơ tà định tụ hoặc bất định tụ mà dừng lại nơi hóa thân độ giả lập. Có lẽ đây là lời răn dạy đối với các bậc thầy của Phật giáo Hiện – Mật, những người không nương vào Tuyển Chơn Bốn Nguyện của *Đại Kinh* mà lấy *Quán Kinh*, *Tiểu Kinh* làm sở y.

Ở đây, nếu là cõi Phật giả đối lại với “chơn Phật độ” thì lẽ ra nên gọi là “giả Phật độ”; vậy vì sao trong quyển Hóa Thân Độ nối tiếp quyển Chơn Phật Độ, từ tiêu đề trở xuống lại gọi là “hóa thân độ”? Điều này sẽ đề cập sau. Đầu tập bốn quyển Hóa Thân Độ chép như sau:

“Kính cẩn hiến bày hóa thân độ: Phật thì như thuyết của *Vô Lượng Thọ Phật Quán Kinh*, tức là Phật của Chân thân

quán. Độ thì là Tịnh độ của *Quán Kinh*. Lại như thuyết của *Bồ Tát Xứ Thai Kinh*, v.v., tức là Giải Mạn giới. Lại như thuyết của *Kinh Đại Vô Lượng Thọ*, tức là nghi thành thai cung.

Thế nhưng quần sanh của đời trước, hàm thức của cõi uế ác, dù nay đã ra khỏi chín mươi lăm loại tà đạo mà vào được pháp môn bán – mẫn, quyền – thực, thì kẻ chơn thì rất khó, kẻ thực thì rất hiếm; kẻ ngụy rất nhiều, kẻ hư cũng lắm. Vì vậy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật hiển thuyết phúc đức tạng mà dụ dẫn quần sanh; Đức A Di Đà Như Lai phát bốn thệ nguyện mà hóa độ khắp biển hữu tình. Đã có bi nguyện, thì gọi là ‘bốn nguyện tu chư công đức’, cũng gọi là ‘bốn nguyện lâm chung hiện tiền’, cũng gọi là ‘bốn nguyện hiện tiền dẫn sanh’, cũng gọi là ‘bốn nguyện lai nghinh dẫn tiếp’, lại nên gọi là ‘bốn nguyện chí tâm phát nguyện’.”

Vì vậy, nguyện trong *Đại Kinh* nói:

“Giả sử khi Ta thành Phật, chúng sanh mười phương phát tâm Bồ Đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về nước Ta; khi thọ mạng gần dứt, nếu Ta chẳng cùng đại chúng vây quanh mà hiện ra trước người ấy, thì Ta chẳng chứng ngôi Chánh giác.” (Thánh điển, tr. 326–327)

“Đáng buồn thay, phàm ngu cấu chướng, từ vô thi đến nay, trợ và chánh lẫn lộn, tâm định tán xen tạp, nên chẳng có kỳ hạn xuất ly. Tự mình vượt qua dòng lưu chuyển luân hồi, trải quá vi trần kiếp, mà vẫn khó quy về nguyện lực của Phật, khó vào biển đại tín. Thật đáng thương, đáng sầu bi. Nói chung, các thánh như đại tiểu, hết thầy thiện nhân, vì lấy gia hiệu của bốn nguyện làm thiện căn của mình, nên chẳng thể sanh khởi tín tâm, chẳng rõ Phật trí.

Vì chẳng thể liễu tri việc Phật đã kiến lập nhân ấy, nên không vào được báo độ.” (Thánh điển, tr. 356)

Tiếp đó là lời tự thuật của chính Thân Loan về “tam nguyện chuyển nhập” (三願轉入):

“Vì vậy, Ngu Ngốc Thích Loan này, kính cần nương theo giải nghĩa của Luận chủ, dựa vào sự giáo hóa khuyên dụ của Tông sư, từ lâu đã bước ra khỏi giả môn của vạn hành – chư thiện, mãi lìa xa vắng sanh dưới rừng song thọ; hồi nhập vào cửa chơn của thiện bốn – đức bốn, một mực phát tâm nan tư vắng sanh. Nhưng nay lại đặc biệt ra khỏi cửa chơn của phương tiện mà chuyển nhập vào biển bốn nguyện Tuyển Trạch, mau chóng lìa tâm nan tư vắng sanh, mong thành tựu nan tư nghì vắng sanh. Lời thề quả toại, thật có nguyên do thay! Nay đã lâu vào biển nguyện, sâu biết ơn Phật. Để báo tạ chí đức, tôi thu lấy phần giản yếu của Chơn Tông mà thường hằng xưng niệm biển đức bất khả tư nghì. Càng thêm hỷ ái điều này, đặc biệt lãnh thọ điều này.” (Thánh điển, tr. 356–357)

Việc tam nguyện chuyển nhập diễn ra khi nào và bằng cách nào trên thân hành của Thân Loan, đã được các bậc tiền học bàn luận nhiều lần. Lại nữa, câu “thu lấy phần giản yếu của Chơn Tông” là nói về toàn bộ *Giáo Hành Tín Chứng*, hay chỉ giới hạn ở phần quyển Hóa Thân Độ? Dù thế nào, quyển Hóa Thân Độ dường như liên quan đến gốc rễ của việc soạn thuật toàn bộ *Giáo Hành Tín Chứng*.

Thân Loan nhấn mạnh:

“Các giáo của Thánh đạo là vì chánh pháp thời tại thế, hoàn toàn chẳng phải cho thời cơ tượng diệt – pháp diệt; đã mất thời mà lại trái cơ. Còn Tịnh độ Chơn Tông thì dù tại thế, chánh pháp, tượng diệt hay pháp diệt, cũng đều

bình đẳng bi dẫn quần sanh trước ác vậy.” (Thánh điển, tr. 357)

Ngài xác định ba kinh chính là Tịnh độ Chơn Tông và là lời tự thuyết của Đại Thánh, rồi dẫn giáo lý Tứ Y (四依) theo *Đại Trí Độ Luận*: “Từ nay nên nương vào pháp chẳng nương vào người, nương vào nghĩa chẳng nương vào lời, nương vào trí chẳng nương vào thức, nương vào liễu nghĩa chẳng nương vào bất liễu nghĩa.” (như trên) Tịnh độ Chơn Tông là pháp chơn thật, nương vào kinh liễu nghĩa (了義經) làm sáng tỏ chơn thật nghĩa và chơn trí.

Ở cuối tập bốn quyển Hóa Thân Độ, dựa vào giáo ý chính chơn mà hiển khai chân – giả của Thánh đạo và Tịnh độ, răn dạy ngoại giáo tà ngụy – dị chấp; đồng thời dựa trên sự suy xét thời kỳ Phật diệt độ mà khai thị yếu chỉ của chánh pháp, tượng pháp, mật pháp. Hình thái ba thời chánh – tượng – mật bắt đầu từ việc ước định niên đại Phật diệt. Trước hết, theo *An Lạc Tập*, về thời cơ hưng khởi của chơn thật giáo, *Chánh Pháp Niệm Kinh* và *Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh* được dẫn làm chứng:

“Lại nói: Nếu làm sáng tỏ nguồn gốc của việc giáo hưng, cần quan sát thời và cơ, để khuyến quy về Tịnh độ; còn nếu cơ với giáo với thời mà trái nhau thì khó tu, khó nhập. *Chánh Pháp Niệm Kinh* nói: ‘Hành giả khi một lòng cầu đạo, thường phải quán sát thời và phương tiện. Nếu chẳng được thời thì không có phương tiện, ấy gọi là thất, chẳng gọi là lợi. Vì sao? Như dùi cây ẩm mà tìm lửa thì lửa chẳng thể được, bởi chẳng phải thời; như chẻ củi khô mà tìm nước thì nước chẳng thể được, bởi như người không có trí.’ *Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh* nói: ‘Sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm thứ nhứt, các đệ tử của Ta học tuệ được kiên cố. Năm trăm năm thứ hai, học định được kiên cố. Năm trăm năm thứ ba, học đa văn đọc tụng được kiên cố. Năm trăm năm thứ tư, tạo lập tháp tự, tu phước sám hối được kiên cố.

Năm trăm năm thứ năm, bạch pháp ẩn lấp, phần nhiều có tranh tụng; chỉ còn chút thiện pháp mà được kiên cố. Tính chúng sanh thời nay thì đang ở vào năm trăm năm thứ tư sau khi Phật diệt độ. Chính là người của thời nên sám hối, tu phước, xưng danh hiệu Phật. Một niệm xưng A Di Đà Phật liền có thể trừ được tội sanh tử tám mươi ức kiếp. Một niệm đã như thế, huống là tu thường niệm - ấy chính là người thường hằng sám hối.

Lại nói: Nếu phân biện về sự trụ và diệt của kinh, thì Đức Thích Ca Mâu Ni Phật một đời, chánh pháp năm trăm năm, tượng pháp một ngàn năm, mạt pháp một vạn năm; chúng sanh giảm hết, các kinh đều diệt. Như Lai thương xót chúng sanh thống khổ vì bị thiêu đốt, nên đặc biệt lưu lại kinh này, khiến kinh trụ thế thêm một trăm năm.

Lại cũng nói rằng: *Đại Tập Kinh* nói: “Trong thời mạt pháp của Ta, ức ức chúng sanh tuy có phát tâm tu hành, nhưng chẳng có lấy một người nào đắc đạo. Nay đang là mạt pháp, chính là đời ác ngũ trược, duy chỉ có Tịnh độ là con đường duy nhất có thể bước vào giải thoát.” Chúng sanh nơi cõi đời nhơ nhớp ô trược này chẳng hề hiểu thấu yếu chỉ của thời mạt thế, làm bại hoại oai nghi tăng ni. Hàng tăng tục thời nay, hãy tự suy xét phận mình!” (Thánh điển, tr. 358–360)

Tiếp đến là phần khảo chứng về niên thứ nhập diệt của Đức Thích Tôn và ba thời giáo:

“Xét về ba thời giáo: khám định thời đại Như Lai bát Niết Bàn, thì tương ứng với năm Nhâm Thân, năm thứ 51 đời vua Mục, vị chúa thứ năm nhà Chu. Từ năm Nhâm Thân ấy đến năm Nguyên Nhân thứ nhất, Giáp Thân, của chúng ta là hai ngàn một trăm tám mươi ba năm. Lại theo thuyết

của *Hiền Kiếp Kinh*, *Nhân Vương Kinh*, *Niết Bàn Kinh*, v.v., thì đã vào mặt pháp được 683 năm.” (Thánh điển, tr. 360)

Ở đây, theo bản Bản Đông là thủ bút thật của Thân Loan, ở lề trên của tờ giấy có đoạn chép “我が元仁元年甲申” (Ngã Nguyên Nhân nguyên niên Giáp Thân) được chú ghi: “元仁者後堀河院諱茂仁聖代也” - “Nguyên Nhân là thánh đại của Hậu Quật Hà Viện (後堀河院), húy Mậu Nhân.” Việc Thân Loan ghi lại niên hiệu “Nguyên Nhân nguyên niên (1224) của chúng ta” và chú thêm “Hậu Quật Hà Viện” v.v. cũng liên quan đến niên thứ soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*, và đã được các học giả trước đây khảo cứu nhiều.

Từ đây, *Mạt Pháp Đăng Minh Ký* của Tối Trùng (最澄) được nêu lên gần như toàn văn. Trong đó bàn về niên đại Phật diệt; hình thái trì giới – phá giới – vô giới trong ba thời chánh, tượng, mặt; tập tục của tăng ni; trạng thái của giáo – hành – chứng (教行証); việc khai vật do Nhơn Vương và Pháp Vương; chân đế và tục đế; ba thời của pháp; thuyết ba phẩm của người - với rất nhiều văn chứng được dẫn: *Di Lạc Thượng Sanh Kinh Sớ* (弥勒上生經疏), *Hiền Kiếp Kinh* (賢劫經), *Niết Bàn Kinh* (涅槃經), *Đại Thuật Kinh* (大術經), *Nhân Vương Kinh* (仁王經), *Đại Tập Kinh* (大集經), *Bát Nhã Hội Thích* (般若会釈, tức *Kim Cang Bát Nhã Luận Hội Thích* 金剛般若論会釈), *Chu Di* (周異), *Xuân Thu* (春秋), *Thập Luân Kinh* (十輪經), *Hiền Ngụ Kinh* (賢愚經), *Đại Bi Kinh* (大悲經), *Tứ Phần Luật* (四分律), *Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh* (像法決疑經), *Di Giáo Kinh* (遺教經), *Pháp Hành Kinh* (法行經), *Lộc Tử Mẫu Kinh* (鹿子母經), *Nhân Vương Kinh*, v.v. Giữa những trích dẫn tường tận của Thân Loan, *Mạt Pháp Đăng Minh Ký* nổi bật lên như một bối cảnh đặc biệt của việc soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*.

## TIẾT 2 - TỔNG QUAN TẬP MẬT QUYỂN HÓA THÂN ĐỘ

Trong “Hiển Tịnh Độ Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại Lục, Mật” (顯淨土方便化身土文類六末), mở đầu có đoạn: “Vậ thì, nương theo các bộ tu đa la (kinh) mà khám định chân – giả, răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngụy”, rồi dẫn văn từ phẩm Như Lai Tánh (如來性品) của *Niết Bàn Kinh*: “Nếu quy y Phật thì trọn chẳng quy y các thiên thần khác.” Tiếp đó dẫn *Ban Chu Tam Muội Kinh* (般舟三昧經): “Ưu Bà Di, nếu nghe tam muội này mà muốn học, thì hãy tự quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Chẳng được thờ đạo khác, chẳng được lễ bái trời, chẳng được tế tự quỷ thần, chẳng được xem ngày lành”; “Ưu Bà Di, muốn học tam muội thì chẳng được thờ phụng thần linh hay thiên thần.” (Thánh điển, tr. 368) Từ đây trở xuống, tập mật quyển Hóa Thân Độ, ngoài kinh – luận – thích, còn chứa đầy những trích dẫn ngoại điển rất rộng. Xin nêu toàn bộ đề mục kinh – luận – thích v.v. theo thứ tự được nêu ra:

*Đại Thừa Đại Phương Đẳng Nhật Tạng Kinh* (大乘大方等日藏經), phẩm Ma Vương Ba Tuần Tinh Tú, phẩm Niệm Phật Tam Muội, phẩm Hộ Tháp.

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh* (大方等大集月藏經), phẩm Chư Ác Quỷ Thần Đắc Kính Tín, thượng – hạ, phẩm Chư Thiên Vương Hộ Trì (trường văn, trường kệ), phẩm Chư Ma Đắc Kính Tín, phẩm Đề Đầu Lại Trá Thiên Vương Hộ Trì, phẩm Nhẫn Nhục.

*Hoa Nghiêm Kinh · Thủ Lăng Nghiêm Kinh · Quán Đảnh Kinh · Thập Luân Kinh · Phúc Đức Tam Muội Kinh · Bốn Nguyên Dục Sư Kinh · Bồ Tát Giới Kinh · Phật Bốn Hạnh Tập Kinh · Khởi Tín Luận · Biện Chánh Luận* (Pháp Lâm soạn) · *Pháp Sư Tán · Pháp Giới Thứ Độ · Lạc Bang Văn Loại · Thiên Thai Tứ Giáo Nghi · Tứ Giáo Nghi Tập Giải · Vu Lan Bồn Kinh*

*Sớ Tân Ký · Quán Kinh Phù Tân Luận · Ma Ha Chỉ Quán ·  
Vãng Sanh Yếu Tập · Luận Ngữ.*

Đó là những dẫn chứng được tập hợp để “khám định chân – giả, răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngụy”. Trước đây, các văn loại được nêu trong *Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo – Hành – Tín – Chứng – Chơn Phật Độ Văn Loại* thì gồm *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* và các bản dị dịch *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*, *Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn Quá Độ Nhơn Đạo Kinh* (仏説諸仏阿弥陀三耶三仏薩樓仏檀過度人道経), *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh* (無量清浄平等覚経), cùng *Niết Bàn Kinh*, *Bi Hoa Kinh*, *Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận*, *Tịnh Độ Luận*, *Tịnh Độ Luận Chú*, *Tán A Di Đà Phật Kệ*, *An Lạc Tập*, *Vãng Sanh Lễ Tán*, *Ban Chu Tán*, *Pháp Sự Tán* (法事讃), *Tự Phần Nghĩa* (序分義), *Huyền Nghĩa Phần* (玄義分), *Định Thiện Nghĩa* (定善義), *Tán Thiện Nghĩa* (散善義), *Thuật Văn Tán* (述文賛), *Tịnh Độ Ngũ Hội niệm Phật Lược Pháp Sự Nghi Tán* (浄土五会念仏略法事儀讃), *Lạc Bang Văn Loại* (楽邦文類) v.v. - tính chất hoàn toàn khác với các trích dẫn ở tập *mạt quyền Hóa Thân Độ*.

### TIẾT 3 - TRÍCH DẪN PHẦN NHẬT TẠNG CỦA ĐẠI TẬP KINH (大集経)

Các trích dẫn trong số các đoạn dẫn của tập *mạt quyền Hóa Thân Độ*, *Đại Thừa Đại Phương Đẳng Nhật Tạng Kinh* chính là phần *Nhật Tạng* của *Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh*, và *Đại Thừa Đại Phương Đẳng Nguyệt Tạng Kinh* là phần *Nguyệt Tạng* của cùng kinh ấy; cũng được gọi là *Nhật Tạng Kinh* và *Nguyệt Tạng Kinh*, và riêng những quyển kinh này vẫn được dùng như sách đơn hành.

Ở tập *mạt quyền Hóa Thân Độ*, các trích dẫn *Nhật Tạng Kinh* và *Nguyệt Tạng Kinh* rất dài, số lượng chiếm hơn nửa tập *mạt*. Hơn nữa, theo bản *Bản Đông*, phần lớn các trích dẫn từ hai kinh này khác biệt rõ rệt so với những chỗ khác cả về nét chữ, chất giấy lẫn

cách đóng. Nét chữ bản Bản Đông nói chung được nhận là vào khoảng Thân Loan 62 tuổi; nét chữ ở phần này tuy là thủ bút thật, nhưng khác biệt rõ rệt và có thể xem là thuộc giai đoạn cuối đời. Giấy dùng là quyển giấy dán nổi ngang (卷子装, quyển tử trang), kinh vẫn được sao lên đó, rồi cắt theo hàng cho vừa cỡ hai trang (một lá) của tập sách, sau đó gấp đôi mà đóng vào (袋綴<sup>レ</sup>, đóng kiểu túi). Khi ấy, để không đóng lấn vào chữ kinh ở mép, người ta dán thêm giấy bổ vào phần chừa mép. Kinh văn *Nhật Tạng Kinh* – *Nguyệt Tạng Kinh* được đóng theo cách ấy, mỗi dòng có khoảng 16 chữ, mỗi trang từ 5 đến 10 dòng, tổng cộng 50 trang (25 lá), gồm 404 dòng.

Nội dung các đoạn được dẫn từ *Nhật Tạng Kinh*, *Nguyệt Tạng Kinh* ở tập mật quyển Hóa Thân Độ có nhiều nghĩa. Chẳng hạn, đoạn dẫn từ phẩm Ma Vương Ba Tuần Tinh Tú của *Nhật Tạng Kinh* kể việc tiên nhơn Khiếp Lô Sắt Tra (怯盧虱吒), vì cứu độ chúng sanh gồm người, rồng, dạ-xoa, bọ cạp và các sanh linh khác trên mặt đất, đã an bố nơi phương diện quốc độ của tinh tú các thứ: mặt trời, mặt trăng, năm tháng thời tiết, Tuế tinh, Huỳnh Hoắc, Trấn tinh, Thái Bạch, Thần tinh cho đến 28 tú, mà phát nguyện đem lại tùy hỷ an ổn.

Lại trong phẩm Niệm Phật Tam Muội của *Nhật Tạng Kinh*, ma nữ Ly Âm (離暗) là con gái của ma vương Ba Tuần quy y Phật; vì nghe danh Phật mà một lòng quy y, nên hết thầy loài ma không còn có thể gây hại cho chúng sanh. Hơn nữa, 500 ma nữ, tỷ muội, quyến thuộc trong vương cung đều phát tâm Bồ Đề. Ma vương là cha thì sân giận, thêm phần ưu sầu. Khi ấy 500 ma nữ v.v. vì ma vương mà nói kệ rằng: “Nếu có chúng sanh quy y Phật, người ấy chẳng sợ nghìn ức ma; hướng nữa muốn vượt dòng sanh tử, ắt đến bờ Niết Bàn vô vi.” (Thánh điển, tr. 371) v.v. Ma vương sợ hãi, tiều tụy, một mình ngồi trong cung.

Lại trong phẩm Hộ Tháp của *Nhật Tạng Kinh*, ma vương cùng

quyến thuộc tám mươi ức chúng đi đến chỗ Phật, tiếp túc đánh lễ Thế Tôn mà xướng kệ: “chư Phật ba đời đại từ bi, con nay xin kính lễ, xin sám hối tất cả những tội lỗi xưa nay.” (Thánh điển, tr. 372) Đại ý là: chư thiên thiện thần vì mong cầu sự tĩnh mịch an ổn của vũ trụ bao trùm mặt đất mà an bố các chòm sao; còn một tộc đại ma vương thì quy y lễ bái Phật mà thề nguyện cứu độ chúng sanh. Dem đối chiếu với văn *Niết Bàn Kinh* nêu ở đầu tập mặt quyển Hóa Thân Độ - “Nếu quy y Phật thì trọn chẳng quy y các thiên thần khác” (Thánh điển, tr. 368) - và với văn *Ban Chu Tam Muội Kinh*, thì *Đại Tập Kinh* mở ra cảnh giới khoáng nhiên (廓然), dường như có mạch ngầm thông suốt tới *Hiện Thế Lợi Ích Hòa Tán*.

#### TIẾT 4 - TRÍCH DẪN PHẦN NGUYỆT TẠNG CỦA ĐẠI TẬP KINH (月藏經)

Trong phẩm Chư Thiên Vương Hộ Trì và phẩm Chư Ma Đắc Kính Tín của *Nguyệt Tạng Kinh*, những bài kệ dài được dẫn, thuyết rằng khi hạt giống Tam Bảo hưng thịnh thì “tam tinh khí” - tinh khí của đất, tinh khí của chúng sanh, tinh khí của chánh pháp - sẽ tăng trưởng:

“Nhu Ta (Phạm Thiên Vương) đây, nay ở nơi Thế Tôn, xin lãnh thọ giáo huấn nơi cảnh giới của mình mà ban truyền lời giáo sắc. Được chỗ tự tại, khiến hết thầy tranh tụng, nạn đói đều dứt; cho đến khiến hạt giống Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, khiến ba loại tinh khí trụ lâu mà tăng trưởng, ngăn chặn chúng sanh ác hành mà hộ dưỡng chúng sanh hành pháp, khiến chúng sanh dứt khỏi ba đường ác mà hướng ba đường lành, khiến Phật pháp được trụ lâu - nên ta xin hết lòng siêng năng hộ trì.” (Thánh điển, tr. 380)

Lại như:

“Chẳng dứt hạt giống Tam Bảo, tăng trưởng tam tinh khí, khiến các đường ác dứt hẳn mà hướng về các đường

lành”; “Khiến hạt giống Tam Bảo cháy rực, khiến tam tinh khí tăng trưởng” (Thánh điển, tr. 383)

Ở cuối tập mật quyển Hóa Thân Độ có lời tựa sau (後序), cũng gọi là “Lưu thông phần” (流通分):

“Nếu lạng lẽ xét cho cùng: các giáo của Thánh đạo thì hành và chứng đã phế bỏ từ lâu, còn Chơn Tông của Tịnh độ thì chứng đạo nay đang thịnh. Thế mà hàng thích tử ở các chùa mờ tối về giáo pháp, chẳng biết cửa ngõ chân – giả; giới nho lâm ở Lạc đô mê nơi hành, chẳng phân biệt được đường tà đường chánh. Vì vậy, học đồ chùa Hưng Phước dâng tấu lên Thái Thượng Thiên Hoàng - hứy Tôn Thành - và Kim Thượng - hứy Vi Nhân - vào thượng tuần trung xuân, năm Đinh Mão niên hiệu Thừa Nguyên. Chủ thượng cùng thần hạ trái pháp, sai nghĩa, sanh lòng phần nộ, kết thành oán hận.

Do đó, đại tổ hưng long Chơn Tông là Nguyên Không pháp sư cùng vài môn đồ bị chẳng xét tội trạng mà bừa bãi xử vào tử tội; hoặc bị tước tăng tịch, bị ban cho tên họ thế tục mà xử lưu đày biệt xứ. Tôi là một trong số ấy. Vậy thì đã chẳng phải tăng, cũng chẳng phải tục; vì lẽ ấy tôi lấy chữ ‘Ngốc’ (禿) làm họ. Sư Nguyên Không cùng các đệ tử bị đày ở những châu biên viễn khắp nơi, trải qua 5 năm. Đến thời của Hoàng đế - hứy Thủ Thành - năm Tân Mùi niên hiệu Kiến Lịch, ngày 17 tháng Tý, nhờ được sắc miễn; sau khi vào Kinh, Nguyên Không trú ở Đại Cốc, phía bắc Điều Bộ Dã, chân núi phía tây Đông Sơn thành Lạc Dương. Năm thứ hai cùng niên hiệu ấy, Nhâm Thân, tháng Dần, ngày 25, giờ Ngọ, ngài nhập diệt. Kỳ thoại diễm lành chẳng thể kể hết - chi tiết được ghi trong *Biệt Truyện*.

Còn Ngu Ngốc Thích (Thân Loan) thì vào năm Tân Dậu

niên hiệu Kiến Nhân, bỏ tạp hạnh mà quy về bốn nguyện. Năm Ất Sửu niên hiệu Nguyên Cửu, nhờ được ân thứ mà sao chép *Tuyển Trạch*. Ngày 14 đầu hè cùng năm ấy, ngài cho viết bằng chính bút của sư Nguyên Không: mấy chữ nội đề ‘Tuyển Trạch Bốn Nguyện Niệm Phật Tập’, cùng dòng ‘Nam mô A Di Đà Phật, vãng sanh chi nghiệp, niệm Phật vi bốn’, và mấy chữ ‘Thích Xước Không’. Cùng ngày, bản chân dung của Nguyên Không được giao để vẽ lại. Năm thứ hai, ngày 29 tháng 7 nhuận, trên bản chân dung, ngài cho viết bằng chính bút: ‘Nam mô A Di Đà Phật’ cùng chơn văn ‘Nhược ngã thành Phật, thập phương chúng sanh, xưng ngã danh hiệu, hạ chí thập thanh, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh giác; bỉ Phật kim hiện tại thành Phật, đương tri bốn thệ trọng nguyện bất hư, chúng sanh xưng niệm tất đắc vãng sanh’ (Nếu Ta thành Phật, chúng sanh mười phương xưng danh hiệu Ta, dưới đến mười tiếng, nếu chẳng được sanh thì Ta chẳng chúng ngôi Chánh giác; Phật ấy nay hiện đã thành Phật, nên biết bốn thệ trọng nguyện chẳng dối, chúng sanh xưng niệmắt được vãng sanh). Lại nương theo lời báo trong mộng mà đổi chữ ‘Xước Không’; cũng ngày ấy, ngài đã cho viết xong mấy chữ tên bằng ngự bút. Bốn sư Thánh Nhơn năm ấy 73 tuổi.

Tác phẩm *Tuyển Trạch Bốn Nguyện Niệm Phật Tập* là do mệnh dạy của Thiên Định Bác Lục Nguyệt Luân Điện Kiêm Thực, pháp danh Viên Chiếu, mà soạn tập. Phần giản yếu của Chơn Tông, nghĩa sâu của niệm Phật đều thâm tại đó; người xem dễ hiểu. Thật đây là hoa văn hy hữu tối thắng, là bảo điển vô thượng thậm thâm. Dù qua nhiều năm, người được thọ nhận lời giáo huấn ấy dầu có nghìn vạn, song dù thân hay sơ, kẻ được xem và sao lấy bản này thì rất khó có. Thế mà tôi đã sao chép tác phẩm, đã vẽ chân ảnh - ấy

là đức của chuyên niệm chánh nghiệp, ấy là dấu hiệu của quyết định vãng sanh. Nên nén nước mắt buồn vui mà chú ghi lại duyên do.

Mừng thay! tâm vững vàng nơi đất Phật của Hoàng thế, niệm trôi chảy trong biển pháp nhiệm màu khôn nghĩ bàn. Thấu hiểu sâu xa lòng thương xót của Như Lai, chân thành ngưỡng vọng ân đức sâu dày của lời thầy truyền dạy. Khánh hỷ càng thêm cùng tột, chí hiếu càng thêm sâu nặng. Vì vậy, tôi chép lấy phần cốt yếu của Chơn Tông, thu lấy phần yếu của Tịnh độ; chỉ nghĩ đến ơn Phật sâu dày mà chẳng hổ trước lời cười nhạo của người đời. Nếu ai thấy nghe sách này, xin lấy tín thuận làm nhân, lấy nghi báng làm duyên, mà hiển bày tín lạc nơi nguyện lực, hiện rõ diệu quả nơi cõi An Dưỡng.

*An Lạc Tập* nói: Thu góp chơn ngôn để trợ tu ích lợi vãng sanh. Vì sao? Vì kẻ sanh trước dẫn dắt kẻ sau, kẻ sanh sau tìm đến kẻ trước, nối tiếp không gián đoạn, mong sao chẳng dừng nghỉ - ấy là vì muốn cùng tận biển sanh tử vô biên.

Vậy thì hàng đạo tục thời mạt pháp nên ngưỡng mà tín kính. Nên biết vậy.

Như kệ trong *Hoa Nghiêm Kinh* nói: Nếu thấy Bồ Tát tu hành các hạnh mà có khởi tâm thiện hay bất thiện, thì Bồ Tát đều nhiếp thủ cả.” (Thánh điển, tr. 401–398)

Căn cứ chủ ý của tập mạt quyển Hóa Thân Độ là “khám định chân – giả, răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngộ” (Thánh điển, tr. 368), khi đọc lời tựa sau (後序) ta thấy tập mạt quyển Hóa Thân Độ chính là sự phê phán các giáo pháp tưởng giống Phật pháp nhưng thực ra không phải Phật pháp, tức phê phán Phật giáo Hiển – Mật; và là lời “răn dạy” đối với hàng thích tử ở các chùa

cùng giới học giả ở Lạc đô - những người đã đem tội trạng mà xử đại tổ hưng long Chơn Tông là Nguyên Không Thượng Nhơn cùng các môn đồ. Tiền đề của điều ấy chính là sự khai hiển niệm Phật Tuyền Chơn Bốn Nguyên mà Nguyên Không Thượng Nhơn khuyến khích, với tư cách là giáo - hành - chứng chơn thật của Tịnh độ.



## CHƯƠNG III - TẤU TRẠNG HUNG PHƯỚC TỰ VÀ PHƯƠNG TIỆN HÓA THÂN ĐỘ VẦN LOẠI

### TIẾT 1 - VẤN ĐỀ TRỌNG ĐIỂM CỦA “TẤU TRẠNG HUNG PHƯỚC TỰ”

Về ý đồ và bối cảnh soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*, từ trước đến nay các học giả đi trước trong khi đọc giải một bộ sáu quyển đã thuyết minh rõ về thời và cơ. Sự hiểu biết của các học giả này về tâm trạng và nội tâm của Tổ sư Thân Loan là rất sâu sắc, chẳng phải chỗ hậu học này có thể vươn tới được. Chỉ có điều, trong khi đọc lại giáo pháp của Thân Loan trong bối cảnh đời sống và các sự kiện thực tế của Ngài, thì thấy quyển Hóa Thân Độ dường như liên quan sâu xa đến ý đồ và bối cảnh soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*. Sự kiện thực tế trong đời Thân Loan có liên quan đến điều ấy chính là tấu trạng Hưng Phước Tự và một chuỗi các lệnh đình chỉ niệm Phật bắt đầu từ pháp nạn Thừa Nguyên. Việc ấy đã được chính Thân Loan thuật lại trong lời tựa sau (後序) của *Giáo Hành Tín Chứng* dẫn ở trên nên ai cũng đã biết rõ; nhưng đọc lại thì ý nghĩa lại đổi mới.

Lệnh đình chỉ niệm Phật năm Thừa Nguyên nguyên niên (1207) bắt đầu từ tấu trạng Hưng Phước Tự năm Nguyên Cửu thứ hai (1205). Đối với pháp chuyên tu niệm Phật mà Nguyên Không khuyến khích, các vị tăng cang, đại pháp sư của Hưng Phước Tự đã dựa trên danh nghĩa “bát tông đồng tâm” (八宗同心) mà nêu

ra chín điều lỗi, tố lên triều đình xin xử tội Nguyên Không và các đệ tử. Do đó, Nguyên Không và các môn đệ bị xử lưu tội, tử tội; Nguyên Không bị đày đến Thổ Tá, Thân Loan bị đày đến Việt Hậu [越後, Echigo - nay là tỉnh Tân Tả 新潟]. Năm Kiến Lịch nguyên niên (1211) được xá miễn, Nguyên Không trở về Kinh Đô, nhưng sang năm thứ hai (1212), ngày 25 tháng Giêng, ngài mạng chung tại thiền phòng ở Đông Sơn, thọ 80 tuổi.

Thế nhưng lệnh đình chỉ niệm Phật vẫn không dứt sau khi Nguyên Không tịch. Năm năm sau, tháng 5 năm Kiến Bảo thứ 5 (1217), đại chúng Diên Lịch Tự thượng tấu, tố xin đình chỉ pháp chuyên tu niệm Phật, với nội dung: “Xin đặc biệt rù lòng thiên sát, cấm chỉ và xử hình Thành Giác (成覚), Không A Di Đà Phật (空阿弥陀仏) là ma chướng của Phật pháp cùng dư đảng của họ, và đình chỉ cái tông mà họ lập ra.” Sau đó, tháng 8 năm Trinh Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên, 1224), đại chúng Diên Lịch Tự lại dâng tấu trạng cùng ý mà tố xin đình chỉ pháp chuyên tu niệm Phật. Lại nữa, tháng 7 năm Gia Lộc nguyên niên (An Trinh nguyên niên, 1227), cũng do đơn tố của Diên Lịch Tự mà Long Khoan (隆寛) bị xử lưu hình.

Đó là tình huống gợi lại chủ ý của tập mật quyền Hóa Thân Độ: “khám định chân – giả, răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngụy” (Thánh điển, tr. 368). Cùng với đó, sự phê phán niệm Phật của Phật giáo Hiển – Mật cũng liên quan đến chủ đề của tập bốn quyền Hóa Thân Độ, tức việc khai hiển “hóa thân độ” phương tiện. “Cõi của hóa thân” được thuyết trong tập bốn quyền Hóa Thân Độ tương ứng với “chơn Phật độ” của quyền Chơn Phật Độ: chơn Phật độ là báo độ mà nhờ bốn nguyện chí tâm tín lạc của *Đại Kinh* (căn cơ chánh định tụ) mà thành tựu nan tư nghi vãng sanh; còn hóa thân độ là cõi của hóa thân, do bốn nguyện chí tâm phát nguyện của *Quán Kinh* (căn cơ tà định tụ) mà vãng sanh dưới rừng song thọ, và do bốn nguyện chí tâm hồi hướng của *Tiểu Kinh* (căn

cơ bất định tự) mà thành tựu nan tư vãng sanh.

Trong tông học, điều này được gọi là tam nguyện – tam kinh – tam cơ – tam vãng sanh (三願・三經・三機・三往生), và liên quan đến luận đề chung quanh “tam nguyện chuyển nhập” (三願轉入) của Thánh Nhơn. Nhưng đó không phải chỉ được liên quan trên mặt tư tưởng – tín ngưỡng, mà còn có thể xem đó là sự suy tư gắn liền với những tình thế cụ thể, bao gồm cả hoàn cảnh đời sống của Thân Loan. Nghĩa là, tập bốn quyển Hóa Thân Độ làm sáng tỏ tam nguyện – tam kinh – tam cơ – tam vãng sanh, và tập mật quyển Hóa Thân Độ khám định chân – giả mà răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngụy, có thể xem là đã hình thành giữa những đợt phê phán niệm Phật lặp lại suốt các thời Thừa Nguyên, Kiến Bảo, Nguyên Nhân, Gia Lộc.

Ở đây, xin nêu một giả định: quyển Chơn Phật Độ của *Giáo Hành Tín Chứng* biểu thị chơn thật báo độ mà Nguyên Không - người đã làm sáng tỏ Tuyển Chơn Bốn Nguyện - được đón vào; còn hóa thân độ chẳng phải là cớ giả lập cho hàng học trò Hiển - Mật nghi ngờ và phi báng giáo pháp bốn nguyện dừng lại hay sao? Trong “Đại chúng giải” (大衆解) mà đại chúng Diên Lịch Tự dùng để tố xin đình chỉ pháp chuyên tu niệm Phật năm Kiến Bảo thứ 5, có lời phê phán Nguyên Không và môn đệ: “Xử Nguyên Không theo hình phạt, đầy dư đảng đến nơi hoang tịch. Tội phi báng pháp thì chẳng đợi báo ứng dưới suối vàng; tội phá tăng thì thân đã diệt ngay trên đời này.” Dù đã 11 năm kể từ khi Nguyên Không bị xử lưu đầy, và 6 năm sau khi ngài tịch, họ vẫn khoác lên ngài tội báng pháp và phá tăng, bảo rằng ngài chưa kịp đền tội sau khi chết thì đã chịu hình phạt mà tan thân ngay trong hiện thế.

Ở quyển Chơn Phật Độ, theo *Đại Kinh*, đã chép:

“Về Phật độ, có chơn có giả. Do chánh nhân của Tuyển Chơn Bốn Nguyện mà thành tựu chơn Phật độ. Nói chơn

Phật, thì *Đại Kinh* gọi là ‘Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật’, lại nói ‘là vua trong các Đức Phật, là đáng cực tôn trong ánh sáng.’” (Thánh điển, tr. 332)

Có lẽ không có cõi Phật nào gần với thân Nguyên Không hơn chơn Phật độ. Các đại chúng pháp sư Diên Lịch Tự thì vướng mắc nơi bề ngoài của các kinh, kể cả *Quán Kinh* và *Tiểu Kinh*, cố chấp vào thiện căn – công đức bề mặt, mà cứ tiếp tục phỉ báng lời khuyến khích Tuyển Chon Bốn Nguyên của Nguyên Không. Nhưng Thân Loan, với tư cách một chơn Phật tử, không hề mong muốn cái cảnh những kẻ nghi ngờ và phỉ báng bốn nguyên phải chuốc lấy ứng báo bởi tội tự mình phạm. Họ cũng là những người tu đạo trong Phật giáo Hiển – Mật. Mong họ nhứt định tình ngộ về tính giả lập của phương tiện mà nguyên chuyển nhập vào chơn Phật độ - chẳng phải đó là ý đồ được ẩn giấu trong quyển Hóa Thân Độ hay sao?

Về “tam nguyên chuyển nhập” của chính Thân Loan, như lời tựa sau (後序) ghi rõ: “Năm Tân Dậu niên hiệu Kiến Nhân, bỏ tạp hạnh mà quy về bốn nguyên” (Thánh điển, tr. 399) - lấy việc nhập thất ở Cát Thủy (吉水, Yoshimizu) năm Kiến Nhân nguyên niên làm thời kỳ Thân Loan quy nhập bốn nguyên, thì về mặt hình thức đó là một mốc phân kỳ. Nhưng việc “chuyển nhập” từ yếu môn của *Quán Kinh*, qua chơn môn của *Tiểu Kinh*, đến hoằng nguyện môn của *Đại Kinh* là điều được khai mở khi đọc thấu ba kinh mà hội đắc thâm nghĩa, khi nội quán và thể nghiệm của Thân Loan tương ứng với nhau. Vì vậy có thể nghĩ rằng sau khi nhập thất ngài vẫn tiếp tục xác chứng và đào sâu thêm.

## TIẾT 2 - “TẤU TRẠNG HUNG PHƯỚC TỰ” VÀ GIÁO HÀNH TÍN CHỨNG

Vậy thì, khi xét sự thành lập *Giáo Hành Tín Chứng* mà lấy quyển Hóa Thân Độ làm trục chính, thì như đã ghi trong lời tựa sau (後

序), lệnh đình chỉ niệm Phật thời Thừa Nguyên hiện ra một mối liên quan sâu xa. Đầu mối của việc ấy là “Tấu trạng Hưng Phước Tự” được thượng tấu năm Nguyên Cửu thứ 2 (1205). Trước hết, hãy xem qua toàn bộ nội dung của nó.

“Tấu trạng Hưng Phước Tự” lấy danh nghĩa “bát tông đồng tâm”: sáu tông Nam Đô gồm Tam Luận, Pháp Tướng, Hoa Nghiêm, Luật v.v., hợp thêm Thiên Thai và Chơn Ngôn, tạo thành hình thức đơn tố của tám tông đồng tâm; người khởi thảo được xem là Trinh Khánh (貞慶, Jōkei) ở Hưng Phước Tự. Tờ trạng đề: “Các tăng cang, đại pháp sư của Hưng Phước Tự, kính cẩn tâu. Tờ trạng thỉnh cầu được đội ơn phán quyết của Thiên hoàng mà vĩnh viễn sửa chính lại tông nghĩa chuyên tu niệm Phật do sa môn Nguyên Không khuyến khích” - và nêu ra chín điều mục. Đại lược như sau:

- **Thứ nhất**, lỗi lập tông mới (Pháp Tướng, Thiên Thai v.v., tám tông đều được khai mở nhờ Hoàng thượng ban phép, còn Nguyên Không thì tự ý lập ra tông niệm Phật.)
- **Thứ hai**, lỗi vẽ tượng mới (Vẽ bức tranh khó hiểu gọi là “Niếp Thủ Bất Xả Mạn Đà La”, trong đó chỉ người niệm Phật được tắm ánh sáng Phật, còn hành giả Pháp Tướng, Thiên Thai, Chơn Ngôn v.v. thì ánh sáng chẳng chiếu tới mà bị quay lại.)
- **Thứ ba**, lỗi xem nhẹ Đức Thích Tôn (Chỉ sùng bái Phật A Di Đà mà xem nhẹ Đức Thích Ca là tổ của Phật giáo.)
- **Thứ tư**, lỗi ngăn trở muôn thiện (Chê cười việc đọc tụng Đại thừa, tạo tháp tạo Phật v.v. là thiện căn công đức vô ích.)
- **Thứ năm**, lỗi chống lại thần linh (Không tôn kính các thần như Xuân Nhật Xã (Kasuga-sha), Nhật Kiết Xã (Hiyoshi-sha) mà Hưng Phước Tự và Diên Lịch Tự kính thờ.)
- **Thứ sáu**, lỗi mờ tối về Tịnh độ (Gạt bỏ các thiện, các hành

ngoài niệm Phật mà chẳng biết giáo pháp Tịnh độ.)

- **Thứ bảy**, lỗi hiểu sai niệm Phật (Chỉ có khẩu xưng niệm Phật mà bài trừ quán niệm và tâm niệm.)
- **Thứ tám**, lỗi làm tổn hại thích chúng (Khuyến khích ăn thịt, uống rượu, phạm sắc, làm ô uế phẩm hạnh của Phật tử.)
- **Thứ chín**, lỗi làm loạn quốc độ (Nguyên lý của Vương pháp và Phật pháp bị tổn hại, nguyên lý hộ quốc cũng bị mất.)

Xem qua nội dung từng điều mục của tấu trạng thì thấy: ngoài điều thứ nhất “lỗi lập tông mới”, điều thứ tư “lỗi ngăn trở muôn thiện”, điều thứ sáu “lỗi mờ tối về Tịnh độ”, điều thứ bảy “lỗi hiểu sai niệm Phật”, các điều còn lại chủ yếu chỉ xoay quanh việc chỉ trích lời nói, việc làm và phong tục của những người niệm Phật; luận điểm không ăn khớp với tín điều chuyên tu niệm Phật theo “Tuyển Chọn Bốn Nguyên” mà Nguyên Không truyền dạy, và vấn đề cốt lõi bị bỏ qua. Có thể nói *Giáo Hành Tín Chứng* của Thân Loan, bao hàm cả những điều ấy, đã đem toàn bộ các điều mục của “Tấu trạng Hưng Phước Tự” trở về bản chất của niệm Phật Bốn Nguyên để lập luận và chứng minh.

Điều thứ nhất được nêu là “lỗi lập tông mới”. Tiếp đó, trong “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” (延曆寺大衆解) mà Diên Lịch Tự thượng tấu hai lần - năm Kiến Bảo thứ 5 và năm Nguyên Nhân nguyên niên (Trinh Ứng thứ ba, 1224) - cũng chỉ trích việc Nguyên Không xưng đạo niệm Phật, cho rằng Nguyên Không chỉ trích các tông mà gọi là “nan hành”, lập một tông gọi là “chuyên tu”, tụ họp đồ chúng thành đám, và rằng chẳng nên lấy niệm Phật Di Đà mà lập riêng một tông.

Theo “Pháp Nhiên Thượng Nhơn Thuyết Pháp” trong *Tây Phương Chỉ Nam Sao* (西方指南抄), Nguyên Không từ trước đã trình bày kiến giải về tên gọi Tịnh độ tông. Việc lập tên “Tịnh độ

tông” không phải Nguyên Không là người đầu tiên: tiên lệ là trong *Du Tâm An Lạc Đạo* (遊心安樂道) của Nguyên Hiểu (元曉), tổ của Hoa Nghiêm tông, có câu “Ý của Tịnh độ tông vốn là vì phàm phu, mà kiêm cả vì thánh nhơn”; trong *Tây Phương Yếu Quyết* (西方要決) của Từ Ân đại sư tên Cơ (慈恩大師基, tức Khuy Cơ), tổ của Pháp Tướng tông, và trong *Tịnh Độ Luận* của Ca Tài (迦才), có câu “nuơng vào một tông này”; trong *Quán Kinh Sớ* của Thiện Đạo có câu “Chơn Tông khó gặp”. Những người trên là những người chuyên tin “Tịnh độ nhứt tông”; và cũng như các tông Thiên Thai, Pháp Tướng v.v. đều có hệ thống truyền thừa giáo pháp từ thầy sang trò, thì Tịnh độ tông cũng có sự truyền thừa từ sư đến đệ tử, có huyết mạch thứ đệ: Bồ Đề Lưu Chi tam tạng, Huệ Sùng pháp sư, Đạo Trường pháp sư, Đàm Loan pháp sư, Pháp Thượng pháp sư, Đạo Xước thiền sư, Thiện Đạo thiền sư, Hoài Cảm thiền sư, Tiểu Khang pháp sư. Các tông Chơn Ngôn, Thiên Thai v.v. thì rộng và sâu, trong thời nay cơ và giáo chẳng tương ứng; còn Tịnh độ tông thì hẹp và cạn, nên chỉ riêng Tịnh độ nhứt tông là cơ và giáo tương ứng, do đó có thể ra khỏi sanh tử. (*Tây Phương Chỉ Nam Sao*; Chơn Thánh Toàn, tập 4, tr. 56–57)

Lại trong *Vô Lượng Thọ Kinh Thích* (無量壽經釋) của Nguyên Không có nêu “lập giáo khai tông” (立教開宗): theo *An Lạc Tập* của Đạo Xước mà lập hai giáo Thánh đạo và Tịnh độ, và Tịnh độ giáo được thâu vào *Vô Lượng Thọ Kinh*. Đầu *Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập* cũng nêu văn ở quyển thượng *An Lạc Tập*: “Hỏi rằng: Hết thầy chúng sanh đều có Phật tính; từ viễn kiếp đến nay, lẽ ra đã gặp nhiều Phật. Vì sao đến nay vẫn tự luân hồi trong sanh tử mà chẳng ra khỏi nhà lửa? Đáp rằng: Theo thánh giáo Đại thừa, thật là vì chẳng được hai loại thắng pháp để diệt trừ sanh tử; do đó chẳng ra khỏi nhà lửa. Hai loại ấy là gì? Một gọi là Thánh đạo, hai gọi là vãng sanh Tịnh độ.” (*Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập*; Chơn Thánh Toàn, tập 1, tr. 929) Có thể thấy Nguyên Không

đã dụng tâm sâu xa khi lập tên “Tịnh độ” cho tông.

### TIẾT 3 - CHƠN TÔNG TƯƠNG ỨNG CẢ BA THỜI

Đến *Giáo Hành Tín Chứng* thì trước hết, ngay trong tên sách “Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại” đã ẩn chứa lý do sâu xa. Mở ra thì thấy ghi rõ: “*Kinh Đại Vô Lượng Thọ* - chơn thật giáo - Tịnh độ Chơn Tông”. Rồi đầu quyển *Giáo tuyên bố*: “Kính cần xét về Tịnh độ Chơn Tông thì có hai loại hồi hướng”; “Nếu hiển bày chơn thật giáo thì tức là *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* này”; “Vì vậy, thuyết bốn nguyện của Như Lai, lấy đó làm tông chỉ của kinh; tức lấy danh hiệu của Phật làm thể của kinh.” (Thánh điển, tr. 152) Nói cách khác, “Tịnh độ Chơn Tông” chẳng phải do con người dựng lên, mà là do bốn nguyện của Như Lai mà được khai mở.

Rồi đến lời tựa sau (後序): “Các giáo của Thánh đạo thì hành và chúng đã phế bỏ từ lâu, còn Chơn Tông của Tịnh độ thì chúng đạo nay đang thịnh.” Ngài viết “các giáo của Thánh đạo thì hành và chúng đã phế bỏ từ lâu”, chứ không nói “các tông của Thánh đạo thì hành và chúng đã phế bỏ từ lâu”. Tiếp đó: “Do việc này (tấu trạng Hưng Phước Tự), đại tổ hưng long Chơn Tông là Nguyên Không pháp sư cùng vài môn đồ bị chẳng xét tội trạng mà bừa bãi xử vào tử tội.” Rồi nêu tên sách *Tuyển Trạch Bốn Nguyện Niệm Phật Tập* mà nói: “Phần giản yếu của Chơn Tông, nghĩa sâu của niệm Phật đều thấu tại đó.” (Thánh điển, tr. 398-) Theo *An Lạc Tập* và *Tuyển Trạch Bốn Nguyện Niệm Phật Tập* thì “Tịnh độ tông” là giáo pháp tương ứng với đời trước thời mạt pháp; nhưng “Chơn Tông của Tịnh độ” thì chúng đạo thịnh hành xuyên suốt chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp.

Từ sức của trí tuệ quang,  
bốn sư Nguyên Không hiện ra,  
khai mở Tịnh độ Chơn Tông,

tuyên bày Tuyền Chọn Bốn Nguyên.  
 Dẫn Thiện Đạo, Nguyên Tín có tiến khuyến,  
 nếu Bốn sư Nguyên Không chẳng truyền rộng,  
 thì chúng sanh ở thế giới ô trọc làm sao ngộ được Chơn  
 Tông?

Trích *Cao Tăng Hòa Tán* (Thánh điển, tr. 498)

Trong ba thời chánh, tượng, mật,  
 bốn nguyên của Di Đà đã truyền rộng;  
 Ở cõi đời tượng quý mật pháp này,  
 các thiện pháp đã vào Long cung.

Trích *Chánh Tượng Mật Hòa Tán* (Thánh điển, tr. 501)

Ở điều thứ tư “lỗi ngăn trở muôn thiện” của “Tấu trạng Hưng Phước Tự” thì nói: đồ chúng chuyên tu niệm Phật chấp vào danh hiệu của riêng một Phật A Di Đà, bít lấp và khinh tiện hết thầy yếu lộ xuất ly; họ chê cười việc quy y *Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Bát Nhã*, việc kết duyên với Chơn Ngôn và Chỉ Quán, việc kiến lập điện tháp, việc tạo vẽ tôn tượng - mà phỉ báng Đại thừa.

Chính Thân Loan xưa từng ở Thường Hành Tam Muội Đường (常行三昧堂) của Diên Lịch Tự mà chuyên cần kết duyên với Chỉ Quán; nhưng khi gặp niệm Phật của Tuyền Chọn Bốn Nguyên, ngài đã quyết định rằng việc quy y *Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Bát Nhã* là quyền hóa phương tiện của Thánh đạo tự lực. Ngài chẳng phải khinh tiện mà chê cười giáo tướng của *Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Bát Nhã*. Giáo pháp thì rộng và sâu, nhưng liệu nó có thích hợp với thân người của đời ô trọc thời mật pháp chẳng? Nếu thích hợp thì xin hãy hiển bày rộng khắp quần sanh.

“Gia hiệu của viên dung chí đức là chánh trí chuyển ác thành đức; tín lạc kim cương khó tin là chơn lý trừ nghi mà khiến được chứng. Vậy thì đó là chơn giáo mà phàm tiểu dễ tu, là đường tắt mà ngu độn dễ đi. Giáo pháp một đời

của Đại Thánh, không gì bằng biến đức này.” (*Giáo Hành Tín Chứng*, lời tựa chung; Thánh điển, tr. 149)

Tình cảm hàm chứa trong đoạn văn ấy thật sâu xa.

#### TIẾT 4 - DI CHẤP CỦA NGOẠI GIÁO TÀ NGUY

Ở điều thứ năm “lỗi chống lại thần linh” của “Tấu trạng Hưng Phước Tự” thì nói: người niệm Phật chẳng phụng sự cũng chẳng sợ thần minh. Quyền hóa hay thực loại thì hãy tạm gác; nhưng nếu chẳng e dè tông miếu đại xã mà cứ [bỏ việc] tế tự thì sẽ đọa vào ma giới. Các cao tăng thời xưa đều quy kính các thần quyền hóa thù tích.

Trong “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” năm Trinh Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên, 1224) cũng nêu điều “việc không chính đáng của bè đảng nhứt hướng chuyên tu trở mặt với thần minh”. Trước hết nói: “Bốn triều ta là thần quốc; lấy đạo tôn kính thần làm trách nhiệm của nước.” Rồi cho rằng trăm thần đều là hóa thân của chư Phật: Y Thế, Chánh Bát Phiền, Hạ Mậu, Tùng Vĩ, Nhật Kiết, Xuân Nhật v.v. đều là thị hiện của Thích Ca, Dược Sư, Di Đà, Quán Âm v.v. Thế mà bọn chuyên tu lại gửi hết mọi việc vào niệm Phật mà chẳng kính thần; ắt sẽ bị thần khiển trách. Theo *Đại Tập Kinh*, v.v. thì Phật phó chúc thánh giáo một đời cho các thần linh mười phương; các thần vâng theo lời của Phật mà trấn hộ pháp bảo. Vì lẽ ấy, nếu ai thọ trì kinh giáo thì các thần tất vệ hộ; còn nếu phỉ báng thì ắt có báo ứng. Bọn hung đồ chuyên tu thì ăn thịt mà ra vào thánh vực của thần linh, mang khí uế mà đi đến xã đàn - như thế chính là thập ác ngũ nghịch, mà họ vẫn bảo là được Di Đà dẫn tiếp.

Như đã biết rõ, ở đầu tập mật quyển Hóa Thân Độ có nêu văn sau:

*Niết Bàn Kinh* nói: “Nếu quy y Phật thì trọn chớ quy y các

thiên thần khác.” Lược xuất. *Ban Chu Tam Muội Kinh* nói: “Ưu Bà Di, nếu nghe tam muội này mà muốn học thì... hãy tự quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Chẳng được thờ đạo khác, chẳng được lễ bái trời, chẳng được tế tự quỷ thần, chẳng được xem ngày lành.” Lại nói: “Ưu Bà Di, muốn học tam muội thì... chẳng được lễ trời và tế tự thần.” (Thánh điển, tr. 368)

Văn trên được nêu ra tiếp theo câu ở đầu tập mật quyển Hóa Thân Độ: “Vây thì, nương theo các bộ tu đa la (kinh) mà khám định chân – giả, răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngụy” (như trên). Các thần linh, thần minh, minh thần, thần kỳ được thờ tại các chùa Hiền – Mật như Hưng Phước Tự, Diên Lịch Tự v.v. là những thứ “ngụy”; và việc sợ kính chúng đã được kết luận là “dị chấp của ngoại giáo tà ngụy”. Đó là sự kết luận dựa trên *Niết Bàn Kinh* và *Ban Chu Tam Muội Kinh*, là lời răn dạy của Phật Thế Tôn, ngang với sắc lệnh của Phật. Nền tảng của nó là câu “nếu quy y Phật”. Khi đã trở thành chơn Phật tử, đã được nhận gia hiệu của viên dung chí đức, thì việc lễ bái trời, tế tự quỷ thần, xem ngày lành - tất cả đều thành vô dụng. Nét bút ở phần này trong bản Bản Đông phảng phát khí khái; cùng với nét bút ở đầu quyển Tín, đọc lên thấy nghiêm cẩn và mạnh mẽ.

## TIẾT 5 - SỰ CỐ CHẤP VÀO ĐỊNH THIỆN VÀ TÁN THIỆN

Ở điều thứ sáu “lỗi mờ tối về Tịnh độ” thì nêu rằng *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* thuyết ba nghiệp hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, rồi khuyến mười thiện, rồi kể cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi, phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa; từ thượng phẩm thượng sanh đến trung phẩm hạ sanh đều thuyết các giới hành, đọc tụng Đại thừa, hiếu dưỡng phụ mẫu, hành thế nhân từ. Đàm Loan, Đạo Xước, Thiệu Đạo đều chấp nhận việc tu các công đức, khởi lập chùa tháp, cúng dường

thức ăn cho sa môn, thường tu niệm Phật tam muội; còn Tăng Dụ (僧喻) và Hành Diễn (行衍) thì giảng các kinh Tiểu thừa như *A Hàm*, *Nhiếp Luận*. Thế mà sao lại cố ý chỉ khuyến việc xưng danh hiệu Phật cho riêng ba bậc hạ phẩm? Kẻ tạo ác khó cứu lại được cứu một cách tùy tiện, kẻ khẩu xưng với chút ít thiện khó vãng sanh lại cùng được sanh - ấy là gốc ngọn đảo lộn. Ngay trong việc bố quan ở triều đình cũng có thứ tự hiền - ngu, quý - tiện; kẻ chí ngu dù có công lao vượt trời cũng chẳng được bỏ vào chức không xứng phận; hạng hạ tiện dù tích lao cũng khó tiến lên ngôi khanh tướng. Vì sao lại ban cấp bậc chín phẩm? Kẻ ngu độn thì chìm sâu, người có trí thì nổi lên sớm.

Điều thứ bảy, “lỗi hiểu sai niệm Phật”. Việc xưng danh hiệu Phật thì có khẩu xưng (口称), tâm niệm, hệ niệm, quán niệm; trong quán niệm lại có tán và định; từ hữu lậu đến vô lậu, có nông sâu, hơn kém. Họ bảo “trong bốn mươi tám đại nguyện của Di Đà thì niệm Phật vãng sanh là nguyện thứ mười tám”; nhưng che giấu bao nhiêu đại nguyện kia mà chỉ lấy một pháp niệm Phật gọi là bốn nguyện thì được sao? Điều mà *Quán Kinh* khuyến là tâm niệm và quán niệm. Hơn kém đã định rõ, sao lại gạt cái hơn mà lấy cái kém? Thiện Đạo chỉ khuyến danh hiệu Phật là phương tiện dụ dẫn hạ cơ; bản thân ngài thì hành mười sáu quán, kiêm cả quán niệm và khẩu xưng. Ngài soạn *Quán Kinh Sớ*, và trong tên sách như *Quán Niệm Pháp Môn* đều biểu chữ “quán”; nhờ quán môn mà phát đắc tam muội, đứng trên con đường này để vượt sanh tử. Phải lấy việc đầy đủ tam tâm, tứ tu làm niệm Phật chơn thật. Lời của Thiện Đạo có mặt phải mặt trái. Pháp Tướng Đại thừa tông thì vốn xuất từ can tâm của Đức Thích Tôn và Từ Tôn (Bồ Tát Di Lặc), chép tường tận thành văn của bốn kinh bốn luận. Ở Ấn Độ có luận sư nghìn bộ, mười đại Bồ Tát, lập và phá cái chấp hữu - không; ở Trung Quốc lại có Tam Tạng Hòa thượng, số chủ trăm bộ, sự tương thừa chẳng hề sai lầm. Dẫu là thuyết của Đạo

Xước, Thiện Đạo, vẫn chưa đủ để y bằng.

Những luận nghị này là tín ngưỡng vãng sanh Tịnh độ đặt trọng tâm vào mười sáu tướng quán và Cửu phẩm vãng sanh của *Quán Kinh* từ thời cổ đại Trung Quốc, Nhật Bản, đã lan từ các chùa Nam Đô – Bắc Lãnh ra đến giới công gia và trí thức. Sự phê phán chuyên tu niệm Phật từ lập trường tín ngưỡng như thế, bắt đầu bằng “Tấu trạng Hưng Phước Tự”, sau đó không hề dứt; và đến “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” trong khoảng từ năm Kiến Bảo thứ 5 (1217) đến năm Nguyên Nhân nguyên niên (Trinh Ứng thứ ba, 1224) thì lời luận bác càng được lập ra tường tận hơn.

*Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại* được viết ra; khi giáo – hành – chứng chơn thật của Tịnh độ được hiển bày thì chơn Phật độ tự nhiên hiển hiện, và kèm theo đó hóa thân độ cũng được hiển bày. Tuy nhiên, tình thế buộc quyển *Phương Tiện Hóa Thân Độ* phải được giải thích rõ ràng thì đã ập đến quanh thân Thân Loan như một cơn bão.

Vậy thì, *Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại* được viết ra cùng với *Giáo Hành Tín Chứng* vào khoảng thời gian nào? Chắc chắn rằng lệnh đình chỉ niệm Phật năm Thừa Nguyên nguyên niên, nối theo tấu trạng Hưng Phước Tự năm Nguyên Cửu thứ 2, là khúc cơ quan trọng của việc soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*; còn về thời cơ việc soạn thuật được tiến hành thì có thể phỏng định là khoảng từ năm Nguyên Nhân nguyên niên (1224) đến năm Gia Lộc thứ 3 (1227), thời Thân Loan cư trú ở Quan Đông. Điều đó liên quan đến dòng ghi thêm “Nguyên Nhân nguyên niên của chúng ta” trong tập bốn quyển *Hóa Thân Độ* của *Giáo Hành Tín Chứng*, và liên quan đến việc cấm niệm Phật trong khoảng từ cùng năm ấy (Trinh Ứng thứ 3) đến năm Gia Lộc thứ 3. Về việc soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng* và niên hiệu “Nguyên Nhân nguyên niên của chúng ta”, các học giả tiền bối từ trước đã luận đến; nhưng điều cần khảo chứng là “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” đề ngày

17 tháng 5 năm Nguyên Nhân nguyên niên (tức Trinh Ứng thứ 3, năm 1224; ngày 20 tháng 12 mới đổi niên hiệu thành “Nguyên Nhân”) và việc cấm niệm Phật theo tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇) đề ngày 29 tháng 6 cùng năm.

## CHƯƠNG IV - "ĐẠI CHÚNG GIẢI" CỦA DIỄN LỊCH TỰ NĂM NGUYÊN NHÂN NGUYÊN NIÊN VÀ QUYỂN HÓA THÂN ĐỘ

### TIẾT 1 - "NGUYÊN NHÂN NGUYÊN NIÊN CỦA CHÚNG TA"

Trước tiên, hãy dựa vào bản Bản Đông (坂東本, Bandō-bon) mà xác nhận lại một lần nữa phần ghi thêm “Nguyên Nhân nguyên niên của chúng ta” trong tập bốn quyển Hóa Thân Độ. Phần ấy ở tập bốn quyển Hóa Thân Độ bản Bản Đông tương ứng với trang 88 chính văn (tờ 44, mặt trái), chỉ có năm dòng từ dòng thứ nhứt đến dòng thứ năm; cách xếp chữ của nguyên văn như sau:

涅槃時代当周第五主穆王五十一年壬申  
從其壬申至我元仁元年甲申二千一百八十  
三歲也、又依賢劫經仁王經涅槃等說已  
以入末法六百八十三歲也、披閱末法  
灯明記 (...) 日夫範衛一如以流化者

Đọc theo âm Hán-Việt: Niết Bàn thời đại, đương Châu đệ ngũ chủ Mục Vương ngũ thập nhứt niên Nhâm Thân. Tùng kỳ Nhâm Thân chí ngã Nguyên Nhân nguyên niên Giáp Thân, nhị thiên nhứt bá bát thập tam tuế dã. Hựu y “Hiền Kiếp Kinh”, “Nhân Vương Kinh”, “Niết Bàn” đẳng thuyết, dĩ dĩ nhập mạt pháp lục bá bát thập tam tuế dã. Phi duyệt “Mạt Pháp Đẳng Minh Ký” - chế

tác: Tối Trùng - viết: phù phạm vệ nhứt như, dĩ lưu hóa giả...

(Dịch: “[Xét thời đại Như Lai bát] Niết Bàn, thì tương ứng với năm Nhâm Thân, năm thứ 51 đời Mục Vương, vị chúa thứ năm nhà Chu. Từ năm Nhâm Thân ấy đến năm Nguyên Nhân nguyên niên Giáp Thân của chúng ta là 2.183 năm. Lại theo thuyết của *Hiền Kiếp Kinh*, *Nhân Vương Kinh*, *Niết Bàn*, v.v... thì đã vào mặt pháp được 683 năm.”) (Thánh điển, tr. 360)

Hàng dòng trong tập bốn quyển Hóa Thân Độ bản Bản Đông vốn chỉnh tề với tám dòng một trang, mỗi dòng khoảng 14 đến 18 chữ; nhưng tờ giấy ở phần này là dùng loại bề giấy hẹp, nên chỉ còn năm dòng một trang. Ở lề trên của mặt giấy ấy có viết ngang: “元仁者後堀川院諱茂仁聖代也” - “Nguyên Nhân là thánh đại của Hậu Quật Xuyên Viện, húy Mậu Nhân.” Đó là phần ghi thêm về sau; nhưng nó cùng một thể thức với chính văn ở lời tựa sau (後序), nơi ghi niên thứ của lệnh đình chỉ niệm Phật thời Thừa Nguyên là “太上天皇諱尊成、今上諱為仁聖曆・承元丁の卯の歳” (Thái Thượng Thiên Hoàng húy Tôn Thành, Kim Thượng húy Vi Nhân, thánh lịch, năm Đinh Mão Thừa Nguyên), và ghi niên thứ được sắc miễn là “皇帝諱守成聖代、建曆辛の未の歳” (Hoàng đế húy Thủ Thành, thánh đại, năm Tân Mùi Kiến Lịch). Vậy thì việc ghi ở lề trên “Nguyên Nhân là thánh đại của Hậu Quật Xuyên Viện, húy Mậu Nhân” cũng hàm chứa ý nghĩa sâu xa giống như cách ghi về năm Thừa Nguyên.

Việc Thân Loan ở đây ghi lại niên hiệu “Nguyên Nhân” nguyên niên (1224) và cố ý chú thích như thế đã được các bậc tiền học chú ý và trở thành tiêu điểm bàn luận. Các điểm chính có thể tóm tắt như sau:

1. Nguyên Nhân nguyên niên tương ứng với lễ giỗ thứ 13 của thầy Nguyên Không. (Sumita Chiken 住田智見, Trụ Điền Trí Kiến; Hosokawa Yukinobu 細川行信, Tế Xuyên

## Hành Tín)

2. Năm này con gái út là Giác Tín Ni (覚信尼) ra đời; ngài sám hối cái thân ái dục mà tự giác về thời mật pháp. (Nakazawa Kenmyō 中沢見明, Trung Trạch Kiến Minh)
3. Năm này, lấy dịp tuyên chỉ đình chỉ niệm Phật được ban xuống do việc thượng tấu của Diên Lịch Tự, ngài thúc đẩy hàng tăng đồ Nam – Bắc và quan nhân triều đình tự giác mà tỉnh ngộ về giáo pháp tương ứng thời cơ. (Miyazaki Enjun 宮崎円遵, Cung Kỳ Viên Tuân)
4. Sau biến cố năm Thừa Cữu thứ 3 (1221), do chức Chấp quyền của Mạc phủ được cố định mà thế lực công gia thoái lui; năm này niệm Phật bị cấm nên ngài thất vọng. (Kawasaki Tsuneyuki 川崎庸之, Xuyên Kỳ Dung Chi)
5. Từ sai số 10 năm trong số năm mật pháp tính khởi từ Nguyên Nhân nguyên niên ghi ở chính văn quyển Hóa Thân Độ, về sau liên kết với sự đàn áp niệm Phật ở Đông Quốc năm Văn Lịch nguyên niên, mà cho rằng nguồn gốc của nó bắt đầu từ Nguyên Nhân nguyên niên. (Kasahara Kazuo 笠原一男, Lạp Nguyên Nhất Nam; Ogawa Kan'i 小川貫弍, Tiểu Xuyên Quán Nhất)
6. Phần này của bản Bản Đông được viết lại trong khoảng từ Nguyên Nhân nguyên niên đến Văn Lịch nguyên niên; lấy can chi Nhâm Thân của năm Phật diệt làm chuẩn mà ghi vào năm Thân gần như là Nguyên Nhân nguyên niên Giáp Thân, nhưng riêng việc tính số năm thì thực hiện từ Văn Lịch nguyên niên. (Matsuno Junkō 松野純孝, Tùng Dã Thuần Hiếu)
7. Vì phần này của bản Bản Đông được viết lại trong khoảng đến năm Thân kế tiếp sau Nguyên Nhân nguyên niên, tức năm Gia Trinh thứ 2 Bính Thân (嘉禎二年丙申), nên năm

Nguyên Nhân nguyên niên Giáp Thân - vốn có liên quan với Nhâm Thân (壬申) là can chi năm Phật diệt - đã được chọn. (Akamatsu Toshihide 赤松俊秀, Xích Tùng Tuấn Tú)

8. Kết quả kiểm tra bản Bản Đông một cách khoa học cho thấy: chữ “我元年” vốn có của “Nguyên Nhân nguyên niên” chỉ là sao chép sai đơn thuần; ba chữ “後堀川” ở đầu chú bản Bản Đông là nét bút khác, nguyên vốn chỉ có “院諱茂仁”. Thời kỳ Hậu Quật Xuyên làm Viện là từ ngày mồng 4 tháng 10 năm Trinh Vĩnh nguyên niên (1232) đến ngày mồng 6 tháng 8 năm Thiên Phước thứ 2 (1234); phần “Nguyên Nhân nguyên niên” được viết cùng lúc với, hoặc trước, phần đầu chú vốn đã viết trước hạn dưới là năm Thiên Phước thứ 2 - nên cũng thành lập trước niên thời nói trên; vậy thuyết cũ lấy đó làm niên thời trước tác *Giáo Hành Tín Chứng* là chính xác. (Furuta Takehiko 古田武彦, Cổ Điền Vũ Ngạn)

9. Ngay sau đoạn văn tam nguyện chuyển nhập là câu “信に知りぬ、聖道の諸教は全く像末法滅の時機にあらず” (Thật đã biết rõ: các giáo của Thánh đạo hoàn toàn chẳng phải cho thời cơ tượng mạt – pháp diệt); rồi sau khi nêu đoạn trích về nhị thời thông tắc (二時通塞) thì câu “我元仁元年甲申” mới được đặt vào. Từ mạch văn ấy mà xem, Nguyên Nhân nguyên niên là năm hoàn tất tam nguyện chuyển nhập, và chữ “今” (nay) trong đoạn văn chuyển nhập chỉ chính năm ấy. Đó là kiến giải của chính tác giả thuyết này. (Ienaga Saburō 家永三郎, Gia Vĩnh Tam Lang)

(Trên đây theo *Phương Tiện Hóa Thân Độ Văn Loại Tự Thuyết* của Kashiwabara Yūsen 柏原祐泉 tiên sanh.)

Từ trước tôi cũng đã nghĩ lệnh đình chỉ niệm Phật là bối cảnh chủ yếu của việc soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*; và ghi chú

“Nguyên Nhân nguyên niên của chúng ta” trong quyển Hóa Thân Độ dường như gắn bó sâu xa với đơn tố đình chỉ niệm Phật mà Diên Lịch Tự thượng tấu năm Nguyên Nhân nguyên niên, cùng tuyên chỉ đình chỉ niệm Phật của Thiên hoàng Hậu Quật Hà được ban xuống do đó. Các thuyết trên đều liên quan với nhau và bao trùm toàn bộ việc soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*; riêng tôi thì cho rằng, như thuyết thứ 3 của ông Miyazaki, việc lấy lệnh đình chỉ niệm Phật năm Nguyên Nhân nguyên niên làm trục chính để xét sự thành lập *Giáo Hành Tín Chứng* là có tính chính hợp.

Ông Miyazaki cho rằng, từ một chuỗi văn thư liên quan đến lệnh đình chỉ niệm Phật năm Nguyên Nhân nguyên niên được truyền trong *Nhứt Hương Chuyên Tu Đình Chỉ Ký* (一向専修停止記), điều thúc đẩy Thân Loan soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng* chính là đơn tố đình chỉ niệm Phật mà Diên Lịch Tự thượng tấu vào tháng 5 năm ấy, cùng tuyên chỉ đình chỉ niệm Phật do Hậu Quật Hà Viện ban xuống. Và ông luận rằng: đối với “Phật giáo luật lệnh” (律令仏教) của Nam Đô – Bắc Lãnh vốn phỉ báng pháp chuyên tu niệm Phật của Nguyên Không, thì *Giáo Hành Tín Chứng* chính là cái mà Thân Loan dùng để phản luận từ lập trường “Phật giáo phản luật lệnh” (反律令仏教); và đây cũng là lập trường xuyên suốt của *Giáo Hành Tín Chứng*. (“Lập trường của Thân Loan và việc soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*”, in trong Miyazaki Enjun, *Nghiên cứu Chơn Tông sơ kỳ* (初期眞宗の研究), Chiêu Hòa 42, tức 1967, Vĩnh Điền Văn Xương Đường 永田文昌堂)

Ở đây, “Phật giáo luật lệnh” mà ông Miyazaki nói là thứ Phật giáo từ chế độ luật lệnh thời cổ đại Nhật Bản trở đi vẫn tồn thuộc nhà nước và tự nhận trách nhiệm trấn quốc; khái niệm “Phật giáo quốc gia” (国家仏教) hoặc “Phật giáo Hiển – Mật” (顕密仏教) tương ứng với nó. Còn “Phật giáo phản luật lệnh” đối lại được xem là lập trường phê phán Phật giáo quốc gia, đứng về phía dân chúng mà xuyên suốt việc phúc lợi tế dân.

Và lại, chuỗi văn thư mang tên *Nhứt Hương Chuyên Tu Đình Chi Ký* là bản sao đời sau lưu tại Duệ Sơn Văn Khố (叡山文庫); nó được biết rộng rãi nhờ được lưu trữ vào *Liên Thương Di Văn* (鎌倉遺文, Liên Thương Di Văn), phần Cổ văn thư, quyển thứ năm (Thừa Cừu 3 – Gia Lộc 2; phát hành tháng chín, Chiêu Hòa 48, tức 1973) do ông Takeuchi Rizō (竹内理三, Trúc Nội Lý Tam) biên. Năm ngoái, trong *Thân Loan trong lịch sử - truy vấn giáo pháp chân thật* (歴史のなかの親鸞——真実のおしえを問う——, Trúc Ma Thư Phòng 筑摩書房 phát hành tháng 5 năm 2010, “Loạt sách Thân Loan”, quyển hai), tôi có đề cập đến sự phê phán niệm Phật và sự thành lập *Giáo Hành Tín Chứng*, và dựa vào *Nhứt Hương Chuyên Tu Đình Chi Ký* mà trình bày sở kiến như sau về các lệnh đình chỉ niệm Phật từ thời Kiến Bảo và Nguyên Nhân nguyên niên đến thời Gia Lộc.

Đọc nội dung “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” (dưới đây gọi tắt là “Đại chúng giải”) tố xin đình chỉ niệm Phật vào tháng 5 năm Nguyên Nhân nguyên niên (Trinh Ứng thứ ba, 1224), thì thấy nội dung của văn bản phù hợp chặt chẽ với vấn đề được nêu của quyển Hóa Thân Độ trong *Giáo Hành Tín Chứng*. Lại nữa, “Đại chúng giải” này giống nội dung với “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” mà Diên Lịch Tự đã tố bảy năm trước, năm Kiến Bảo thứ 5 (1217) (dưới đây gọi tắt là “Đại chúng giải” năm Kiến Bảo thứ 5), và nối liền với “Diên Lịch Tự Chính Sở Hạ Văn” (延暦寺政所下文) tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3 (1227, An Trinh nguyên niên), khi Diên Lịch Tự ra lệnh trực xuất Long Khoan (隆寛), Thành Giác (成覚, tức Hạnh Tây 幸西) và Không A (空阿, tức Không A Di Đà Phật 空阿弥陀仏).

Trong đó, tôi cho rằng việc Thân Loan đặc ghi “Nguyên Nhân nguyên niên” là vì do việc đại chúng Diên Lịch Tự tấu thượng xin cấm nhứt hương chuyên tu vào tháng 5 năm ấy, mà đến tháng 7 cùng năm, lệnh trực xuất Long Khoan và Thành Giác cùng dư đảng đã được ban xuống. Nếu đó là nguyên nhân thành lập

*Giáo Hành Tín Chứng*, thì vào khoảng ấy Thân Loan đang cư trú ở Quan Đông và đã biết tất tường về chuỗi lệnh đình chỉ niệm Phật này. Cơ hội ấy là khi nào? Có lẽ là vào mùa thu năm Gia Lộc thứ 3 (1227), 3 năm sau, khi Long Khoan bị lưu tội đi Áo Châu và giữa đường dừng lại ở Phan Sơn (飯山) thuộc Tương Mô (相模) - đó là lúc Thân Loan đến thăm Long Khoan. Nghe tin người bạn chí thiết đáng kính bị đày đến Tương Mô, Thân Loan không thể không đến thăm.

Sau đó, tôi có gửi một tiểu luận nhan đề “Lệnh đình chỉ niệm Phật và sự thành lập *Giáo Hành Tín Chứng*” vào sách hợp soạn *Thân Loan mà chưa ai viết* (誰も書かなかった親鸞, Pháp Tàng Quán 法藏館 phát hành tháng 11 năm 2010). Dưới đây, bài này đại lược trình bày theo chủ ý của tiểu luận ấy.

## TIẾT 2 - “ĐẠI CHÚNG GIẢI” CỦA DIÊN LỊCH TỰ NĂM NGUYÊN NHÂN NGUYÊN NIÊN

Việc xử lý đình chỉ chuyên tu niệm Phật năm Nguyên Nhân nguyên niên (Trinh Ứng thứ ba, 1224) được chú ý vì diễn ra trong thời gian Thiên hoàng Hậu Quật Hà tại vị; phát đoan của nó là “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” đề ngày 17 tháng 5 cùng năm. Nội dung văn thư ấy từ trước đến nay chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng, nên xin căn cứ vào chính văn thư mà xác nhận nội dung của chuỗi xử lý đình chỉ niệm Phật được chép trong *Nhứt Hướng Chuyên Tu Đình Chỉ Ký*. Trong đó gồm 5 văn thư sau:

- Đại chúng giải Diên Lịch Tự, đề ngày mười bảy tháng năm năm Trinh Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên)
- Tuyên chỉ (宣旨) của Thiên hoàng Hậu Quật Hà, đề ngày 29 tháng 6 cùng năm
- Ngự giáo thư (御教書) của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ, đề cùng ngày cùng năm

- Luân chỉ (綸旨) của Thiên hoàng Hậu Quật Hà, đề ngày mùng 5 tháng 7 cùng năm
- Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ, đề cùng ngày cùng năm

“Đại chúng giải Diên Lịch Tự” đề ngày 17 tháng 5 năm Trinh Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên) mở đầu bằng “Ba nghìn đại chúng pháp sư Diên Lịch Tự, kính cẩn tâu”, nhan đề “Tờ trạng thỉnh cầu được đội ơn phán quyết của Thiên hoàng mà đình chỉ lạm hành của nhứt hướng chuyên tu”; văn thư do các vị Thượng tọa, Tự chủ, Đô-đuy-na của Diên Lịch Tự cùng nhau tố lên triều đình. Cuối văn thư có ghi: “Ngày này đã thượng tấu.” “Đại chúng giải” này trình bày tường tận theo sáu khoản mục:

- Việc chẳng nên lấy niệm Phật Di Đà mà lập riêng một tông.
- Việc trái đạo của bọn đảng nhứt hướng chuyên tu chống lại thần minh.
- Việc các tiền lệ Nhật – Hán về nhứt hướng chuyên tu là điều không vui.
- Việc bỏ qua các hành trì của các tông phái khác, chỉ chuyên tâm niệm Phật A Di Đà, trong khi thời điểm truyền bá rộng rãi chưa tới.
- Việc bọn nhứt hướng chuyên tu trái kinh, nghịch thầy.
- Việc nên đình chỉ các hành vi lạm dụng, ác hại của nhứt hướng chuyên tu mà hưng long các tông hộ quốc.

Trong đó, mục 1 và mục 2 tương ứng với điều thứ nhứt “lỗi lập tông mới” và điều thứ năm “lỗi chống lại thần linh” của “Tấu trạng Hưng Phước Tự”, nhưng nội dung thì “Đại chúng giải” tường tận hơn. Nói năm Trinh Ứng thứ 3 tức là 13 năm sau khi Nguyên Không tịch; thế mà mục 1 vẫn viết “Cận niên, có Nguyên Không pháp sư”, rồi trút hết lời phi báng lên Nguyên Không: rằng Nguyên

Không ở Đông Sơn mà liên miên phun ra những lời cuồng hoặc một cách bừa bãi, lấy cái tính ngu độn mà toan đuổi theo dấu vết của bậc hiền triết; chẳng nương vào thành thuyết của kinh luận mà thổi lên tà phong nơi đô thành và thôn dã, phui sạch mây tuế khỏi thiên hạ; chia thành nhứt niệm và đa niệm mà chuốc lấy tội nghiệp báng pháp phá pháp, khiến chúng nhân như hóa điên vì lời của ông. Tịnh độ là chỗ kỳ vọng của muôn thiện, niệm Phật là điểm chung của các tông, nên chẳng cần cố ý lập riêng một tông tà. Đồ chúng chuyên tu niệm Phật thì gọi các tông trần quốc là “nan hành”, còn tự đặt tên của mình là “chánh hạnh”. Vậy nên cần sớm đưa ra xử lý nghiêm khắc. Ngữ điệu còn quá khích hơn “Tấu trạng Hưng Phước Tự”; và từ đây trở xuống, mỗi khoản đều cầu xin triều đình xử nghiêm khắc.

### TIẾT 3 - CHỐNG LẠI THẦN MINH VÀ THUYẾT VÒNG QUỐC

Nội dung mục 2 về việc chống lại thần minh tương ứng với khoản thứ năm “lỗi chống lại thần linh” của “Tấu trạng Hưng Phước Tự”: nêu rằng “bốn triều ta là thần quốc”, kể tên các xã Y Thế, Bát Phiên, Hạ Mậu, Tùng Vĩ, Nhật Kiết, Xuân Nhật, và cho rằng các thần minh ấy là thị hiện của Thích Ca, Dược Sư, Di Đà, Quán Âm, là quyền hóa xét soát nghiệp nhân thiện ác mà thi hành thưởng phạt, nên phải kính. Thế mà chuyên tu niệm Phật lại chẳng kính thần, làm mất lễ của nước. Trong *Đại Tập Kinh*, v.v. thì Phật (Thích Ca) phó chúc thánh giáo một đời cho các thần linh mười phương, và các thần vâng theo lời Phật mà trần hộ pháp bảo; còn nếu phi báng thì ắt có báo ứng. Bọn hung đồ ấy ăn thịt mà ra vào thánh vực của thần linh, mang khí uế mà đi đến xã đàn. Hơn nữa họ còn bảo rằng thập ác ngũ nghịch cũng được Di Đà dẫn tiếp, và thần minh thần đạo cũng chẳng ngăn nổi việc vãng sanh Cực Lạc. Đó là kẻ phạm pháp của thần quốc, chẳng thể tránh hình phạt của vương gia.

Mục thứ 3, “việc các tiền lệ Nhật – Hán về nhứt hướng chuyên tu là điều không vui”, cho rằng niệm Phật Di Đà là không cát tường, và mỗi khi niệm Phật lưu hành ở Trung Quốc hay Nhật Bản thì xảy ra chuyện không may mắn. Lần theo cố sự ở Trung Quốc và Nhật Bản: theo *Nhập Đường Cầu Pháp Tuần Lễ Ký* của Viên Nhân (円仁), năm Hội Xương nguyên niên (841) đời Đường Võ Tông, vua sắc cho tăng Kính Sương (鏡霜) khiến các chùa hành niệm Phật Di Đà; thế là chuốc lấy sự xâm nhập của nước Hồi Hột và cuộc phản loạn của Tiết độ sứ Hà Bắc đạo, khiến binh loạn và tai hại nổi nhau trong nước. Lớn nhất là việc phá Phật của Võ Tông, khiến chùa tháp bị diệt. Ấy là vì họ tin Tịnh độ giáo mà chẳng ngưỡng giáo pháp hộ quốc. Ở bốn triều ta cũng vậy, từ khi nhứt hướng chuyên tu được thịnh hành thì nước suy vong mà gian nan nhiều.

Di Đà là Như Lai có duyên với cõi Sa-bà, xưng danh là bốn nguyện rất trọng của Phật ấy; có sao nghiệp chuyên tu xưng danh lại chuốc lấy tai ương quốc độ suy loạn? Họ bảo rằng dù phỉ báng các kinh, chư Phật cũng chẳng chướng ngại Tịnh độ, chỉ cần xưng một tiếng mười tiếng là ắt thành tựu vãng sanh; nên chẳng kính tượng Thích Ca, Dược Sư, mà đốt bỏ các kinh điển như *Pháp Hoa*, *Bát Nhã*. Song *Bát Nhã Kinh* há chẳng nói các kinh là Phật mẫu, các Phật là pháp tử; *Pháp Hoa Kinh* há lại chẳng thuyết rằng trì kinh thì hoan hỷ hay sao? Thế mà người chuyên tu niệm Phật lại cho việc tu hành Chơn Ngôn – Chỉ Quán, học nghiệp Pháp Tướng – Tam Luận chỉ là đường vì danh lợi, chẳng phải chỗ cốt yếu của xuất ly.

Như thế là xem nhẹ các cao tăng trấn quốc, xem nhẹ công đức tu hành, chẳng kính phúc điền - làm sao được an quốc? Trong nhơn đạo, không gì lớn hơn hiếu. Ở bốn triều ta, từ Thiên hoàng Khâm Minh (欽明) trở đi Phật pháp truyền từ ngoại quốc sang, và Thánh Đức Thái tử đã rộng truyền kinh điển. Từ đó chùa tháp được dựng ở các quốc quận, bốn tôn định là Dược Sư, Thích Ca,

và các pháp hội *Pháp Hoa*, *Bát Nhã* được lập. Nhưng sau khi nhứt hướng chuyên tu hưng thịnh thì chẳng phải Di Đà là chẳng bái, chẳng phải niệm Phật là chẳng nghe pháp âm. Ấy là cùng cực của tội bất hiếu: tiên linh mang lòng oán hận, trời cao nổi cơn sân giận.

Có câu rằng lấy sự bi ai hay hoan lạc của âm thanh mà biết được sự thịnh suy của nước. Tựa *Thi Kinh* (詩經) nói: “Âm của đời thịnh trị thì an mà lấy đó làm vui, bởi chính sự của nó hòa. Âm của đời loạn thì oán mà lấy đó mà phẫn, bởi chính sự của nó trái lìa. Âm của nước mất thì bi mà lấy đó mà tư lự, bởi dân của nó khốn khổ.” Gần đây âm của niệm Phật trái với âm thanh của dân và thế gian, đã thành tiếng vang bi thương - đó là âm của nước mất.

#### TIẾT 4 - THỜI KỲ TƯỢNG PHÁP VÀ VIỆC HƯNG LONG PHẬT PHÁP

Mục thứ 4: thời kỳ diệt pháp, cái thời mà người chuyên tu niệm Phật bảo là phải bỏ sự tu hành các giáo mà chuyên niệm Di Đà Phật, vẫn chưa đến. *Kinh Đại Vô Lượng Thọ* (dưới đây gọi tắt là *Đại Kinh*) nói: “Trong đời tương lai, khi kinh đạo diệt tận, Ta lấy lòng từ bi ai mãi mà đặc biệt lưu lại kinh này, khiến trụ lại một trăm năm.” (Thánh điển, tr. 87) Ngoài ra, *Tây Phương Yếu Quyết* của Từ Ân đại sư tên Cơ (慈恩大師基, tức Khuy Cơ 窺基) giải cùng đoạn văn ấy của *Đại Kinh* rằng: sự thuyết giáo của Như Lai có thời điểm thịnh suy; đủ vạn năm diệt pháp thì hết thầy các kinh theo đó mà diệt mất. Các giáo khác đều diệt vào sau vạn năm diệt pháp. Thuyết của Từ Ân dựa theo *Thiện Kiến Luật*; văn cùng bộ luật ấy nói: trong một vạn năm sau khi Như Lai diệt, năm nghìn năm trước gọi là học pháp; sau một vạn năm thì kinh sách diệt mất, chỉ còn hàng tăng cạo đầu đắp cà sa mà thôi. Thuyết của Từ Ân là chỉ vào thời ấy. Thế mà người chuyên tu niệm Phật lại nói: sau khi Đức Thích Tôn diệt, tinh yếu đã cách xa vời vợi, có quy mạng cũng

chẳng có kết quả gì; thời đã vào mặt pháp, các kinh khác đã diệt, ngoài niệm Phật Di Đà chẳng còn pháp nào đáng tin nữa. Thật là ngu si tột cùng.

Hơn nữa, về thời kỳ Thích Ca xuất thế còn có dị thuyết. *Tịnh Danh Sớ*, v.v. của Thiên Thai Trí Khải (智顗) lấy đời Trang Vương, vị thứ 8 nhà Chu (696–682 trước Tây lịch), làm thời Thích Ca xuất thế; từ đó đến nay chưa đủ 2000 năm. Nay đang giữa thời tượng pháp, chẳng thể nói là mặt pháp. Dầu có vào mặt pháp thì vẫn còn là thời “chứng pháp”; nếu tu hành thì được thắng lợi. *Pháp Hoa* nói “trong tượng pháp”, *Bát Nhã* có câu “trong tám nghìn năm”. Đang là thời thuyết giáo của Thích Ca vẫn phát triển, mà bọn nhút hướng chuyên tu lại bảo “chúng kinh diệt tận”. Thánh dung của Thích Ca thì quả đã khuất, nhưng nếu chẳng gặp di giáo của ngài thì làm sao biết được bi nguyện của Di Đà? Chẳng biết ơn trọng mà khinh mạn Thích Ca - chẳng phải là gỗ đá không biết ơn nghĩa sao? Khổng Tử nói: chẳng kính cha mẹ mà kính người khác là trái lễ. Xem nhẹ giáo chủ mà kính Phật khác thì cũng như cáo chẳng hướng về gò mộ, lá cây chẳng che gốc. Vậy nên nhanh chóng răn tội phỉ báng pháp mà gia tăng thêm sự cấm ngăn.

Mục thứ 5: bọn nhút hướng chuyên tu cho rằng ngoài xưng danh thì hết thảy - trì giới luật, kính Phật khác, tập trung quán niệm, đọc kinh luận - đều là tạp hạnh. Họ không quan tâm đến ô uế, không sợ loạn tâm, chỉ cần niệm Di Đà là được vắng sanh; thậm chí nói thập ác ngũ nghịch cũng chẳng chương ngại Cực Lạc, còn ai sợ ác nghiệp thì là kẻ nghi bốn nguyện của Phật. Thật hết chỗ nói. Trong Cửu phẩm vắng sanh của *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* (dưới đây gọi tắt là *Quán Kinh*), thượng phẩm tam bối và trung phẩm tam sanh lấy đọc tụng Đại thừa, kiên trì tịnh giới làm nghiệp nhân; còn đến việc nghe chủ đề của mười hai bộ kinh thì lấy làm nghiệp nhân của hạ phẩm thượng sanh. Người chuyên tu niệm Phật lại chấp vào nghiệp của hạ phẩm hạ sanh mà phỉ báng nhân

của thượng và trung phẩm sao? Đạo Xước, Thiện Đạo há chẳng vì sợ các điều ác mà lưu tâm tu thiện sao?

Mục thứ 6: Phật pháp và vương pháp là quan hệ tương trợ, như hai cánh của con chim, hai bánh của chiếc xe. Chỗ *Đại Tập Kinh* thuyết: lấy tinh khí của Phật pháp mà làm ích cho tinh khí của quỷ thần; quỷ thần có tinh khí thì ngũ cốc nhiều tinh khí; ngũ cốc có tinh khí thì nhân sanh được an lạc. Kính Phật pháp thì chẳng trái vương pháp, bốn bánh xoay chuyển mà giữ được quốc độ. Nếu Phật pháp suy vi thì quỷ thần đối pháp vị mà hút tinh cỏ cây, ăn khí lúa mạch; người ăn thứ ấy vào thì thành ra bất chính, chẳng kính Tam Bảo, mê muội trong ba độc tham – sân – si.

Nay bọn phỉ báng Phật pháp có ở khắp nước. Ngoài sáu chữ xưng danh thì không có người siêng hành các thiện hạnh, quốc độ suy vi đến cùng cực. Văn Đế nhà Tống là người tôn sùng Phật pháp, đã bàn với thần hạ về thi sách giáo hóa dân mà đem lại thái bình, khuyến ngũ giới của Phật pháp mà khiến dân giữ luật lệnh của vương pháp. Từ khi Nguyên Không lập ra tà tông thì giới luật ẩn đi mà lễ nghi phế bỏ. Nên sớm thi hành đức hóa của bậc vương hiền mà cứu nguy ách cho dân trong tối. Xưa, theo văn thư quan lại năm Thừa Hòa thứ 2 (836), để hoằng dương Thiên Thai tông khắp thiên hạ, đã giao giảng độc sư Thiên Thai Tông giảng dạy khắp nước để phổ biến Phật pháp. Nhưng theo thời gian, phong tục cũ và nghi lễ đã thất truyền. Hiện tại, dưới triều đại của Kim thượng bộ hạ (Thiên hoàng Hậu Quật Hà) húi Mậu Nhân (茂仁), đức hạnh đã trở về thuần túy; nếu phục hồi nghi lễ cũ mà hoằng thông Giới – Định – Tuệ khắp nước, kính ngưỡng Phật – Pháp – Tăng khắp một trời, xử lưu đầy biệt xứ những kẻ chủ mưu của chuyên tu niệm Phật và mãi mãi chẳng cho họ trở về bốn hương, thì sự hóa thái bình có thể thực hiện ngay trong năm.

Như đã thưa ở trước, thế mà bọn ngu si lại bảo: “Thời đã suy vi mà người dần đến điêu bạc; Phật pháp, nhân pháp khó cứu, khó

hưng.” Nhưng dầu là mặt pháp, loạn thế, nếu minh vương kính Phật thần, hiền tướng thích lễ nhạc, thì có thể kỳ vọng sự phồn xương của quốc gia. Giáo pháp của Như Lai là pháp bảo thường trụ, hễ dốc lòng tín tâm thì có cảm ứng. Kính mong ơn trên phán xét: nếu đình chỉ nhứt hướng chuyên tu mà hưng long giáo hành của tám tông, thì Phật pháp cùng vương pháp đều thành xương vinh muôn năm, và thiên thần địa thần sẽ đem lại sự an bình cho một triều. Chúng đồ v.v. chẳng chịu nổi nỗi buồn pháp diệt, nên “kính cần tâu trình”.

Do việc thượng tấu “Đại chúng giải” này mà được ban xuống là (2) “Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà” đề ngày 29 tháng 6 năm Trinh Ứng thứ 3 (dưới đây gọi là “Nguyên Nhân nguyên niên”). Đó là văn thư do Tả Vệ Môn Quyền Tá (Tín Thạnh 信盛) vâng tuyên chỉ mà đệ trình lên Chính sở (政所) của Thiên Thai Tọa chủ Đại tăng chánh (Viên Cơ):

“Về việc chuyên tu niệm Phật: Triều đình đã nhiều lần ban chỉ dụ cấm đoán và bãi bỏ, thế nhưng pháp môn ấy vẫn lén lút phát triển - điều này triều đình quyết chẳng thể dung. Tình trạng này hoàn toàn là do các quan chức hữu trách đã trễ nải, chẳng tròn phận sự. Nay yêu cầu phải mau chóng căn cứ theo các lệnh cấm trước đây mà nghiêm ngặt ngăn chặn. Đồng thời, đối với việc tăng chúng kéo nhau dấy loạn, cần phải tăng cường ngăn dẹp, ngăn ngừa cho tuyệt. Nay phụng theo ý chỉ của Thiên hoàng mà truyền đạt rõ ràng như trên.”

## TIẾT 5 - HÌNH PHẠT VÀ SỰ PHÊ PHÁN PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Đơn tố của đại chúng Diên Lịch Tự kèm theo việc chúng đồ nổi lên; tuyên chỉ đình chỉ niệm Phật lại được ban thêm lần nữa; và triều đình yêu cầu Diên Lịch Tự ngăn chặn việc chúng đồ nổi lên.

Tiếp nhận tuyên chỉ ấy, Thiên Thai Tọa chủ Đại tăng chánh (Viên Cơ) đã phát xuống cho Chấp đương (執當) Diên Lịch Tự đệ tử của mình - đó là (3) “Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ”. Văn thư này đề cùng ngày với “Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà” ngày 29 tháng 6 cùng năm, nội dung: “Về việc chuyên tu niệm Phật, ý chỉ của sắc đáp và chiếu chỉ là như thế này. Hãy trong vài ngày công bố trên núi. Vậy nên khí sắc của Hòa thượng ngự phòng là như thế. Do đó hãy thực hiện theo lệnh ở trên.”

Song có vẻ Diên Lịch Tự lại tố lên triều đình lần nữa để thúc giục việc đình chỉ niệm Phật; và văn thư được ban xuống cho Chính sở Thiên Thai Tọa chủ, đề ngày mùng 5 tháng 7 cùng năm, là (4) “Luân chỉ (綸旨) của Thiên hoàng Hậu Quật Hà”:

“Tuân theo thánh chỉ triều đình ban rằng: Việc những hành giả chuyên tu niệm Phật đang là căn nguyên khiến các tông phái Phật giáo khác bị suy thoái. Vì vậy, các triều vua trước đây đã liên tục ban nghiêm lệnh, đặc biệt cấm đoán việc này. Thế nhưng những năm gần đây, pháp môn ấy lại rộ lên phát triển, khiến tăng chúng ở Sơn môn phải dâng sớ kêu cầu. Trước đó, triều đình đã hạ lệnh yêu cầu chiếu theo các lệnh cấm cũ mà đình chỉ hoạt động này. Nay, vừa để ngăn chặn sự suy đồi của Phật pháp, vừa để giải tỏa nỗi uất ức trong đơn khiếu nại của tăng chúng, triều đình chuẩn bị công bố lệnh chính thức trong vài ngày tới: Xử phạt lưu đày biệt xứ những người cầm đầu gồm: Long Khoan, Thành Giác, Không A Di Đà Phật v.v.; truy tìm nơi ẩn náu của các môn đồ còn lại và vĩnh viễn trục xuất khỏi kinh đô. Nhận được chỉ dụ này, hãy mau chóng vỗ yên những nỗi kêu cầu, ngăn chặn nguy cơ bùng phát bạo động, phải thi hành ngay lập tức không được chậm trễ. Nay ban sắc chỉ truyền đạt xuống như vậy.”

Tiếp nhận điều này, Thiên Thai Tọa chủ cùng ngày đã ra lệnh

cho Chắp đương Diên Lịch Tự công bố luận chỉ ấy ở ba tháp - đó là (5) “Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ”.

Trên đây đã xem qua (1) “Đại chúng giải” đề ngày 17 tháng 5 năm Nguyên Nhân nguyên niên (1224), (2) “Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà” đề ngày 29 tháng 6 cùng năm, và (4) “Luân chỉ” cùng năm đề ngày mồng 5 tháng 7 - được truyền trong *Nhứt Hướng Chuyên Tu Đình Chỉ Ký*. Nội dung “Đại chúng giải” trải rộng nhiều mặt, nhưng trích ra các yếu điểm thì như sau:

1. Phạm pháp của thần quốc, chẳng kính thần minh.
2. Cho các tông là nan hành mà niệm Phật là chánh hành; cùng với sự mê muội giữa nhứt niệm và đa niệm.
3. Niệm Phật gây ra điềm xấu và quốc gia suy vi; niệm Phật là “âm thanh” của nước mất.
4. Bỏ qua các Phật và giáo lý khác, cho Chơn Ngôn – Chỉ Quán, Pháp Tướng – Tam Luận là vì danh lợi.
5. Từ khi Phật giáo truyền đến, Thánh Đức Thái tử dựng chùa tháp, định bốn tôn, mở pháp hội; thế mà người niệm Phật ngoài Phật A Di Đà và niệm Phật thì chẳng tôn kính gì. Ấy là cùng cực của bất hiếu: tiên linh oán hận, trời cao sân giận.
6. Người niệm Phật nương *Đại Kinh* mà cho rằng từ Phật diệt độ đến nay năm tháng đã qua, nay là mạt pháp; nhưng theo các kinh luận khác thì niên đại Phật diệt muộn hơn, nay còn là cuối tượng pháp hay đầu mạt pháp, nên bảo chỉ còn lại giáo pháp của Di Đà là sai, là kiến giải ngu si. Lại nữa, về niên thứ Thích Ca xuất sanh cũng có dị thuyết.
7. Người chuyên tu niệm Phật gạt bỏ việc trì giới, kính Phật khác, tập trung quán niệm, đọc kinh luận, coi tất cả đó là tạp hạnh; bảo rằng chẳng liên quan gì đến bất tịnh hay

loạn tâm, chỉ cần niệm Di Đà là được vắng sanh; còn nói thập ác ngũ nghịch cũng chẳng chướng ngại Cực Lạc, ai sợ ác nghiệp là kẻ nghi bốn nguyện của Phật.

8. *Quán Kinh* thuyết Cừu phẩm vắng sanh; thượng phẩm và trung phẩm mỗi bên ba sanh đều khuyến đọc tụng Đại thừa, kiên trì giữ gìn tịnh giới. Còn hạ phẩm hạ sanh thì lấy mười tiếng xưng danh làm nghiệp nhân. Người chuyên tu niệm Phật lại chấp vào nghiệp của hạ phẩm mà phi báng nhân của thượng phẩm sao? Đạo Xước, Thiện Đạo - những bậc thầy của niệm Phật - há chẳng vì sợ các điều ác mà lưu tâm tu thiện sao?
9. Phật pháp và vương pháp là quan hệ tương trợ, như hai cánh của con chim, hai bánh của chiếc xe. Đại Tập Kinh thuyết rằng: lấy tinh khí của Phật pháp mà làm ích cho tinh khí của quý thần; quý thần có tinh khí thì ngũ cốc nhiều tinh khí; ngũ cốc có tinh khí thì nhân sanh được an lạc. Kính Phật pháp thì chẳng trái vương pháp, bốn bánh xoay chuyển mà giữ được quốc độ. Nếu Phật pháp suy vi thì quý thần đối pháp vị hút tinh cò cây, ăn khí lúa mạch; người ăn thứ ấy vào thì thành ra bất chính, chẳng kính Tam Bảo, mê muội trong ba độc tham – sân – si. (Vì thực hành tà kiến chuyên tu niệm Phật khiến Phật pháp suy vi; Phật pháp suy vi thì quý thần đối pháp vị mà hút tinh cò cây, ăn khí lúa mạch. Người ăn thứ ấy vào thì thành bất chính, chẳng kính Tam Bảo.)
10. Nếu hưng long giáo hành của tám tông, thì Phật pháp và vương pháp đều thành thịnh vượng lâu dài, thiên thần địa thần sẽ đem lại sự an bình cho triều đại.

Xuất phát từ lời tố cáo này, triều đình đã ban sắc lệnh: xử phạt lưu đày biệt xứ những người như Long Khoan, Thành Giác, Không

A Di Đà Phật v.v.; đồng thời truy lùng nơi ở của các môn đồ còn lại để trục xuất khỏi kinh đô. Việc chỉ trích, công kích nhắm vào sư Nguyên Không cùng các đệ tử chuyên tu niệm Phật diễn ra rất gay gắt, kèm theo lời cầu xin xử hình thật nặng. Trong số đó, Long Khoan, Thành Giác và Không A Di Đà Phật bị xem là những ‘người cầm đầu’, nên triều đình dự định sẽ sớm công bố lệnh lưu đày họ đến vùng xa xôi. Tuy nhiên, Long Khoan lúc bấy giờ đã được tạm miễn. Phải đến tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3 (năm 1227) - tức 3 năm sau đó - ngài mới thực sự bị lưu đày.

## CHƯƠNG V - PHÁP NẠN THỜI GIA LỘC VÀ LONG KHOAN

### TIẾT 1 - THỜI GIAN ĐÌNH CHỈ NIỆM PHẬT

Năm Thừa Cừu thứ ba (1221), do loạn Thừa Cừu, ba Thượng hoàng Hậu Điều Vũ, Thổ Ngự Môn, Thuận Đức bị lưu đày; Thiên hoàng Hậu Quật Hà lên ngôi, niên hiệu đổi thành Trinh Ứng. Thiên hoàng Hậu Quật Hà là hoàng tử của Hậu Cao Thương Viện (後高倉院, tức Thủ Trinh Thân Vương 守貞親王) - anh của Thượng hoàng Hậu Điều Vũ - lên ngôi vào tháng 12 năm Thừa Cừu thứ 3, khi mới 10 tuổi. Ngài tại vị 11 năm, trải các niên hiệu Trinh Ứng, Nguyên Nhân, Gia Lộc, An Trinh, Khoan Hỷ, Trinh Vĩnh. Ngài băng hà ngày mùng 6 tháng 8 năm Văn Lịch nguyên niên (1234) và được truy hiệu là Hậu Quật Hà Viện.

Thân Loan, ở tập bốn quyển Hóa Thân Độ, tính rõ ba thời chánh - tượng - mặt mà ghi rõ: “đến năm Nguyên Nhân nguyên niên Giáp Thân của chúng ta là 2.183 năm”, rồi chú ở lề trên: “Nguyên Nhân là thánh đại của Hậu Quật Hà Viện, húy Mậu Nhân.” Tuy nhiên, việc truy tôn Hậu Quật Hà chỉ diễn ra sau ngày 6 tháng 8 năm Văn Lịch thứ nhứt. Ngoài ra, “Nguyên Nhân nguyên niên” thật ra là do đổi niên hiệu vào ngày 20 tháng 11 năm Trinh Ứng thứ 3 (1224), nên chỉ 40 ngày sau là sang năm mới, thành Nguyên Nhân thứ 2; hơn nữa, ngày 20 tháng 4 năm Nguyên Nhân thứ 2 ấy, niên hiệu Nguyên Nhân lại đổi thành Gia Lộc. Vậy việc Thân Loan

ghi “Nguyên Nhân nguyên niên Giáp Thân của chúng ta” ở quyển Hóa Thân Độ hẳn không phải vào chính năm ấy, mà là việc của những năm về sau.

Và lại, như thấy trong “Tư liệu về việc cấm niệm Phật” đăng ở cuối sách giảng này, từ đầu triều Thiên hoàng Hậu Quật Hà - từ niên hiệu Trinh Ứng qua Nguyên Nhân, Gia Lộc, An Trinh - lệnh đình chỉ chuyên tu niệm Phật chưa từng dứt. Sau đây, xin xem qua diễn biến việc đình chỉ niệm Phật theo thứ tự niên đại:

| <b>Ngày tháng</b>                           | <b>Văn thư</b>                                | <b>Nội dung</b>                                                                                                                           |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trinh Ứng 3 (Nguyên Nhân nguyên niên), 17-5 | Đại chúng giải Diên Lịch Tự                   | Thỉnh cầu đình chỉ các hành vi lạm dụng, cản quấy của nhóm người theo nhứt hướng chuyên tu niệm Phật.                                     |
| (Trinh Ứng 3) 29-6                          | Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà         | Hạ sắc chỉ bãi bỏ và đình chỉ việc chuyên tu niệm Phật.                                                                                   |
| (Trinh Ứng 3) 29-6                          | Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ   | Thông báo về lời sắc đáp của triều đình liên quan đến việc xử lý pháp chuyên tu niệm Phật.                                                |
| (Trinh Ứng 3) 5-7                           | Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà          | Khẳng định chuyên tu niệm Phật là căn nguyên khiến các tông phái suy thoái; ra lệnh lưu đầy biệt xứ nhóm Long Khoan, Thành Giác, Không A. |
| Cùng ngày                                   | Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ (Viên Cơ) | Công bố luân chỉ lên ba tháp.                                                                                                             |

| Ngày tháng       | Văn thư                                        | Nội dung                                                                                                                   |
|------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (Gia Lộc 3) 29-6 | Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà           | Nhấn mạnh việc triều đình đã liên tục nhiều lần tuyên chỉ bãi bỏ chuyên tu niệm Phật.                                      |
| (Gia Lộc 3) 29-6 | Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ (Viên Cơ)  | Công bố sắc chỉ cấm chuyên tu niệm Phật lên toàn bộ sơn môn                                                                |
| (Gia Lộc 3) 30-6 | Diên Lịch Tự Chính Sở Hạ Văn án - Ngự giáo thư | Công văn hạ lệnh truy lùng, vây bắt nhóm Long Khoan, Không A và các tàn dư môn đồ.                                         |
| (Gia Lộc 3) 4-7  | Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà           | Đình chỉ việc phá hủy trú phòng của những người chuyên tu niệm Phật                                                        |
| (Gia Lộc 3) 5-7  | Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà           | Nhấn mạnh niệm Phật chuyên tu là nguyên nhân suy tàn các tông phái; nên xử Long Khoan, Thành Giác, Không A bị lưu đầy v.v. |
| (Gia Lộc 3) 5-7  | Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ (Viên Cơ)  | Công bố luân chỉ chuyên tu niệm Phật lên ba tháp.                                                                          |
| (Gia Lộc 3) 6-7  | Quan tuyên chỉ                                 | Ra lệnh tước tăng tịch của Long Khoan, Hạnh Tây, Không A.                                                                  |

| <b>Ngày tháng</b>          | <b>Văn thư</b>                                  | <b>Nội dung</b>                                                                                                                            |
|----------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (Gia Lộc 3) 13-7           | Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà            | Ra lệnh đình chỉ và nghiêm cấm những kẻ đang khởi xướng, truyền bá pháp môn chuyên tu niệm Phật.                                           |
| (Gia Lộc 3) 17-7           | Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà           | Ban sắc lệnh xử phạt lưu đầy biệt xứ đối với nhóm Long Khoan, Hạnh Tây và Không A.                                                         |
| (Gia Lộc 3) 26-9           | Ngự giáo thư nhà Quan Bạch Đằng Nguyên Gia Thật | Ra lệnh chuyển nơi lưu đầy của Long Khoan từ xứ Lục Áo sang đảo Đối Mã.                                                                    |
| (Gia Lộc 3) khoảng tháng 9 | Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà            | Quyết định chuẩn y việc đổi nơi thụ án lưu đầy của Long Khoan sang đảo Đối Mã.                                                             |
| (Gia Lộc 3) 10-10          | Ngự giáo thư nhà Quan Bạch Đằng Nguyên Gia Thật | Ra lệnh vĩnh viễn cấm chỉ pháp môn chuyên tu niệm Phật trên toàn bộ phạm vi lãnh thổ đất nước                                              |
| (Gia Lộc 3) 15-10          | Ngự giáo thư Quan Đông                          | Ra lệnh thi hành việc truy bắt và áp giải lưu đầy đối với Long Khoan.                                                                      |
| (Gia Lộc 3) 20-10          | Ngự giáo thư nhà Quan Bạch Đằng Nguyên Gia Thật | Thông báo việc kẻ cầm đầu pháp môn chuyên tu niệm Phật là Thành Giác đang lén lút lẩn trốn và đi lại hoạt động tại xứ Tán Kỳ (讃岐, Sanuki). |

Xem thể thì thấy: khởi từ việc thượng tấu xin đình chỉ niệm Phật qua “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” đề ngày 17 tháng 5 năm

Trình Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên), và tuyên chỉ đình chỉ chuyên tu niệm Phật do Thiên hoàng Hậu Quật Hà ứng theo đó mà ban xuống, việc xử lý đình chỉ niệm Phật nối tiếp nhau suốt từ mùa hè sang mùa thu năm ấy. Cốt lõi của việc ấy vẫn là “Đại chúng giải” đề ngày 17 tháng 5. Trong đó, luân chỉ ngày mùng 5 tháng 7 của Thiên hoàng Hậu Quật Hà đã đi đến việc xử lưu đầy Long Khoan, Thành Giác, Không A; và tuyên chỉ ngày 17 cùng tháng quyết định chính thức lưu đầy Long Khoan, Hạnh Tây, Không A - Long Khoan bị lưu đầy đến Áo Châu.

## TIẾT 2 - CĂN BẢN CỦA “ĐẠI CHÚNG GIẢI DIỄN LỊCH TỰ”

“Đại chúng giải” tháng 5 năm “Nguyên Nhân nguyên niên” (Trình Ứng thứ ba, 1224) gồm sáu khoản mục, dẫn những đoạn văn trọng yếu của kinh luận để phê phán Nguyên Không, luận bác chuyên tu niệm Phật mà tố xin đình chỉ. Nhưng như đã nói trước, bảy năm trước đó, vào tháng năm năm Kiến Bảo thứ năm (1217), Diễn Lịch Tự đã thượng tấu một bản “Đại chúng giải” có chủ ý gần như tương tự mà tố xin đình chỉ chuyên tu niệm Phật. Văn thư ấy mở đầu bằng “Ba nghìn đại chúng pháp sư Diễn Lịch Tự, kính cẩn tâu”; đề nhan “Tờ trạng thỉnh cầu Thiên hoàng quan tâm mà cấm đoán Thành Giác, Không A Di Đà Phật - oán ma của Phật pháp - cùng dư đảng của họ, và đình chỉ tông phái mà họ đã lập ra”; được lưu trữ trong *Điệp Trạng Loại Tự* (dẫn theo *Liên Thương Di Văn*, quyển 4, số 2315).

“Đại chúng giải” năm Kiến Bảo thứ 5 viết gay gắt đến mức: “Xử Nguyên Không theo hình phạt, đầy dư đảng đến nơi hoang tịch. Tội phi báng pháp thì chẳng đợi báo ứng dưới suối vàng; còn tội phá hoại sự hòa hợp của tăng đoàn thì ngay trong kiếp này thân xác đã phải chịu cảnh diệt vong. Thế nhưng nay lại có bọn Thành Giác và Không A Di Đà Phật - vốn là tàn dư môn đệ của Nguyên Không - từ lâu đã nhiễm thói tà đạo, mãi chẳng biết sợ hãi khi tội

ác bị phơi bày. Hành vi sai trái của chúng thậm chí còn vượt xa cả thầy tổ, mưu mô hung hiểm xưa nay hiếm thấy.” Nói cách khác, đây là văn thư đẩy Nguyên Không vào chỗ diệt vong suốt cả hai đời hiện thế và lai thế, đồng thời đàn hặc các đệ tử của ngài.

Không dừng lại ở đó, bản “Đại chúng giải” này còn đi sâu vào phân tích để vạch tội, công kích pháp môn chuyên tu niệm Phật. Trọng tâm của nó là phủ định thuyết cho rằng mật pháp đã đến. Người chuyên tu niệm Phật cho rằng: thời mật pháp đã tới, nên tu định tuệ và giới luật đều là tạp hạnh, chẳng có thành quả; các kinh điển và con đường tu tập cũ đều đã lụi tàn, các giáo pháp còn lại đều ẩn mất. Hơn nữa, người niệm Phật còn nói rằng: hễ muốn vãng sanh về cõi Tịnh độ thì cứ tạo ác nghiệp; kẻ nào sợ điều ác mà không dám làm chính là kẻ đang hoài nghi bốn nguyện cứu độ của Đức Phật. Rồi đối với câu trong *Đại Kinh*: “Trong đời tương lai, khi kinh đạo diệt tận, Ta lấy lòng từ bi ai mãi mà đặc biệt lưu lại kinh này, khiến trụ lại một trăm năm” - họ dẫn thuyết mật pháp vạn niên theo *Tây Phương Yếu Quyết*, *Thiện Kiến Luật*, v.v. mà cho rằng nay vẫn còn là cuối tượng pháp hay đầu mật pháp, nên câu “trong đời tương lai kinh đạo diệt tận” của *Đại Kinh* chính là chỗ người chuyên tu niệm Phật hiểu sai.

Ngoài ra, trong Cừu phẩm vãng sanh của *Quán Kinh*, từ thượng phẩm thượng sanh đến trung phẩm hạ sanh đều hết sức khuyến các thiện, cấm các ác; chỉ riêng ba phẩm bậc hạ là chẳng loại bỏ ngũ nghịch thập ác - vậy mà người niệm Phật lại một mực khuyến tạo ác nghiệp. Lại nữa, *Đại Kinh* tuy thuyết “nhứt hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật”, nhưng mặt khác cũng thuyết “nên tu các công đức mà nguyện sanh về cõi kia” - tức vẫn nhấn mạnh việc tu tập các công đức. Thế mà người ta lại bị nhóm này mê hoặc mà phi báng các kinh, bỏ đi kinh quyền đã thọ trì nhiều năm, kiêu kỳ chẳng lễ bái tôn tượng đã phụng sự suốt đời, miệng thốt ra âm bi thương mà làm trái nghịch với thuần phong mỹ tục

trị thế, đối với hóa thân chư Phật thì hành xử bạo ngược mà trở thành mối hại cho nền trị an của quốc gia.

Trong đó, *Kinh A Di Đà* (dưới đây gọi tắt là *Tiểu Kinh*) là dư âm của cõi An Dưỡng mà Viên Nhân truyền về từ núi Thanh Lương bên Trung Quốc; là thắng duyên của Thường hành Tam muội, là thiện nhân thù thắng đưa đến Cừu phẩm vắng sanh. Trải qua hàng trăm năm huân tu, kinh này đã được lưu hành rộng khắp hơn sáu mươi châu của đất nước; trên từ Thiên hoàng, dưới đến thứ dân, không ai chẳng kính. Thế mà người chuyên tu niệm Phật lại đem cải biến một cách tà vạy rồi truyền rộng ra đời. Vốn niệm Phật là căn bản của vạn hạnh chúng thiện, là sở y của bốn loại tam muội; ai lại phỉ báng việc xưng danh lễ tán? Nên cung kính cúng dường mà dốc lòng tín tâm. Chỉ là ghét cái lời dối trá hoang đường của bọn bè lũ hung ác kia mà thôi. Nếu chẳng cấm thì hậu họa về sau thật khó lường; nên sớm đình chỉ cái tông phái mà họ đã lập và cấm ngăn những kẻ tu hành phi pháp.

Những luận điểm công kích, bác bỏ của chùa Diên Lịch đối với chuyên tu niệm Phật mà Nguyên Không khuyến khích, hầu như đã trọn vẹn trong hai bản “Đại chúng giải” tháng 5 năm Kiến Bảo thứ 5 và tháng 5 năm Nguyên Nhân nguyên niên; các văn thư sau chỉ lặp lại nội dung tương tự mà tổ xin đình chỉ niệm Phật. Chẳng hạn, theo “Quan tuyên chỉ” tháng 2 nhuận năm Kiến Bảo thứ 7 (1219), Tả Biện Quan qua Tăng Cang Sở mà ra lệnh cho các chùa đàn hặc chuyên tu niệm Phật: chuyên tu niệm Phật là gốc suy vi của các tông. Mặc dù trước đó triều đình đã ban hành công văn chuẩn y “Nghiêm Chế Ngũ Cá Điều” năm Kiến Vĩnh thứ 2 (1207), nhưng gần đây có những sa môn phá giới chẳng sợ hiến chương hay lời Phật dạy, đã kết đảng nơi đạo tràng, giả xưng hiệu Phật, bừa bãi tạo ra tà âm khiến lòng người phóng đảng buông lung. Trước những mưu đồ gian trá, hành vi bừa bãi ấy, triều đình lệnh cho các quan hữu trách phải kiên quyết điều tra, luận tội và xử

lý nghiêm minh. (Cao Tổ Di Văn; Liêm Thương Di Văn, quyển 4, tr. 315, số 2485)

### TIẾT 3 - PHÁP NẠN THỜI GIA LỘC VÀ LONG KHOAN

Về pháp nạn năm Gia Lộc thứ 3 (1227) - khi Long Khoan cùng những người khác bị xử lưu đày biệt xứ - có thể lần theo diễn tiến qua *Nhứt Hương Chuyên Tu Đình Chỉ Ký*, *Pháp Nhiên Thượng Nhơn Truyện*, *Kim Cương Tập*, *Cao Tổ Di Văn Lục*.

“Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà” ngày 29 tháng 6 năm Gia Lộc thứ 3 viết: sắc chỉ bãi bỏ và đình chỉ chuyên tu niệm Phật đã được ban xuống nhiều lần, thế nhưng việc pháp môn ấy vẫn lén lút đẩy lên hoạt động hoàn toàn không phải là chủ ý dung tha của triều đình, mà hoàn toàn do sự tắc trách của hàng quan lại hữu trách. Nay phải mau chóng chiếu theo các văn lệnh trước đây mà cấm triệt. Đồng thời, nếu tăng chúng nổi dậy làm loạn thì phải ra tay ngăn chặn, ngăn dẹp.

Tiếp đó, theo Hạ Văn từ Chính Sở Diên Lịch Tự gửi đến Kỳ Viên Cảm Thần Viện ngày 30 cùng tháng: “Phải mau chóng lùng bắt những kẻ cầm đầu nhóm nhứt hương chuyên tu là Long Khoan, Thành Giác, Không A (Di Đà Phật) cùng toàn bộ bè đảng tàn dư bên dưới”; Văn bản coi những người này là chướng ma của Phật pháp, là oán địch của các tông, và việc xử phạt họ đã nhiều lần được tâu lên triều đình nhận sắc chuẩn y. Phong trào chuyên tu niệm Phật lấy Nguyên Không làm bậc dẫn đường; môn đệ gọi mộ phần của ngài là “Ngự Miếu” mà quy kính. Gốc rễ tuy đã dứt nhưng cành lá chưa khô; vì vậy [đại chúng chùa Diên Lịch] đã phá hủy phần mộ mà thiêu bỏ di hài. Lần này, theo đúng các văn lệnh trước đây, triều đình lại tiếp tục ban sắc chỉ nghiêm cấm. Bất kể là vùng đất của giới quyền quý, thứ dân hay trang viên của các nhà quyền môn, hễ phát hiện thì đều phải vây bắt bọn họ và triệt hạ, đập phá nơi cư trú của chúng.

Hạ Văn từ Chính Sở Diên Lịch Tự gửi đến Kỳ Viên Cảm Thần Viện ngày 30 tháng 6 cùng năm ấy ra lệnh bắt giữ Long Khoan, Hạnh Tây, Không A Di Đà Phật, kẻ đứng đầu nhứt hướng niệm Phật, cùng dư đảng, với lý do triều đình đã giáng chiếu chỉ rằng họ là ma chướng của Phật pháp, tử thù của các tông. Và [văn thư nói] rằng đã phá hủy mộ phần của Nguyên Không, người thầy mà các môn đệ tôn kính, và thiêu hủy di hài của ông. Qua văn bản này, chùa Diên Lịch đã phát lệnh cho tất cả các chùa chiền, đền miếu trực thuộc tiến hành một cuộc lùng bắt và truy nã khắp nơi đối với toàn bộ môn đồ, đệ tử của Nguyên Không.

Một trong những nguyên nhân là: học giả Định Chiếu của chùa Diên Lịch viết *Đàn Tuyền Trạch* để chỉ trích *Tuyền Trạch Tập* của Nguyên Không; đối lại, Long Khoan soạn *Hiển Tuyền Trạch* mà luận phá thuyết của Định Chiếu. Trong đó, Long Khoan chê cười Định Chiếu rằng: “Việc bài phá lệch lạc của người chẳng nhằm vào đâu, ví như hòn đá ném trong đêm tối.” (*Pháp Nhiên Thượng Nhơn Hành Trạng Hội Đồ*, quyển 42; *Pháp Truyện Toàn*, tr. 265) Người ta cho rằng chính vì câu ấy mà đại chúng chùa Diên Lịch phần nộ.

Nơi lưu đày của Long Khoan được định là Áo Châu; tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3, Long Khoan rời khỏi Kinh Đô. Qua khỏi Liêm Thương, nhờ sự thu xếp của người đồng môn là Tây A, ngài dừng lại ở Phạn Sơn thuộc Tương Mô (nay là thành phố Hậu Mộc, tỉnh Thần Nại Xuyên). Ngài cử người thay mặt đến nơi lưu đày Áo Châu, còn bản thân lưu lại Phạn Sơn, rồi mất ngày 13 tháng 12 cùng năm ấy, thọ 80 tuổi. Tại Kinh Đô, ngày 26 tháng 9 cùng năm ấy, Ngự giáo thư của Quan Bạch và chỉ dụ đã được ban xuống, theo đó Long Khoan - sau khi đã lưu đày đến Áo Châu - sẽ bị trục xuất tiếp sang tỉnh Đối Mã.

Long Khoan là con thứ ba của Thiếu Nạp Ngôn Đăng Nguyên Tư Long (藤原資隆); xuất gia vào chùa Diên Lịch, theo học Phạm

Nguyên rồi trở thành đệ tử của Từ Viên, đạt đến chức Pháp Ấn và Quyền Luật Sư. Tuy nhiên, vì chán ghét danh lợi thế tục, ngài tìm đến thân cận bên ngài Nguyên Không, học pháp môn Tịnh độ. Mỗi ngày ngài đọc 48 quyển *Kinh A Di Đà*, niệm Phật từ ba vạn năm nghìn đến sáu vạn biến; về sau chuyên nhứt nơi chuyên tu niệm Phật mà được thầy cho phép sao chép *Tuyển Trạch Tập*. Có lẽ trên bước đường tu học của Long Khoan cũng đã trải qua các bậc thang của tam nguyện chuyển nhập chăng?

Long Khoan lúc sanh thời đã nói với kẻ hậu bối là Vũ Tàng Thủ Triều Trực, được truyền lại như sau:

“Phật giáo nhìn chung có muôn ngàn pháp môn, nhưng chẳng ra ngoài hai môn Thánh đạo và Tịnh độ. Thế nhưng Thánh đạo môn thì nếu chẳng phải người có trí và trì giới, chẳng nên tu hành môn ấy. Tịnh độ môn thì vì hạng căn cơ cực ác tối hạ mà ban cho pháp cực thiện tối thượng, nên chẳng kén trí hay vô trí, chẳng chê tại gia hay xuất gia; hễ tin bốn nguyện tha lực của Di Đà thì vãng sanh chẳng còn nghi. Huống chi, nay đã bước vào thời mạt pháp hơn 700 năm, giáo hành tương ứng với thời cơ chỉ có một môn niệm Phật mà thôi. Vì vậy Phi Tích thiên sư đã dạy rằng: đến thời mạt pháp mà lấy các hạnh khác để chán lìa sanh tử, thì như chèo thuyền trên đất liền; còn nương cậy tha lực mà nguyện cầu vãng sanh, thì như thả thuyền trên mặt nước. Vậy thì, lên con thuyền danh hiệu bốn nguyện, lấy Di Đà Như Lai làm người lái thuyền, giương buồm theo ngọn gió thuận mà Thích Ca phát khiển, thì mây tội chướng cũng lắng, sóng vọng chấp cũng lặng; trong khoảnh khắc một niệm, tới được bờ ao bảy báu nơi thế giới Cực Lạc - trăm người thì cả trăm đều vãng sanh, chẳng còn nghi ngờ gì nữa.”

(*Pháp Nhiên Thượng Nhơn Hành Trạng Hội Đồ*, quyển 44;  
Pháp Truyện Toàn, tr. 281)

## TIẾT 4 - CUỘC GẶP GỠ GIỮA LONG KHOAN VÀ THÂN LOAN

Xuất phát từ những lời tố cáo liên tiếp của tăng chúng chùa Diên Lịch, triều đình đã hạ sắc chỉ. Việc Long Khoan bị xử lưu đầy đến Lục Áo đã được thông báo cả đến Liêm Thương, nên chẳng thể nào Thân Loan, bấy giờ đang trú ở Thường Lục, lại không nghe biết. Khi Long Khoan bị lưu đầy và tạm dừng chân ở Phạn Sơn thuộc Tương Mô, lúc ấy Thân Loan đang cư trú tại Đạo Điền, Lạp Gian thuộc Thường Lục. Hẳn ngài chẳng thể không đến thăm Long Khoan ở Phạn Sơn, Tương Mô. Từ Lạp Gian, Thường Lục đến Phạn Sơn, Tương Mô, theo hướng tây nam chừng 120 km, có lẽ đi bộ mất 3 ngày đường. Từ Phạn Sơn, Tương Mô đến Liêm Thương thì không xa lắm.

Đây là cuộc hội ngộ đầu tiên giữa Thân Loan và Long Khoan kể từ sau lần chia tay nhau trong pháp nạn Thừa Nguyên, lần này Thân Loan gặp Long Khoan đang trên đường lưu đầy vì pháp nạn Gia Lộc. Thân Loan mang lòng kính trọng sâu sắc và thân mật trò chuyện cùng Long Khoan. Hai ngài hẳn đã ôn lại chuyện thưở sanh thời của ân sư Nguyên Không khi ngài khuyên khắp tăng tục chuyên tâm niệm Phật để rồi bị xử lưu đầy trong biến cố năm Thừa Nguyên; diễn tiến tường tận của việc đình chỉ niệm Phật kéo dài từ năm Kiến Bảo thứ 5 (1217) đến năm Gia Lộc thứ 3 (1227), cùng nội dung hai lần thượng tấu “Đại chúng giải”. Và có lẽ Thân Loan đã mượn xem, sao chép *Hiển Tuyền Trạch* mà Long Khoan soạn để đối lại *Đàn Tuyền Trạch* - tác phẩm Định Chiếu của chùa Diên Lịch dùng để phê phán *Tuyền Trạch Tập* - cùng với *Nhứt Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự*, *Tự Lực Tha Lực Sự*, *Hậu Thế Vật Ngữ Văn Thư*.

Trước một Định Chiếu giữ vị thế lẫy lừng tại cùng chùa Diên Lịch và là tác giả cuốn *Đàn Tuyền Trạch*, Long Khoan đã dùng cảm trú tác cuốn *Hiển Tuyền Trạch* để trực diện phản bác. Vào khoảng thời gian này, Thân Loan đang tiến hành thảo bản *Giáo Hành Tín Chứng* của mình; có lẽ việc nêu nhan đề “Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại” cũng lấy chữ “Hiển” trong *Hiển Tuyền Trạch* của Long Khoan làm nền tảng. Trong nhan đề *Hiển Tuyền Trạch* có khắc ghi tâm nguyện cứu độ chúng sanh của Long Khoan.

Xét về tăng vị và tăng quan, Thân Loan thuộc hàng hậu bối kém xa Long Khoan, song ngài ôm giữ niềm kính trọng và sùng kính Long Khoan tận đáy lòng. Niềm kính ngưỡng ấy xuất phát từ tấm lòng hoài niệm, kính tiếc ân sư Nguyên Không vô cùng sâu sắc nơi Long Khoan. Xưa Long Khoan từng ca ngợi Nguyên Không như sau:

普勸道俗 念弥陀仏能念皆見 化仏菩薩明知  
称名 往生要術宜哉源空 慕道化物信珠在心  
心照迷境疑雲永晴 仏光門頂

*(Phổ khuyến đạo tục, niệm Di Đà Phật; năng niệm giai kiến, hóa Phật Bồ Tát; minh tri xưng danh, vãng sanh yếu thuật; nghi tại Nguyên Không, mộ đạo hóa vật; tín châu tại tâm, tâm chiếu mê cảnh; nghi vân vĩnh thanh, Phật quang viên đành.)*

(Khắp khuyên tăng tục, cùng niệm Phật Di Đà. Hễ chăm niệm thì đều thấy hóa Phật, Bồ Tát. Đã biết rõ rằng xưng danh hiệu là phương pháp then chốt để vãng sanh. Hay thay Nguyên Không! Mộ đạo mà hóa độ chúng sanh. Tín châu ở trong lòng, chiếu rọi cảnh giới mê lầm. Mây nghi lâu ngày tan, ánh sáng Phật tròn chiếu lên đỉnh đầu.)

*(Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn; Thánh điển, tr. 525)*

Thân Loan đã ghi lại lời tán này mà Long Khoan dành cho

Nguyên Không, rồi suốt đời nhắc lại chẳng quên.

Trong *Hậu Thế Vật Ngữ Văn Thư*, Long Khoan trả lời một câu hỏi như sau: “Có người bảo rằng ‘dù niệm Phật, nếu chẳng biết ba tâm thì chẳng được vãng sanh’ - vậy phải hiểu thế nào?”

“Lời dạy của cổ Pháp Nhiên Thánh Nhơn là: ‘Dù biết ba tâm mà chẳng niệm Phật thì cũng chẳng ích gì; dầu chẳng biết ba tâm, chỉ cần xưng niệm Phật thì ba tâm tự khắc đầy đủ mà được sanh Cực Lạc.’” (Chơn Thánh Toàn, tr. 932)

Hoặc trước câu hỏi: “Nói rằng ‘hễ niệm Phật thì dù chẳng biết, ba tâm vẫn tự khắc đầy đủ’ - điều ấy là thế nào?” (như trên, tr. 935), ngài đáp như sau:

“Việc buông bỏ các pháp tu khác mà chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Phật, chính là vì một lòng một dạ nương tựa vào Phật A Di Đà. Đó là chí thành tâm. Hễ xưng danh hiệu thì tâm nguyện vãng sanh khởi lên. Đó là hồi hướng phát nguyện tâm. Sự thấu hiểu ở mức độ như vậy, bất kỳ ai có lòng muốn niệm Phật cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc đều tự nhiên sẵn có; nên kẻ vô trí chỉ cần niệm Phật là ba tâm đầy đủ mà được vãng sanh. Chỗ cốt yếu là: đã là phàm phu đầy đủ phiền não thì chẳng nên bàn xét tâm mình là xấu hay tốt. Một lòng nương tựa nơi Phật A Di Đà không chút hoài nghi, quyết định nguyện vãng sanh mà xưng niệm, ấy chính là hành già đầy đủ ba tâm.” (như trên, tr. 936)

Vấn đề “nhứt niệm – đa niệm” lúc bấy giờ cũng dấy lên những cuộc tranh luận gay gắt giữa những người tu niệm Phật: tranh cãi xoay quanh việc chỉ cần khởi tâm niệm Phật một lần (nhứt niệm) là đã trọn vẹn, hay phải xưng niệm nhiều lần (đa niệm) mới viên mãn - tức lấy phẩm chất và số lượng niệm Phật làm vấn đề. Đối với điều ấy, Long Khoan dạy rằng:

“Lập ra nhứt niệm mà ghét đa niệm, lập ra đa niệm mà

chê nhứt niệm - cả hai đều trái với chỉ ý của bốn nguyện.”  
(*Nhứt Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự*; như trên, tr. 937)

“Chẳng có đa niệm nào lìa khỏi nhứt niệm, cũng chẳng có nhứt niệm nào lìa khỏi đa niệm.” (như trên, tr. 938)

Ngài đem chính kinh nghiệm xưng niệm của mình mà quy về Phật tâm, để dạy dỗ về tinh thần niệm Phật.

Dựa theo *Nhứt Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự* của Long Khoan, về sau Thân Loan soạn *Nhứt Niệm Đa Niệm Văn Ý*; qua đó ta có thể thấy mối liên quan với phần luận chứng của quyển Hóa Thân Độ. Đơn cử, đoạn kinh văn trong *Vô Lượng Thọ Kinh*: “Chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhứt niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ bất thối chuyển” (Thánh điển, tr. 44) được dẫn trong *Nhứt Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự*, và trong *Nhứt Niệm Đa Niệm Văn Ý* được giải thích như sau:

“Chư hữu chúng sanh’ là muôn loài chúng sanh trong khắp mười phương. ‘Văn kỳ danh hiệu’ là nghe danh hiệu của bốn nguyện. Chữ “Văn” (nghe) nghĩa là nghe hiểu bốn nguyện mà chẳng còn lòng nghi hoặc; lại nữa, ‘nghe’ cũng là lời dạy biểu hiện cho sự phát khởi lòng tin sâu sắc.” (như trên, tr. 534)

Lại nữa, trong *Nhứt Niệm Đa Niệm Văn Ý* ngài dẫn câu: “Kỳ hữu chúng sanh, sanh bỉ quốc giả, giai tất trụ ư chánh định chi tự; sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc trung, vô chư tà tự cập bất định tự” (như trên, tr. 44), rồi giải thích như sau:

“Những chúng sanh nào muốn sanh về cõi ấy thì đều thầy trụ nơi chánh định tự. Vì sao thế? Vì trong cõi Phật ấy chẳng có các tà tự và bất định tự. Xét lời dạy của Nhị Tôn [Đức Thích Ca và Đức A Di Đà] ta thấy rằng lời dạy ‘tức được vãng sanh’, đồng nghĩa với việc đã được an định vững

vàng ở quả vị Chánh định tụ, tức là an trụ nơi ngôi vị Bất thoái chuyển vậy.” (như trên, tr. 536)

“Trong Kinh nói ‘vô chư tà tụ cập bất định tụ’: ‘vô’ là chẳng có; ‘chư’ là tiếng chỉ muôn thứ; ‘tà tụ’ là nói những người tu hành theo lối tạp hạnh tạp tu, nương vào muôn hạnh lành tự lực thì tuyệt nhiên không thể sanh vào cõi chơn thật báo độ; ‘cập’ là cùng với, và; ‘bất định tụ’ là nói những kẻ niệm Phật bằng tự lực, niệm Phật trong lòng còn ôm mối hoài nghi, thì cũng không thể có mặt nơi cõi Báo độ. Duy chỉ những người thuộc hàng Chánh định tụ mới được sanh về cõi chơn thật báo độ mà thôi.” (như trên, tr. 539–540)

Lại nữa, về lợi ích được hộ niệm ngay trong đời hiện tại, *Nhứt Niệm Đa Niệm Văn Ý* trích lời dạy “nhiếp hộ bất xả” từ *Quán Niệm Pháp Môn*:

“‘Nhiếp’ là thâm lấy; ‘hộ’ là chẳng cách nơi chốn, chẳng chia thời khắc, chẳng kén người, hễ người có tín tâm thì Đức Phật ngày đêm che chở không lúc nào ngơi nghỉ. Được ‘che chở’ nghĩa là chẳng bị hàng dị học dị kiến phá, chẳng bị kẻ biệt giải biệt hạnh ngăn, chẳng bị thiên ma Ba Tuần xâm, chẳng bị ác quỷ ác thần làm khổ.” (như trên, tr. 538)

“Những kẻ tranh cãi về nhứt niệm đa niệm gọi là người dị học biệt giải. ‘Dị học’ là kẻ hướng về Thánh đạo, ngoại đạo, tu các hạnh khác, niệm các Phật khác, chọn ngày lành giờ tốt, ưa bói toán tế tự - ấy là ngoại đạo, đều một mực cậy nơi tự lực. ‘Biệt giải’ là kẻ tuy niệm Phật mà chẳng cậy tha lực.” (như trên, tr. 541)

“Nhìn chung tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là những điều thiện phương tiện để dẫn lối vào Tịnh độ; gọi đó là ‘yếu môn’, cũng đặt tên là ‘giả môn’. Yếu môn – giả môn

ấy chính là ‘định thiện – tán thiện’ được thuyết trong toàn bộ *Vô Lượng Thọ Phật Quán Kinh*. ‘Định thiện’ là mười ba quán; ‘tán thiện’ là các thiện thuộc ba phước, chín phẩm. Hết thầy đều là yếu môn của phương tiện Tịnh độ, cũng gọi là giả môn. Từ yếu môn – giả môn ấy mà khuyến dụ, dẫn dắt muôn loài chúng sanh đưa vào biển đại bảo công đức chơn thật viên dung vô ngại của bốn nguyện nhứt thừa; nên hết thầy thiện nghiệp tự lực đều gọi là môn phương tiện.” (như trên, tr. 542–543)

Như trên đã thấy: “văn kỳ danh hiệu” - nói cách khác là nghe tin danh hiệu của Tuyển Chọn Bốn Nguyện - nếu đã nắm được như thế, thì hễ nghe tin danh hiệu là được định vào ngôi chánh định tụ, bất thối chuyển. Ở cõi Phật ấy chẳng có tà (định) tụ và bất định tụ. Người tập hạnh tập tu, vạn thiện chư hành, người niệm Phật tự lực, người niệm Phật nghi hoặc thì dừng ở bất định tụ, chẳng được sanh vào báo độ. Chỉ người thuộc chánh định tụ mới sanh vào chơn thật báo độ. Lại nữa, người có tín tâm thì chẳng bị hàng dị học dị kiến phá, chẳng bị kẻ biệt giải biệt hạnh ngăn, chẳng bị thiên ma Ba Tuần xâm phạm, chẳng bị ác quỷ ác thần làm khổ. Hàng người dị học biệt giải thì hướng về Thánh đạo, ngoại đạo, tu các hạnh khác, niệm các Phật khác, chọn ngày lành giờ tốt, ưa bói toán tế tự. Người biệt giải thì tuy niệm Phật mà chẳng cậy tha lực. Những người ấy cố chấp vào mười ba quán của định thiện, các thiện thuộc ba phước chín phẩm của tán thiện được thuyết trong *Quán Kinh*. Các pháp môn thiện ấy tuy muôn ngàn sai khác, nhưng thầy đều là yếu môn, giả môn của phương tiện Tịnh độ. Phật thông qua phương tiện yếu môn, giả môn ấy mà giáo hóa dẫn dắt chúng sanh, khuyến khích đưa vào biển đại bảo công đức của bốn nguyện nhứt thừa.

## TIẾT 5 - TRƯỚC TÁC VÀ NHỮNG KHỔ NẠN CỦA LONG KHOAN

Long Khoan có những trước tác như *Nhứt Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự, Tự Lực Tha Lực Sự, Hậu Thế Vật Ngữ Văn Thư*. Đây là những tác phẩm trình bày phần cốt yếu của chuyên tu niệm Phật bằng văn Nhật cổ một cách sáng rõ, được lưu truyền lại chính là nhờ các bản chép tay của Thân Loan. Hơn nữa, Thân Loan còn soạn những sách chú giải như *Nhứt Niệm Đa Niệm Văn Ý*. Tác phẩm ấy là những lời văn mà Thân Loan đã lắng nghe, tiếp thu và thấu triệt từ cuộc đời cầu đạo cùng các tác phẩm của Long Khoan, hay là lời mà Thân Loan mượn của Long Khoan để trình bày? Có thể thấy rằng tại đây, các chủ đề then chốt của quyển Hóa Thân Độ đã được nêu ra và trình bày một cách sáng rõ. Trong quyển Hóa Thân Độ, dường như dấu vết cầu đạo và chịu nạn của Long Khoan được biểu hiện rõ nét thông qua sự đối thoại, giao thoa mật thiết với những suy tư và trải nghiệm nội tâm của chính Thân Loan.

Về việc quyển Hóa Thân Độ của *Giáo Hành Tín Chứng* ghi “Ta, Nguyên Nhân nguyên niên”, và lời chú trong bản Bản Đông “Nguyên Nhân là thánh đại của Hậu Quật Hà Viện, húy Mậu Nhân” - như đã từng chỉ ra: Nguyên Nhân nguyên niên (1224) được đổi niên hiệu vào ngày 20 tháng 11 năm Trinh Ứng thứ 3, còn 40 ngày đến hết năm; còn truy hiệu “Hậu Quật Hà Viện” thì mãi đến năm Văn Lịch nguyên niên (1234) mới có. Dù việc soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng* có được bắt tay vào năm Nguyên Nhân nguyên niên, thì ở thời điểm đó tác phẩm vẫn chưa thể hoàn thiện toàn bộ quy mô kết cấu cũng như tiêu đề chính thức. Lời ghi “Ta, Nguyên Nhân nguyên niên” hẳn vừa để khắc ghi việc “Đại chúng giải” đã chỉ đích danh Long Khoan mà tố xin xử tội lưu đày, mặt khác là để thức tỉnh tăng chúng chùa Diên Lịch ý thức sâu sắc về thời kỳ mật pháp, tha thiết mong cầu họ cùng thức tỉnh trước pháp môn Tuyển Chọn Bốn Nguyên.

Năm Nguyên Nhân nguyên niên dưới triều Thiên hoàng Hậu Quật Hà, cùng với năm Thừa Nguyên nguyên niên (Kiến Vĩnh 2, 1207), cùng với khi Thân Loan cùng thầy là Nguyên Không bị xử tội lưu đày dưới triều Thiên hoàng Thổ Ngự Môn (trong thời viện chính của Hậu Điều Vũ Viện), đều mang đến cho Thân Loan một ý nghĩa sâu xa trọng đại, trở thành động lực thôi thúc không ngừng ý chí soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng* của ngài.

Điều mà thầy Nguyên Không đã dành cả đời để xiển dương, làm sáng tỏ chính là: Pháp môn niệm Phật nơi Tuyển Chọn Bốn Nguyên của Đức Như Lai. Nói theo lời của Long Khoan, con đường cứu vớt khắp hàng tăng tục duy chỉ có một đó là xưng danh niệm Phật – phương pháp trọng yếu để vắng sanh Tịnh độ. Chính nhờ niệm Phật mà mài giũa tín châu, quét sạch mây mù hoài nghi, và xua tan bóng tối vô minh mê mờ.

Đến đây, Thân Loan một lần nữa xác định lại sứ mệnh của chính mình: Làm sáng tỏ nguyên lý căn bản của việc niệm Phật, phương pháp then chốt để vắng sanh Tịnh độ, đồng thời luận chứng có hệ thống về năng lực cứu độ của pháp môn này. Để làm được điều đó, tự thân ngài phải dốc lòng chí thành niệm Phật để truy tìm tận gốc căn nguyên bốn nguyên của Đức A Di Đà, đồng thời phải thẩm định và củng cố vững chắc nền tảng ấy dựa trên những lời kinh giáo của Đức Phật Thích Ca cùng các luận giải, chú giải của các bậc Cao tăng Tam quốc (Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản).

Trên nền tảng ấy, ngài cần phải tự thân làm sáng tỏ Giáo – Hành – Chứng chân thật của cõi Tịnh độ như một sự quy kết tất yếu của bốn nguyên. Và mảnh đất hiện thực để làm hiển lộ Giáo – Hành – Chứng chân thật của Tịnh độ không đâu khác chính là cõi đời mạt pháp vô giới, với chủ thể hành trì là người “đệ tử chân thật của Đức Phật”: Ngu Ngốc Thân Loan (愚禿親鸞).

Dĩ nhiên, không thể để tâm trí chìm đắm trong những lời đàm

tiểu thế tục đầy oán niệm và báo thù, dụ như cho rằng mỗi lần cấm chỉ niệm Phật là ắt có điềm gở hay tai họa giáng xuống. Nhưng ngược lại, việc gán cho niệm Phật là “âm thanh làm diệt vong quốc gia” để mà luận tội, đàn hặc thì lại càng đi ngược một cách nghiêm trọng những lời kim ngôn của Đức Phật. Danh hiệu niệm Phật phát khởi từ trí tuệ nơi bốn nguyện thanh tịnh của Như Lai chính là ánh sáng chiếu soi bóng tối vô minh của thế gian. Những kẻ ôm mối hoài nghi bốn nguyện Như Lai và buông lời phỉ báng niệm Phật rồi đây cũng sẽ tự thức tỉnh trước những thiên kiến và chấp trước của mình, để quy thuận bốn nguyện thanh tịnh của Như Lai mà cất tiếng niệm Phật. Khi vạn tượng của cõi Hóa độ được soi tỏ dưới chân lý vĩnh cửu vô biên, quyền Phương Tiện Hóa Thân Độ đã tự nhiên được khai mở.

Tiếp sau đó, trong bản “Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà” ngày 5 tháng 7 năm Nguyên Nhân thứ 1 (năm Trinh Ứng thứ 3 - 1224), triều đình tuyên hạ rằng: pháp chuyên tu niệm Phật dấy lên là căn nguyên suy vi của các tông phái, các triều vua trước đây đã liên tục ban nghiêm lệnh cấm đoán; nay vừa để ngăn chặn Phật pháp suy đồi, vừa để vỗ yên những nổi kêu cầu của tăng chúng, triều đình tuyên bố xử phạt lưu đày biệt xứ nhóm Long Khoan, Thành Giác và Không A Di Đà Phật. Thế nhưng phía chùa Diên Lịch vẫn chưa nguôi cơn phẫn nộ ngay cả khi Long Khoan bị đày đến xứ Lục Áo; do đó đến tháng 9 cùng năm, xuất phát từ tấu trình của chùa, triều đình lại tiếp tục ban hành Ngự giáo thư của nhà Quan Bạch và Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà ra lệnh đày Luật sư (律師 là chức vị) Long Khoan ra tận đảo Đối Mã.

Như vậy, chúng ta đã lần theo toàn bộ diễn biến lịch sử cùng nội dung các luận điểm công kích pháp môn niệm Phật: từ bản “Hưng Phước Tự tấu trạng” năm Nguyên Cửu thứ 2 (1205) dẫn đến lệnh cấm niệm Phật năm Thừa Nguyên thứ nhứt (1207); qua các bản “Đại chúng giải” vào tháng 5 năm Kiến Bảo thứ 5 (1217) và

tháng 5 năm Nguyên Nhân thứ nhứt (1224); cho đến văn bản “Hạ văn của Chính sở chùa Diên Lịch” vào tháng 6 năm Gia Lộc thứ 3 (1227) và “Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà” vào tháng 7 cùng năm phán quyết lưu đầy Long Khoan.

Khi đối chiếu lại những trước tác và nội dung trong bộ Giáo Hành Tín Chứng cùng các bài Hòa tán, ta nhận thấy rõ những điểm mà Thân Loan đã hồi đáp, biện giải trực diện lại các làn sóng phê phán niệm Phật đương thời. Trong đó, nổi bật nhất chính là quyển Hóa Thân Độ, nơi thể hiện rõ ràng sự phản biện và lập trường tư tưởng của ông.

## CHƯƠNG VI - NHỮNG LUẬN ĐIỂM PHÊ PHÁN NIỆM PHẬT VÀ QUYỂN HÓA THÂN ĐỘ

### KHOẢN MỘT - NIỆM PHẬT PHẠM PHÁP CỦA THẦN QUỐC, CHĂNG KÍNH THẦN MINH

Đầu tập mật quyển Hóa Thân Độ, tác giả nói: “Vậy thì, nương theo các bộ tu đa la mà khám định chân – giả, răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngụy”, rồi nêu văn của *Niết Bàn Kinh*: “Nếu quy y Phật thì trọn chẳng quy y các thiên thần khác”, cùng văn của *Ban Chu Tam Muội Kinh*: “Hãy tự quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Chẳng được thờ đạo khác, chẳng được lễ bái trời, chẳng được tế tự quỷ thần, chẳng được xem ngày lành.” (Thánh điển, tr. 368)

Như đã nói, có thể thấy Thân Loan dựa vào kinh điển Đại thừa mà hiểu “thần minh, thần đạo, thần kỳ” chính là quỷ thần, chư thiên, từ đó khẳng định vững chắc lập trường của người niệm Phật là trọn lòng quy mạng một Đức Phật A Di Đà. Tiếp đó, ở tập mật quyển Hóa Thân Độ, theo thuyết của *Đại Thừa Đại Phương Đẳng Nhật Tạng Kinh* (phẩm thứ 8, Ma Vương Ba Tuần Tinh Tú), thuật lại việc tiên nơn Khiếp Lô Sắt Tra an bài mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú trên bầu trời và ra lệnh phải bảo hộ sự an lạc cho tứ chúng đệ tử Phật, dường như tác giả đã hiểu rằng: nếu quy y Phật thì dù chẳng cầu, chư thiên tự nhiên cũng sẽ bảo hộ cho muôn dân.

Có lẽ chủ ý này đã được gửi gắm trong *Hiện Thế Lợi Ích Hòa Tán*

và *Ngũ Ngốc Bi Thán Thuật Hoài*, là những bài Hòa tán được sáng tác về sau:

Nam mô A Di Đà Phật hể xưng lên,  
thì Địa Thần Kiên Lao cũng tôn kính,  
như bóng với hình,  
ngày đêm hằng gìn giữ.  
Nam mô A Di Đà Phật hể xưng lên,  
thì Đại Ma vương cõi Tha Hóa Thiên,  
trước tôn nhan Đức Phật Thích Ca Mâu Ni,  
đã phát thệ nguyện ngày đêm bảo hộ.  
Tín tâm nơi bốn nguyện nhiệm màu bất khả tư nghị,  
chính là tâm Đại Bồ Đề tối thượng,  
khiến cho ác quỷ tà thần khắp cõi,  
thảy đều khiếp sợ cúi đầu quy phục.

*Trích Hiện Thế Lợi Ích Hòa Tán* (Thánh điển, tr. 488)

Dấu hiệu thời Ngũ trược tăng trưởng,  
tăng tục cõi đời này hết thảy,  
bề ngoài khoác áo dung nghi Phật giáo,  
nhưng tận đáy lòng lại quy kính ngoại đạo.  
Thật đau xót thay hàng tăng chúng lẫn thế tục,  
mải mê lựa chọn ngày lành tháng tốt,  
cúi đầu sùng bái thiên thần địa kỳ,  
chăm chăm lo việc bói toán cúng tế.  
Thật xót xa thay hàng tăng tục xứ Nhật Bản (Hòa quốc)  
ngày nay,  
mượn oai nghi Phật giáo làm bình phong che đậy,  
mà trong lòng lại sùng kính quỷ thần trời đất.

*Trích Ngũ Ngốc Bi Thán Thuật Hoài* (Thánh điển, tr. 509)

## KHOẢN HAI - XEM CÁC TÔNG LÀ NAN HÀNH, NIỆM PHẬT LÀ CHÁNH HÀNH

Như đã thấy ở trên, lập trường của người niệm Phật là chỉ quy y một mình Phật A Di Đà. Toàn bộ hệ thống của tác phẩm *Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại* đều quy tụ về việc gạt “nan hành” (tạp hạnh) sang một bên mà quy về “chánh hành”. Trong đó, chơn Phật độ ở “Hiển Tịnh Độ Chơn Phật Độ Văn Loại” của *Giáo Hành Tín Chứng* là báo độ mà người niệm Phật “chánh hành” được đón vào; còn phương tiện hóa thân độ đang bàn là hóa độ được lập ra dành cho các hành giả “nan hành”. Chẳng hạn, trong “Hòa tán” có những bài tán vịnh sau đây hô ứng:

Tha thiết khuyên khắp chúng sanh mười phương:  
 “Hãy chí tâm, tín lạc, và muốn sanh về cõi Phật”;  
 hiển lộ thế nguyện màu nhiệm bất khả tư nghị,  
 lấy đó làm cõi chơn thật báo độ.

Trích *Tịnh Độ Hòa Tán* (Thánh điển, tr. 484)

Tiếng xưng danh nương vào định thiện, tán thiện tự lực,  
 khi đã quy thuận vào lời nguyện Quả toại (Nguyện thứ 20),

dẫu chẳng ai dạy bảo, cũng tự nhiên dung thông,  
 chuyển bước vào cánh cửa Chân như tuyệt đối.

- (như trên, tr. 486)

Hãy quay lưng, từ bỏ “Tam tâm” riêng biệt cậy sức tự lực  
 nơi mọi căn cơ tu tập định thiện và tán thiện,  
 mà phát nguyện quy nhập trọn vẹn  
 vào lòng tin nơi tha lực lợi tha của Đức Như Lai.

Trích *Chánh Tượng Mật Hòa Tán* (Thánh điển, tr. 504)

Được ban cho chánh nhân sanh về chơn thật báo độ  
 từ kim ngôn giáo huấn của Nhị Tôn (Thích Ca và Di Đà),  
 khi đã an trụ vững vàng nơi Chánh định tụ,

ắt sẽ chứng cảnh giới Niết Bàn.

Người đặt lòng tin sanh về Báo độ thì ít ỏi,  
kẻ tu hành dừng bước nơi Hóa độ lại nhiều;  
bởi Bồ Đề tự lực chẳng thể nào viên thành,  
nên từ muôn kiếp mãi trầm luân chìm nổi.  
Ôm lòng hoài nghi trí Phật không thể nghĩ bàn,  
lại ưa thích xưng niệm bằng tự lực,  
nên phải đọa lạc nơi biên địa giải mạn,  
chẳng dậy khởi được lòng báo đáp ân Phật.

(như trên, tr. 505)

Mong chẳng thua kém người có tín tâm,  
hành giả ôm lòng hoài nghi nương sức tự lực kia  
cũng hãy nhận biết ân đức đại bi của Như Lai  
mà tinh tấn cất tiếng xưng danh niệm Phật.

(như trên, tr. 506)

Giảng đường thất bảo cùng cây báu nơi đạo tràng,  
ấy là Tịnh độ của Phương Tiện Hóa Thân;  
chúng sanh mười phương quy hướng vãng sanh không  
cùng tận,  
hãy dành lễ giảng đường, đạo tràng trang nghiêm ấy.

Trích *Tịnh Độ Hòa Tán* (Thánh điển, tr. 481)

### KHOẢN BA - NIỆM PHẬT CHUỐC ĐIỀM CHẴNG LÀNH KHIẾN NƯỚC SUY VI; NIỆM PHẬT LÀ ÂM CỦA NƯỚC MẮT

Trong *Giáo Hành Tín Chứng*, về mặt quốc gia hay hộ quốc thì Thân Loan không bàn công khai. Nhưng ở đầu tập mật quyền Hóa Thân Độ, sau khi nêu văn *Niết Bàn Kinh* “nếu quy y Phật thì trọn chẳng quy y các thiên thần khác” và văn cùng ý từ *Ban Chu Tam Muội Kinh*, ngài đã dẫn một bài kệ dài từ phẩm Chư Thiên Vương Hộ Trì và phẩm Chư Ma Đắc Kính Tín, phần Nguyệt Tạng của *Đại*

*Thừa Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh (Đại Tập Kinh)*. Chỉ riêng phần ấy đã chiếm hơn nửa dung lượng của tập sách.

Chủ ý của việc ấy là: hễ “quy y Phật”, tức nghe tin Tuyển Chọn Bốn Nguyên mà niệm Phật, thì như *Đại Tập Kinh* thuyết, hạt giống Tam Bảo Phật – Pháp – Tăng sẽ hưng thịnh, và “tam tinh khí” tức tinh khí của đất, tinh khí của chúng sanh, tinh khí của chánh pháp sẽ tăng trưởng:

“Như Ta (Phạm Thiên Vương) đây nay ở nơi Thế Tôn, xin lãnh thọ giáo huấn nơi cảnh giới của mình mà ban truyền lời giáo sắc. Được chỗ tự tại, khiến hết thầy tranh tụng, nạn đói đều dứt; cho đến khiến hạt giống Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, khiến ba loại tinh khí trụ lâu và tăng trưởng, ngăn chặn chúng sanh làm ác mà hộ dưỡng chúng sanh hành pháp, khiến chúng sanh dứt khỏi ba đường ác mà thú hưởng ba đường lành, khiến Phật pháp cửu trụ, nên ta xin hết lòng siêng năng hộ trì.” (Thánh điển, tr. 380)

“Chẳng dứt hạt giống Tam Bảo, tăng trưởng tam tinh khí, dứt hẳn các đường ác mà hướng về các đường lành.” (Thánh điển, tr. 382)

Hần Thân Loan đã dựa vào thuyết của *Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh* mà lật ngược lại hoàn toàn luận thuyết niệm Phật làm diệt vong đất nước, từ đó khẳng định rằng chính niệm Phật mới đem lại sự hòa lạc, an ổn cho quốc gia.

Trớ trêu thay, chính chùa Diên Lịch mới là bên viện dẫn *Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh* trước để thỉnh cầu triều đình cấm chỉ niệm Phật. Trong điều thứ 2 của “Đại chúng giải” năm Nguyên Nhân nguyên niên mang tên “Việc trái đạo của bọn đảng nhứt hướng chuyên tu chống lại thần minh”, chùa Diên Lịch đã dẫn thuyết từ *Đại Tập Kinh*: Phật đem thánh giáo một đời phó chúc cho thần linh mười phương; chư thần vâng theo lời Phật mà trấn

hộ pháp bảo. Vì vậy nếu ai thọ trì kinh giáo thì tất được thần vệ hộ; còn nếu phỉ báng kinh giáo thì ắt bị giáng đòn trừng phạt đau đớn. Bọn chuyên tu niệm Phật là lũ phỉ báng chánh pháp, nên rõ biết quả báo ấy. Bọn hung đồ ấy mang thân ăn thịt ô uế dám tự tiện ra vào chốn thần thánh trang nghiêm.

Thân Loan đã dùng lại chính *Đại Phương Đăng Đại Tập Kinh*, vốn bị phía Diên Lịch Tự dùng làm căn cứ để đình chỉ niệm Phật, như một bằng chứng để bảo vệ niệm Phật, mà tạo nên một sự hồi đáp và luận chứng vô cùng sâu sắc. Nền tảng của việc ấy là ý thức nguy cơ về mặt pháp và sự đào sâu câu hỏi “thế nào là chơn Phật tử”.

Mặt khác, *Đại Tập Kinh* còn được dẫn trong *Mạt Pháp Đăng Minh Ký* nêu ở cuối tập bốn quyển Hóa Thân Độ. Theo *Đại Tập Kinh*, quyển 51, quyển 55, sau khi Phật diệt độ, cứ mỗi 500 năm lại trải qua 5 giai đoạn kiên cố: giải thoát kiên cố, thiền định kiên cố, đa văn kiên cố, tạo tự kiên cố, đấu tránh kiên cố; qua hai thời chánh pháp 500 năm, tượng pháp 1.500 năm, thì từ tạo tự kiên cố mà vào mạt pháp.

Nguyên Không, ở đầu *Tuyển Trạch Tập* đã mượn lời của *An Lạc Tập* mà tuyên bố: “Trong thời mạt pháp của Ta, ỨC CHÚNG SANH tuy có phát tâm tu hành, nhưng chẳng có lấy một người nào đắc đạo. Nay đang là mạt pháp, chính là đời ác ngũ trược, duy chỉ có Tịnh độ là con đường duy nhất có thể bước vào giải thoát.” (Chơn Thánh Toàn, tập 1, tr. 929). Nguyên văn này vốn xuất phát từ phần Nguyệt Tạng của *Đại Tập Kinh*. Đứng trước một chùa Diên Lịch luôn chế giễu mà gạt bỏ việc mạt pháp đã đến, cứ mãi xướng lên hành chứng của Thánh đạo, Thân Loan đã đưa ra trước tác của tổ khai sáng Tối Trùng để thức tỉnh họ nhận thức sâu sắc về cõi đời ô trược thời mạt thế.

Tiếp nối bộ *Giáo Hành Tín Chứng*, trong hàng loạt bài Hòa tán,

Thân Loan đã ca ngợi lợi ích và phúc lợi của quốc gia, nhơn dân:

Từ khi đức Di Đà thành Phật đến nay,  
đã trải qua mười kiếp,  
vàng sáng của pháp thân chẳng bờ mé,  
soi sáng chỗ mù tối của thế gian.

Trích *Tịnh Độ Hòa Tán* (Thánh điển, tr. 479)

Truyền Giáo đại sư chốn sơn gia (Tối Trùng),  
thương xót quốc độ nhơn dân,  
trong bài văn tụng tiêu trừ bảy nạn,  
dạy nên xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật.

Trích *Hiện Thế Lợi Ích Hòa Tán* (như trên, tr. 487)

Bốn sư Đàm Loan đại sư  
Lương thiên tử Tiêu Vương  
Thường hướng về phía ngài ở mà lễ bái,  
và tôn xưng là Loan Bồ Tát.

Trích *Cao Tăng Hòa Tán* (như trên, tr. 494)

Thượng Cung hoàng tử dùng phương tiện,  
thương xót hữu tình nước Hòa (Nhật Bản),  
hoằng dương bi nguyện của Như Lai  
khiến muôn người hân hoan mà phụng tán.

Trích *Hoàng Thái Tử Thánh Đức Phụng Tán* (như trên, tr. 508)

Có thể thấy rằng, một trong những dụng ý lớn nhất của việc sáng tác hơn 510 bài Hòa tán như *Tịnh Độ Hòa Tán*, *Cao Tăng Hòa Tán*, *Chánh Tượng Mật Hòa Tán*, chính là để xóa bỏ và vượt qua thuyết niệm Phật vong quốc.

Thuyết niệm Phật vong quốc là luận điểm cho rằng sự lan rộng của pháp môn niệm Phật sẽ chiêu mời những điềm gở tai ương,

khiến quốc gia suy vong. Đây là thuyết mà Diên Lịch Tự đã nhiều lần xướng lên. Thuyết này bắt nguồn từ quan niệm chính trị cổ xưa của Trung Hoa là “lấy sự bi hoan của âm thanh mà biết được thịnh suy của nước”, phát xuất từ thuyết trong *Tựa Kinh Thi*: “Âm của đời thịnh trị thì an mà lấy đó làm vui, bởi chính sự của nó hòa. Âm của đời loạn thì oán mà lấy đó mà phẫn, bởi chính sự của nó trái lìa. Âm của nước mất thì bi mà lấy đó mà tư lự, bởi dân của nó khốn khổ.” Ý nói: khi đất nước thái bình thịnh trị, âm nhạc lưu hành trong thế gian sẽ an hòa, vui vẻ. Khi thế sự hỗn loạn, âm nhạc sẽ bộc lộ sự oán giận, hờn căm do chính sự đi ngược lòng dân, khiến trăm họ lầm than, đau khổ. Đây là điều mà những người học Văn Chương đạo, Kỳ Truyện đạo mà phụng sự triều đình đều biết rõ.

Dựa vào những điển tích này, người ta bảo âm điệu niệm Phật được thực hành thời bấy giờ mang điệu bi lụy, ủy mị, khiến lòng người phóng đảng buông lung, chuốc lấy điều chẳng lành cho nước. Thật vậy, khi loạn Thừa Cừu nổi lên và Thượng hoàng Hậu Điều Vũ bị lưu đày đến Ấn Kỳ, đã có cả tin đồn rằng đó là do niệm Phật, là thanh âm vong quốc gây ra. Diên Lịch Tự, từ năm Kiến Bảo thứ 5 (1217) trở đi, liên tục viện dẫn thuyết niệm Phật vong quốc này để yêu cầu đình chỉ việc niệm.

Như đã phân tích ở trên, trong phần răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngụy ở tập mật quyền Hóa Thân Độ, Thân Loan đã nêu văn *Đại Tập Kinh* mà thuyết sự an ổn của quốc gia nhờ niệm Phật. Không dừng lại ở đó, chuỗi các bài “Hòa tán” của Thân Loan chính là lời đáp lại vững chắc đối với thuyết niệm Phật vong quốc, dùng thi ca để tán thán và truyền bá việc niệm Phật mang lại hòa bình, an lạc cho dân chúng và đất nước.

Thể loại Hòa tán được cho là bắt đầu từ Không Dã, Nguyên Tín, Vĩnh Quán, sau này nổi tiếng với các bài Hòa tán của Ngải Nhứt Biến (一遍) phái Thời Tông. Đây là thể thơ liên cú theo nhịp 7-5,

rất gần gũi với thể Pháp môn ca theo lối Kim Dạng (今様, Imayō), vốn vô cùng thịnh hành vào thời viện chính của Hậu Bạch Hà Viện (後白河院). Thân Loan đã tự tay chú âm cho từ “Hòa tán” (和讃) trong tác phẩm của mình là “yawarage – home” (和 = làm điệu, 讃 = ngợi ca), đặt vào đó cái nghĩa “Hòa tán” của nước Hòa (Nhật Bản) để đối lại với Phạn tán của Ấn Độ và Hán tán của Trung Hoa. Hẳn ngài đã xuất phát từ ý niệm dùng ngôn ngữ gần gũi, điệu dàng để tán thán công đức của chư Phật cùng bảy vị Cao tăng Tam quốc. Thêm vào đó, việc ngài đưa cả Thánh Đức Thái tử vào và liên tục sáng tác hàng loạt bài tụng ca với cảm xúc dâng trào mãnh liệt như thế ắt hẳn phải xuất phát từ một động cơ và chủ ý sâu sắc:

Bổn sư Nguyên Tín ân cần thiết tha,  
trong giáo pháp một đời của Phật Đà,  
khai mở riêng một môn niệm Phật,  
truyền dạy cứu đời ô trược mạt thế.

Trích *Cao Tăng Hòa Tán* (như trên, tr. 497)

Bổn sư Nguyên Không thị hiện nơi đời,  
truyền rộng nhứt thừa của hoằng nguyện,  
khiến khắp cả một châu Nhật Bản  
cơ duyên Tịnh độ thầy hiển bày.

(như trên, tr. 498)

Việc sáng tác “Hòa tán” của Thân Loan là để ca ngợi rằng Tuyền Chọn Bổn Nguyên đã lan rộng khắp nước Nhật Bản nhờ Nguyên Không, là bậc thầy được sanh ra nơi phiến châu của đời mạt thế trước ác. Đối với những người tu hành Hiền giáo lẫn Mật giáo mà đứng đầu là chùa Diên Lịch, những kẻ đã khép Thượng Nhơn vào trọng tội và không ngớt phỉ báng niệm Phật là “thanh âm vong quốc”, Thân Loan tha thiết mong cầu rằng họ hãy sớm thức tỉnh trước lòng từ bi của Đức Phật để cùng an lập nơi con đường Phật đạo cứu cánh.

## KHOẢN BỐN - PHẾ BỎ CÁC PHẬT, CÁC GIÁO; CHO CHƠN NGÔN - CHỈ QUÁN, PHÁP TƯỚNG - TAM LUẬN LÀ VÌ DANH LỢI

Xin nhắc lại một lần nữa, ở tập bốn quyển Hóa Thân Độ đang bàn, Thân Loan nêu văn từ *An Lạc Tập* của Đạo Xước: “Trong thời mạt pháp của Ta, ước ước chúng sanh tuy có phát tâm tu hành, nhưng chẳng có lấy một người nào đặc đạo. Nay đang là mạt pháp, chính là đời ác ngũ trược, duy chỉ có Tịnh độ là con đường duy nhất có thể bước vào giải thoát.” (như trên, tr. 359) rồi chính Thân Loan nói thêm: “Chúng sanh nơi cõi đời nhơ nhớp ô trược này chẳng hề hiểu thấu yếu chỉ của thời mạt thế, làm bại hoại oai nghi tăng ni. Hàng tăng tục thời nay, hãy tự suy xét phận mình!” (như trên)

Tuy nhiên, sự phê phán rằng người niệm Phật phế bỏ các giáo khác, cho Chơn Ngôn – Chỉ Quán, Pháp Tướng – Tam Luận chỉ vì mục đích danh lợi, điều này đụng chạm trực tiếp đến tận gốc rễ của pháp môn Tuyển Chọn Bốn Nguyên niệm Phật do ngài Nguyên Không chủ xướng. Có thể thấy chủ ý của Thân Loan là dùng toàn bộ hệ thống *Giáo Hành Tín Chứng* để làm sáng tỏ điều ấy.

## KHOẢN NĂM - NGƯỜI NIỆM PHẬT NGOÀI DI ĐÀ CHẲNG TÔN SÙNG GÌ KHÁC, ẤY LÀ CÙNG CỰC CỦA BẤT HIỂU

Về sự phê phán rằng: từ khi Phật giáo truyền đến, Thánh Đức Thái tử đã hưng dựng chùa tháp, an vị bốn tôn, mở pháp hội; thế mà người niệm Phật ngoài Di Đà và xưng danh hiệu Phật thì chẳng tôn sùng gì khác - ấy là cùng cực của bất hiểu.

Trong *Giáo Hành Tín Chứng* không có ghi chép về Thánh Đức Thái tử; nhưng Thân Loan đã liên tác *Hoàng Thái Tử Thánh Đức Phụng Tán* (11 bài), *Hoàng Thái Tử Thánh Đức Phụng Tán* (75 bài), *Đại Nhật Bản Quốc Túc Tán Vương Thánh Đức Thái Tử Phụng Tán* (114 bài) để tán ngưỡng Thánh Đức Thái tử. Chẳng hạn, trong

*Hoàng Thái Tử Thánh Đức Phụng Tán* (75 bài), Thánh Đức Thái tử được ca ngợi như sau:

Nhật Bản quốc quy mạng Thánh Đức Thái tử,  
 ơn hoằng hưng Phật pháp thật sâu,  
 lòng từ bi cứu độ hữu tình thật rộng,  
 nguyện muôn đời phụng tán chẳng thối chuyển.  
 Năm Nhâm Thân thuở Thiên hoàng Khâm Minh  
 (Kinmei) trị vì thiên hạ,  
 giáo pháp của Đức Như Lai lần đầu tiên truyền tới,  
 đã khiến cho thầy đều kính lễ quy y.  
 Vào hơn năm trăm năm tượng pháp,  
 nhằm thời đại Thánh Đức Thái tử,  
 khiến Phật pháp phồn xương,  
 mà nay pháp niệm Phật rực rỡ.

Trích (Chơn Thánh Toàn, tập 2, tr. 522, 535, 537)

Phật giáo truyền đến nước này vào năm Nhâm Thân (năm thứ 13) đời Thiên hoàng Khâm Minh. Tính từ năm Nhâm Thân, Như Lai nhập diệt đã 1.500 năm. Vào cuối thời tượng pháp thì Thánh Đức Thái tử sanh ra ở Nhật Bản, truyền rộng Phật pháp mà làm niệm Phật hưng thịnh. Kể từ khi bước vào thời mạt pháp đến Nguyên Nhân nguyên niên (1224) đã 683 năm. Tính từ lúc Phật diệt độ, năm Nhâm Thân đã luân chuyển tuần hoàn được 36 vòng, và cõi đời mạt pháp nay đã lún sâu vào tột cùng suy đồi.

Giữa bối cảnh ấy, Thân Loan đã ở Lục Giác Đường mà được Thánh Đức Thái tử thị hiện, nhờ đó gặp gỡ bốn nguyện. Lòng tán ngưỡng Thánh Đức Thái tử của Thân Loan vô cùng đặc biệt. Ngài tôn sùng Thái tử là “giáo chủ của nước Hòa”. Điều này có mối liên hệ mật thiết với sự phản tỉnh về thời mạt pháp ở mục tiếp theo dưới đây.

## KHOẢN SÁU - NAY CHƯA VÀO MẠT PHÁP; BẢO RẰNG CHỈ CÒN GIÁO PHÁP CỦA DI ĐÀ LÀ KIẾN GIẢI NGU MUỘI

Về sự phê phán rằng: người niệm Phật dựa vào Đại Kinh mà cho rằng từ khi Phật diệt đến nay đã bao nhiêu năm, nay đã vào mạt pháp, nên là thời cơ niệm Phật lưu bố. Nhưng theo các kinh luận khác thì niên đại Phật diệt muộn hơn, nay vẫn còn là cuối tượng pháp hay đầu mạt pháp; vậy nói rằng chỉ còn giáo pháp của Di Đà tồn tại là sai lầm, là kiến giải ngu muội. Ngoài ra, năm sanh của Đức Thích Ca cũng có dị thuyết.

Sự phê phán này không phủ định việc hưng long niệm Phật trong mạt pháp. Sau khi tạm công nhận câu ở quyển hạ *Đại Kinh*: “Vào đời vị lai khi kinh đạo diệt hết, ta vì lòng từ bi thương xót sẽ đặc biệt lưu lại bộ kinh này trong vòng một trăm năm” (Thánh điển, tr. 87), thì nói rằng hiện vẫn chưa đến mạt pháp, kinh đạo chưa diệt tận. Nói cách khác, họ công nhận thuyết lưu thông niệm Phật trong mạt pháp, nhưng cho rằng thời kỳ ấy vẫn chưa tới, việc tuyên xưng mạt pháp đã đến là quá sớm.

Trước hết, ở cuối tập bốn quyển Hóa Thân Độ, theo *Đại Tập Kinh* được *An Lạc Tập* dẫn, tác giả nói: trong thời mạt pháp, dù ức ức chúng sanh khởi hành tu đạo cũng chẳng một ai đạt được, rồi răn dạy nghiêm khắc: “Chúng sanh nơi cõi đời như nhóp ô trước này chẳng hề hiểu thấu yếu chỉ của thời mạt thế, làm bại hoại oai nghi tăng ni. Hàng tăng tục thời nay, hãy tự suy xét phận mình!” (như trên, tr. 359) Rồi từ năm Nhâm Thân Như Lai nhập Niết Bàn đến “Nguyên Nhân nguyên niên của chúng ta” là 2.183 năm. Theo *Hiền Kiếp Kinh*, *Nhân Vương Kinh*, *Niết Bàn Kinh* thì sau khi Phật diệt độ 1.500 là vào thời mạt pháp, tính đến nay thời mạt pháp ấy đã trôi qua được 683 năm.

Như đã dẫn ở phần trước, Long Khoan cũng từng khẳng định: “Đã vào mạt pháp hơn 700 năm, giáo hành tương ứng với thời cơ

chỉ có một môn niệm Phật.” (*Pháp Nhiên Thượng Nhơn Hành Trạng Hội Đồ*, quyển 44) Lại nữa, trong *Duy Tín Sao* của Thánh Giác có nói: “Những kẻ siêng năng trì tụng *Kinh Pháp Hoa* ôm lòng mong cầu đắc được chứng ngộ Lục căn thanh tịnh ngay trong đời này. Nhưng khi đã vào mật pháp, đến đời trước thì việc đắc ngộ ngay nơi thân hiện tại, trong ức ức người, khó có được một người.” (Thánh điển, tr. 916)

Ở cuối tập bốn quyển *Hóa Thân Độ*, trong khi nêu gần trọn văn *Mật Pháp Đăng Minh Ký* của Tối Trừng, Thân Loan tiếp nhận niên đại cho rằng Đức Thích Ca nhập diệt vào năm Nhâm Thân - năm thứ 51 đời vị vua thứ 5 của nhà Chu là Chu Mục Vương. Từ mốc ấy cho đến “năm Tân Tị, Diên Lịch thứ 20 của chúng ta, là 1.450 năm” (như trên, tr. 362). Căn cứ theo thuyết thời kỳ trước mật pháp kéo dài 1.500 năm, ngài xác quyết rằng thời điểm hiện tại đã bước vào thời mật pháp hơn 600 năm.

Lại theo *Mật Pháp Đăng Minh Ký*, ngài dẫn ra tiến trình suy đồi của tăng đoàn theo từng thế kỷ. Sau Phật diệt độ:

- 1.100 năm thì tăng ni kết hôn.
- 1.200 năm thì tăng ni có con.
- 1.300 năm thì cà sa hóa trắng.
- 1.400 năm thì tăng ni như thợ săn, bán đồ vật của Tam Bảo.
- 1.500 năm thì tăng tranh phải trái mà giết nhau, giáo pháp ẩn vào Long cung.

(như trên, tr. 361)

Lại nữa, *Đại Bi Kinh* dẫn rằng: “Vào đời vị lai khi giáo pháp sắp diệt tận, sẽ có những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni dẫu được xuất gia trong giáo pháp của ta, nhưng lại tự tay nắm cánh tay đứa trẻ, cùng nhau dạo chơi, la cà từ quán rượu này sang quán rượu khác...” (như trên, tr. 366). Ấy là sự nhìn thẳng đau xót vào thực trạng của

“tăng” trong thời mạt pháp.

Trong khi ngài Nguyên Không khuyến khích niệm Phật là sự cứu độ duy nhất trong thời mạt thế ô trược, Diên Lịch Tự liên tục buông lời công kích, bài xích. Giới tăng lữ thuộc các đại tự viện Hiền giáo và Mật giáo bấy giờ chỉ chấp chặt vào địa vị danh vọng cùng thể diện bề ngoài mà chẳng hề chịu quay lại tự soi xét chính mình. Một khi thiếu đi sự phản tỉnh và tự giác nội tâm, mọi tranh luận rốt cuộc chỉ rơi vào chỗ đối đáp suông, làm nảy sanh thêm hận thù, oán ghét.

Trước một Diên Lịch Tự mà đến tận lúc này vẫn chủ trương chưa phải mạt pháp và chế giễu người niệm Phật, thì Thân Loan đã nêu gần trọn văn *Mạt Pháp Đăng Minh Ký* của Tối Trùng, tỏ khai sáng Diên Lịch Tự, để thúc giục đại chúng núi Tỳ Duệ tự tỉnh mà tự giác.

## KHOẢN BẢY - NGƯỜI CHUYÊN TU GẠT BỎ HẾT THẤY CÁC HẠNH, CHO LÀ TẬP HẠNH

*Về sự phê phán rằng:* người chuyên tu niệm Phật gạt bỏ hết thầy trì giới, tôn kính Phật khác, tập trung quán niệm, đọc tụng kinh luận v.v., cho đó là tập hạnh; chẳng luận bất tịnh, chẳng luận loạn tâm, chỉ cần niệm Di Đà là được vắng sanh; mười ác năm nghịch cũng chẳng ngăn trở Cực Lạc, còn kẻ sợ ác nghiệp thì là người hoài nghi bốn nguyện của Phật.

Điều này cũng như mục thứ 6, đều bắt nguồn từ sự thiếu tự giác và mù mờ trước căn cơ cùng thời điểm của thời kỳ mạt pháp. Tất cả rốt cuộc đều quy về một lời thức tỉnh then chốt: “Hàng tăng tục thời nay, hãy tự suy xét phận mình”. Mở rộng ra thì liên quan đến toàn bộ hệ thống *Giáo Hành Tín Chứng*, nhất là liên quan sâu xa đến quyền Tín.

## KHOẢN TÁM - CỬU PHẨM VĂNG SANH TRONG QUÁN KINH

Về sự phê phán rằng: Quán Kinh thuyết Cửu phẩm vãng sanh, trong đó sáu phẩm bậc Thượng và bậc Trung đều khuyên đọc tụng Đại thừa, giữ gìn giới hạnh thanh tịnh; riêng Hạ phẩm Hạ sanh mới dạy mười tiếng xưng danh. Phải chăng những kẻ chuyên tu niệm Phật chỉ bám chấp vào nghiệp nhân của bậc Hạ phẩm mà phi báng chánh nhân của bậc Thượng phẩm?

Vấn đề này liên hệ trực tiếp với lời phê phán trong “Đại chúng giải” năm Kiến Bảo thứ 5: *Đại Kinh* tuy thuyết “nhứt hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật”, nhưng cũng thuyết “nên tu các công đức mà nguyện sanh về cõi kia”; thế mà người niệm Phật lại phi báng các kinh, bỏ đi những tôn tượng và kinh quyển đã phụng sự thọ trì suốt nhiều năm. Lại trong “Đại chúng giải” năm Kiến Bảo thứ 5 có nêu *Tiểu Kinh*: *Tiểu Kinh* là dư âm của cõi An Dưỡng mà Viên Nhân truyền về từ núi Thanh Lương bên Trung Quốc, là thắng duyên của Thường hành Tam muội, là thiện nhân của Cửu phẩm vãng sanh. *Tiểu Kinh* đã huân tu ở Tỷ Duệ mấy trăm năm, khắp hơn sáu mươi châu, trên dưới không ai chẳng kính. Thế mà người chuyên tu niệm Phật lại đem cải biến một cách tà vạy rồi truyền rộng ra đời. Niệm Phật vốn là căn bản của vạn hạnh chúng thiện, và ở Tỷ Duệ là chỗ nương tựa của bốn loại tam muội; tăng chúng nơi đây vốn luôn kính trọng các kinh này mà xưng danh lễ tán, dốc lòng tín tâm.

Trong các kinh thuyết vãng sanh Tịnh độ, hai kinh được phía Phật giáo Hiện – Mật biết đến và dùng nhiều nhất là *Quán Kinh* và *Tiểu Kinh*.

- *Quán Kinh*, đối với thượng phẩm – trung phẩm trong Cửu phẩm vãng sanh, khuyến từ tâm bất sát, đọc tụng Đại thừa, kiên trì tịnh giới, hiếu dưỡng cha mẹ.

- *Tiểu Kinh* thì thuyết bảy ngày nhứt tâm bất loạn chấp trì danh hiệu, đến khi lâm chung Phật A Di Đà cùng thánh chúng hiện ra trước mặt.
- Lại trong *Đại Kinh*, đối với người thuộc thượng – trung phẩm cũng khuyến các thiện như lìa nhà ly dục, tu các công đức, đọc tụng Đại thừa, kiên trì tịnh giới, hiếu dưỡng cha mẹ.

Đối lại điều ấy, Thân Loan theo sự chỉ dạy của Nguyên Không mà đứng trên lập trường rằng cách hiểu về “Tịnh độ tam bộ kinh” của các tông Thánh đạo như trên chẳng phải là chơn ý của Phật. Điều Phật khuyến khích là niệm Phật của Tuyển Chọn Bốn Nguyên được thuyết trong *Đại Kinh*, còn *Quán Kinh* và *Tiểu Kinh* chỉ là phương tiện để dẫn vào bốn nguyện niệm Phật của *Đại Kinh*. Điều ấy chính Thân Loan đã tự mình gạn lọc, kiểm chứng qua sự thể nghiệm nơi tự thân, và nó chạm đến nền tảng căn bản của *Giáo Hành Tín Chứng*.

Ở quyển Hóa Thân Độ, điều này được biết đến rộng rãi với tên “tam nguyện chuyển nhập”. Nghĩa là Thân Loan, nhờ sự dẫn dắt của các bậc cao tăng Tịnh độ, từ *Tịnh Độ Luận* của Thế Thân đến *Tịnh Độ Luận Chú* của Đàm Loan, đã đi từ *Quán Kinh* (nguyện thứ 19, căn cơ tà định tụ, vãng sanh dưới rừng song thọ), qua *Tiểu Kinh* (nguyện thứ 20, căn cơ bất định tụ, nan tư vãng sanh, phương tiện), mà cuối cùng đạt đến *Đại Kinh* (nguyện thứ 18, căn cơ chánh định tụ, nan tư nghì vãng sanh, chơn thật). Đó chính là sự “chuyển nhập” từ nguyện 19, nguyện 20, quy về nguyện 18.

Về điều ấy, Thân Loan tự thuật như sau:

“Vì vậy, Ngu Ngốc Thích Loan, kính cần nương theo giải nghĩa của Luận chủ, dựa vào sự giáo hóa khuyên dụ của Tông sư, từ lâu đã bước ra khỏi giả môn của vạn hành – chư thiện, mãi lìa xa vãng sanh dưới rừng song thọ; hồi

nhập vào chơn môn của thiện bốn – đức bốn, một mực phát tâm nan tư vãng sanh. Nhưng nay lại đặc biệt ra khỏi chơn môn của phương tiện mà chuyển nhập vào biển bốn nguyện Tuyền Trạch, mau chóng lìa tâm nan tư vãng sanh, mong thành tựu nan tư nghì vãng sanh. Lời thề quả toại, thật có nguyên do thay!” (như trên, tr. 356)

Có lẽ Long Khoan, Thánh Giác, những người bạn đồng môn của Thân Loan, cũng đã trải qua nấc thang chuyển hóa này.

Thân Loan kêu gọi các học giả Nam Đô – Bắc Lãnh cùng hàng thức giả đương thời hãy bước ra khỏi cánh cửa phương tiện của Quán Kinh và Tiểu Kinh để nương vào Đại Kinh mà quy nhập về chân lý của bốn nguyện niệm Phật. Hơn thế nữa, ngài chỉ ra rằng: hành giả bốn nguyện niệm Phật theo *Đại Kinh* thì vãng sanh chơn Phật độ (báo độ); còn hành giả nghi bốn nguyện mà cố chấp vào phương tiện của *Quán Kinh*, *Tiểu Kinh* cũng chẳng bị loại trừ, họ sẽ tạm dừng lại nơi phương tiện hóa thân độ (hóa độ) giả lập, nhận sự giáo hóa.

Như vậy thì, Nguyên Không, người khuyến khích Tuyền Chọn Bốn Nguyện mà bị Nam Đô – Bắc Lãnh đàn hặc, bị hạ nhục suốt cả hai đời hiện tại và tương lai, chính là người được đón vào chơn Phật độ. Còn các Phật giáo đồ Nam Đô – Bắc Lãnh nghi báng bốn nguyện thì được dẫn vào hóa thân độ, trú nơi nghi thành thai cung, rồi dần dần cũng sẽ được đón vào chơn Phật độ. Thân Loan một mặt răn dạy những người trái nghịch bốn nguyện, trách cứ người niệm Phật mà nghiêm khắc đòi kết tội. Mặt khác ngài khuyến khích họ phát khởi lòng tin chơn thật để thoát khỏi bại hoại và chuyển nhập từ hóa độ vào chơn Phật độ.

## KHOẢN CHÍN - NIỆM PHẬT KHIẾN QUỶ THẦN MẤT TINH KHÍ, CỎ CÂY LÚA MẠCH SUY TÀN

*Về sự phê phán liên quan đến Phật pháp và vương pháp: dẫn Đại*

Tập Kinh mà nói niệm Phật khiến Phật pháp và quý thần mất tinh khí, cò cây lúa mạch suy tàn, người ăn vào thành bất chính.

Ở tập mạt quyển Hóa Thân Độ, Thân Loan đã trích dẫn *Đại Phương Đăng Đại Tập Kinh* (*Đại Tập Kinh*), quyển thứ 6, phần Nguyệt Tạng, phẩm Chư Thiên Vương Hộ Trì: “Phật, ở khắp hết thầy quốc độ trong cõi Diêm Phù Đề này, an trí phân bố các hàng quý thần kia để hộ trì, nhằm bảo vệ hết thầy chúng sanh.” (như trên, tr. 376) Tiếp đó dẫn: “(Đức Phật kia) vì hộ trì, vì dưỡng dục, vì thương xót chúng sanh, vì khiến hạt giống Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, vì khiến hưng thịnh, nên khiến ba tinh khí của đất, của chúng sanh, của chánh pháp được an trụ lâu dài và tăng trưởng.” (như trên, tr. 377)

Bên cạnh đó, Thân Loan còn trích dẫn tường tận *Đại Tập Kinh* về việc ba tinh khí của đất, chúng sanh và chánh pháp tăng trưởng nhờ sự hưng thịnh của Tam Bảo. Có lẽ đây là để bác bỏ thuyết mà “Đại chúng giải” tố cáo, rằng niệm Phật thịnh hành khiến tinh khí của Phật pháp, quý thần suy yếu. Trong khi bản “Đại chúng giải” dựa vào *Đại Tập Kinh* mà phê phán rằng niệm Phật thịnh hành làm suy yếu tinh khí của Phật pháp, Thân Loan cũng căn cứ vào chính *Đại Tập Kinh* mà cho rằng: sự quy hướng về niệm Phật giúp tăng trưởng ba tinh khí của đất, chúng sanh và chánh pháp.

### KHOẢN MƯỜI - HƯNG LONG GIÁO HÀNH CỦA TÁM TÔNG THÌ PHẬT PHÁP VÀ VƯƠNG PHÁP ĐỀU HƯNG THỊNH

*Về lời tố rằng:* nếu hưng long giáo hành của tám tông thì Phật pháp và vương pháp đều hưng thịnh muôn năm, thiên thần địa thần sẽ đem lại sự thịnh vượng cho một triều.

Phải chăng để đối ứng lại cách dùng từ “hưng long giáo hành của tám tông”, Thân Loan đã đề xuất “giáo hành chứng” chơn thật của Tịnh độ, và bắt tay vào trước tác *Hiển Tịnh Độ Chơn Thật*

*Giáo Hành Chứng Văn Loại*. Ở quyển Hóa Thân Độ, ngài đã khẳng định: “Các giáo của Thánh đạo thì hành và chứng đã phế bỏ từ lâu, còn Chơn Tông của Tịnh độ thì chứng đạo nay đang thịnh.” (như trên, tr. 398) Dù “giáo hành” của tám tông có hưng long, thì “hành chứng” của tám tông có thực hiện được chăng?

Và trong “Đại chúng giải” năm Kiến Bảo thứ 5 từng chỉ trích rằng người chuyên tu niệm Phật “làm trái nghịch với thuần phong mỹ tục trị thế, đối với hóa thân chư Phật thì hành xử bạo ngược”. “Hóa thân” mang hàm ý rất sâu xa, và dường như Thân Loan đã lấy chính từ ngữ này để đặt tên cho quyển “Hóa thân độ”. Nếu đối ứng với “chơn Phật độ” thì lẽ ra nên đặt tên “giả Phật độ” hay “giả thân độ” mới thích hợp. Phải chăng cái lòng tự phụ mà phía Phật giáo Hiện – Mật ôm giữ nhờ sự tinh tấn, tu đạo của tự thân chính là sự chấp trước vào “hóa thân”? Hóa thân độ, có lẽ chính là cội được Phật tạm thời thiết lập làm nơi quy hướng của những kẻ bị vướng vào lòng tự phụ, khoắc lấy vẻ “hóa thân” để dẫn thân vào “nan hành”.

Ở cuối lời tựa sau (後序):

“Vì vậy, tôi chép lấy phần thuyết của Chơn Tông, thu lấy phần yếu của Tịnh độ; chỉ nghĩ đến ơn Phật sâu dày mà chẳng hổ trước lời cười nhạo của người đời. Nếu ai thấy nghe sách này, xin lấy tín thuận làm nhân, lấy nghi báng làm duyên, mà hiển bày tín lạc nơi nguyện lực, hiện rõ diệu quả nơi cõi An Dưỡng.” (Thánh điển, tr. 399–401)

Tám lòng ấy hẳn là rộng và sâu vô hạn.



## CHƯƠNG VII - SỰ TÍCH VÀ THÂN THỂ CỦA THÂN LOAN

### TIẾT 1 - ĐỌC TỤNG “TỊNH ĐỘ TAM BỘ KINH” VÀ BẠN ĐẠO ĐÔNG QUỐC

Hãy thử lần theo những dấu chân của Thân Loan trước và sau thời điểm “Đại chúng giải” được thượng tấu vào năm Kiến Bảo thứ 5 (1217). Theo *Huệ Tín Ni Tiêu Túc*, ba năm trước đó, vào năm Kiến Bảo thứ 2 (1214), Thân Loan cùng Huệ Tín Ni từ Việt Hậu hướng về Quan Đông, đã đến Tá Quán Trang thuộc Thượng Dã quốc (nay là thị trấn Minh Hòa, quận Ấp Lạc, tỉnh Quảng Mã). Giữa ngài và Huệ Tín Ni đã sanh được Tín Liên Phòng (4 tuổi) và người chị của cậu (về sau là Tiểu Hắc nữ phòng).

Ở đây, Thân Loan vì lợi ích chúng sanh mà phát nguyện trì tụng 1.000 bộ “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh”, rồi trang nghiêm oai nghi bắt đầu đọc tụng. *Đại Kinh* thượng hạ 2 quyển, *Quán Kinh* 1 quyển, *Tiểu Kinh* 1 quyển, tổng cộng 4 quyển; nếu đọc tụng 1.000 thì lên đến 4.000 quyển. Kinh văn ấy hẳn là bộ “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh” dạng cuộn trục mà Thân Loan đã tự tay sao chép cẩn trọng ở chỗ Nguyên Không. Nếu tính ngày đêm đọc gộp 6 bộ, thì để đạt 1.000 bộ hẳn phải mất 5 tháng. Thế nhưng chỉ mới tụng kinh được 4, 5 ngày, Thân Loan đã quyết định từ bỏ việc đọc tụng, rồi lên đường hướng về Thường Lạc quốc.

Việc đọc kinh vì lợi ích chúng sanh, từ xưa đã được thực hành

rộng rãi, chẳng kể công hay tư. Hễ nói tu hành Phật đạo, tu các công đức, thì ắt có đọc kinh đi kèm. Ngay ở Diên Lịch Tự, từ khi Tối Trùng khai sáng, việc ngày đêm đọc tụng *Pháp Hoa Kinh*, *Tối Thắng Vương Kinh*, *Đại Nhật Kinh* đã thành thời khóa hằng ngày của tăng nhân phái Thiên Thai. Thân Loan cũng từng làm đường tăng (vị tăng giữ điện Phật) suốt nhiều năm ở Hoành Xuyên, núi Tỷ Duệ, tham gia Thường Hành Tam muội và Pháp Hoa Tam muội. Theo phép tắc mà Viên Nhân truyền từ núi Ngũ Đài bên Đường, ngài xướng *Kinh A Di Đà* theo lối dẫn thanh, Hán âm xen lẫn niệm Phật, và hành Pháp Hoa sám pháp theo *Pháp Hoa Kinh* và *Quán Phổ Hiền Kinh*. Lại nữa, *Quán Kinh* thuyết rằng muốn đạt thượng phẩm thượng sanh thì “đọc tụng kinh điển Đại thừa phương đẳng”. Việc đọc tụng kinh điển có sự tôn nghiêm: theo thông lệ thì cần gột sạch thân tâm, đổi sang y phục thanh tịnh, trang nghiêm trong giảng đường mà nghinh đón bốn tôn, là tượng khắc hoặc tượng vẽ, rồi ngồi nơi lễ bàn mà hành sự.

Việc Thân Loan, vào năm Kiến Bảo thứ 2, ở Tá Quán Trang thuộc Thượng Dã quốc, phát nguyện đọc tụng 1.000 bộ “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh” vì lợi ích chúng sanh, là việc xảy ra 13 năm sau khi ngài quy y giáo pháp Tuyển Chọn Bốn Nguyện của Nguyên Không. Trong khoảng thời gian ấy, Thân Loan đã ở chỗ Nguyên Không mà sao chép “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh” và chuyên chú đọc kỹ. Như vậy, Thân Loan từ Việt Hậu đến tận Tá Quán, Thượng Dã quốc, phát nguyện đọc tụng 1.000 bộ “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh”, nhưng chỉ vài ngày sau đã nghĩ lại và dừng hẳn. Ấy là vì ngài đã nghĩ đến câu trong *Vãng Sanh Lễ Tán* của Thiện Đạo:

“Tự mình tin mà dạy người khác tin,  
trong cái khó lại càng khó hơn.  
Đại bi hoằng hóa khắp cùng,  
mới thật là báo đáp ơn Phật.”

(Thánh điển, tr. 247)

Nếu muốn truyền dạy cho người khác, trước hết phải tự mình nghe kỹ giáo pháp, rồi mới khiến người khác tin. Đó mới thật là báo đáp ơn Phật. Nói cách khác, chỉ có việc tự mình tin và xưng danh hiệu Phật “Nam mô A Di Đà Phật”, hạnh của Tuyển Chọn Bốn Nguyên, rồi khuyến khích người khác xưng danh hiệu ấy mà thôi. Vậy thì còn thiếu gì mà phải đặc biệt gắng sức đọc kinh? Đó chẳng qua là việc làm của lòng tự phụ, tự tôn, chưa tỉnh ngộ trước công năng từ bi rộng lớn của Phật. Nhận ra như thế, Thân Loan thôi đọc kinh, rời khỏi Tá Quán, Thượng Dã quốc mà đi đến Thường Lục quốc.

Việc Thân Loan rời Việt Hậu hướng về Quan Đông là vào năm Kiến Lịch thứ 2 (1212), 2 năm sau khi Nguyên Không tịch. Đường đi: từ quận Cảnh Thành (頸城) ở Việt Hậu đi xuống phía nam, vào quận Trúc Ma (筑摩) thuộc Tín Nông, ra cánh đồng Thiện Quang Tự. Từ đó, dường như ngài đã qua Cánh Khoa (更科), Thượng Điền (上田), rồi từ quận Tá Cửu (佐久) vượt đèo Đồi Băng (碓氷峠) mà vào Thượng Dã quốc.

Tại Đại Hồ (大胡, nay là thành phố Tiền Kiều, tỉnh Quần Mã) thuộc Thượng Dã có Đại Hồ Tiểu Tứ Lang Long Nghĩa và con là Thái Lang Thật Tú; ở Lan Điền (蘭田, thành phố Đồng Sanh) có Lan Điền Thái Lang Thành Gia, đều là ngự gia nhân và là đệ tử có quyền thế của Nguyên Không. (*Pháp Nhiên Thượng Nhơn Hành Trạng Hội Đồ*, quyển 25, 26; *Pháp Truyện Toàn*, tr. 152–)

Đại Hồ Long Nghĩa cùng Thật Tú và vợ Thật Tú đều nhận được những lá thư ân cần Nguyên Không gửi riêng cho mỗi người. Long Nghĩa khi lên kinh đã được Nguyên Không khuyến hóa ở thiền thất Cát Thủy và phát khởi niềm tin sâu xa vào pháp môn niệm Phật. Nhưng vì có điều chưa rõ, ông nhờ Đạo Biến ở Sáp Cốc làm trung gian mà hỏi Nguyên Không, và nhận được thư trả lời tường tận về ba tâm gồm chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm của *Quán Kinh* trở xuống. Thái Lang Thật Tú

cũng đem điều chưa rõ về niệm Phật viết thư hỏi Nguyên Không, và có được thư đáp chỉ bảo ân cần (“Thư trả lời gửi Thái Lang ở Đại Hồ”, *Tây Phương Chỉ Nam Sao*, hạ bản).

Một trong những điểm cốt yếu là mối quan hệ giữa “ba tâm đầy đủ” mà *Quán Kinh* thuyết và “chân thật tâm” mà Thiền Đạo nói. Ở đó, sau khi giải thích tường tận nội dung ba tâm, có nói: “Khi phân chia thành ba tâm thì tuy có vẻ riêng biệt như thế, nhưng chỗ cốt yếu là: khởi tâm chân thật, tin sâu bốn nguyện mà nguyện cầu vãng sanh, cái tâm ấy mới gọi là tâm đầy đủ ba tâm.” (Chơn Thánh Toàn, tập 4, tr. 192) Đó cũng là cùng một ý với câu trong *Nhứt Mai Khởi Thỉnh Văn* mà về sau Nguyên Không viết: “Cái gọi là tam tâm tứ tu (cung kính tu, vô dư tu, vô gián tu, trường thời tu), hết thảy đều nằm trong cái tâm quyết định rằng nhờ Nam mô A Di Đà Phật mà được vãng sanh.” (Thánh điển, tr. 962)

Lại nữa, trong hạnh vãng sanh có chánh hạnh và tạp hạnh; chánh hạnh gồm 5 chánh hạnh: đọc tụng “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh”, quán sát, lễ bái, xưng danh, tán thán cúng dường; tất cả được chia thành 2 loại: chánh định nghiệp và trợ nghiệp. Chánh định nghiệp là nhứt tâm chuyên xưng danh hiệu Di Đà, đi đứng nằm ngồi, ngày đêm chẳng quên, niệm niệm chẳng bỏ. Trợ nghiệp là lễ bái, đọc tụng, quán sát, tán thán cúng dường ngoài việc xưng danh. Xưng danh, tức niệm Phật, được xác định là chánh định nghiệp; còn đọc tụng “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh” là trợ nghiệp. Từ nội dung những bức thư ân cần ấy của Nguyên Không, có thể thấy câu hỏi của Đại Hồ Thật Tú xuất phát từ mối nghi thường ngày, liên quan đến chỗ cốt yếu của Tịnh độ tông. Thật Tú cung kính lãnh thọ bức thư ấy của Nguyên Không, nhứt hướng niệm Phật, và được nói là đã vãng sanh vào năm Khoan Nguyên thứ 4 (1246). Có lẽ ngài cùng tuổi với Thân Loan.

Phu nhân của Thật Tú cũng gửi thư đến chỗ Nguyên Không hỏi về điều chưa rõ trong niệm Phật, và nhận được thư đáp tường

tận (*Tây Phương Chỉ Nam Sao*, hạ bốn, “Thư trả lời về việc niệm Phật”). Trong thư, ngài dẫn văn *Đại Kinh*, *Quán Kinh*, cùng *Quán Kinh Sớ* và *Vãng Sanh Lễ Tán* của Thiện Đạo để trả lời rằng:

“Để vãng sanh Cực Lạc, dù là hạnh gì đi nữa cũng chẳng có gì hơn niệm Phật. Vì sao? Vì niệm Phật chính là hạnh của bốn nguyện Di Đà.” (Chơn Thánh Toàn, tập 4, tr. 181).

“Vì là bốn nguyện của Phật, nên cậy nhờ nguyện lực mà vãng sanh thì dễ. Vậy nên chỗ cốt yếu là nếu chẳng phải Cực Lạc thì chẳng thể lìa sanh tử, và nếu chẳng phải niệm Phật thì chẳng thể sanh về Cực Lạc.” (như trên, tr. 182).

Trong *Hòa Ngữ Đẳng Lục*, bức thư này được đặt tên là “Thư hồi âm gửi đến người vợ của Thái Lang Thật Tú ở Đại Hồ” (như trên, tr. 181, phần chú thích).

Về phần Lan Điền Thái Lang Thành Gia, vào mùa thu năm Chánh Trị thứ 2 (1200), nhân dịp lên kinh làm đại phiên cần sĩ (nghĩa vụ luân phiên lên kinh túc trực canh gác), ông đã được Nguyên Không giáo hóa mà xuất gia làm đệ tử. Khi ấy ông 28 tuổi, tức bằng tuổi với Thân Loan. Năm Nguyên Cửu thứ 2 (1205), ông về lại quê nhà, khuyến hóa hơn 20 gia tử và thuộc hạ cùng xuất gia, dựng am thất ở Tiểu Thương (小倉, nay là Ogura, thành phố Đồng Sanh) thuộc ngự trù Tều Trường (酒長御厨), một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà nên được người đời tôn kính gọi là “Thượng Nhơn Tiểu Thương”. Cách am thất hơn một đình (町, chừng 109 mét) về phía tây, ông dựng một ngự đường một gian bốn mặt, mở cửa am thất đối diện với cửa bên của ngự đường, xem ngọn đèn trước Phật như ánh sáng nhiếp thủ, tụng câu “quang minh biến chiếu thập phương thế giới”, ngoài niệm Phật chẳng làm việc gì khác, rồi mất vào năm Bảo Trị thứ 2 (1248), thọ 75 tuổi.

Ngoài ra, ở phần cuối quyển hạ *Tây Phương Chỉ Nam Sao* mà Thân Loan chép lại, có chép bức thư của Nguyên Không gửi Tân

Hộ Tam Lang, đề “Thư hồi âm cho ngài Tân Hộ Tam Lang”. Tân Hộ Tam Lang được gọi là “đệ tử căn bản của Thánh Nhơn (Nguyên Không)” (như trên, tr. 260). Ông là cư dân của Vũ Tàng quốc, một bề tôi của tướng Nguyên Lại Triều, có chiến công từ trận Thạch Kiều Sơn. Năm Kiến Cừu thứ 6 (1195), nhân dịp hộ tống lên kinh đô dự đại lễ cúng đường chùa Đông Đại, ông đã được nghe giáo pháp của Nguyên Không.

Về sau có tin đồn rằng Nguyên Không khuyên niệm Phật cho những kẻ vô trí như Hùng Cốc Trục Thật hay Tân Hộ Tam Lang, còn với người có trí thì không như thế phải giới hạn ở niệm Phật. Tam Lang đem điều chưa rõ ấy viết thư hỏi Nguyên Không. Đây là thư đáp của Nguyên Không, mở đầu rằng: “Đó là điều lệch lạc đến cùng cực. Vì hạnh niệm Phật vốn chẳng hạn ở người có trí hay vô trí. Bốn nguyện mà đức Phật A Di Đà đã phát từ thuở xa xưa cũng là vì khắp thấy tất cả chúng sanh. Ngài chưa từng phát nguyện pháp niệm Phật là dành riêng cho kẻ vô trí, còn những hạnh tu sâu xa khác là dành riêng cho người có trí.” (như trên, tr. 209) Rồi thư nói tường tận rằng không có sự phân biệt có trí – vô trí, có tội – vô tội, người thiện – người ác, trì giới – phá giới, tôn – ti, nam – nữ. Lại nữa, lời dạy cũng bao hàm toàn bộ chúng sanh từ thời Phật tại thế, chúng sanh thời gần đây sau Phật diệt, cho đến chúng sanh của thời sau vạn năm thời mạt pháp của Thích Ca khi Tam Bảo thấy đều diệt tận.

Mùa thu năm Nguyên Cừu thứ 2 (1205), Vi Thủ (Tamemori) mời hai đệ tử của Nguyên Không là Tịnh Thắng Phòng và Duy Nguyên Phòng đến Vũ Tàng quốc mà mở hội bất đoan niệm Phật. Vì có tin rằng Vi Thủ phỉ báng các tông Thánh đạo mà hưng chuyên tu niệm Phật, nên có người sàm tố lên Tướng quân gia (Nguyên Thật Triều), khiến ông bị triệu tập thẩm vấn. Vi Thủ liền cử người cấp báo Nguyên Không để hỏi cách đối đáp, thì được ngài chỉ tường tận rằng: kẻ tại gia chẳng biết pháp môn, muốn lìa sanh tử mà

vãng sanh Cực Lạc thì không có gì ngoài niệm Phật.

Đến tháng 4 năm sau thì chiếu chỉ được ban xuống. Vi Thủ bị thẩm vấn tại Ngự sở với tội danh dụng nơi niệm Phật và cho bọn nhút hướng chuyên tu cư trú, nhưng vì trả lời trôi chảy nên thành ra chuyên tu niệm Phật không có vấn đề gì sai phạm. Điều này cho thấy giữa lúc lệnh cấm niệm Phật tại Kinh Đô, pháp chuyên tu niệm Phật ở cả đất Quan Đông cũng phải chịu sự nghi ngờ và bị tra xét rất ngặt.

Sau đó, tháng Giêng năm Kiến Bảo thứ 7 (Thừa Cừu nguyên niên, 1219), nhân cái chết của Tướng quân Thập Triều, Tân Hộ Tam Lang Vi Thủ được phép mà xuất gia. Pháp danh của ông do chính ngài Nguyên Không ban cho là “Tôn Nguyên”. Để cầu siêu cho Thập Triều, phu nhân Bắc Điều Chính Từ đã trao di cốt của tướng quân cho Vi Thủ mà cúng tế. (*Pháp Nhiên Thượng Nhơn Hành Trạng Hội Đồ*, quyển 28; *Pháp Truyện Toàn*, tr. 175). Như vậy, vị tướng quân từng tra hỏi người niệm Phật là Vi Thủ thì bị ám sát, rồi di cốt của ông lại được mẹ là Nhị Phẩm Thiên Ni Chính Từ giao phó cho chính người niệm Phật Tân Hộ Tam Lang Vi Thủ mà cúng tế.

Vi Thủ có lòng hoài niệm Nguyên Không sâu đậm, thường ngày đọc thư của Nguyên Không mà tha thiết cầu sanh Tịnh độ. Về sau, từ ngày 28 tháng 10 năm Nhân Trị thứ 3 (1242), ông bắt đầu khóa như pháp niệm Phật 21 ngày. Đến đêm kết nguyện, ông cất cao tiếng niệm Phật ở đạo tràng rồi tự sát. Nhưng lạ thay vẫn còn sống, và vãng sanh vào ngày rằm tháng Giêng năm sau.

Trong phần cuối quyển hạ *Tây Phương Chỉ Nam Sao*, sau khi chép thư đáp của Nguyên Không gửi Tân Hộ Tam Lang, Thân Loan ghi thêm như sau:

“Người gọi là Tam Lang ở Tân Hộ là cư dân của Vũ Tàng quốc. Ba người gồm Đại Hồ, Sáp Cốc, Tân Hộ là đệ tử căn

bản của Thánh Nhơn. Tân Hộ, ở tuổi 81, đã tự sát mà thành tựu vãng sanh một cách tốt đẹp. Nghe đâu ngài chọn mất vào đúng độ tuổi mà Cố Thánh Nhơn đã vãng sanh. Có lẽ là vào khoảng ngày 25 tháng Giêng? Cần phải tìm hiểu kỹ càng rồi ghi chép lại.

Khang Nguyên nguyên niên, ngày mồng 8 tháng 11 - Ngu Ngốc Thân Loan kính ghi.”

(Chơn Thánh Toàn, tập 4, tr. 260)

Đó là phần ghi thêm khi Thân Loan sao chép phần cuối quyển hạ *Tây Phương Chỉ Nam Sao*, vào tháng 11 năm Khang Nguyên nguyên niên (1256). Ba người Tân Hộ Tam Lang ở Vũ Tàng, Đại Hồ Thái Lang Thập Tú ở Thượng Dã, Sáp Cốc Đạo Biến ở Tương Mô được xem là đệ tử căn bản của Nguyên Không. Việc Tân Hộ Tam Lang thành tựu vãng sanh bằng cách tự sát một cách bí tráng ở 81 là chuyện hơn 20 năm trước năm Khang Nguyên nguyên niên; khi ấy Thân Loan đã về Kinh Đô và đã 71 tuổi. Thân Loan nghe truyền lại việc tự sát vãng sanh của Tân Hộ Tam Lang, và cho rằng phải chăng Tam Lang đã nhắm tới việc xả thọ tương đồng với tuổi thọ 80 và ngày mất 25 tháng Giêng của thầy Nguyên Không, nên ngài đã ghi chú thêm rằng cần phải xác minh kỹ lưỡng để lưu lại cho đời sau.

## TIẾT 2 - LOẠN THỪA CỬU VÀ THUYẾT “KHÚC SỰ”

Lại nói, vào đầu tháng Giêng năm Kiến Bảo thứ 7 (Thừa Cừ nguyên niên, 1219), tướng quân Thập Triều bị ám sát ở Hạc Cường Bát Phan Cung. Nhân cơ hội đó, Thượng hoàng Hậu Điều Vũ dò xét thời cơ lật đổ Mạc phủ, dẫn đến loạn Thừa Cừ bùng nổ vào tháng 5 năm Thừa Cừ thứ 3 (1221). Quân Mạc phủ tiến đánh từ ba đạo Đông Hải, Đông Sơn, Bắc Lục mà chế áp Kinh Đô, xử tội lưu đầy ba Thượng hoàng Hậu Điều Vũ, Thuận Đức, Thổ Ngự Môn đến Tam Đảo, hoàng tử Nhã Thành Thân Vương thì bị lưu đầy đến

Đản Mã.

Về việc này, trong dân gian lan truyền tin đồn rằng đây chính là quả báo nhãn tiền của việc Thượng hoàng Hậu Điều Vũ, trước kia đã khơi mào pháp nạn năm Thừa Nguyên mà xử phạt ngài Nguyên Không cùng đệ tử chịu cảnh lưu đày và án tử hình. *Thập Di Cổ Đức Truyện*, quyển 7, truyền lại như sau:

“Trong cơn nhiễu loạn Thừa Cừ, khi Đông Di dẹp yên kinh đô, thì vua ở giữa hòn đảo Bắc Hải, bao năm đau lòng khổ tâm. Còn bề tôi thì ở ven đường tiến về mạn đông mà một lúc mất mạng. Lỗi trước chẳng sai, đời sau nên nghe cho rõ vậy. Phàm hễ mỗi phen có lệnh cấm chỉ niệm Phật thì chẳng khi nào chẳng có hung sự giáng xuống. Người người đều biết điều ấy. Chẳng thể kể hết ra được, khó mà chép hết đầu đuôi bằng ngọn bút. Nhưng vì ‘việc trước chẳng quên chính là thầy của việc sau’, vì mối lợi cho đời cho người, dẫu có điều e ngại, ta cũng xin ghi lại đôi dòng nơi đây.”

(*Thập Di Cổ Đức Truyện*, phần cuối lời tựa bức họa “Hình phạt của Trụ Liên, An Lạc và điềm lạ của việc ấy”; Pháp Truyện Toàn, tr. 630)

Câu nói “Phàm hễ mỗi phen có lệnh cấm chỉ niệm Phật thì chẳng khi nào chẳng có hung sự giáng xuống”, tức mỗi khi triều đình có lệnh cấm niệm Phật thì quốc gia có việc chẳng lành. Đây vốn là điều bách tính ai nấy đều thấu hiểu, không thể kể xiết từng chi tiết một. Luận điểm này dường như được khởi xướng và lan truyền mạnh mẽ từ chính giới tu sĩ niệm Phật, những người từng chịu hàm oan và bị triều đình định tội.

Nói đến mối liên hệ giữa lệnh đình chỉ niệm Phật và những biến cố tai ương, thì vào tháng 5 năm sau lệnh đình chỉ niệm Phật năm Thừa Nguyên nguyên niên (1207), ngọn tháp Bát giác Cừ

trùng của Pháp Thắng Tự ở Bạch Hà, Kinh Đô, đã bị sét đánh cháy rụi. Lúc ấy, Thượng hoàng Hậu Điều Vũ đội mưa cười ngựa chạy đến Pháp Thắng Tự; các công khanh cũng vội vã đến hiện trường. Đăng Nguyên Định Gia cũng là một trong số đó, và đã cảm thán trong *Minh Nguyệt Ký*: “Đạo tràng trấn hộ quốc gia, bảo tháp vô song trong nước, nay diệt vong vì lửa sét. Đáng buồn thay, đáng sợ thay.” Chương Huyền, chấp hành của Pháp Thắng Tự, vì quá kinh hãi mà tắt thở. Đó là ngay sau khi Từ Viên được mời đến ngự sở của Viện mà hoàn tất một pháp hội quan trọng. Toàn thành khi ấy đều rung động.

Tiếp theo đó là việc đại chúng Diên Lịch Tự thượng tấu xin đình chỉ niệm Phật vào năm Kiến Bảo thứ 5 (1217). Đến tháng Giêng năm thứ 7 (Thừa Cừ nguyên niên), Tướng quân Thập Triều bị ám sát ngay trong lúc đi lễ mừng năm mới tại đền ở Hạc Cương Bát Phan (Tsurugaoka Hachiman). Tiếp ngay sau đó là biến loạn năm Thừa Cừ thứ 3 dẫn đến việc Thượng hoàng Hậu Điều Vũ bị lưu đày đến Ấn Kỳ. Nếu đằng sau đó có liên quan đến việc Mạc phủ tra hỏi biệt thời niệm Phật mà Tân Hộ Tam Lang tổ chức, thì có lẽ tin đồn “hễ mỗi phen có lệnh cấm chỉ niệm Phật thì chẳng khi nào chẳng có hung sự giáng xuống” đã lan từ Kinh Đô đến cả Liêm Thương.

Sau loạn Thừa Cừ, trải qua các năm Trinh Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên, 1224) và Gia Lộc thứ 3 (1227), Diên Lịch Tự tổ xin cấm niệm Phật mà tuyên chỉ trực xuất người niệm Phật được ban xuống, Long Khoan bị quy làm kẻ đứng đầu mà lưu đày đến Áo Châu. Sự nghi ngờ, công kích đối với người niệm Phật ở Kinh Đô, Liêm Thương chưa từng dứt.

Về sau, sau khi Thân Loan về Kinh Đô, giữa các môn đệ ở Quan Đông có sự tranh luận xoay quanh “hiền thiện tinh tấn”, “tạo ác vô ngại”. Vụ việc đi đến kiện tụng tại Liêm Thương khiến đệ tử của Thân Loan là Tánh Tín Phòng phải bôn ba lo liệu. Vào dịp ấy,

Thân Loan có bức thư ủy lạo Tánh Tín, viết như sau:

“Dẫu vậy, phàm hễ mỗi phen có lệnh cấm chỉ niệm Phật thì chẳng khi nào chẳng có hung sự giáng xuống. Chính vì có ấy, càng phải nương tựa sâu xa nơi niệm Phật, dốc lòng cầu nguyện cho thế gian an ổn, cùng nhau đồng tâm xưng niệm Phật hiệu, đó mới chính là điều phải lẽ. Xem qua nội dung thư từ cùng bản trần tình đại thể, thầy thấy con đã suy xét và xử lý mọi việc vô cùng chu đáo. Thầy rất mừng. Xét cho cùng, chẳng riêng gì các con, mà tất cả những ai xưng niệm danh hiệu Phật, dẫu chẳng màng nghĩ đến lợi ích riêng của bản thân mình, nhưng nếu vì triều đình, vì quốc dân trăm họ mà cùng nhau hợp sức xưng niệm Phật hiệu thì thật đáng mừng thay. Người nào còn chưa chắc chắn về vãng sanh, thì trước hết hãy nghĩ đến sự vãng sanh của chính mình mà niệm Phật. Người nào đã chắc chắn về sự vãng sanh của mình, thì khi nghĩ đến ân đức của Phật, để báo ân, hãy dốc lòng niệm Phật mà nghĩ rằng: mong cho thế gian được an ổn, mong cho Phật pháp được lan rộng. Thầy thiết nghĩ nên là như vậy. (lược) Kính thư, kính thư.”

Ngày mùng 9 tháng 7 - Thân Loan gửi Tánh Tín  
Ngự Phòng

(*Ngự Tiêu Túc Tập*, Quảng bốn; Thánh điển, tr. 568-569)

Lời dạy trên nhắc đến việc khi niệm Phật bị quan phủ cấm chỉ thì trong đời liền dấy khởi những “khúc sự” (kusegoto). Từ “khúc sự” ở đây ắt hẳn chỉ những “hung sự”, tai ương biến loạn. Nhưng dù vậy, Thân Loan không bảo mọi người vì thế mà trông chờ tai họa giáng xuống cõi đời, mà phải lấy niệm Phật làm nơi nương tựa sâu xa, cùng nhau nhứt tâm cầu nguyện cho thế gian được thái bình an ổn. Câu “hễ mỗi phen có lệnh cấm chỉ niệm Phật thì

chẳng khi nào chẳng có hung sự giáng xuống” là một cách diễn đạt vô cùng chừng mực, thấu đáo. Chú ý là: người đã đạt được tâm niệm Phật sâu xa (người có tín tâm) thì chẳng để tâm đến việc riêng của bản thân, mà mong muốn cùng nhau niệm Phật vì triều đình, vì quốc dân. Đây chính là lời răn dạy sâu sắc rằng: dù có bị nghi ngờ, công kích vì là người niệm Phật, cũng chẳng nên ôm lòng oán hận mà mong tai họa giáng xuống kẻ khác.

### TIẾT 3 - BÀN LẠI THUYẾT NIỆM PHẬT “VONG QUỐC”

Đối lại lời đồn cho rằng đình chỉ niệm Phật chuốc lấy điều chẳng lành, có thuyết xướng lên rằng sự lưu hành của niệm Phật đưa đến sự suy vong của đất nước. Trong bối cảnh chuyên tu niệm Phật của Nguyên Không lan rộng, đây chủ yếu là thuyết mà Diên Lịch Tự, nơi tổ xin cấm niệm Phật, đưa ra. Họ cho rằng niệm Phật theo lối tục có âm hưởng “ai đồng” hoặc “đăng phóng”, và sự lan truyền của lối niệm Phật thấp kém, trần tục này sẽ làm đất nước suy vong.

Thuyết này cho rằng điềm báo về sự hưng vong của nước hiện ra trong tiếng hát, âm hưởng của âm khúc, ca dao lưu hành trong đời. Đây lấy thuyết của *Kinh Thi*, *Lễ Ký* cổ đại Trung Quốc làm nguyên lý căn bản. Như đã nói trước, nó liên quan đến cả nghi thức triều đình, Kỳ Truyện đạo, Văn Chương đạo. Chính vì gắn liền với trật tự quốc gia và lý niệm chính trị cốt lõi, nó đã được dùng làm căn cứ cho quan điểm chính thức về việc đình chỉ niệm Phật.

Trước hết, hãy thử trích ra những chỗ đã tìm thấy về thuyết niệm Phật vong quốc từ trước đến nay:

1. Tháng 5 năm Kiến Bảo thứ 5 (1217), “Đại chúng giải Diên Lịch Tự”:

“(Những kẻ niệm Phật) bỏ đi kinh quyền đã thọ trì nhiều năm, không kỵ chẳng lễ bái tôn tượng đã phụng sự suốt đời, miệng thốt

ra âm bi thương mà làm trái nghịch với thuần phong mỹ tục trị thế, đối với hóa thân chư Phật thì hành xử bạo ngược mà trở thành mối hại cho nền trị an của quốc gia.”

2. Tháng 2 năm Kiến Bảo thứ 7 (1219), “Quan tuyên chỉ”:

“(Những người niệm Phật) là sa môn phá giới, đã kết đảng nơi đạo tràng, giả xưng hiệu Phật, bừa bãi tạo ra tà âm khiến lòng người phóng đảng buông lung.”

3. Tháng 5 năm Trinh Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên, 1224), “Đại chúng giải Diên Lịch Tự”:

“Lấy sự bi hoan của âm thanh mà biết được thịnh suy của đất nước. Tựa *Kinh Thi* nói: Âm của đời thịnh trị thì an mà lấy đó làm vui, bởi chính sự của nó hòa. Âm của đời loạn thì oán mà lấy đó mà phẫn, bởi chính sự của nó trái lìa. Âm của nước mất thì bi mà lấy đó mà tư lự, bởi dân của nó khốn khổ.’ Thế nhưng khi lắng nghe âm thanh niệm Phật đạo gần đây, thấy trái hẳn với âm thanh trị đời vô về muôn dân, đã ngập tràn âm hưởng ai đồng. Đây hẳn là âm thanh của nước mất.”

4. Tháng 7 năm Gia Lộc thứ ba (1227), “Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà”:

“Phàm nơi tòa sám hối của tăng ni lại tùy tiện ưa âm bi thương. Chẳng phải chỉ làm chán tai người trong trần thế, mà lại còn trái với yếu chỉ của chân tế. Không sửa đổi đi sao được, há lại để môn quy buông lỏng hay sao? Các điều luật thời thánh đại Hoàng Nhân còn ở trước mắt. Hãy lập tức hạ lệnh xuống khắp Ngũ Kỳ Thất Đạo mà bãi bỏ việc tụ tập xướng tụng ấy, và truy bắt ngay những kẻ vi phạm.”

Trong các văn trên, chỗ chạm đến cốt lõi của thuyết niệm Phật vong quốc là: (1) “miệng thốt ra âm bi thương... đối với hóa thân chư Phật thì hành xử bạo ngược mà trở thành mối hại cho nền

trị an của quốc gia”; (2) “giả xưng hiệu Phật, bừa bãi tạo ra tà âm khiến lòng người phóng đảng buông lung”; (3) “lấy sự bi hoan của âm thanh mà biết được thịnh suy của đất nước... âm thanh niệm Phật đạo gần đây... đã ngập tràn âm hưởng ai đồng”; (4) “tùy tiện ưa âm bi thương... lại còn trái với yếu chỉ của chân tế”. Tóm lại, tiếng niệm Phật mà đồ chúng chuyên tu niệm Phật xướng lên là “ai âm”, “tà âm”, có “âm hưởng ai đồng”, trái với lý niệm trị nước, khiến lòng người phóng đảng buông lung mà loạn trật tự, dẫn đến vong quốc.

Như (3) “Đại chúng giải Diên Lịch Tự” năm Trinh Ứng thứ 3 đã thượng tấu, nguyên bản của thuyết niệm Phật vong quốc chính là Tựa *Kinh Thi*, phát xuất từ câu “Âm của đời thịnh trị thì an mà lấy đó làm vui, bởi chính sự của nó hòa. Âm của đời loạn thì oán mà lấy đó mà phẫn, bởi chính sự của nó trái lìa. Âm của nước mất thì bi mà lấy đó mà tư lự, bởi dân của nó khốn khổ”. Khi pháp khẩu xưng niệm Phật lan rộng, người ta bắt đầu phổ tiết điệu vào câu niệm Phật theo các nghi thức như “Lục Thời Lễ Tán”. Thuyết trên cho rằng âm thanh ấy thê lương, buồn thảm và làm hư hoại lòng người. (2) “Quan tuyên chỉ” năm Kiến Bảo thứ 7 cũng mang cùng một chủ ý như vậy.

Lời bình phẩm mang tính gán ghép này về niệm Phật dường như đã trở nên phổ biến vào thời trung cổ; *Dã Thủ Kinh* cuối thế kỷ 13 truyền lại như sau:

“Lối niệm Phật ấy thịnh hành vào cuối thời Thượng hoàng Hậu Điều Vũ, do nhóm Trụ Liên, An Lạc đứng đầu mà truyền bá. Các bậc cố lão xưa kia từng bảo rằng: vì đó là thanh âm của nước mất nhà tan, nên mới phát sanh cuộc loạn Thừa Cừu khiến cho Vương pháp suy đồi.”

Như đã thấy ở phần trước, *Thập Di Cổ Đức Truyện* ra đời cùng thời kỳ lại lập luận hoàn toàn trái ngược: việc triều đình hạ lệnh

cấm chỉ niệm Phật sẽ chiêu cảm hung sự, tai họa cho đất nước là điều mà thiên hạ ai nấy đều rõ biết.

Dù vậy, xét cho cùng, luận thuyết “niệm Phật vong quốc” hay luận thuyết “Cấm niệm Phật gặp hung sự” đều là sự đối đáp qua lại có phần lạ lùng và nhuốm mùi thế tục. Khi thuyết “Vong quốc” được đưa vào các chiếu chỉ triều đình, nó vừa dựa trên lý niệm của cổ tịch Trung Hoa như *Kinh Thi*, *Lễ Ký*, vừa đánh thẳng vào tình cảm thế tục của lòng người qua các khái niệm như “ai đồng, tà âm, ai âm, đẳng phóng dật”.

Để đáp lại những công kích ấy, con đường chính đạo là phải hiển bày rõ ràng “Giáo – Hành – Chứng” chân thật của Tịnh độ, hiển bày “Giáo – Hành – Chứng” của Tuyển Chọn Bốn Nguyên, nhằm bao hàm chuyển hóa cả thuyết niệm Phật “vong quốc” để tự nhiên trở về con đường thẳng được Đức Phật khai mở bằng đại nguyện tiếp dẫn. Nhưng để đối diện với thuyết niệm Phật “vong quốc” như một việc thuộc về đời hiện tại, thì phải viết ra dưới hình thức răn dạy dị chấp của ngoại giáo tà ngộ. Dù trong quyển *Hóa Thân Độ* chẳng thấy có câu văn nào trực tiếp răn dạy đối lại thuyết niệm Phật “vong quốc”, nhưng chắc chắn toàn bộ quyển sách này đã hàm chứa tinh thần đối ứng sâu sắc trước những lời phê phán nhắm vào niệm Phật. Có lẽ điều ấy được ngụ ý trong đoạn trích dẫn dài từ phần Nhật Tạng và Nguyệt Tạng của *Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh* nêu ở tập mạt quyển *Hóa Thân Độ*. Việc giải mã dụng ý của Thân Loan khi trích dẫn *Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh* ở tập mạt quyển *Hóa Thân Độ* chính là một trong những đề tài cốt lõi cần được làm sáng tỏ trong bài giảng này.

#### TIẾT 4 - THÁNH GIÁC VÀ DUY TÍN SAO

Trong khi lần theo dấu chân Thân Loan từ Việt Hậu đến Quan Đông để tìm hiểu bối cảnh soạn thuật *Giáo Hành Tín Chứng*, ta trở lại năm Kiến Bảo thứ 2 (1214), khi Thân Loan phát nguyện đọc

tụng 1.000 bộ “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh” vì lợi ích chúng sanh tại Tá Quán Trang thuộc Thượng Dã quốc, nhưng chỉ vài ngày sau đã dừng lại và rời đi Thường Lục quốc. Kế đó, năm Kiến Bảo thứ 5 (1217) đại chúng Diên Lịch Tự thượng tấu xin đình chỉ niệm Phật; tiếp đến là vụ ám sát Tướng quân Thập Triều vào năm Kiến Bảo thứ 7 (Thừa Cừ nguyên niên), nối tiếp bằng loạn Thừa Cừ năm thứ 3. Tháng tám cùng năm ấy, Lục Ba La Tham Đề được thiết lập ở Kinh Đô. Và chính giữa lúc triều đình cùng Mạc phủ tiến hành các biện pháp xử lý, định tội sau cơn biến loạn thì Thánh Giác đã trước tác *Duy Tín Sao*.

Thân Loan có được và đọc *Duy Tín Sao* lần đầu vào lúc nào? Bản *Duy Tín Sao* do chính tay Thân Loan sao chép vào năm Khoan Hỷ thứ 2 (1230) hiện vẫn được lưu giữ tại chuyên tu Tự, ở phần bạt văn nơi cuối sách có ghi lại như sau:

“Bản thảo ghi:

Ngày 14 tháng 8 (trọng thu trung tuần đệ tứ nhật) năm Thừa Cừ thứ 3,

An Cư Viện Pháp Ấn Thánh Giác tác.

Ngày 25 tháng 5 (trọng hạ hạ tuần đệ ngũ nhật) năm Khoan Hỷ thứ 2,

Dựa theo chính bản thảo bút tích của tác giả,

Ngũ Ngốc Thích Thân Loan kính sao chép lại.”

(Bạt văn bản chuyên tu Tự; Thánh điển, tr. 929)

Thánh Giác soạn *Duy Tín Sao* vào ngày 14 tháng 8 năm Thừa Cừ thứ 3(1221), và ở cuối quyển có ghi rõ “An Cư Viện Pháp Ấn Thánh Giác tác”. 9 năm sau, vào năm Khoan Hỷ thứ 2 (1230), Thân Loan đã sao chép bản ấy mà lưu truyền lại.

Trong khi lưu trú ở Quan Đông, Thân Loan đã có được bản thảo

*Duy Tín Sao* tự bút của An Cư Viện Thánh Giác, và đã sao chép nó vào ngày 25 tháng 5 năm Khoan Hỷ thứ 2. Thân Loan, khi ấy đang cư trú ở Quan Đông, đã có được bản thảo tự bút của Thánh Giác bằng cách nào? Nếu là do tác giả nhờ người gửi qua, thì thời điểm ngài tiếp cận tác phẩm có lẽ còn sớm hơn nhiều. Qua đó, ta phần nào thấu cảm được tâm cảnh của Thân Loan trong lần đầu đọc *Duy Tín Sao*.

Thánh Giác lớn hơn Thân Loan 9 tuổi, nhưng dường như hai người đã có giao tình từ sớm. Thậm chí có thuyết cho rằng chính Thánh Giác là người đã dẫn Thân Loan lúc còn trẻ đến thiền phòng Cát Thủy mà giới thiệu cho gặp Nguyên Không. Thân Loan vô cùng trân quý học thức uyên bác, cách diễn đạt bình dị, cùng cốt cách cởi mở và sự nhạy bén, linh hoạt của Thánh Giác. Sau khi giáo đoàn Cát Thủy bị giải tán sau pháp nạn cấm niệm Phật năm Thừa Nguyên, hai người đã phải chia lìa. Nhưng khi đọc *Duy Tín Sao* mà Thánh Giác soạn, tâm cảnh của Thân Loan chắc hẳn đã dấy lên niềm cảm khái vô cùng.

*Duy Tín Sao* làm dịu yếu chỉ của *Tuyển Trạch Tập* bằng văn Nhật (Wabun), trình bày một cách gần gũi dễ hiểu, khiến tâm niệm Phật vắng sanh dễ truyền đạt. Thân Loan đã đọc đi đọc lại *Duy Tín Sao*, sao chép mà trao cho đệ tử, khuyến khích đọc kỹ để thấu hiểu hương vị giáo pháp.

“Nếu muốn lìa sanh tử mà học Phật đạo, ắt có hai đường: một là Thánh đạo môn, hai là Tịnh độ môn. Thánh đạo môn là ở tại cõi Sa-bà này, lập hạnh tích công mà gắng đạt chứng ngộ ngay trong đời này. (lược) Tịnh độ môn là đem công hạnh tu tập trong đời này hồi hướng, nguyện đời sau sanh về cõi Tịnh độ, rồi ở nơi Tịnh độ ấy tu tập trọn vẹn hạnh Bồ Tát để thành Phật. (lược) Việc dựng nên quốc độ là để dẫn dắt chúng sanh. Dù quốc độ có thù thắng đến đâu, nếu chúng sanh khó sanh vào được thì trái với

bốn ý của đại bi đại nguyện. Vì vậy, nếu muốn định riêng nhân của vãng sanh Cực Lạc thì hết thầy các hạnh đều chẳng dễ dàng. Nếu lấy hiếu dưỡng cha mẹ [làm nhân] thì kẻ bất hiếu chẳng thể sanh được. Nếu dùng đọc tụng Đại thừa [làm nhân] thì kẻ chẳng biết chữ nghĩa khó mong cầu được. Nếu định bố thí, trì giới làm nhân thì bọn xan tham, phá giới sẽ bị lọt ra ngoài. Nếu lấy nhẫn nhục, tinh tấn làm nghiệp thì loại sân hận, biếng nhác ắt bị bỏ rơi. Hết thầy các hạnh khác cũng đều như thế. Vì vậy, để hết thầy phạm phu thiện ác đều được sanh bình đẳng, cùng được nguyện cầu, [Đức Phật A Di Đà] đã suy nghĩ sâu xa việc này suốt 5 kiếp, rồi lấy việc xưng niệm ba chữ danh hiệu A Di Đà làm nhân riêng của vãng sanh Cực Lạc. Trước hết ngài phát nguyện thứ mười bảy rằng sẽ được chư Phật xưng dương danh hiệu của mình. Nguyện này nên hiểu cho sâu. Vì muốn lấy danh hiệu mà dẫn dắt khắp chúng sanh, nên ngài mới lập nguyện cầu cho danh hiệu sẽ được ca ngợi.”

(như trên, tr. 916–918)

[*Duy Tín Sao*] cố gắng dùng chữ Kana (chữ viết thuần Nhật), còn Mana (tức chữ Hán) chỉ được hạn chế dùng cho những thuật ngữ then chốt biểu đạt yếu nghĩa của Phật giáo. Dù đọc lên thành tiếng, văn chương ấy vẫn thấu suốt, thấm sâu vào lòng, trình bày rõ ràng về Thánh đạo môn và Tịnh độ môn, ý nghĩa kiến lập Cực Lạc Tịnh độ, và nghiệp nhân của vãng sanh. Câu “Việc dựng nên quốc độ là để dẫn dắt chúng sanh. Dù quốc độ có thù thắng đến đâu, nếu chúng sanh khó sanh vào được thì trái với bốn ý của đại bi đại nguyện” là lời dễ hiểu mà đầy ắp từ ái.

Sở dĩ thế giới Cực Lạc được A Di Đà Phật thiết lập là để dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo. Thế giới Cực Lạc được kiến lập bằng cách tuyển chọn riêng những điều thù thắng nhứt trong hai trăm mười ức cõi Tịnh độ của chư Phật. Nhưng dù Tịnh độ có thù thắng

đến đâu, nếu lại đặt ra các điều kiện tiên quyết cho việc vãng sanh là hiếu dưỡng cha mẹ, đọc tụng Đại thừa, bố thí trì giới, nhẫn nhục tinh tấn v.v. khiến chúng sanh khó bề kham nổi và không thể thực hành theo, thì điều ấy sẽ đi ngược lại lòng từ bi của Đức Phật. Vì vậy, để hết thảy phàm phu thiện ác đều được sanh bình đẳng, cùng được nguyện cầu, Ngài đã tuyển chọn danh hiệu A Di Đà Phật mà khiến xưng niệm.

*Quán Kinh* nêu điều kiện thứ nhất của thượng phẩm thượng sanh là hội đủ 3 tâm: chí thành tâm, thâm tâm, và hồi hướng phát nguyện tâm. Rồi khuyến từ tâm bất sát, đầy đủ các giới hạnh, đọc tụng kinh điển Đại thừa phương đẳng, tu hành sáu niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi kia. Lại nữa, trung phẩm thượng sanh nêu thọ trì năm giới, giữ Bát Quan Trai Giới. Trung phẩm hạ sanh thì yêu cầu hiếu dưỡng cha mẹ, hành nhân từ ở đời làm điều kiện.

Nhưng theo *Duy Tín Sao*, thì danh hiệu A Di Đà Phật được khuyến khích cho những người chẳng làm nổi hiếu dưỡng cha mẹ, đọc tụng Đại thừa, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn v.v. Nguyện thứ mười bảy về việc chư Phật xưng dương cũng là để lấy danh hiệu mà dẫn dắt khắp chúng sanh. Ở đó dường như ngầm lẫn theo bậc thang từ *Quán Kinh* (bốn nguyện chí tâm phát nguyện) qua *Tiểu Kinh* (bốn nguyện chí tâm hồi hướng) đến *Đại Kinh* (bốn nguyện chí tâm tín lạc). Cái gọi là “tam nguyện chuyển nhập” ấy không phải là điều được gượng ép dựng nên bằng ngôn từ để lý giải, mà là sự vận hành, chuyển tải diễn ra hết sức tự nhiên.

Liên quan đến điều ấy, ở nửa sau *Duy Tín Sao* trình bày giản minh về việc cốt yếu là ba tâm và tín tâm. Ba tâm được *Quán Kinh* thuyết là điều kiện tất yếu của vãng sanh Cực Lạc, hễ niệm Phật nguyện vãng sanh thì tất phải cụ túc ba tâm này. Trong chương “Tam Tâm” của *Tuyển Trạch Tập*, Nguyên Không cũng lập riêng mục “Văn về việc hành giả niệm Phật tất phải đầy đủ ba tâm”

(Chơn Thánh Toàn, tập 1, tr. 957) mà thuyết tường tận. Làm sao đạt được ba tâm luôn là vấn đề được tranh luận giữa những người niệm Phật thời ấy. Về điều ấy, *Duy Tín Sao* trình bày như sau:

“Lời giải của Thiện Đạo có dạy: ‘Cụ thù tam tâm tất đặc vãng sanh dã, nhược thiếu nhứt tâm tức bất đắc sanh’ (Hội đủ ba tâm này ắt được vãng sanh; nếu thiếu dù chỉ một tâm thì không thể sanh về). Tức là nếu thiếu mất một trong ba tâm thì chẳng thể vãng sanh được. Cần phải thấu hiểu rằng: trong cõi đời, người xưng niệm danh hiệu Di Đà dẫu nhiều, nhưng người được vãng sanh lại hiếm hoi, chính là bởi vì chưa hội đủ ba tâm này vậy. Ba tâm ấy là: một là chí thành tâm, tức là tâm chân thật. Phàm muốn bước vào Phật đạo thì trước hết phải khởi tâm chân thật. Nếu tâm ấy chẳng chân thật thì con đường ấy khó tiến. Xưa kia, Phật A Di Đà lập hạnh Bồ Tát, dựng nên Tịnh độ, cũng đều khởi từ tâm chân thật. Vì vậy, ai muốn được sanh về cõi ấy cũng phải khởi tâm chân thật. Cái gọi là chân thật tâm ấy là: bỏ tâm bất chân thật để hiển lộ tâm chân thật. Kẻ thật chẳng có lòng thiết tha nguyện cầu Tịnh độ, mà trước người khác lại nói mình nguyện cầu thiết tha; trong lòng thật đắm sâu vào danh lợi của đời này, mà bề ngoài lại tỏ ra chán ghét cuộc đời; bên ngoài tỏ vẻ có thiện tâm, cao quý, mà bên trong có cả tâm bất thiện, tâm phóng dật. Đó gọi là tâm hư giả, là tướng trái nghịch với chân thật tâm. Hãy đảo ngược điều ấy lại để thấu suốt thế nào là Chân thật tâm.”

(Thánh điển, tr. 922)

Như thế, *Duy Tín Sao*, tuy tạm chia ba tâm thành chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, nhưng cho rằng cốt lõi của ba tâm nằm ở chân thật tâm, và nêu câu trong *Tán Thiện Nghĩ*: “Bất đắc ngoại hiện hiền thiện tinh tấn chi tướng, nội hoài hư giả” (Chớ ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tấn mà trong lòng

ôm giữ điều hư dối). Tiếp đó, tác phẩm đúc kết:

“Một khi tín tâm đã được xác quyết vững vàng (tín tâm quyết định), thì ba tâm tự nhiên đầy đủ. Tin vào bốn nguyện một cách chân thật thìắt không còn tâm hư dối. Trông đợi về cõi Tịnh độ chẳng chút mảy may nghi ngờ thì tâm niệm hồi hướng đã sẵn ở đó rồi. Bởi cố ấy, ba tâm tuy dường như khác nhau, nhưng thầy đều nằm trọn vẹn nơi một tín tâm.” (như trên, tr. 924)

Về sau, Thân Loan, trong *Duy Tín Sao Văn Ý*, nói về ba tâm rằng:

“Ba tâm của *Quán Kinh* là tâm của hai căn cơ định – tán. Nên biết đó là thâm tâm và chí thành tâm thuộc về phương tiện, đem công đức của định – tán nhị thiện hồi hướng để mong cầu đạt được ba tín của *Đại Kinh*. Nếu chẳng đạt được ba tín tâm chơn thật thì gọi là ‘tức bất đắc sanh’. Vì khuyết ba tín nên chẳng được sanh vào báo độ. Người căn cơ định – tán tạp hạnh tạp tu, vì khuyết tín tâm tha lực, nên phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp, đạt được nhứt tâm tha lực rồi mới được sanh, nên gọi là ‘chẳng được sanh’. Nếu có sanh vào biên địa thai sanh, thì trải năm trăm năm, hoặc trong ức nghìn vạn chúng, thỉnh thoảng hiếm hoi mới có một người tiến vào chơn báo độ.” (như trên, tr. 557)

Lại nữa, *Duy Tín Sao Văn Ý* giải thích câu “bất đắc ngoại hiện thiện tinh tấn chi tướng” là:

“chớ hiện ra bề ngoài dáng vẻ khôn ngoan, hình dáng người thiện, chớ tỏ ra dáng vẻ tinh tấn. Vì sao? Vì trong lòng ôm giữ sự hư dối. ‘Nội’ là bên trong. Bởi trong tâm có đầy đủ phiền não nên là ‘hư’, là ‘giả’. ‘Hư’ là trống rỗng mà chẳng thật, ‘giả’ là tạm bợ mà chẳng chân.” (như trên, tr. 557)

Thánh Giác, khi soạn *Duy Tín Sao*, đã minh xác rằng chính sự tin tưởng mới là cội nguồn để Phật đạo được thành tựu. Có lẽ vì thế mà sách được đặt tên là *Duy Tín Sao* (bản văn về việc chỉ có tín). Trước đó, Thân Loan vốn tiến hành trước tác dưới nhan đề “Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại”, tức phân loại các trích đoạn văn chứng theo ba pháp môn “Giáo – Hành – Chứng” của Tịnh độ chân thật. Song về sau ngài đã bổ sung thêm quyển “Tín” để chuyển thành cấu trúc bốn pháp môn “Giáo – Hành – Tín – Chứng”. Sự chuyển đổi trọng đại ấy rất có thể diễn ra sau khi ngài tiếp nhận và nghiên cứu sâu sắc tác phẩm *Duy Tín Sao* của Thánh Giác.

Sự việc tiếp theo diễn ra vào năm Khoan Hỷ thứ 3 (1231), tức một năm sau khi Thân Loan sao *Duy Tín Sao* của Thánh Giác. Theo *Huệ Tín Ni Tiêu Túc*, từ ngày mùng 4 đến ngày mùng 8 tháng 4 năm ấy, Thân Loan bị sốt cao, nằm liệt giường mà vẫn tiếp tục tụng *Đại Kinh*. Dù nhắm mắt, từng chữ từng câu của kinh vẫn hiển lên rõ ràng. Khi giật mình hồi tưởng lại 17, 18 năm trước, khi lưu trú ở Tá Quán, Thượng Dã quốc, ngài đã phát nguyện đọc tụng 1.000 bộ “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh”. Rồi nhờ thức tỉnh trước lời răn dạy “Tự mình tin mà dạy người khác tin, trong cái khó lại càng khó hơn. Đại bi hoằng hóa khắp cùng, mới thật là báo đáp ơn Phật.” (Chơn Thánh Toàn, tập 1, tr. 661) mà dừng việc đọc kinh. Ngài tự vấn: Phải chăng tâm niệm chấp trước vào tự lực nơi việc trì tụng kinh điển thuở nào nay vẫn còn tàn dư, lắng sâu nơi tâm khảm? Có lẽ chính Thân Loan đã nhờ *Duy Tín Sao* mà xác chứng được chữ ‘Tín’.

## CHƯƠNG VIII - GIÁO HÀNH TÍN CHỨNG VÀ HÒA TÁN

*Giáo Hành Tín Chứng* của Thân Loan là công trình đem tâm ý của *Tuyển Trạch Tập* do Nguyên Không soạn trở về cội nguồn Phật giáo Đại thừa mà làm sáng tỏ, và chứng minh công năng của niệm Phật dựa trên tín tâm chơn thật. Đó cũng chính là sự hệ thống hóa trên bình diện Phật giáo của cả ba nước Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản về sự cứu độ rốt ráo bằng bốn nguyên niệm Phật-giáo pháp mà Thân Loan đã được trao truyền từ ngài Nguyên Không cùng Long Khoan và Thánh Giác. Đến đây, Thân Loan từ pháp danh Thiện Tín mà đổi gọi là “Thân Loan”, cảm nhận sâu sắc bản thân đang được tắm mình trong biển báu công đức vốn tuôn chảy không ngừng qua ba nước kể từ khi Đức Phật A Di Đà thành đạo.

Người đời kính mà gọi ngài là “Thiện Tín Phòng Thân Loan”. Danh xưng “Thân Loan” (親鸞 - Shinran) bắt nguồn từ chữ “Thân” (親) của ngài Thế Thân (Vasubandhu) - vị Luận chủ Tây Vực, và chữ “Loan” (鸞) của ngài Đàm Loan (曇鸞) - bậc Thích gia chốn Trung Hoa. Thân Loan gặp được giáo pháp của Nguyên Không, cùng với Long Khoan và Thánh Giác mà biết Nguyên Tín, tiếp kiến Thiện Đạo ở Trung Hoa, tìm đến Đạo Xước, rồi cuối cùng được dẫn vào thế giới của Đàm Loan và Thế Thân. Cảnh giới ấy, ngược lên từ Long Thọ, vốn do Đức Thích Ca khai mở, mà căn nguyên phát từ bốn nguyên của Phật A Di Đà. Việc mượn danh hiệu của Thế Thân và Đàm Loan nghe qua tựa như bất kính, nên ngài đặt thêm chữ

“Ngu Ngốc” lên trên mà tự gọi là “Ngu Ngốc Thân Loan”. Dù tự thấu suốt bản thân chỉ là một kẻ phàm phu mang đầy phiền não, tội ác sanh tử, song vẫn ngưỡng vọng tâm nguyện của Đàm Loan và Thế Thân, khế hợp với đại nguyện và oai lực của Phật A Di Đà, mà Phật đạo tự nhiên khai mở trên chính thân mình.

Công năng ấy gọi là “hồi hướng”. Hồi hướng là sự thúc đẩy từ vĩnh kiếp đến nay, nhờ nơi niệm Phật mà theo đó nguyện và lực của Phật A Di Đà vượt qua thời gian lẫn không gian mà tự nhiên vận hành và bao bọc lấy từng mỗi một hữu tình. Nếu đem điều ấy quy về lý của niệm Phật, thì ba tâm gồm chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm của *Quán Kinh* quy về một mối là tín tâm, tương ứng với chí tâm, tín lạc, dục sanh của *Đại Kinh*. Cứu cánh của tiến trình ấy rốt ráo nằm ở “tín lạc”. Đó cũng được gọi là “đại an ủy”, “đại tâm hải”, “quảng đại hội”, “tất cánh y”, hay “đại Bát Niết Bàn”.

Từ trước đến nay, trong tư cách là một đệ tử của Nguyên Không cùng gánh chịu pháp nạn cấm chỉ niệm Phật, Thân Loan luôn phải bận tâm với những lời biện bạch, trần tình và rơi vào thế phòng thủ bị động. Nhưng khi lấy giáo pháp của Thế Thân và Đàm Loan làm chủ thể mà lý giải tâm niệm Phật do Thiện Đạo và Nguyên Không khuyến khích, thì thế giới trang nghiêm rực rỡ của Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang bừng hiện, và ngài thấy mình cùng hết thảy chúng sanh đứng vững vàng trên mảnh đất của hoằng thệ. Quang cảnh Tịnh độ ấy được Thế Thân ca ngợi trong Nguyện Sanh Kệ của *Tịnh Độ Luận*:

“Kính lạy Đức Thế Tôn,  
Con một lòng quy mạng,  
Tận thập phương thế giới,  
Vô Ngại Quang Như Lai,  
Nguyện sanh cõi An Lạc.  
Con nương theo Khế kinh,

Tướng công đức chân thật,  
 Thuyết bài kệ nguyện sanh,  
 Tổng trì pháp yếu này,  
 Khế hợp lời Phật dạy.  
 Quán sát tướng cõi kia,  
 Vượt hơn đường Tam giới,  
 Rốt ráo tựa hư không,  
 Rộng lớn không ngăn mé.  
 Quán bốn nguyện lực Phật,  
 Gặp chẳng luống uổng qua,  
 Khéo mau chóng viên mãn,  
 Biển báu lớn công đức.”

(Thánh điển, tr. 225–227)

Lại nữa, Đàm Loan ở Trung Hoa, người đã xưng tán *Tịnh Độ Luận* của Thế Thân, còn riêng soạn *Tán A Di Đà Phật Kệ* để ca ngợi công đức của Phật A Di Đà và Tịnh độ của Ngài:

“Nam mô chí tâm quy mạng đánh lễ Đức Phật A Di Đà nơi phương Tây.

Đức Phật Thế Tôn hiện đang ngự nơi cõi nước An Lạc ở phương Tây cách thế giới này mười muôn ức cõi Phật, hiệu là A Di Đà.

Con nguyện cầu vãng sanh, dốc lòng quy mạng đánh lễ.

Nguyện xin cùng khắp thầy chúng sanh vãng sanh về cõi nước An Lạc.

Nam mô chí tâm quy mạng đánh lễ Đức Phật A Di Đà nơi phương Tây.

Từ khi thành Phật đến nay đã trải qua mười kiếp, thọ mạng thực vô lượng vô biên.

Vòng hào quang của Pháp thân trùm khắp pháp giới,

soi rọi chốn tối tăm mù mịt của cõi trần.

Do đó con xin cúi đầu đánh lễ.

Nguyện xin cùng khắp thầy chúng sanh vãng sanh về cõi nước An Lạc.”

(Chơn Thánh Toàn, tập 1, tr. 350)

Đàm Loan đã tỏ bày: “Nam mô chí tâm quy mạng đánh lễ Đức Phật A Di Đà nơi phương Tây”, và lặp đi lặp lại câu “Nguyện xin cùng khắp thầy chúng sanh vãng sanh về cõi nước An Lạc” tới 58 lần xuyên suốt tác phẩm. Ngài không ngừng lễ bái, tán thán Đức Phật A Di Đà và thiết tha phát nguyện cùng muôn loài chúng sanh đồng vãng sanh về cõi An Lạc. Về sau, Thân Loan đã chuyển dịch, làm mềm mại hóa bản *Tán A Di Đà Phật Kệ* của Đàm Loan sang văn thể quốc ngữ Nhật Bản (Wabun), sáng tác thành những bài thi ca lưu loát mang âm hưởng thể Kim Dạng (今様):

“Từ khi Di Đà thành Chánh giác,  
đến nay vừa vãn trái mười kiếp.  
Quang luân Pháp thân không ngăn mé,  
soi rọi thế gian chốn tối tăm.”

Trích *Tịnh Độ Hòa Tán* (Thánh điển, tr. 479)

Sự việc này diễn ra sau khi hoàn thành việc biên soạn bộ *Giáo Hành Tín Chứng*. Thân Loan đã liên tục sáng tác hơn 110 bài “Hòa tán” như thế và đặt nhan đề là *Tịnh Độ Hòa Tán* với dòng đề từ “Ngu Ngốc Thân Loan soạn”. Tiếp đó, ngài sáng tác thêm *Cao Tăng Hòa Tán* và *Chánh Tượng Mật Hòa Tán*, tổng cộng lên đến 350 bài Hòa tán.

Việc nguyện cầu vãng sanh và khuyên bảo niệm Phật tuyệt nhiên chẳng phải tà nghĩa, cũng chẳng phải là thanh âm của nước mất nhà tan. Đó là lời nguyện cầu dứt bỏ mọi phân biệt thiện – ác, tà – chánh để cùng khắp thầy chúng sanh đồng sanh về Tịnh độ,

mở ra Phật đạo rớt ráo một cách hoàn toàn bình đẳng. Các tác phẩm này xứng đáng được tôn xưng là những bài tán ca cõi Tịnh độ. Trong *Cao Tăng Hòa Tán* ấy, tâm ý của Nguyễn Sanh Kệ của Thế Thân được ca ngợi như sau:

“Lời Thích Ca truyền trao nhiều vô kể,  
nhưng Bồ Tát Thế Thân chỉ một lòng:  
Vì chúng ta-những kẻ đầy phiền não,  
ngài ân cần khuyên nhập thế Di Đà.  
Ai gặp được nguyện lực của bốn nguyện,  
ắt đời này chẳng luống uổng trôi qua.  
Biển báu lớn công đức tròn vẹn lấp,  
nước đục nhờ phiền não chẳng ngăn chia.”

Trích *Cao Tăng Hòa Tán*, Thế Thân tán (Thánh điển, tr. 490)

Lại nữa, Thân Loan còn làm nhiều bài Hòa tán ca ngợi Đàm Loan. Chẳng hạn như:

“Thiên tử nhà Ngụy vì lòng kính ngưỡng,  
Đã tôn phong người là ‘Thần Loan’.  
Nói chốn ngài từng trú ngụ tu hành,  
Được đặt tên là ‘Loan Công Nham’.  
Bậc quân vương một lòng kính cẩn,  
Liên ban chiếu lệnh cất linh miếu,  
Trên mảnh đất lạnh Tần Lãng chốn Phần Châu.  
Nếu chẳng nhờ Loan sư rộng lòng khai giải,  
Lời vàng ngọc của Thế Thân Bồ Tát,  
Thì tâm hạnh nơi uy đức quảng đại của Tha lực,  
Làm sao chúng ta có thể thấu tỏ tường?”

Trích *Cao Tăng Hòa Tán*, Đàm Loan tán (Thánh điển, tr. 492)

Trong số các bậc cao tăng Tịnh độ mà Thân Loan tôn kính, Đàm Loan là vị có danh tiếng lưu truyền đến mức được quốc vương ở bình diện thế tục tôn sùng sâu sắc. Tương truyền sau khi

ngài viên tịch, quốc vương vì kính ngưỡng uy đức của ngài nên đã xây dựng một khu lăng mộ tráng lệ tại vùng thắng cảnh thuộc huyện Bình Dao, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Dẫu vậy, tại Nhật Bản, triều đình lại hạ lệnh lưu đầy Nguyên Không, rồi sau khi ngài mất, đại chúng Diên Lịch Tự thậm chí lại còn phá hủy mộ phần của Nguyên Không. Sự đối lập này dường như càng làm đậm thêm niềm cảm khái khôn nguôi trong lòng Thân Loan.

Mặt khác, ở phần cuối quyển Hóa Thân Độ của *Giáo Hành Tín Chứng* Thân Loan đã viết:

“Mừng thay! tâm vững vàng nơi đất Phật của Hoảng thế, niệm trôi chảy trong biển pháp nhiệm mầu khôn nghĩ bàn. Thấu hiểu sâu xa lòng thương xót của Như Lai, chân thành ngưỡng vọng ân đức sâu dày của lời thầy truyền dạy.” (như trên, tr. 400)

Câu văn trên gói trọn muôn vàn xúc cảm của Thân Loan. Nhờ hạnh ngộ Nguyên Không mà ngài đạt được tín tâm chân thật. Nhờ biến cố cấm niệm Phật khiến ngài cùng ân sư chịu cảnh lưu đầy mà ngài được đánh thức về bốn nguyện, mở ra cảnh giới của Đàm Loan và Thế Thân.

*Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại* vốn được thai nghén và trước tác giữa bối cảnh niệm Phật liên tục chịu sự bài xích gay gắt. Trong đó, bản “Đại chúng giải” mà đại chúng Diên Lịch Tự tố lên triều đình vào tháng 5 năm Kiến Bảo thứ 5 (1217) và tháng 5 năm Trinh Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên, 1224) được xem là có mối liên hệ mật thiết đến sự ra đời của *Giáo Hành Tín Chứng*.

Từ năm Kiến Bảo trở đi cho đến Nguyên Nhân, Gia Lộc, Diên Lịch Tự luôn công kích Nguyên Không cùng môn đệ là ma chướng, là oán địch của các tông phái. Họ tấu trình triều đình cấm niệm Phật, quật phá mộ phần của Nguyên Không và thỉnh cầu lưu đầy

các đệ tử như Long Khoan, Hạnh Tây, Không A. Lời tấu trình của đại chúng Diên Lịch Tự vào tháng 5 năm Trinh Ứng thứ 3 (Nguyên Nhân nguyên niên, 1224), đúng vào năm thứ 13 sau khi Nguyên Không tịch, là để thỉnh cầu triều đình đình chỉ những “hành vi bừa bãi” của nhứt hướng chuyên tu.

Như đã thấy trước, ở tập mật quyền Hóa Thân Độ, Thân Loan trích dẫn đoạn văn trong phẩm Chư Ma Đắc Kính Tín, phần Nguyệt Tạng của *Đại Tập Kinh*, rằng khi hạt giống Tam Bảo Phật – Pháp – Tăng hưng thịnh thì ba tinh khí của đất, chúng sanh và chánh pháp sẽ tăng trưởng mà giúp hộ trì dưỡng nuôi muôn loài. Điều này nhằm chế ngự oán niệm của ma quân, làm hiển hiện chánh pháp, gia tăng ba loại tinh khí để ngăn ngừa dịch bệnh, đói kém và chiến tranh xung đột. Lại nữa, ở tập mật quyền Hóa Thân Độ có dẫn văn sau từ *Chánh Pháp Niệm Kinh*:

“Nếu người chẳng trì giới thì chư thiên giảm sút, A Tu La hưng thịnh. Thiện long không có uy lực, ác long có uy lực. Khi ác long có uy lực ắt sẽ giáng sương giá mưa đá, nổi phong ba bão táp trái mùa. Từ ấy khiến năm giống lúa chẳng trở bông, dịch bệnh thi nhau phát khởi, muôn dân chịu cảnh đói kém, tàn hại lẫn nhau. Nếu người trì giới thì chư thiên tăng thêm uy quang. A Tu La giảm bớt, ác long không có lực, thiện long thêm uy lực. Thiện long có uy lực thì mưa gió thuận hòa theo thời tiết, bốn mùa khí hậu điều hòa êm dịu, mưa lành tươi mát, mùa màng bội thu, muôn dân an lạc, can qua bình đao dứt bật, dịch bệnh chẳng hoành hành.”

(như trên, tr. 394–395)

Dụng ý của việc trích dẫn đoạn kinh này trong thời buổi mật pháp ô trọc, phá giới và vô giới là gì? Kinh văn thuyết rõ về cảnh dân chúng đói khổ do không giữ giới và sự an lạc của muôn dân

nhờ trì giới. Tình trạng không còn giới luật trong thời mạt pháp vốn đã được *Mạt Pháp Đăng Minh Ký* chỉ ra trước. Vậy “trì giới” mà *Chánh Pháp Niệm Kinh* nói chẳng phải là chỉ “Danh tự Tỳ Kheo” (Tỳ Kheo chỉ có trên danh nghĩa) trong đời vô giới, tức là người niệm Phật, hay sao?

Nếu như trăm ức ma quân chống lại Đức Phật và con người không giữ giới, khiến ba loại tinh khí của đất, của chúng sanh và của pháp sẽ suy mòn, ác long sẽ được uy lực mà giáng sương giá mưa đá, gây bão dữ mưa dầm, ngũ cốc chẳng chín, dịch bệnh tràn lan, nạn đói bùng phát và muôn dân tàn sát lẫn nhau, thì tình cảnh sẽ ra sao? Đứng trước viễn cảnh ấy, Thân Loan không thể không tha thiết nguyện cầu sự hộ trì dưỡng nuôi chánh pháp từ chư Phật và thiện thần.

# TU LIỆU VỀ VIỆC CẨM NIỆM PHẬT

## 1. Tấu trạng Hưng Phước Tự (興福寺奏状)

Về việc lưu đầy Pháp Nhiên Thượng Nhơn (Hōnen Shōnin) - Do Giải Thoát Thượng Nhơn Trinh Khánh (Jōkei) soạn thảo.

### Chín điều lầm lỗi

- Điều thứ nhất: Lỗi tự lập tông phái mới (Tân tông).
- Điều thứ hai: Lỗi tự ý vẽ hình tượng mới (Tân tượng).
- Điều thứ ba: Lỗi xem nhẹ Đức Thích Tôn (Thích Tôn).
- Điều thứ tư: Lỗi gây cản trở muôn hạnh lành (Vạn thiện).
- Điều thứ năm: Lỗi quay lưng, bất kính với thần linh (Thần linh).
- Điều thứ sáu: Lỗi mù mờ, si ám về giáo nghĩa Tịnh độ (Tịnh độ).
- Điều thứ bảy: Lỗi làm sai lệch pháp môn niệm Phật (niệm Phật).
- Điều thứ tám: Lỗi gây tổn hại đến hàng đệ tử Phật (Thích chúng).
- Điều thứ chín: Lỗi làm rối loạn nền trật tự quốc gia (Quốc độ).

## Lời tấu trình

Các bậc Tăng cang, Đại Pháp sư Hưng Phước Tự (興福寺, Kōfuku-ji), kính cẩn tấu:

Kính xin nhận được quyết định tối cao của Thiên tử, vĩnh viễn hạ lệnh cấm đoán và cải chính tông nghĩa chuyên tu niệm Phật do sa môn Nguyên Không (源空, tức Pháp Nhiên) khởi xướng.

Kính xét theo tình hình thực tế, nơi cõi đời có một vị sa môn xưng hiệu là Pháp Nhiên. Kẻ ấy tự lập ra tông phái niệm Phật, cổ xúy pháp hành chuyên tu. Lời lẽ bên ngoài dẫu tựa hồ giống với các bậc cổ đức, song nội hàm tâm ý phần lớn lại trái nghịch sâu sắc với bốn thuyết chân thật của kinh điển. Sơ lược xét định lỗi lầm ấy, lược có chín điều.

## Điều thứ nhất: Lỗi tự lập tông phái mới

Sau khi Phật pháp truyền sang phương Đông, bốn triều ta có tám tông: hoặc do bậc thần nhơn từ xứ khác đến truyền thọ, hoặc do cao tổ bốn triều sang [Trung Hoa] mà cầu pháp mang về. Thời bấy giờ, các đấng minh vương thuở trước hạ sắc chỉ cho phép thi hành, nơi đất thiêng cảnh đẹp tùy duyên mà lưu bố rộng khắp. Từ thời Trung cổ trở lại đây, việc tự tiện khai sáng tân tông, mở ra một đường lối riêng biệt tuyệt nhiên chưa từng nghe thấy. Há chẳng phải vì căn cơ của chúng sanh đã hội đủ, và pháp môn đã tương ứng trọn vẹn rồi hay sao?

Xét quy tắc lập tông xưa nay:

- Trước hết phải phân định chỗ nông sâu của đạo nghĩa, thấu suốt chỗ Quyền – Thật của giáo môn.
- Dẫn dắt cái nông quy về chỗ sâu xa, hội tụ giáo pháp Quyền thừa quy hướng về Thật thừa.
- Giáo pháp Đại – Tiểu, trước – sau dẫu văn lý trùng điệp

phức tạp, nhưng rốt ráo không ngoài một pháp môn ấy, chẳng vượt khỏi một tông môn ấy.

- Rút lấy chỗ cứu cánh tột cùng ấy để lập làm tông chỉ cho tông mình.

Điều đó ví như trăm sông đều quy tụ về biển lớn, lại tựa muôn ấp ngàn thôn đều triều bái một đấng quân vương.

Nếu như nay lại đem pháp niệm Phật Tịnh độ lập thành một tông phái riêng biệt, há chẳng hóa ra cả một đời giáo hóa của Đức Thích Tôn chỉ thuyết duy nhất việc xưng danh một Đức Phật A Di Đà, và cứu cánh quy thú của toàn bộ Ba tạng Thánh giáo chỉ duy nhất nằm ở việc vãng sanh cõi Tây Phương hay sao? Nay đến thời mạt pháp mới lập riêng một tông, thì Nguyên Không là đại tổ truyền đăng chẳng? Há có thể sánh ngang bậc quy phạm ngàn đời như Trí Phượng (Chihō) xứ Bách Tế hay Giám Chân (Ganjin) chốn Đại Đường? Há có thể sánh cùng bậc làm rạng rỡ muôn đời như Hoàng Pháp (Kōbō Daishi) núi Cao Dã hay Truyền Giáo (Dengyō Daishi) núi Duệ Sơn?

Nếu bảo rằng giáo pháp này có sự tương truyền từ xưa chứ chẳng phải mới bắt đầu từ nay, thì kẻ ấy đã từng diện kiến bậc thánh triết nào để được đích thân nhận khẩu quyết, lấy nội chứng nào mà thị đạo, giáo giới? Dù có công có đức đi nữa, cũng phải tấu lên triều đình để chờ sắc chỉ ân chuẩn. Tự ý xưng là một tông riêng, thật là rất sai trái.

### **Điều thứ hai: Lỗi tự ý vẽ hình tượng mới**

Đạo gần đây, khắp nơi đua nhau chiêm ngưỡng một bức họa đồ, thế gian gọi đó là Nhiếp Thủ Bất Xả Mạn Đà La. Trong tranh, trước Đức Phật A Di Đà có đông đảo đồ chúng. Đức Phật phóng ra ánh quang minh, song các luồng hào quang ấy hoặc bị uốn cong chiếu lệch sang ngang, hoặc phóng ra rồi quay ngược trở lại

bản thể. Những người đứng ở các hướng ấy chủ yếu là học tăng của Hiền tông và hành giả của Chơn Ngôn tông. Ngoài ra còn có những người hành trì các kinh điển khác, người trì tụng thần chú, cùng những ai tu tạo mọi căn lành tự lực khác. Duy chỉ có một nhóm người chuyên tu niệm Phật là được ánh sáng quang minh kia chiếu rọi trọn vẹn mà thôi.

Kẻ xem tranh vẽ cảnh địa ngục thì sanh tâm kinh sợ tạo tác tội chướng. Song kẻ nhìn bức Mạn Đà La này lại đắm ra hối hận vì đã tu tập các điều lành. Tôn chỉ giáo hóa [của phái này] phần nhiều đều thuộc hạng như thế.

Thượng Nhơn bảo rằng: “Kinh văn vốn dạy ‘niệm Phật chúng sanh nhiếp thủ bất xả’. Ta hoàn toàn không có lỗi lầm chi cả”. Đạo lý ấy vốn chẳng phải như vậy! Nếu một bề chỉ tu tập các điều thiện khác mà tuyệt nhiên không hề niệm Phật A Di Đà, thì lẽ tất nhiên bị rơi rớt ngoài ánh quang minh nhiếp thủ. Đẳng này, người ta đã tha thiết hướng về cõi Tây Phương, lại cũng đã niệm Phật A Di Đà, há có chi chỉ vì tu thêm các hạnh khác mà lại bị ánh quang minh Đại bi ngăn cách, khước từ hay sao?

### **Điều thứ ba: Lỗi xem nhẹ Đức Thích Tôn**

Phàm chư Phật trong ba đời lòng từ bi dẫu bình đẳng như nhau, nhưng riêng bậc Giáo chủ một đời giáo hóa (Đức Thích Ca Mâu Ni) thì ân đức đối với cõi này lại nặng sâu hơn cả. Kẻ có chút tâm thức, ai là người chẳng rõ biết điều ấy?

Thế mà phường chuyên tu lại rêu rao rằng: “Thân chẳng lẽ bái Phật khác, miệng chẳng xưng tụng danh hiệu khác”. Cái gọi là “Phật khác, hiệu khác” ấy, thực chất chính là chỉ Đức Thích Ca cùng chư Phật mười phương!

Hỡi kẻ chuyên xưng là chuyên tu kia, người rốt cuộc là đệ tử của ai? Là ai đã chỉ dạy cho người danh hiệu Phật A Di Đà kia? Là

ai đã chỉ đường cho người biết đến cõi Tịnh độ An Dưỡng ấy?

Thật đáng thương xót thay, kẻ sanh nơi mặt kiếp lại quên bằng đi danh tính của bậc Bốn sư! Luận sư Giác Thân (Cittavisuddhi) và sa môn Pháp Ái (Dharmapriya) năm xưa dẫu lỗi lầm chưa đến mức tệ hại như thế, vậy mà vẫn còn chịu lời quở trách nghiêm khắc của Đại Thánh.

Văn trong bản Lễ Tán của ngài Thiện Đạo có dạy:

“Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật đấng, nhứt thiết Tam bảo, ngã kim khế thủ lễ. Nam mô thập phương tam thế, tận hư không biến pháp giới, vi trần sát thổ trung, nhứt thiết Tam bảo, ngã kim khế thủ lễ.” (Kính lạy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cùng hết thầy Tam bảo, con nay cúi đầu đánh lễ. Kính lạy hết thầy Tam bảo khắp mười phương ba đời, trùm khắp cõi hư không pháp giới, trong vô số cõi nước nhiều như hạt bụi, con nay cúi đầu đánh lễ.)

Ý chỉ của Hòa thượng Thiện Đạo, cứ xem nơi đây ắt rõ. Hàng Tăng chúng mà ngài còn dốc lòng quy mạng, hướng chi là đối với chư Phật? Chư Phật mười phương còn chẳng phân biệt loại trừ, hướng chi là đối với bậc Bốn sư Thích Ca?

### **Điều thứ tư: Lỗi gây cản trở muôn hạnh lành**

Phàm vô số pháp môn nhiều như cát sông Hằng mở ra là để chờ căn cơ thích hợp, phương thuốc thần diệu cam lồ ban phát là tùy theo từng nhân duyên. Thầy đều là chánh pháp do Đức Bốn sư Thích Ca đã trải qua vô lượng kiếp tu tập muôn vàn khó nhọc, khổ hạnh mới chứng đắc được. Nay [phái ấy] lại chấp chặt vào danh hiệu của một Đức Phật, mà bùng bít cùng chặn đứng mọi yếu đạo giải thoát luân hồi. Chẳng những tự mình hành xử như thế, mà còn răn cấm rộng khắp cả nước. Chẳng những vứt bỏ không màng tới, mà lại còn khinh miệt rẻ rúng khôn cùng.

Do đó, lời dèm pha rộ lên như mây kéo, tà chấp trào dâng tựa

suối tuôn. Có kẻ rêu rao rằng: “Hễ ai đọc tụng kinh Pháp Hoa ắt sẽ đọa địa ngục”, lại có kẻ bảo rằng: “Kẻ nào thọ trì kinh Pháp Hoa rồi cho đó là nghiệp nhân sanh về Tịnh độ thì chính là kẻ phỉ báng Đại thừa”. Những người vốn từng trì tụng tám quyển, mười quyển lên tới hàng ngàn, hàng vạn bộ, khi nghe thấy luận thuyết này liền thối thất bỏ dở, thậm chí còn hối tiếc xem việc tu tập trước kia là lỗi lầm. Hạnh tu cũ đã vứt bỏ vốn là thói quen sâu dày từ nhiều đời trước, mà việc huân tu niệm Phật mới phát tâm thì công đức tích lũy lại chưa sâu; khiến cho biết bao kẻ giữa đường nhìn trời than thở, ngậm ngùi chua xót.

Ngoài ra, lòng quy kính nơi kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, hay duyên lành kết lập với giáo pháp Chơn Ngôn, Chỉ Quán mười phần thì tám chín phần bị ruồng rẫy, buông trôi. Đến như việc dựng xây chùa tháp, tạc tượng vẽ hình tôn tượng, họ xem nhẹ và cười cợt coi rẻ tựa đất cát bụi trần. Phước đức lẫn trí tuệ đều khuyết thiếu, việc trồng cây ở đời này lẫn kiếp sau trở nên mỏng manh.

Thượng Nhơn (Nguyên Không) vốn là bậc trí giả, bản thân ngài hẳn không có tâm phỉ báng chánh pháp; song trong hàng môn đệ thì thực hư khó lường, đối với hạng ngu muội thì điều tà ác gây ra quả là không ít. Gốc ngọn suy cho cùng e rằng đều cùng một giuộc.

Xưa kia, Thiền sư Tín Hành (Xinxing) lập ra hạnh nghiệp Tam giai giáo, Tỳ Kheo Hiếu Từ (Xiaoci) ngăn cấm việc đọc tụng Nhứt thừa; họ vốn tuyệt nhiên chẳng hề có ý xem nhẹ Đại thừa, mà chỉ vì suy lường căn cơ thời mạt thế nên mới ra lời răn cấm hành trì ấy. Thế nhưng, rốt cuộc Tín Hành phải chịu đọa thành thân mạng xà lớn, trăm ngàn đồ chúng sống chen chúc trong miệng rắn; còn Hiếu Từ thì bị quỷ thần trừng phạt đoạt mạng, các bậc sĩ nhơn cùng phe cánh lập tức ngã gục dưới pháp tòa.

Tội nghiệp phỉ báng Đại thừa là tội lớn nhất trong muôn vàn tội

lỗi, dẫu là tội ngũ nghịch cũng không thể sánh bằng. Vì lẽ đó, lòng từ bi và đại nguyện tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà dẫu rộng khắp bao la, song với kẻ phỉ báng chánh pháp thì Ngài đành khước từ, chẳng thể cứu độ. Than ôi, hành giả cầu sanh Tây Phương rốt cuộc biết trông cậy vào đâu?

### **Điều thứ năm: Lỗi quay lưng, bất kính với thần linh**

Phường niệm Phật kia dứt khoát quay lưng, đoạn tuyệt với chư vị Thần linh. Bất kể là hàng Quyền hóa (chư Phật, Bồ Tát thị hiện) hay Thực loại (quỷ thần chân thật), họ đều chẳng màng. Nơi tông miếu đại xã linh thiêng cũng không chút e dè kiêng sợ. Họ buông lời rằng: “Nếu hướng về Thần linh lễ bái thì ắt sẽ đọa vào cõi ma”.

Hàng quỷ thần thuộc Thực loại thì tạm gác lại không bàn tới, nhưng đến như chư Thần thuộc hàng Quyền hóa thù tích thì các Ngài vốn dĩ chính là các bậc Đại Thánh. Các bậc cao tăng thời xưa thầy đều một lòng quy kính:

- Ngài Truyền Giáo (Saichō) từng đến viếng đền Usa, đền Kasuga, nơi nào cũng xuất hiện điềm lành kỳ diệu.
- Ngài Trí Chứng (Enchin) cất bước đến núi Kumano, cung thỉnh Thần linh Tân La (Shinra Myōjin) để dốc lòng cầu nguyện cho tông môn hưng thịnh.
- Trên tấm cà sa của Hòa thượng Hành Giáo (Gyōkyō) từng lưu lại hình bóng của Tam tôn; Đại sư Hoảng Pháp (Kūkai) từng hiển hiện chân dung thần Bát Phan (Hachiman) ngay trong tranh vẽ.

Những vị ấy há đều là những bậc thua kém Pháp Nhiên hay sao, há đều là những vị tăng đọa vào cõi ma hay sao?

Đặc biệt hơn cả, Hòa thượng Hành Giáo sau khi trở về chùa Đại An (Daian-ji) đã dựng nên một tòa lầu hai tầng: tầng trên phụng

an tôn tượng thần Bát Phan, tầng dưới lưu giữ toàn bộ Kinh Luận của Tam tạng Thánh giáo. Nếu Thần linh quả thực không đáng để kính bái, có sao ngài lại phụng an tôn tượng của Thần ở trên cả các pháp môn kinh điển?

Hàng sa môn thời mạt thế còn biết tôn kính quân thần chốn thế tục, huống chi là đối với chư vị Thần linh hiển hách? Những lời lẽ tà vạy, ngông cuồng như thế thật đáng phải lập tức trừ bỏ và cấm tuyệt!

### **Điều thứ sáu: Lỗi mù mờ, si ám về giáo nghĩa Tịnh độ**

Khảo cứu *Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Quán Kinh)*, kinh dạy rằng:

“Hết thầy phàm phu nếu muốn sanh về cõi nước kia, phải nên tu Tam phước: Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, có lòng từ không sát hại, tu mười nghiệp lành. Hai là thọ trì tam quy, giữ vền các giới, không phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ Đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa.”

Lại nữa, khi thuyết về Cửu phẩm vãng sanh, kinh dạy rằng bậc Thượng phẩm Thượng sanh thì “phải giữ vền các giới hạnh, đọc tụng Đại thừa”; bậc Trung phẩm Hạ sanh thì “phải hiếu dưỡng cha mẹ, thực hành hạnh nhân từ đối với đời”.

Pháp sư Đàm Loan là bậc Đại tổ của pháp môn niệm Phật. Khi nêu ra năm loại duyên vãng sanh của bậc Thượng bối, điều thứ tư ngài chỉ rõ là “tu các công đức”; trong bảy duyên của bậc Trung bối có việc “xây dựng chùa tháp”, “cúng dường thức ăn cho sa môn”.

Thiền sư Đạo Xước khi giải thích về đoạn văn “Thường tu Niệm Phật Tam Muội” cũng dạy rằng: “Vì thực hành Niệm Phật Tam Muội nhiều nên gọi là thường tu, tuyệt nhiên chẳng phải bảo rằng hoàn toàn không được thực hành các môn tam muội khác”.

Đến như Hòa thượng Thiện Đạo, hề thấy chùa tháp nào hư hoại là không nơi nào ngài không tu sửa bồi đắp.

Bởi thế, trên từ “Tịnh Độ Tam Bộ Kinh”, dưới đến các trước tác luận giải của tông môn, việc “Chư hạnh vãng sanh” vốn được công nhận và tán đồng sâu rộng. Chẳng những thế:

- Đàm Dung bắc cầu, Thiện Thịnh mở đường;
- Thường Mân sửa sang điện Phật, Thiện Trụ quét dọn tăng phòng;
- Không Nhẫn hái hoa, An Nhẫn đốt hương;
- Đạo Như bố thí thức ăn, Tăng Khánh may vá pháp phục.

Những vị ấy mỗi người chỉ nương vào một việc thiện nơi sự tướng, thấy đều chứng đắc vãng sanh ngay trong đời kế tiếp (thuận thứ vãng sanh). Đến như việc Tăng Dụ trì tụng kinh A Hàm, Hành Diển giảng giải Nhiếp Đại Thừa Luận, dầu chỉ là một bộ kinh Tiểu thừa, dầu chỉ là sự giảng giải bằng trí phàm, thế nhưng mỗi mỗi đều cảm ứng đạo giao, đích thực được sanh về cõi Tịnh độ.

Trái lại, sa môn Đạo Tuấn vì niệm Phật không dứt mà bỏ bê việc sao chép kinh Đại Bát Nhã. Luận sư Giác Thân vì chuyên tu riêng biệt mà quên lãng việc tạc tượng Thích Ca. Cả hai đều bị cản trở tâm nguyện vãng sanh và phải chịu lời quở trách nghiêm khắc của bậc Đại Thánh. Mãi đến khi rũ bỏ sạch mối chấp trước ấy, họ mới rốt cuộc được vãng sanh Tây Phương.

Nên biết rằng: chẳng cứ nương vào các hạnh khác, cũng chẳng cứ nương vào niệm Phật, con đường xuất ly sanh tử cốt tùy chỉ nằm ở nơi tâm!

Nếu bảo rằng: Kinh Pháp Hoa dầu có đoạn văn “Tức vãng An Lạc”, kinh Bát Nhã dầu có thuyết “Tùy nguyện vãng sanh”, song đó chỉ là tổng tướng, là phần thiếu phận; chẳng thể bằng biệt tướng của niệm Phật, chẳng bì kịp với nghiệp nhân quyết định.

[lập luận như thế là hoàn toàn sai lầm].

Bởi lẽ cái “Tổng” ắt phải bao hàm cái “Biệt”, bậc trên ắt phải kiêm quản cả bậc dưới. Đạo lý của Phật pháp mang lại công đức tất yếu như thế, há lại đem thói quen phân biệt thân sơ của kẻ phàm phu mà làm sai lệch con đường bình đẳng của Phật quả?

Nếu bảo rằng việc vãng sanh Tịnh độ chẳng dựa vào tự lực của hành giả mà chỉ trông cậy vào nguyện lực của Phật A Di Đà, còn nơi các kinh khác, các nghiệp thiện khác thì không có cái duyên riêng biệt để tiếp dẫn, không có đại nguyện riêng biệt để đến nghênh đón (lai nghênh), nên những người ấy so với người niệm Phật vốn không thể sánh kịp, [thì xin hỏi]: Những người ấy chính là đối tượng giáo hóa của Phật A Di Đà để được dự vào hàng lai nghênh, há là ai khác lạ hay sao? Họ gặp gỡ di pháp của Đức Thích Ca, tu tập các công hạnh Đại thừa, thể tính vốn đã là như vậy. Nếu không quy hướng về Đức Phật A Di Đà thì mới đích thực gọi là “vô duyên”, nếu hoàn toàn không kiêm hành niệm Phật thì mới xem là “khuyết nghiệp” (thiếu sót nghiệp nhân). Đẳng này họ đã gồm trọn cả hai phương diện, có sao lại bị bỏ sót ngoài ánh sáng tiếp dẫn?

Nếu bảo rằng vì không chuyên niệm một bề nên chẳng được vãng sanh, thế thì ngài Trí Giác Thiên sư (Vĩnh Minh Diên Thọ) mỗi ngày kiêm tu đến một trăm điều hạnh, có sao lại chứng đắc vãng sanh vào hàng Thượng phẩm?

Phàm kẻ tạo nghiệp ác vốn khó cứu độ mà Phật vẫn rộng lòng từ bi cứu vớt; chút điều thiện nhỏ nơi việc xưng danh ngoài miệng vốn khó sanh về mà Phật vẫn cho đồng được sanh: ý chỉ của câu văn “chí thập niệm” cần phải hiểu theo nghĩa rộng lớn bao dung như thế!

Thế nhưng người đời gần đây lại quên gốc chạy theo ngọn, ý vào điều hèn kém mà khinh khi chỗ cao sâu vi diệu, há có thể khế

hợp với bốn ý của chư Phật hay sao?

Nơi triều đình của bậc đế vương khi thi hành chính sự, vào ngày thay Trời ban tước phong quan:

- Bậc hiền kẻ ngu tùy theo phẩm cấp mà định đoạt;
- Hàng sang kẻ hèn tùy theo gia thế mà cất nhắc.
- Kẻ cực kỳ ngu độn dẫu có công lao ngày đêm tận tụy cũng không thể tùy tiện bổ nhiệm vào chức vụ vượt quá phận mình;
- Hạng hạ tiện dẫu tích lũy bao năm nhọc nhằn phụng sự cũng khó lòng bước lên hàng khanh tướng.

Nơi cõi nước của bậc Đại Giác Pháp Vương, khi hàng phàm phu và bậc thánh nhơn cùng đến triều bái, việc trao cho Cừu phẩm giai cấp đều dựa trên đức hạnh tu tập từ tiền kiếp của mỗi người. Đạo lý “tự nghiệp tự đắc” là lẽ tất nhiên.

Thế mà phường ấy lại một bề ỷ lại vào Phật lực, không chịu tự đoạt lấy phần hạn và căn cơ của chính mình; đó chính là lỗi lầm xuất phát từ sự ngu si si ám! Huống hồ tịnh nghiệp niệm Phật chỉ dựa vào chữ nghĩa giả danh (giả danh niệm Phật) vốn rất khó thuần thực, bốn ý vãng sanh ngay đời kế tiếp dễ bề sai lệch đổ vỡ. Giới luật lẫn trí tuệ thảy đều khuyết thiếu, rốt cuộc còn biết trông cậy vào điều chi?

Nếu bảo rằng phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp mới dần dà thành tựu, thì sự huân tu của Nhứt thừa, sự gia trì của Tam mật há lại không có năng lực ấy hay sao? Cùng là chìm đắm, nhưng kẻ mang đá nặng (ngu độn) ắt chìm sâu. Cùng là nổi lên, nhưng chiếc bát nhẹ (trí tuệ) ắt nổi mau. Huống chi kẻ vừa có hạnh tu lại vừa kiêm đủ trí tuệ thì khác nào “hổ mọc thêm cánh”!

Lấy một điều nhỏ hẹp mà ngăn bít muôn vàn điều rộng lớn, Đức Phật sáng suốt ắt soi thấu tỏ tường.

Sở dĩ có những lời biện định rành mạch như thế này, vốn chẳng phải vì tư tâm ghét bỏ bè phái chuyên tu. Chỉ vì thấy họ lầm lạc đem cái trí nông cạn của “ếch đáy giếng” mà càn rỡ bài xích công đức mệnh mông sâu thẳm của “biển cả”, khiến chúng tôi không thể nén lòng giữ im lặng được nữa, buộc lòng phải dâng số tấu trình lên Thiên tử.

Nếu như hàng đạo tục ngu muội không thấu suốt tôn ý này, hoặc xem nhẹ con đường vắng sanh, hoặc bài xích hạnh tu niệm Phật, hoặc cho rằng nếu không kiêm tu các hạnh khác thì không thể sanh về Tịnh Độ-những điều ấy hoàn toàn trái với bốn hoài của chúng tôi, và triều đình cũng cần phải cấm chế nghiêm ngặt.

Dẫu cho việc trình tấu này có thể bị xem là làm tổn hại đôi chút đến danh tiếng của pháp môn niệm Phật, song so sánh giữa việc nặng và việc nhẹ, việc thỉnh cầu chiếu chỉ cấm chỉ tà chấp này há chẳng phải là điều cấp bách và đúng đắn hơn cả hay sao?

### **Điều thứ bảy: Lỗi làm sai lệch pháp môn niệm Phật**

Trước hết, xét về Đức Phật được niệm, có phần Danh và phần Thể. Nơi bản thể ấy lại có phần Sự và phần Lý.

Kế tiếp, xét về tướng trạng của cái niệm nơi người niệm, hoặc có Khẩu xưng, hoặc có Tâm niệm. Nơi tâm niệm ấy, hoặc có Hệ niệm, hoặc có Quán niệm. Nơi quán niệm ấy lại trải từ vị thứ Tán tâm đến Định tâm, từ Hữu lậu tiến đến Vô lậu, tầng bậc nông sâu trùng điệp, trước kém sau hơn.

Bởi vậy, việc chỉ mở miệng xưng niệm danh hiệu vốn chẳng phải là Quán, cũng chẳng phải là Định. Đó chỉ là chỗ thô tháo và nông cạn nhứt trong pháp môn niệm Phật mà thôi. Dẫu bảo rằng tùy theo thời thế và thuận theo căn cơ con người thì pháp ấy cũng tạm đủ, song nếu đem ra cân nhắc so sánh cho đúng phép, há lại chẳng phân biệt được chỗ sai khác hơn kém hay sao?

Thế nhưng, mỗi khi bị chất vấn bằng những vấn nạn như trên, phưởng chuyên tu liền gạt phắt muôn sự, chỉ buông một lời đáp rằng: “Đức Di Đà có bốn mươi tám đại nguyện, mà niệm Phật vẫn sanh chính là Nguyện thứ mười tám”. Có sao lại che giấu biết bao đại nguyện rộng lớn khác mà chỉ tôn xưng duy nhất một nguyện này làm bốn nguyện?

Trong một nguyện ấy, đối với câu “nãi chí thập niệm”, đó là Đức Phật nêu ra mức thấp nhất vậy. Tức là lấy Quán niệm làm gốc mà bao hàm xuống tận Khẩu xưng; lấy Đa niệm làm đầu mà chẳng hề bỏ sót Thập niệm. Đó là biểu hiện của lòng Đại bi sâu xa cùng cực và Phật lực to lớn khôn cùng. Phàm pháp dễ dẫn dắt và dễ vắng sanh nhất chính là Quán niệm, là Đa niệm.

Bởi thế, kinh Quán Kinh mới dạy: “Nếu có người bị nổi khổ bức bách không thể niệm Phật được, thì nên xưng danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật.” Rõ ràng ngoài từ “xưng danh” ra kinh còn dùng chữ “niệm Phật”. Qua đó đủ biết chữ “niệm Phật” ấy chính là tâm niệm, là quán niệm vậy. Giữa hai loại hơn – kém ấy, bốn nguyện của Như Lai há lại bỏ chỗ thù thắng mà đi chọn lấy chỗ thấp kém hay sao?

Huống chi, Hòa thượng Thiện Đạo thuở mới phát tâm, khi nhìn thấy bức họa đồ Tịnh độ đã than thở rằng: “Duy chỉ có pháp môn Quán này là chắc chắn vượt thoát sanh tử. Ta quyết nhập vào đạo này để phát đắc tam muội.” Cứ đó mà biết chắc rằng pháp tu của ngài chính là pháp Thập lực tường quán. Danh xưng “niệm Phật” vốn gồm trọn cả Quán lẫn Khẩu. Nếu không phải vậy, có sao ngài soạn Quán Kinh Sớ, lại soạn Quán Niệm Pháp Môn, đâu là bản sớ giải kinh gốc hay trước tác riêng biệt, nơi nhan đề sao lại đều nêu rõ chữ “Quán”?

Tuy nhiên, đoạn văn phó chúc trong kinh Quán Kinh và hành trì suốt một đời của ngài Thiện Đạo sở dĩ chỉ nhấn mạnh nơi Phật

danh, ấy là phương tiện quyền xảo để tiếp dẫn hàng hạ căn mà thôi. Lời lẽ giải thích của ngài luôn có hai mặt biểu – lý (ngoài – trong). Lòng từ bi và trí tuệ thiện xảo chẳng phải chỉ có một đường. Những kẻ khư khư bám giữ mặt chữ, há lại đem lỗi lầm đổ lên đầu Tổ sư hay sao?

Dẫu có lỡ nương theo việc khẩu xưng, thì cũng phải hội đủ Tam tâm, giữ vẹn Tứ tu không chút khiếm khuyết-danh hiệu niệm Phật chân thật như thế mới được coi là chuyên tu. Chứ nếu chỉ lấy việc vứt bỏ các hạnh khác làm “Chuyên”, lấy việc khua môi múa tay làm “Tu”, thì đó chỉ là cái “Chuyên trong không chuyên”, cái “Tu trong chẳng phải tu” mà thôi! Cậy vào hư giả tạp độc chỉ hạnh mà dấy khởi niệm tưởng chắc chắn vãng sanh, thì há xứng là tông chỉ của Thiện Đạo, há là chánh cơ của Phật A Di Đà hay sao?

Phàm nói đến Tịnh độ, nói đến niệm Phật, nói đến Nghiệp nhân, nói đến Vãng sanh, thì nông sâu tựa sông hồ khôn bề phân định, đường tu xa gần rất dễ lạc lối lầm đường. Nếu chẳng chịu học hỏi giáo nghĩa Tánh - Tướng của các tông phái, há dễ dàng thấu suốt được chân thật của một tông môn?

Nay Tông Pháp Tướng Đại Thừa của chúng tôi, cội nguồn phát xuất từ tâm tùy của Đức Thích Tôn và Đức Từ Tôn (Di Lặc), ghi chép tường tận văn chứng xác thực từ các bộ bốn kinh, bốn luận:

- Nơi cõi Ấn Độ, có hàng ngàn bộ Luận sư cùng Thập đại Bồ Tát phân định phá lập các mối chấp Hữu - Không;
- Nơi đất Trung Hoa, lại có Tam Tạng Hòa thượng (Huyền Trang) cùng các vị Sơ chủ trăm bộ luận truyền thừa không chút sai lệch.

Dẫu là lời thuyết của Đạo Xước hay Thiện Đạo, tự thân vẫn chưa đủ làm nơi nương tựa tuyệt đối. Dẫu vậy, các ngài cũng đều là bậc đã đắc chứng tam muội, há lại đi ngược lại lời dạy của bậc Nhứt Sanh Bồ Xứ? Hãy cùng nhau tìm cầu sự dung thông hội nhập, chớ

nên chuộng thói chia rẽ, bài xích lẫn nhau!

### **Điều thứ tám: Lỗi gây tổn hại đến hàng đệ tử Phật**

Phường chuyên tu rêu rao rằng: “Chơi cờ vầy, đánh xúc xắc chẳng trái với chuyên tu. Phạm giới sắc dục, ăn thịt uống rượu chẳng cản trở sự vắng sanh. Trì giới trong thời mạt thế khác nào cọp dữ giữa chợ, thật đáng kinh sợ, thật đáng ghét bỏ! Nếu người nào còn sợ tội sợ ác, e dè lánh xa điều dữ, thì đó là kẻ chưa trọn niềm tin cậy vào Đức Phật.” Những lời tà vạy, ngông cuồng dường ấy lưu truyền khắp bờ cõi, nhằm mua chuộc và chiêu theo dục vọng thấp hèn của lòng người, song rốt cuộc lại trở thành mối oán thù đục khoét chánh pháp!

Phàm giáo môn Tịnh độ Cực Lạc vốn tha thiết khuyến khích việc trì giới tu hạnh, lấy đó làm bậc tối thắng trong các nghiệp nhân vắng sanh. Sở dĩ như vậy là vì: nếu chẳng nương vào giới luật thì sáu căn khó bề phòng hộ; một khi buông thả các căn môn thì tam độc tham – sân – si rất dễ dấy khởi. Duyên trần vọng động quần chặt lấy thân, cửa sổ niệm Phật khó mong yên tĩnh; tham sân vẫn đục cõi lòng, nước ao thất bảo khó bề trong lặng. Nghiệp nhân như thế chiêu cảm, há có thể là cõi Tịnh độ được hay sao? Do đó, nghiệp nhân sanh Tịnh độ rất cần đến việc hành trì giới luật; văn chứng kinh điển đã được dẫn rõ ở trên.

Tuy nhiên, hàng sa môn thời mạt thế rơi vào cảnh không giới (vô giới) hay phá giới vốn là thực trạng mà tự thân lẫn người ngoài thấy đều thừa nhận. Trong hàng ngũ chuyên tu chẳng phải hoàn toàn không có người giữ giới, và điều chúng tôi than thở ở đây tuyệt nhiên không phải nhắm vào lẽ ấy. Dầu tự thân không thể thọ nhận giới pháp đúng như thật, không thể hành trì trọn vẹn đúng như lời Phật dạy, thì đối với điều đó phải biết sợ hãi, biết xót xa mà sanh lòng hổ thẹn sám hối. Đằng này, họ lại ngang nhiên lấy việc “phá giới” làm tông chỉ, hùa theo tâm lý buông lung của

cả giới xuất gia lẫn tại gia. Nhân duyên làm Phật pháp diệt vong, chẳng có mối họa nào lớn hơn điều này!

Ở vùng phụ cận Kinh đô tình hình hãy còn tạm coi là bình thường, song đến các xứ như Bắc Lục (Hokuriku), Đông Hải (Tōkai) v.v., tăng ni phái chuyên tu lại đua nhau truyền bá mạnh mẽ tôn chỉ tà vạy này. Nếu không có sắc chỉ của triều đình thì làm sao ngăn chặn và dẹp trừ cho được? Tôn ý tấu trình của chúng tôi cốt tủy chính là nằm ở những sự tình nghiêm trọng này vậy.

### **Điều thứ chín: Lỗi làm rối loạn nền trật tự quốc gia**

Phật pháp và Vương pháp gắn bó khăng khít tựa như thân và tâm: phải nhìn vào sự an nguy của bên này để thấu suốt sự thịnh suy của bên kia.

Hiện nay, pháp môn Tịnh độ mới vừa dấy lên, yếu hạnh chuyên tu đang thời cực thịnh. Lẽ ra đây phải là lúc nền giáo hóa của bậc vương giả được trung hưng; thế nhưng, Tam học (Giới – Định – Tuệ) nay đã phế bỏ, Bát tông sắp sửa suy tàn, giềng mối trật tự của thiên hạ vì thế mà đảo lộn. Tình cảnh ấy biết phải làm sao?

Điều hằng mong mỏi của chúng tôi là các tông phái cùng với pháp môn niệm Phật hòa quyện gắn kết như sữa với nước, để Phật pháp cùng Vương đạo mãi trường tồn sánh ngang cùng trời đất. Thế nhưng, trong khi các tông phái thầy đều một lòng tin nhận niệm Phật và không hề có hai dạ, thì phường chuyên tu lại sanh tâm thù ghét sâu nặng các tông phái, thậm chí chẳng thềm ngồi chung một chiếu. Thế như nước với lửa khó bề dung nạp lẫn nhau, bước đường tiến thoái đã đến chỗ cùng cực!

Nếu cứ theo đúng dã tâm của phường chuyên tu, thì mọi Phật sự, pháp sự trong khắp thiên hạ bốn bể ắt phải sớm bị đình chỉ toàn bộ hay sao? Sở dĩ hàng tôn quý lẫn kẻ thứ dân đến nay vẫn chưa hoàn toàn quy phục họ, và mạng mạch Phật pháp chưa đến

nổi đoạn tuyệt, tuyệt nhiên chẳng phải nhờ cậy vào sức lực nào khác, mà hoàn toàn nhờ thánh tâm bất biến và sự sáng suốt soi tỏ của Hoàng đế bệ hạ.

Nếu mai sau phùng chuyên tu thừa cơ đắc thế, lòng dạ vua tôi xem các tông phái khác tựa như rơm rác cỏ vụn, thì dầu không đến mức bị bãi bỏ bằng chiếu lệnh, Bát tông trên thực tế há chẳng phải cũng như đã diệt vong rồi hay sao? Huống chi, xưa kia vua Phất Sa Mật (Pusyamitra) phá hủy già lam là do nghe theo lời gièm pha của bọn ngu thần; vua Đường Vũ Tông niên hiệu Hội Xương tiêu diệt tăng ni là bởi phát xuất từ lòng đố kỵ của đám đạo sĩ. Mỗi nhân duyên đưa đến nạn diệt pháp trong tương lai thực khôn lường xiết!

Chính vì suy nghĩ đến mối đại họa ấy, chúng tôi gạt nước mắt nghẹn ngào dâng lời trần tình lên thánh thính. Nếu thời nay không có lời răn cấm nghiêm khắc, làm sao dứt trừ được mối mê lầm cho muôn đời con cháu mai sau?

Than ôi! Sự bất hòa, u uất giữa hai môn xưa nay dầu nhiều, song việc tám tông phái đồng lòng chung sức dâng sớ tấu trình như thế này quả thực là chuyện xưa nay chưa từng có. Việc hệ trọng nông sâu, kính cần ngửa trông Thánh thượng anh minh định đoạt.

Kính khẩn cầu: Kính xin Thiên Hoàng ban sắc chỉ xuống khắp Thất đạo chư quốc, nghiêm lệnh cấm đoán và cải chính tông nghĩa chuyên tu niệm Phật do sa môn Nguyên Không khởi xướng.

Được như vậy thì sự phó chúc di huấn của Đức Thế Tôn sẽ càng thêm sâu đậm, dòng nước chánh pháp hòa êm nơi sóng biển Thuấn Đế. Uy đức quang minh chiếu rọi của Đấng Minh Vương sẽ mãi mãi như ngọn gió sớm quét sạch mây mù ma chướng dưới ánh mặt trời rạng rỡ.

Kính cẩn tấu.

## 2. Phó tiến trạng (副進狀) - dâng kèm theo tấu trạng

Kèm theo đây một bản tấu trạng.

Sự tình nêu trên đây: Nguyên Không kia, thiên chấp vào một môn, làm diệt vong trọn cả Bát tông. Đó là hành vi của thiên ma, khiến cho Phật, Thần thầy đều đau xót. Do đó, các tông phái đồng lòng toan dâng sớ tấu trình lên Thiên tử.

Đúng lúc ấy, Nguyên Không đã đệ trình bản đãi trạng (văn bản nhận lỗi/cam kết), viện cớ mọi chuyện không đáng để sanh mối bất hòa u uất, khiến Viện sảnh hạ viện tuyên (chiếu chỉ của Thượng hoàng) xuống để ngăn cấm [việc tấu trình của các tông]. Tăng đồ đại chúng lấy làm kinh ngạc than thở, nổi phẫn uất bất bình vì thế lại càng tăng thêm.

Đặc biệt hơn cả, vào ngày Duệ Sơn (叡山, Hiei) cử sứ giả đến tra xét thẩm vấn, sau khi Nguyên Không hạ bút viết bản khởi thỉnh (lời thề cam kết), bọn môn đệ của kẻ ấy lại loan báo với hàng đạo tục rằng: “Lời lẽ của Thượng Nhơn thầy đều có hai mặt trong ngoài (biểu lý), người ngoài chẳng thể thấu suốt được tâm can của ngài, chớ có bận tâm đến những điều tai nghe mắt thấy bề ngoài làm chi”.

Từ đó về sau, miệng lưỡi xảo quyết của tà kiến tuyệt nhiên không hề có chút sửa đổi. Bản đãi trạng dâng lên lần này ắt hẳn cũng lại như trước mà thôi. Tấu trình sự việc không đúng sự thật thì tội lỗi lại càng thêm chồng chất nặng nề. Dầu cho có thánh ý của Thượng hoàng bao che, há lại không có lời trần tình ngay thẳng của bậc tôi hiền hay sao?

Kính khẩn cầu: Xin rủ lòng từ bi ân huệ, sớm chuyển lời tấu trình lên thánh thính, truyền lệnh xuống khắp Thất đạo chư quốc, đình chỉ dẹp trừ từng điều lỗi lầm của phái nhứt hướng chuyên tu. Đồng thời thi hành hình phạt định tội đối với Nguyên Không cùng đồ chúng đệ tử.

Được như vậy thì sẽ vĩnh viễn dứt trừ mối tà chấp phá hoại chánh pháp, đưa người đời quay trở lại thấu suốt con đường thẳng tắp chân chính của niệ̣m Phật. Do đó chúng tôi cần cáo sự tình như trên.

Tháng 10 năm Nguyên Cửu thứ 2 (元久二年, năm 1205)

*(Nguyên văn là Hán văn. Dựa theo bản văn thân lục trong “Thân Loan Thánh Nhơn Hành Thực”, có tham chiếu chính văn thân trong “Nham Ba Nhật Bản Tư Tưởng Đại Hệ - Liêm Thương Cựu Phật Giáo” và “Liêm Thương Di Văn” quyển ba, mà chuyển thành lối văn thư hạ.)*

### **3. Đại chúng giải Diên Lịch Tự (延曆寺大衆解) - Trích Diệp Trạng Loại Tự**

Kính xin rù lòng thánh xét soi, nghiêm trị tổng giam loài ma oán của Phật pháp là Thành Giác (成覚) và Không A Di Đà Phật (空阿弥陀仏) cùng bè đảng của chúng, đồng thời hạ lệnh bãi bỏ tông phái do chúng tự tiện lập ra.

Kính xét theo tình lý: Hán Minh Đế là đấng hiền vương nơi đất khách, cảm ứng mộng thấy người vàng mà thỉnh pháp, Khâm Minh Thiên hoàng (Kinmei) là bậc thánh chúa nước Nam ta, tiếp nhận kim thân đồng tượng từ xứ Bách Tế truyền sang. Nhờ đó, mặt trời Phật pháp rạng soi khắp thiên hạ, giáo pháp Bạch Mã hưng thịnh lưu truyền, dòng nước chánh pháp tuôn chảy về biển Đông. Ngọn gió thuần phong vùng Ban Cưu (Ikaruga - Thái tử Shōtoku) thổi mãi dài lâu; từ ấy đến nay trên dưới đều một lòng tuân giữ chiếu chỉ của Đấng Tối Tôn. Mở mang nền móng căn bản của Bát tông, đền đáp thệ nguyện sâu dày của hàng Tứ y Bồ Tát, phân định rạch ròi chỗ cạn sâu của muôn giáo pháp. Há lại đem tâm tính kẻ phàm phu tầm thường mà tự tiện định đoạt tông chỉ Chánh giáo hay sao?

Thế nhưng những năm gần đây, có kẻ tiểu tử tên gọi là Nguyên

Không. Kẻ ấy thường đem cái tâm thô thiển ngu muội của mình để gượng rao giảng lời cứu độ; tà chấp bám chặt, dối trá huyền ảo khắp nơi; phỉ báng các tông phái khác là “Nan hành đạo”, rồi tự tiện lập riêng một tông xưng là “chuyên tu”. Kẻ ấy chiêu dụ đồ chúng kết thành bè đảng, quyến rũ hàng tăng tục đông vô số kể. Mưu đồ ấy đẩy lên ngay chốn Tứ Minh (núi Hiei), nổi uất ức lan khắp các chốn già lam.

Đến khi sự việc được nghị bàn cặn kẽ và tấu đạt lên thánh thánh, kim chỉ ban xuống, chốn triều đình mới tạm yên. Nguyên Không bị xử phạt lưu đầy chốn biên viễn, bè đảng bị phạt nặng. Tội khiên phỉ báng chánh pháp chẳng đợi đến dưới suối vàng mới chịu báo ứng, tội nghiệp phá hoại Tăng đoàn đã khiến thân bại danh liệt ngay giữa cõi trần.

Thế nhưng nay lại có bọn Thành Giác (成覚) và Không A Di Đà Phật (空阿弥陀仏), vốn là tàn dư bè đảng của Nguyên Không. Chúng nhiễm sâu tà phong từ lâu ngày, chẳng hề biết sợ hãi tội lỗi, hành vi hung ác vượt xa bậc thầy thuở trước, mưu đồ xảo trá xưa nay hiếm thấy. Bọn chúng buông lời xuyên tạc rằng:

“Thời buổi nay đã qua thời chánh pháp và Tượng pháp, cõi đời đã rơi vào mạt kiếp suy tàn. Giáo pháp Hiền Mật hỗn tạp chẳng còn linh nghiệm nơi sự huân tu. Duy chỉ một giáo môn của Đức Di Đà là còn đủ sức cứu vớt muôn loài. Kẻ tu tập Định – Tuệ, người giữ gìn giới luật thầy đều là ‘Tạp hạnh’, công đức khó bề thành tựu. Nay chính là thời kỳ khế kinh diệt tận, là lúc các giáo pháp khác thầy đều ẩn mất. Và lại, hễ muốn sanh về Tịnh độ thì phải nên tạo tác nghiệp ác. Nếu sợ sệt chẳng dám làm ác thì trái lại chính là hoài nghi bốn nguyện đại bi.”

Lời lẽ gian xảo của chúng lan tràn khắp ngõ ngách, thói dối trá ngông cuồng khôn xiết kể. Tóm lấy yếu chỉ cốt tủy, đại để tà thuyết

của chúng chính là như vậy!

Nay tra xét các văn chứng kinh luận để khảo tường sự thù thắng trong thời Tượng pháp và mạt pháp:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy: “Đời vị lai khi kinh đạo diệt tận, ta đem lòng từ bi đặc biệt lưu giữ lại bộ kinh này trụ thế thêm một trăm năm.”

Sách *Tây Phương Yếu Quyết* sau khi dẫn đoạn kinh này đã kết luận:

“Sự giáo hóa nhuần thấm của Như Lai vốn có thời hạn: trong muôn năm thời mạt pháp, các kinh điển khác dần biến mất; duy chỉ giáo pháp Di Đà cứu độ muôn loài là trụ thế lâu dài hơn cả. Đợi đến khi hết trọn một vạn năm mạt pháp, hết thảy các kinh mới đồng loạt tiêu biến; bấy giờ nhờ ân Phật Thích Ca nặng sâu mà kinh này được lưu lại thêm một trăm năm, ai tu tập thời ấy ắt được sanh về cõi diêu.”

Sách *Yếu Quyết* nói rõ: Hiện nay thời gian chưa đủ trọn một vạn năm mạt pháp, cần phải biết thời điểm “các kinh khác tiêu diệt hết” là chỉ cho sau khi hết một vạn năm mạt pháp.

Bởi thế, sách *Thiện Kiến Luật* dạy: “Sau khi Như Lai nhập diệt, trong khoảng năm nghìn năm, người tu hành vẫn đắc bốn thánh quả. Ngoài năm trăm năm sau thì học chẳng đắc thánh quả. Sau muôn năm thì kinh thư mới diệt vong.”

Lời răn trong Kinh và Luật đại khái vốn đồng nhứt, hai thuyết về thời gian Phật pháp trụ thế hoàn toàn khế hợp.

Kinh Pháp Hoa dạy: Trong thời mạt pháp, chỉ cần nhìn vào lòng tin dày hay mỏng, chớ nên ngờ vực thời khắc trước hay sau. Mặt trời nơi rừng Ta-la dần đã khuất bóng, cách xa hơn hai nghìn năm sương tuyết, song ngọn gió nơi Linh Thụ truyền lại há

chẳng đủ sức quét sạch bụi nhơ của thời mạt thế năm trăm năm sau hay sao?

Bọn chúng không hiểu thời tiết lưu hành của Đại giáo, buông lời càn rỡ phỉ báng các tông; khiến lòng người sanh tâm lười biếng đối với các căn lành tùy duyên, làm cho Thánh giáo chịu cảnh suy tàn phế bỏ, ngăn bế hóa duyên Nhứt thừa, cướp đoạt phước duyên nhiều đời của chúng sanh. Chúng chính là ma chướng của các tông phái, và là kẻ thù riêng biệt của bốn sơn chúng tôi!

Định – Tuệ là giáo mác phá tan giặc phiền não. Giới luật là bè thuyền vượt qua dòng sông ái. Phỉ báng các điều ấy ắt sanh tai ương, chắc chắn đọa vào địa ngục Nê-lê (Avīci). Trước mắt ngang nhiên phá bỏ giới trai, sau giấc mộng ắt gánh lấy quả báo đòn roi cay đắng. Người có tri thức trông thấy ai chẳng đau xót tận tâm can?

Chẳng những thế, nương vào nhân tu thiện hay ác mà nhận quả báo vui hay khổ-đó là lẽ thường của cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa, há chẳng phải là lời dạy trong cả Quyền giáo lẫn Thật giáo hay sao? Buông thả tâm ý theo đường tội ác mà lại mong cầu vãng sanh nơi cõi An Dưỡng, thì khác nào quay đầu xe về hướng Bắc mà muốn đi sang nước Sở, tựa như úp chum lên đầu mà mong ngó thấy trời xanh!

Nếu lấy việc hành thiện kết hợp với niệm Phật mà còn chưa trọn vẹn bốn hoài vãng sanh, huống chi lại đem điều ác trộn lẫn vào câu xưng danh thì làm sao mong mọi sự cảm ứng huyền diệu của Phật nhãn đốn? Nghiệp ác muôn bề còn phải đợi ngọn gió sám hối thổi qua; muôn vản hạnh lành cố sao lại bị ngăn cách ngoài biển đại bi? Ngăn cấm điều thiện, dung túng điều ác chính là đi ngược lại đạo lý, đánh mất yếu chỉ chân thật!

Kinh Quán Vô Lượng Thọ khi thuyết về nghiệp duyên của chín phẩm: từ Thượng phẩm Thượng sanh đến Trung phẩm Hạ sanh

đều nhiệt liệt tán thán các điều lành và nghiêm cấm làm ác. Riêng nơi ba bậc Hạ phẩm, Phật không chê bỏ kẻ phạm tội ngũ nghịch, không loại trừ người làm mười điều ác: tà chấp của bọn chúng ắt hẳn dấy khởi từ đoạn thuyết này!

Thế nhưng đoạn văn ấy sở dĩ nói như vậy là nhờ người đó có thiện căn sâu dày từ tiền kiếp tự nhiên tiêu trừ tội chướng cực nặng, hoặc giả hiển bày trí tuệ sâu xa. Tuyệt nhiên chẳng phải việc mà kẻ ngu hèn có thể làm được. Bọn chúng không hiểu chỗ cạn sâu của căn cơ, chỉ một bề xúi giục người ta làm điều ác. Đó thực là thói kẻ ngu ôm cây đợi thỏ, chó dại đuổi cục đất vậy!

Lại nữa, dẫu kinh Song Quán (Đại Kinh) có thuyết “Một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ”, nhưng kinh cũng dạy “Phải nên tu các công đức nguyện sanh về cõi nước kia”. Há lại bám chặt lấy một góc mà bài xích buông bỏ muôn việc thiện hay sao?

Bọn chúng luôn miệng thốt ra lời phi báng người khác, phi báng chánh pháp. Đối với hạnh nghiệp Thượng phẩm Thượng sanh, chúng xem như ngậm đá mà cho là báu vật, tựa như uống cạn cả hồ nước mà vẫn chưa thỏa cơn khát.

Bởi có ấy:

- Kẻ theo sự giáo hóa của chúng thì việc đầu tiên là phi báng các giáo pháp khác.
- Kẻ bước vào môn hộ của chúng thì sanh tâm khinh miệt người đời.
- Kinh sách thọ trì bao năm thì vứt bỏ chẳng thèm xem lại.
- Tôn tượng phụng thờ trọn đời thì kiêng lánh chẳng chịu bái lạy.
- Miệng thốt ra âm thanh bi ai (ai âm), mãi trái với phong hóa trị đời.

- Ngang ngược bạo tàn đối với hóa thân, hầu như trở thành loài sâu mọt đục khoét nền trị quốc!

Chỉ vì tham đắm thân mạng mong manh tựa sương mai nắng quá, chúng làm mê loạn tai mắt của đám dân đen chốn thôn dã biên thùy. Chúng chẳng những là kẻ thù oán của Thích môn, mà còn là giặc trộm đục khoét quốc gia!

Lại xét đến tên Thành Giác (成覺) kia: Kẻ ấy thổi bùng ngọn gió tà kiến, tự tiện sửa đổi câu chữ chấm câu nơi Chánh giáo. Sự kỳ quái lộng ngôn đến bậc ấy thử hỏi còn điều chi sánh bằng?

Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông suốt hàng trăm năm qua, nguyên văn dịch thuật chân thật chưa từng bị sửa đổi, lấy đó làm khuôn mẫu thù thắng để hoằng truyền. Truyền thống ấy vốn có từ rất lâu đời, ai dám tự tiện thêm bớt sửa đổi?

Đặc biệt, đối với bản kinh Tiểu A Di Đà Kinh, xưa kia Từ Giác Đại sư (Ennin) từng vượt ngàn trùng sóng gió, đích thân đến tận thánh tích Thanh Lương Sơn (Ngũ Đài Sơn), tiếp thu khúc nhạc vi diệu truyền lại dư âm của cõi An Dưỡng, chuyên tu thắng duyên Thường Hành Tam Muội. Gieo mầm nghiệp duyên thù thắng vãng sanh chín phẩm, Trải qua hàng trăm năm huân tu. Khắp sáu mươi dư châu trong thiên hạ đều tuân hành, âm thanh ấy truyền mãi đến nay, câu chữ kinh văn từ xưa chưa từng thay đổi.

Gò mối nhỏ chẳng thể trồng cây tùng lớn, giọt sương mai chẳng thể nổi được thuyền bè. Chúng tranh nhau thói thiển cận của loài muỗi mòng mà dám can rở giẫm đạp lên dấu chân của hàng rồng voi! Huống chi trên từ Đấng Tối Tôn đến dưới là hàng thứ quan, thầy đều đứng vào hàng đệ tử tại gia kết duyên với giáo pháp ấy, dốc lòng thành kính. Nay kẻ ấy dám tự tiện sửa đổi kinh văn do Đại sư truyền tụng, há chẳng phải là mối họa lớn cho việc hoằng truyền hay sao?

Kính xin triều đình hạ lệnh tịch thu ngay các ván khắc in ấy,

ng nghiêm cấm chỉnh đốn câu chữ văn bản. Nếu hàng tăng tục ai còn dám sử dụng bản kinh đã bị sửa đổi tà vạy kia, thần xin chịu tội nếu không vạch trần sai phạm nghiêm trọng ấy!

niệm Phật vốn là cội gốc của muôn hạnh lành, Đức Di Đà chính là nơi nương tựa của Bốn môn Tam muội. Việc xưng danh lễ tán há có ai sanh lòng phi báng? Càng phải nên cung kính cúng dường, dốc trọn tín tâm!

Chỉ vì căm ghét thói dối trá của loài hung đồ, nên chốn thiền lâm mới buộc lòng phải dăng sớ kiện tụng. Thói càn rỡ phóng túng đã dần trở thành tập tục thường ngày. Âm thanh tà vạy lan tràn khắp chốn hoa – di. Tà pháp rất dễ tiêm nhiễm, khiến kẻ ngu muội mãi lạc lối nơi bến đò giải thoát. Hàng công khanh quý tộc nhiều kẻ tin theo lời tà vạy, đám nông phu ruộng đồng đua nhau hùa theo hạnh buông lung. Cứ đà này nếu trôi theo dòng mạt đại, ắt sẽ để lại hậu họa khôn lường cho muôn đời sau.

Thời điểm này nếu không nghiêm cấm, thì tương lai biết lấy chi để ngăn chặn?

Vì vậy, kính xin triều đình:

- Sớm đem kẻ đầu sỏ xử tội nặng.
- Trừng phạt nghiêm khắc bè đảng tàn dư.
- Đình chỉ bãi bỏ tông phái do chúng tự lập.
- Nghiêm cấm dứt tuyệt các hành vi phi pháp.

Được như vậy thì cả nước sẽ giữ gìn gốc rễ, mỗi người đều dốc sức vào chánh đạo. Vận nước trường tồn, Phật pháp hưng thịnh; sóng biển nơi hồ phượng trong veo, mặt trời rạng soi ngàn thu. Ngọn gió chốn tiên động phẳng lặng, ngàn cây tùng đồng thanh cất khúc ca muôn năm thái bình.

Tăng chúng đồ kính cẩn tấu.

Tháng 5 năm Kiến Bảo thứ 5 (1217)

(Nguyên văn là Hán văn. “Liêm Thương Di Văn”, quyển 4, số 2315.)

#### **4. Quan tuyên chỉ (官宣旨) - Trích Cao Tổ Di Văn Lục**

Tả Biện Quan hạ Cường sở

Về việc cần ra lệnh cho các viên chấp vụ tại các tự viện tiến hành đàn hặc, bài trừ đồ chúng chuyên tu niệm Phật.

Kính vâng mệnh Tả Đại thần truyền chỉ: Hàng hành giả chuyên tu niệm Phật chính là căn nguyên làm suy vi các tông phái. Do đó, vào mùa xuân năm Kiến Vĩnh thứ 2 (1207), triều đình đã ban hành phán quyết chính thức qua quan phù gồm 5 điều luật nghiêm ngặt. Đạo gần đây, tiến tới thì chúng chẳng sợ hiến chương quốc pháp, thoái lui thì chẳng kiêng dè sắc chỉ của Phật; kẻ thì chiếm cứ chốn chùa chiền phạm vũ, người thì trà trộn nơi thôn xóm phố phường. Sa môn phá giới kết bè lập đảng nơi đạo tràng.

Cứ theo tình hình hiện nay mà xét: Mượn có giả vờ xưng tụng danh hiệu Phật mà tự tiện tạo ra tà âm, thực khiến cho lòng người trở nên phóng túng buông tuồng. Nơi đông đảo người thấy nghe thì vờ hiện tướng hiền thiện đoan chánh, song lại phá tan buổi chiều tịch mịch bên cửa sổ thanh tu, chẳng khác nào cơn mê muội của thói tục tầm thường. Đó tuyệt nhiên chẳng phải là sự tu thiện phát xuất từ tâm Bồ Đề, mà là mưu đồ gian xảo nhằm thực hiện các hành vi bừa bãi. Há lại là bốn ý ban đầu của Đức Phật hay sao? Há là sở hành của hàng tăng đồ hay sao?

Nên truyền lệnh cho các quan hữu ty tiến hành tra xét và xử đoán nghiêm minh. Nếu kẻ nào vẫn cố tình vi phạm, tội trạng xử phạt nhứt nhứt tuân theo quan phù đã ban hành trước đây. Tuy nhiên, chớ có làm kinh động, phiền nhiễu đến những bậc chân chính có đạo tâm tu hành. Chỉ nhắm vào những kẻ vượt rào làm rối loạn Phật pháp mà thôi. Đây tuyệt nhiên chẳng phải là coi

thường giáo thuyết của Đức Di Đà, mà cốt để muôn dân giữ gìn trọn vẹn văn nghĩa của chánh pháp.

Lại nữa, các viên chấp vụ tại các tự viện cùng các đốc dịch ngũ bảo, nếu nghe biết mà không tố giác thì đều cùng chịu chung tội, tuyệt đối không dung thứ tha bổng. Nay hạ lệnh rõ ràng, khá nên tuân thủ chiếu chỉ mà phụng hành.

Ngày 8 tháng 2 nhuận năm Kiến Bảo thứ 7 (1219)

Đại sử Ozuki no Sukune (ký tên)

(Nguyên văn là Hán văn. “Liêm Thương Di Văn”, quyển 4, số 2458.)

## **5. Đại chúng giải Diên Lịch Tự (延暦寺大衆解) - Trích Nhứt Hưởng Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Ba ngàn đại chúng pháp sư Diên Lịch Tự kính cẩn tâu:

Kính xin nhận được quyết định tối cao của Thiên tử, hạ lệnh đình chỉ những hành vi bừa bãi của phái nhứt hưởng chuyên tu.

Điều 1: Không được lấy niệm Phật Di Đà để tự tiện lập thành tông phái riêng biệt

Kính xét các điển tịch xưa: Việc dựng giáo lập tông vốn có phép tắc, quy củ rõ ràng. Hoặc do bậc chân tăng ngoại quốc quy hóa sang triều đình ta truyền trao. Hoặc do bậc cao tăng nước Nam vâng mệnh chiếu chỉ sang Tây phương thỉnh pháp. Các ngài đều đã thấu suốt căn cơ của muôn dân nước Nam, mở ra giếng mỗi giáo pháp của Bát tông. Xét về hàng tổ sư, không ai chẳng phải là bậc hiền thánh. Tìm về cội nguồn ban đầu, thầy đều phải chờ sắc chỉ của vua ban. Thứ lớp truyền thừa rõ ràng, kinh giáo nương tựa chẳng hề sai lệch.

Thế nhưng những năm gần đây, có tên Pháp sư Nguyên Không (源空, tức Pháp Nhiên). Thuở đầu khi sống đạm bạc nơi Hắc Cốc (Kurodani), kẻ ấy chưa từng có thực học uyên bác. Sau khi dời

đến cư ngụ ở vùng Đông Sơn (Higashiyama), kẻ ấy liên tục thốt ra những lời mê hoặc dối trá. Lấy tâm tính thô lậu ngu muội mà dám can rở bắt chuốc dấu vết bậc hiền triết. Tự ý lập nên một tông phái riêng, quay lưng phỉ báng Tam bảo. Tư tưởng chỉ sanh ra từ tà ý nơi tay áo, tuyệt nhiên không hề bám thụ chân truyền từ thầy. Buông lời tùy tiện theo suy nghĩ nông cạn trong ngực, chẳng hề căn cứ vào lời dạy chân thật của kinh luận. Rốt cuộc kẻ ấy thổi bùng ngọn gió tà khắp chốn kinh kỳ lẫn thôn quê, hầu như quét sạch đám mây trí tuệ trong thiên hạ.

Từ đó đến nay, dẫu cho Nguyên Không đã chết, song đám môn đệ mật học lại dấy lên bè phái, chia rẽ thành hai phái Nhứt Niệm và Đa Niệm, mỗi bên đều tự chuốc lấy tội nghiệp phỉ báng và phá hoại chánh pháp. Kẻ sang người hèn đua nhau hướng về giáo pháp ấy, nam phụ lão ấu thầy đều nghe theo lời kẻ ấy. Người đời cuồng loạn tựa như điên, muôn dân mê muội như say rượu. Sở dĩ như vậy là vì điều thiện khó quen nơi tâm, còn điều ác lại rất dễ tiêm nhiễm vào thần trí.

Bọn chúng hoặc gọi đó là “niệm Phật Tông”, hoặc xưng là “Tịnh độ Tông”. Phàm Tịnh độ là nơi quy hướng của muôn ngàn hạnh lành. niệm Phật là quy thức phổ biến thông dụng của tất cả các tông phái. Cớ sao lại đem hai điều này tự tiện lập riêng thành một tông?

Huống chi, bè lũ ấy lại ngang nhiên phỉ báng các tông phái trấn hộ quốc gia, gọi đó là “Nan hành đạo”; rồi tự tiện lập ra một pháp môn buông thả phóng túng, đặt tên là “Chánh hạnh”. Thật là quái gở tột cùng, tội không thể dung thứ! Há lại dám không chờ sự phán quyết của triều đình mà tự ý lập ra tà tông tà thuyết mới? Kính xin triều đình sớm hạ chiếu chỉ nghiêm khắc, bắt chúng phải quy phục trước thềm son.

Điều 2: Tội sai quấy của đồ chúng nhứt hướng chuyên tu khi

quay lưng, bất kính với Thần linh

Nước Nam ta vốn là Thần quốc; lấy đạo kính thờ Thần linh làm việc trọng đại của quốc gia. Kính cần tìm về cội nguồn của trăm vị Thần, không vị nào chẳng phải là hóa thân thù tích của chư Phật: Đền lớn Y Thế (Ise Jingū), đền Chánh Bát Phan (Iwashimizu Hachimangū), đền Hạ Mậu (Kamo), Tùng Vĩ (Matsunoo), Nhật Cát (Hiyoshi), Xuân Nhật (Kasuga) v.v. thấy đều là sự thị hiện của Thích Ca, Dược Sư, Di Đà, Quán Âm.

Mỗi vị chọn lấy mảnh đất có phước duyên xưa để chuyên tâm điều phục căn cơ hữu duyên. Nhắm răn dạy nghiệp nhân thiện ác, chư Thần lại thi thố quyền biến thưởng phạt. Dẫu thị hiện theo phong nghi thù tích âm dương biến hóa, song lòng Đại từ Đại bi vẫn luôn hướng về vàng trắng bản thể nơi Bốn địa. Vì vậy, tùy theo nội chứng của chư Thần mà dâng cúng pháp thí; việc niệm tụng chuyển kinh tùy từng vị Thần mà có nghi thức khác biệt. Toàn thể xã hội đều đặt niềm tin, người người đều được hưởng lợi ích.

Thế nhưng nay phường chuyên tu mượn có niệm Phật, vĩnh viễn không chịu kính bái chư vị Minh thần; như thế là đánh mất quốc lễ, há lại không bị Thần linh quở phạt hay sao? Phải biết rằng chư vị Thần linh uy dũng ắt sẽ giáng oán khí trừng phạt hàng phục chúng!

Lại xét lời dạy trong kinh Đại Tập, Đức Phật đem toàn bộ Thánh giáo một đời phó chúc cho các hàng Long thần mười phương, để họ vâng sắc chỉ Phật mà hộ trì bảo vệ kho tàng chánh pháp. Do đó, hễ ai thọ trì kinh giáo ắt được Thần linh gia hộ. Kẻ nào sanh tâm phi báng ắt bị Thần linh giáng đòn trừng phạt đau đớn. Những kẻ phi báng chánh pháp kia ắt phải tự hiểu lấy quả báo của mình!

Đặc biệt hơn, nghe về hành vi của phường hung đồ: Chúng ăn thịt tanh tươi rồi bước vào hàng rào linh thiêng của đền miếu. Mang thân uế tạp hôi hám mà bước lên điện thờ thù tích của

Thần linh. Chúng lớn tiếng bảo rằng: “Tội mười điều ác và năm tội nghịch còn được Đức Di Đà tiếp dẫn, thần linh đạo há cản trở nổi việc vãng sanh Cực Lạc hay sao?”. Bậc có tâm thức ắt phải răn cấm nghiêm ngặt lời lẽ ngông cuồng này. Phạm vào luật pháp của Thần quốc, làm sao trốn tránh được hình phạt của Vương triều?

Điều 3: Những tiền lệ xấu xa, đáng lo ngại của nhứt hướng chuyên tu tại Trung Hoa và Nhật Bản

Kính khảo cuốn Nhập Đường Tuân Lễ Ký của Từ Giác Đại sư (Ennin): Vào năm Hội Xương thứ nhứt đời Đường Vũ Tông, triều đình hạ chiếu sai Pháp sư Kính Sương chùa Chương Kính đi khắp các chùa truyền dạy pháp môn niệm Phật Di Đà, mỗi chùa luân phiên 3 ngày không dứt. Đến năm thứ hai, quân Hồi Hột (Hồi Hộc) tiến đánh xâm lấn biên cương nhà Đường. Năm thứ ba, Tiết độ sứ Hà Bắc đạo lập tức dấy loạn xưng hùng. Sau đó, Thổ Phồn lại cự tuyệt mệnh lệnh triều đình. Hồi Hột lại đánh chiếm bờ cõi. Binh loạn bùng phát chẳng khác nào thời Tần - Hạng. Lửa tai ương thiêu rụi khắp thôn xóm phố phường. Huống chi Đường Vũ Tông sau đó đại phá Phật pháp, hủy diệt vô số chùa tháp, cuối cùng không dẹp nổi loạn lạc mà chuốc lấy biến cố diệt vong. (Trên đây là tóm lược đại ý sách ghi chép).

Đó chính là do một bề chỉ tin nhận một môn Tịnh độ mà chẳng màng kính phụng các giáo pháp hộ quốc. Từ khi pháp nhứt hướng chuyên tu hoằng truyền tại nước Nam ta, đất nước rơi vào suy vi, nhơn dân chịu nhiều gian nan khốn khó. May nhờ đức sáng kín đáo của Bệ hạ soi tỏ, cõi trong bốn bể mới gặp lúc tạm yên. Khá nên sớm sửa đổi lỗi lầm trước kia để dứt trừ tai họa về sau.

Đường Vũ Tông chỉ vì truyền bá mỗi pháp niệm Phật mà để lại tiền lệ hung gở cho muôn đời; nay Pháp sư Nguyên Không chỉ một bề khuyên xưng danh mà gieo rắc tệ nạn bừa bãi ra khắp bốn phương. Phong khí hai nước Nhật - Hán thật giống nhau như đúc!

Phàm Phật A Di Đà là đấng Như Lai có đại nhân duyên với cõi Sa-bà, xưng danh là bốn nguyện sâu nặng của Ngài; có sao chỉ vì tu hạnh xuyên xưng danh hiệu mà trái lại lại chiêu cảm tai ương làm đất nước suy vi loạn lạc? Lời trần tấu này mang nội hàm vô cùng sâu sắc: Sữa bò vốn là vị thuốc quý thượng hạng, nhưng nếu pha lẫn thuốc độc vào thì sẽ gây hại chết người. niệm Phật vốn là cội gốc điều lành, nhưng nếu trộn lẫn điều ác vào thì ắt sẽ chiêu cảm đại họa!

Thế nhưng gần đây đồ chúng chuyên tu mượn danh niệm Phật, mà trong lòng lại nuôi dưỡng ý nghĩ phỉ báng chánh pháp. Lòng thành khi xưng danh thì vô cùng yếu ớt, mà tội lỗi phỉ báng giáo pháp thì lại cực kỳ nặng nề. Đó chính là thứ sữa đã bị pha lẫn độc dược; làm sao có thể mang lại lợi ích cho đời này lẫn kiếp sau?

Chúng rêu rao rằng: “Dẫu có phỉ báng các kinh điển khác và chư Phật khác cũng chẳng hề gây trở ngại cho việc sanh Tịnh Độ; chỉ cần xưng một tiếng hay mười tiếng Phật hiệu là chắc chắn đạt được sở nguyện vãng sanh”. Do đó, chúng đứng trước tôn nhan Đức Thích Ca, Dược Sư mà không chịu cúi đầu đánh lễ; cướp đoạt kinh văn Pháp Hoa, Bát Nhã rồi ném vào lửa đỏ thiêu rụi. Hành vi ấy trái nghịch sâu sắc với bản thể bình đẳng, tuyệt đối không thể khế hợp với hoằng nguyện của Phật A Di Đà!

Hướng chi, Đức Phật A Di Đà từ lâu xa đã tu tập trọn vẹn các pháp môn Quyền – Thật mới viên mãn quả vị Bồ Đề vi diệu. Vì cơ ấy, chỉ cần thốt một lời phỉ báng chánh pháp thì chư Phật mười phương đều không thể cứu độ. Tội phỉ báng bánh xe pháp Hiền Mật há chẳng phải chính là hành vi phá hoại Pháp thân của Phật A Di Đà hay sao?

Lại khảo kinh Bát Nhã: “Các kinh điển là mẹ của Phật (Phật mẫu), chư Phật là con của chánh pháp (Pháp tử); nếu biết cung kính dù chỉ một câu pháp thì sẽ khiến chư Phật mười phương

thầy đều hoan hỷ”. Tục ngữ có câu: “Chỗ cung kính dầu ít nhưng niềm vui đem lại rất nhiều”. Cần biết rằng con đường trọng yếu cho cả hai đời (hiện tại và tương lai) cốt tủy hoàn toàn nằm ở lòng thành quy kính chánh pháp. Kinh Pháp Hoa dạy: “Kinh này rất khó thọ trì, nếu ai tạm thọ trì trong chốc lát, ta ắt sanh tâm hoan hỷ, và chư Phật mười phương cũng lại như vậy”. Trong chư Phật mười phương ấy há lại trừ bỏ Phật A Di Đà ra hay sao?

Tội phi báng chánh pháp và phước báu thọ trì đã được các kinh điển chứng minh nhiều không kể xiết. Thế mà nay lũ hung ác bừa bãi lại tràn ngập khắp bờ cõi; hàng hiền thánh mười phương làm sao buông lòng cảm ứng gia hộ cho được? (Đây là điều sai trái thứ nhất).

Lại nữa, bọn chúng còn rêu rao: “Sự tu hành Chơn Ngôn, Chỉ Quán hay việc học tập Pháp tướng, Tam luận chỉ là con đường mưu cầu danh lợi, vĩnh viễn chẳng phải là điều cốt yếu để xuất ly sanh tử”. Đạo tục ngu muội tin sâu lời ấy, coi rẻ các bậc cao tăng trấn hộ quốc gia tựa như chổi rách, xem thường các bậc danh đức khổ hạnh chẳng khác đất bùn; hoàn toàn không biết tôn kính ruộng phước (phước điền), thế thì làm sao giúp cho quốc gia được an định thái bình? (Đây là điều sai trái thứ hai).

Phàm đạo làm người, đức hạnh không gì lớn hơn đạo Hiếu; cốt lõi của đạo Hiếu là noi theo tiền lệ của tổ tiên. Bởi thế, không phải lời dạy khuôn phép của tiên vương thì không dám nói; chẳng phải đức hạnh của tiên vương thì không dám làm. Từ khi Khâm Minh Hoàng đế trị vì thiên hạ, chư hầu bắt đầu truyền nhập Phật pháp, Thái tử (Shōtoku) chuyên tâm hoàng dương thánh điển. Bốn bề thầy đều quy phục Đấng Pháp Vương, khắp nơi cùng nhau tôn kính muôn giáo pháp. Chùa chiền san sát khắp các châu quận, tháp Phật dựng nhiều nơi thôn quê kinh kỳ. Tùy theo căn cơ cảm ứng mà mỗi nơi tôn thờ một vị Bản tôn: hoặc Dược Sư, hoặc Thích Ca; nhân duyên tiền định dẫn dắt chẳng hề giống nhau. Hướng

chi còn mở các pháp hội giảng kinh Pháp Hoa, Bát Nhã để cầu nguyện cho con cháu muôn đời sau hưng thịnh; đức hạnh của tiền nhân thật cao quý biết bao!

Thế nhưng từ khi phái nhứt hướng chuyên tu dấy lên: Nếu chẳng phải là Phật A Di Đà thì không chịu bái lạy; nếu chẳng phải là pháp niệm Phật thì không chịu lắng nghe. Lòng người nịnh hót quanh co, cơ nghiệp tổ tiên sắp bề sụp đổ. Tội bất hiếu ấy thử hỏi còn điều chi sánh bằng? Khiến cho vong linh tổ tiên ôm mối căm hờn, cõi Trời xanh dấy lòng phẫn nộ! (Đây là điều sai trái thứ ba).

Nhìn vào sự bi hay lạc của âm thanh mà biết được sự thịnh suy của đất nước. Lời tựa kinh Thi dạy: “Âm thanh của thời trị thế thì an định mà vui tươi, bởi nền chính trị hòa thuận; âm thanh của thời loạn thế thì oán hờn mà phẫn nộ, bởi nền chính trị ngang trái; âm thanh của nước mất nhà tan thì bi thương mà sầu não, bởi trăm họ khốn cùng”.

Thế nhưng khi lắng nghe âm thanh niệm Phật đạo gần đây, thấy trái hẳn với âm thanh trị đời võ về muôn dân, ngập tràn vẻ bi ai thê thiết (ai đồng). Đây ắt hẳn là âm thanh của nước mất nhà tan (vong quốc chi âm)! (Đây là điều sai trái thứ tư).

Hàng ẩn sĩ chán đời nơi chốn sơn lâm xưa nay vốn rất nhiều: Họ xóa tên nơi triều đình phố thị, ẩn mình nơi rừng sâu núi thẳm, thanh thản tu tập tịnh nghiệp và thầy đều thành tựu vắng sanh; truyện tích ghi chép nhiều không kể xiết.

Thế nhưng diện mạo của phường nhứt hướng chuyên tu thời nay lại kết bè lập đảng, đông đúc chật ních cả thành quách phố phường. Kẻ quyền quý chốn công đường triều đình nhiều người quy phục giáo pháp ấy; chốn dân đen nghèo hèn ngỗ tối thầy đều bước vào con đường này; mắt thấy tai nghe không ai là không kinh ngạc! Hàng võ sĩ cung ngựa, kẻ nho sĩ văn chương phần nhiều vứt bỏ cơ nghiệp tổ tiên lưu truyền để sống đời đam bạc nửa chừng.

Nếu triều đình không sớm ban chiếu lệnh nghiêm cấm, e rằng rốt cuộc sẽ đánh mất hết nhân tài lương đồng của quốc gia. Các tông phái suy tàn phế bỏ, đất nước rơi vào suy đồi khốn cùng; xét đại thể căn nguyên của mọi việc thầy đều bắt nguồn từ cơ sự này! (Đây là điều sai trái thứ năm).

Điều 4: Việc vứt bỏ sự tu hành các giáo pháp khác để chuyên niệm Phật Di Đà là do thời để lưu hành rộng khắp ấy thực sự vẫn chưa tới

Kính xét đoạn văn thuyết minh pháp môn niệm Phật trong kinh Song Quán (Đại Kinh): “Đời vị lai khi kinh đạo diệt tận, ta đem lòng từ bi thương xót đặc biệt lưu giữ lại bộ kinh này, trụ thế thêm một trăm năm.”

Ngài Từ Ân (Khuy Cơ) trong Tây Phương Yếu Quyết khi giải thích đoạn văn này đã dạy: “Sự giáo hóa mang lại lợi ích của Như Lai vốn có thời hạn. Đến muôn năm thời mật pháp, các kinh điển khác thầy đều tiêu diệt, duy chỉ một giáo môn của Đức Di Đà là cứu độ muôn loài ngày càng tăng thêm. Đến khi thời gian trải qua trọn vẹn một vạn năm mật pháp, hết thầy các kinh điển mới đồng loạt tiêu biến; bấy giờ nhờ ân đức sâu nặng của Phật Thích Ca mà giáo pháp này được lưu lại thêm một trăm năm.”

Điều gọi là “các giáo pháp khác thầy đều tiêu diệt” chính là chỉ cho thời điểm sau một vạn năm mật pháp; văn bản đã nêu rõ là khi thời gian trải qua đủ một vạn năm mật pháp thì hết thầy các kinh điển mới đồng loạt tiêu biến. Há lại lấy khoảng thời gian trong vòng một vạn năm mật pháp này mà vội coi là thời kỳ kinh đạo diệt tận hay sao?

Hướng chỉ, lời giải thích của ngài Từ Ân vốn y cứ vào bộ Thiện Kiến Luật. Luật văn ấy dạy: “Trong một vạn năm sau khi Như Lai nhập diệt: năm nghìn năm đầu gọi là thời Chứng pháp; năm nghìn năm sau gọi là thời Học pháp. Sau một vạn năm ấy, kinh

thư mới tiêu diệt, chỉ còn lại những kẻ cạo đầu khoác cà sa mà thôi.” (Lấy theo đại ý)

Ngài Từ Ân chính là nhắm vào thời điểm [sau một vạn năm] ấy mà bảo rằng các kinh điển khác thầy đều tiêu diệt. Phải biết rằng: Trong suốt khoảng thời gian chánh pháp, Tượng pháp và mạt pháp, tuyệt nhiên chưa phải là lúc chỉ duy nhất pháp niệm Phật tăng thịnh!

Thế nhưng bọn chúng lại rêu rao rằng: “Sau khi Đức Thích Tôn nhập diệt, năm tháng đã trôi qua dằng dặc mịt mù; dầu có dốc lòng quy mạng thì phỏng có linh nghiệm gì, bởi đã cách quá xa thời bậc Thánh còn tại thế! Lại nữa, thời nay đã bước vào mạt pháp, các kinh khác thầy đều đã diệt mất, ngoài pháp niệm Phật Di Đà ra tuyệt nhiên không còn pháp môn nào đáng để tin nhận nữa!”

Rồi chúng vin vào lời giải thích của bậc Nhơn sư: “Đến muôn năm thời mạt pháp, các kinh điển khác thầy đều tiêu diệt, duy chỉ một giáo môn của Đức Di Đà là cứu độ muôn loài ngày càng tăng thêm”. Thật là ngu muội lú lẫn tột cùng, chẳng biết tiến thoái suy xét! Ý chỉ chân thật trong lời giải thích của bậc Nhơn sư kia vốn đúng như đã dẫn ở trên: chúng đã cố tình giấu nhẹm câu văn “Khi thời gian trải qua trọn vẹn một vạn năm mạt pháp”, mà chỉ trích lấy câu “Đến muôn năm thời mạt pháp, các kinh điển khác thầy đều tiêu diệt” để xưng tụng. Suy đoán dụng ý của chúng, chẳng qua là muốn mê hoặc, che mắt người đời mà thôi!

Huống chi, về thời điểm Đức Như Lai giảng thế vốn còn có thuyết khác: như trong Tịnh Danh Sớ của phái Thiên Thai lấy đời Chu Trang Vương làm thời điểm Đức Thích Tôn xuất thế; tính từ thời ấy đến nay vẫn chưa đầy hai nghìn năm, hiện vẫn đang ở giữa thời Tượng pháp, chưa thể gọi là thời mạt pháp được! Dầu cho có thực sự bước vào thời mạt pháp đi chăng nữa, thì đây vẫn còn là

thời kỳ Chứng pháp; nếu nỗ lực lập hạnh tu hành thì làm sao lại không gặt hái được thắng lợi công đức?

Chẳng những thế, kinh Pháp Hoa có thuyết về sự lưu hành trong thời Tượng pháp, kinh Bát Nhã có đoạn văn nói về thời hạn tám nghìn năm; sự hưng thịnh lưu hành của Đại giáo há chẳng phải chính là vào thời điểm này hay sao? Thế mà phùng nhứt hướng chuyên tu, ngay giữa thời kỳ giáo pháp đang thời phồn thịnh hoàng hóa, lại tự tiện lập nên cái hạnh tu của thời kỳ “kinh điển đã diệt tận”. Đảo lộn sự thật dường ấy, thật là sự biến loạn của thời đại!

Phàm bậc Đại sư Thích Tôn, bóng hình trắng tròn nơi thánh dung của Ngài dấu đã ẩn khuất sau làn mây nơi rừng Ta-la, song ánh mặt trời trí tuệ nơi Pháp thân của Ngài vẫn đang rạng ngời soi chiếu màn đêm tăm tối nơi cõi trần gian. Nếu không nhờ gặp gỡ di giáo của Đức Thích Ca, làm sao ta có thể thấu biết được đại nguyện bi mẫn của Phật A Di Đà? Không biết đền đáp ân sâu nặng nề ấy, trái lại còn dấy khởi tâm khinh mạn, vĩnh viễn chẳng đoái hoài đến ân nghĩa; kẻ như thế thử hỏi khác chi loài gỗ đá vô tri?

Khổng Tử từng dạy: “Không kính cha mẹ mình mà lại đi kính người khác, đó gọi là nghịch lễ”. Bỏ bê, xem thường bậc Giáo chủ của mình mà lại đi tôn kính tha Phật, lời răn “Cáo chết quay đầu về núi, lá rụng chẳng lìa cội rễ” há chẳng phải là nhắm vào thói tệ này hay sao? Kính xin triều đình sớm định rõ tội phi báng chánh pháp để thi hành lệnh cấm đoán nghiêm khắc!

Điều 5: Bọn nhứt hướng chuyên tu làm trái kinh điển, nghịch lại lời Tổ sư

Bè lũ ấy rêu rao rằng: “Dẫu là trì giữ giới luật, dẫu là tôn kính tha Phật, hoặc giả tu tập quán niệm, hay đọc tụng kinh luận v.v., ngoài việc xưng danh ra thầy đều là ‘Tạp hạnh’; dẫu có dốc trọn lòng thành tinh khiết cũng không thể sanh về Tịnh độ. Chẳng cần

bàn đến chuyện thân thể bất tịnh, chẳng cần bận tâm đến chuyện tâm trí loạn động, chỉ cần niệm Phật Di Đà là lập tức được vãng sanh. Mười điều ác hay năm tội nghịch vẫn chẳng hề gây trở ngại cho việc sanh Cực Lạc; kẻ không biết hổ thẹn há lại bị cõi An Dưỡng loại trừ hay sao? Nếu ai còn sợ hãi nghiệp ác thì đó chính là kẻ ôm lòng nghi ngờ Phật nguyện!”

Tôn chỉ đối trá càn rỡ ấy thực sự không còn lời nào để diễn tả, chẳng thể nào chấp nhận nổi!

Mở kinh Quán Vô Lượng Thọ ra tra xét nghiệp duyên của Cửu phẩm vãng sanh: Ba bậc Thượng phẩm và ba bậc Trung phẩm đều lấy việc đọc tụng Đại thừa, giữ vững tịnh giới làm nghiệp nhân vãng sanh. Cho đến việc được nghe đầu đề của mười hai bộ kinh điển cũng được lấy làm nghiệp nhân cho bậc Hạ phẩm Thượng sanh. Duy chỉ đến bậc Hạ phẩm Hạ sanh, kinh mới đặc biệt khuyên hành giả xưng danh mười tiếng mà thôi. Bọn chúng cố chấp bám chặt lấy cái hạnh tu của bậc Hạ phẩm, để rồi quay ngược lại phỉ báng chính nhân của bậc Thượng phẩm hay sao?

Chẳng những thế, những bậc chuyên tâm trì tụng kinh điển mà được đài sen vàng đón rước, những người dốc lòng gìn giữ giới luật mà cảm ứng gặp được hào quang bạch hào của Phật - truyện tích ghi chép đầy ắp các pho sử sách, hành trạng lưu truyền rục rở trong các tráp thư.

Hai vị Đạo Xước và Thiện Đạo vốn là tổ tông của pháp môn chuyên tu; vậy mà các ngài luôn kinh sợ muôn điều ác, đồng thời tinh tấn tu tập mọi điều thiện nơi sự tướng. Những bậc ấy há là kẻ nghi ngờ Phật nguyện hay sao, há là hạng người sẽ bị đọa vào nẻo ác hay sao?

Trong dân gian có lưu truyền một bức thư ngắn, xưng là di ngôn của ngài Thiện Đạo; văn bản ấy có dạy rằng: “Ta gìn giữ các điều răn cấm, chẳng hề vi phạm một giới nào. Hàng Tỳ Kheo đời

vị lai, chớ có bỏ giới luật mà niệm Phật. Nếu niệm Phật mà lại vứt bỏ giới luật thì rất khó đạt được vãng sanh. Cho đến việc sám hối, nếu không dốc trọn lòng chí thành thì muôn vạn người chẳng một ai được sanh về.”

Bề đảng của chúng làm điều ác mà không hề có tâm hối cải; phá giới mà chẳng có chút mong mỏi giữ gìn; làm trái nghịch kinh điển, bội phản lời dạy của Tổ sư; thù hờ chỗ nương tựa rất cuộc là ở nơi đâu?

Phàm kẻ bước chân vào tông phái ấy, trước hết vứt bỏ muôn điều lành; kẻ trà trộn vào đám đông ấy liền chẳng còn biết sợ hãi tội đại ác; đứng trước tượng Phật kinh văn không dấy khởi niệm cung kính tôn trọng; bước vào chùa tháp tăng phòng mà chẳng hề kiêng dè hành vi nhơ nhớp uế tạp. Làm sao có thể lập nên cái hạnh lười biếng phóng túng buông tuồng ấy mà lại mong sanh về cõi giới thanh tịnh của muôn ngàn căn lành? Đó chẳng khác nào quay đầu xe về hướng Bắc mà mong tới nước Sở, ngâm hòn đá cuội mà ngỡ là ngọc báu!

Phàm lòng Đại bi của chư Phật dẫu chẳng bỏ rơi kẻ ác nghịch, quán tưởng lý thể Chân như dẫu không phân biệt Định tâm hay Tán tâm; “thiện ác không hai, tà chánh một mối” dẫu là lời dạy chân thật của giáo pháp; song kẻ tạo ác ắt phải đọa địa ngục, người tu thiện ắt được sanh lên cõi trời-quả báo nghiệp mình làm thân mình chịu là đạo lý muôn đời chẳng hề hư mất! Bởi cố ấy, lời dạy “Chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành” há chẳng phải là lời răn chung của bảy Đức Phật quá khứ hay sao?

Mặt trời dẫu tỏa ánh quang minh rực rỡ, nhưng kẻ mù lòa chẳng thể nhìn thấy; lòng Đại bi dẫu không thiên vị nghiêng lệch, song kẻ ô nhiễm nặng nề chẳng thể dự phần. Thế mà nay chúng chỉ nương vào vài câu xưng danh yếu ớt ngoài miệng, mà chẳng hề kiêng sợ nghiệp ác cực trọng nơi thân tâm; sự dối trá lừa lọc

đến mức ấy, trách phạt bao nhiêu cũng chẳng thể coi là đủ!

Điều 6: Phải đình chỉ những hành vi xấu ác của phái nhứt hướng chuyên tu, và hưng long các tông phái hộ quốc

Phật pháp và Vương pháp nương tựa gìn giữ lẫn nhau, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau; ví như hai cánh của loài chim, tựa như hai bánh của cỗ xe. Kính khảo giáo thuyết trong kinh Đại Tập: Lấy tinh khí của Phật pháp để làm tăng ích cho tinh khí của quý thần; quý thần có tinh khí ắt tinh khí của năm giống lúa trở nhiều; năm giống lúa có tinh khí ắt nhân luân được no đủ an vui. Bởi có ấy, hễ kính sâu Phật pháp, chẳng trái Vương pháp, thì bốn bánh xe này luân chuyển nhịp nhàng, cùng nhau giữ gìn bờ cõi quốc gia. Nếu như Phật pháp rơi vào chỗ suy vi, quý thần ắt phải chịu đói khát pháp vị; do đó chúng phải hút lấy tinh khí của cây cỏ, cướp đoạt sanh khí của lúa mì hoa màu. Con người ăn phải thứ ấy thì tâm tính chẳng còn ngay thẳng, chẳng chịu tôn kính Tam bảo Phật - Pháp - Tăng, mãi mê muội đắm chìm trong tam độc tham, sân, si (ghi chép theo đại ý kinh văn).

Thế nhưng nay, phường phi báng Phật pháp lại xuất hiện khắp nơi tại các xứ. Ngoài sáu chữ xưng danh ra, tuyệt nhiên không còn người siêng năng tu tập các việc thiện. Đất nước suy vi thoái hóa, lỗi ấy rất cuộc do ai gây ra?

Tổng Văn Đế xưa kia từng tán thán Phật pháp, đàm luận cùng quan Thị trung Hà Thượng Chi rằng: “Nếu khiến cho khắp bờ cõi muôn dân đều thấm nhuần sự giáo hóa thuần tịnh này, thì trăm đầu gối yên một chỗ cũng mang lại cảnh thái bình.” Hà Thượng Chi bèn thưa rằng: “Đám người trôi nổi phần nhiều chẳng chịu tin pháp; nếu khiến cho mọi nhà đều biết trì giới, ắt hình phạt của một nước có thể bãi bỏ hoàn toàn.” Lời ấy thật chí lý thay, rất đáng để lắng lòng suy ngẫm!

Phật pháp có Ngũ giới, thế gian có Ngũ thường; lời lẽ dẫu khác

biệt song tôn chỉ vốn đồng nhứt. Nếu đã phá bỏ giới hạnh của nhà Phật, làm sao có thể tuân giữ luật lệnh của đấng quân vương? Từ khi Nguyên Không lập ra tà tông đến nay, giới luật đã bị che lấp, lẽ nghĩa theo đó suy đồi. Khá nên sớm thi thố đức hóa của bậc hiền vương để cứu vớt nguy nan ách nạn của đám dân đen u tối.

Khảo lại quan phù năm Thừa Hòa thứ 2 (Jōwa 2 - 835) có dạy: “Từ nay về sau, khá nên khiến cho Thiên Thai tông được hoằng truyền khắp thiên hạ, và bổ nhiệm tăng sĩ Thiên Thai tông đảm trách chức vụ Giảng đọc sư tại các nước.” (Ghi chép theo đại ý)

Thế nhưng phong quy cũ dần dà đoạn tuyệt, lễ nghi xưa tựa hồ bị lãng quên. Nay nền chính trị của Đường kim Hoàng thượng đã đạt đến chỗ u huyền thâm sâu, sánh ngang Tam Hoàng mà thêm một bậc; đức độ đã quay về chốn thuần phác ban sơ, vượt hơn Ngũ Đế mà đứng thứ sáu. Việc nối lại mối rường cột đã đứt, chấn hưng giáo pháp đã suy tàn, há lại đợi đến lúc nào nữa?

Do đó, nếu hoằng truyền Giới – Định – Tuệ khắp các nước, khiến cho cả thiên hạ đồng lòng ngưỡng phụng Tam bảo Phật - Pháp - Tăng; đồng thời xử phạt kẻ đầu sỏ chuyên tu chịu án lưu đầy biệt xứ, vĩnh viễn không cho trở về quê cũ, thì nền giáo hóa thái bình thịnh trị chỉ trong vòng một năm ắt sẽ thành tựu!

Tất cả các điều tấu trình ở trên, sự tình đúng như đã giải bày.

Phàm hạng người ngu muội u tối thường bảo rằng: “Thời thế nay đã suy vi, lòng người dần dà bạc bẽo gian dối; Phật pháp và nhân pháp đều khó lòng cứu vãn, khôn bề hưng khởi”. Đau xót thay! Một lời ấy thực gần như làm diệt vong cả đạo lý.

Năm Trinh Quán thứ 7, Ngụy Trưng từng can rằng: “Khi suy vong ắt nghĩ đến việc trị an; khi nghĩ đến việc trị an ắt phải thay đổi nền giáo hóa. Ngũ Đế Tam Vương xưa kia chẳng cần thay đổi lòng người mà thiên hạ vẫn thái bình. Thi hành đạo của Đế thì là bậc Đế; thi hành đạo của Vương thì là bậc Vương.” Đường

Thái Tông nghe theo, luôn tận lực thi hành không biết mệt mỏi, chỉ trong vài năm mà bốn bể thái bình an lạc. Cứ đó mà biết: Sự hưng phế của quốc gia vốn chẳng dựa vào thời thế trước hay sau. Dầu rơi vào thời mật đại, dầu gặp buổi loạn ly, chỉ cần đấng Minh vương biết tôn kính Phật Thần, bậc Hiền tướng chuộng việc lễ nhạc, thì sự phồn vinh hưng thịnh của quốc gia ắt nắm chắc trong tay! Huống chi kinh giáo của Như Lai là kho báu chánh pháp thường trụ; nếu dốc trọn lòng tin, há lại không có sự cảm ứng nhiệm mầu? Chỉ nên tự xét lại sức mạnh hay yếu ớt nơi chính lòng mình, có sao lại đi ngờ vực sự tồn vong của giáo pháp?

Kính khẩn cầu: Kính xin thiên hoàng ban ân, hạ lệnh đình chỉ phái nhứt hướng chuyên tu và hưng long nền “Giáo – Hành” của Bát tông; được như vậy thì Phật pháp và Vương pháp muôn năm đều cùng rạng rỡ thịnh vượng, trời đất quý thần sẽ liền mang lại cảnh thái bình an tịnh.

Tặng chúng đồ đảng khôn xiết nỗi xót đau trước nạn diệt pháp, kính khẩn tấu.

Ngày 17 tháng 5 năm Trinh Ứng thứ 3 (1224)

- Đô Duy Na Pháp Kiêu Thượng Nhơn Vị: Định Tôn (Dōson)
- Tự Chủ Pháp Kiêu Thượng Nhơn Vị: Lương Ấn (Ryōin)
- Thượng Tọa Pháp Kiêu Thượng Nhơn Vị: Nhân Thăng (Ninshō)

Bản tấu trạng được đệ trình lên triều đình vào ngày này.

(Nguyên văn là Hán văn. “Liêm Thương Di Văn”, quyển 5, văn bản số 3234; có tham chiếu “Thân Loan Thánh Nhơn Hành Thực” mà chuyển thành lối văn thư hạ.)

## **6. Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇宣旨) - Trích Nhứt Hướng Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Tuyên chỉ:

Về việc chuyên tu niệm Phật: Chiếu lệnh đình chỉ vốn đã ban bố rất nhiều lần, thế nhưng việc chúng vẫn lén lút tiếp tục truyền bá là điều triều đình hoàn toàn không hề hay biết, ấy hoàn toàn là do sự tắc trách của các quan hữu ty. Phải nên lập tức chiếu theo văn thư đã ban hành trước đây mà nghiêm cấm. Hơn nữa, đối với việc tăng đồ đại chúng toan dấy loạn thì cũng cần lập tức thi hành biện pháp ngăn chặn.

Vâng theo thánh ý, hạ thần kính cẩn tuyên đạt sự tình như trên. Thần Tín Thịnh cúi đầu kính cẩn tấu.

Ngày 29 tháng 6 năm Trinh Ứng thứ 3 (1224)

Tả Vệ Môn Quyền Tá Tín Thịnh vâng mệnh kính trình

Kính đệ lên Chính sở của Thiên Thai Tọa Chủ Đại Tăng Chính ngự phòng

Tấu thêm: Về việc viên Binh Vệ Nhập Đạo (Hyōe Nyūdō) chưa rõ danh tính thực, triều đình sẽ sớm hạ lệnh truy hỏi sang đất Quan Đông trong vài ngày tới, việc ấy hiện đang được xử lý. Kính cẩn tấu.

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 5, văn bản số 3251)

## **7. Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ (天台座主円基御教書) - Trích Nhứt Hướng Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Về việc chuyên tu niệm Phật, ý chỉ của lời phúc đáp theo sắc lệnh và luân chỉ của triều đình đúng như văn bản đính kèm. Hãy nên sớm công bố khắp sơn môn trong vài ngày tới. Vâng theo sắc ý của Hòa thượng ngự phòng, nay truyền đạt chỉ thị như trên.

Ngày 29 tháng 6 năm Trinh Ứng thứ 3 (1224) – (Viên Cơ) Quyền Đại Tăng Đồ

Kính gửi: Chắp Đường Pháp Ấn ngự phòng

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 5, văn bản số 3252)

### **8. Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇綸旨) - Trích Nhứt Hương Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Kính vâng thánh chỉ ban rằng: Hàng hành giả chuyên tu niệm Phật chính là căn nguyên làm suy vi các tông phái. Do đó, các triều Thiên hoàng liên tục hạ thánh chỉ nghiêm khắc, đặc biệt ban lệnh nghiêm cấm. Thế nhưng những năm gần đây chúng lại rêu rao phục hưng trở lại. Trong lúc Sơn môn (chùa Enryaku-ji) dâng sớ kêu cầu kiện cáo, triều đình trước đó đã ban chiếu lệnh sai các quan y theo văn thư cũ mà dẹp trừ.

Hơn thế nữa, một mặt để ngăn ngừa Phật pháp suy đồi, mặt khác nhằm vỗ yên nổi uất ức sâu thán của tăng đồ đại chúng, triều đình dự định sẽ sớm ban chiếu chỉ trong vài ngày tới để xử phạt lưu đày biệt xứ đối với những kẻ cầm đầu gồm: Long Khoan (隆寛), Thành Giác (成覚), Không A Di Đà Phật (空阿弥陀仏), ... Đối với bè lũ tàn dư, sẽ tiến hành truy lùng nơi cư ngụ và vĩnh viễn trục xuất khỏi đế đô.

Nay nên sớm vỗ yên nổi sầu khổ của đại chúng, đồng thời đình chỉ việc tăng đồ dấy loạn, những việc này không được chậm trễ một khắc nào mà hạ lệnh. Vâng theo luân chỉ của Hoàng đế, hãy nên tận lực thi hành mệnh lệnh này. Thần Lại Long kính cẩn tấu.

Giờ Dậu, ngày 5 tháng 7 năm Trinh Ứng thứ 3 (1224)

Hữu Trung Biện Lại Long vâng mệnh kính trình

Kính dâng Chính sở của Thiên Thai Tọa Chủ Đại Tăng Chính

ngự phòng

Tấu thêm: Về việc viên Binh Vệ Nhập Đạo chưa rõ danh tính thực, triều đình sẽ chiếu theo nội dung tấu trình của tăng đồ mà truyền lệnh sang đất Quan Đông; tùy theo tình hình báo cáo gửi về mà định liệu xử lý dứt khoát. Nội dung này cũng phải nên đồng thời hạ lệnh cho toàn thể tăng chúng được tường tri. Kính cần tấu.

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 5, văn bản số 3254)

### **9. Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ (天台座主円基御教書) - Trích Nhứt Hướng Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Về việc chuyên tu niệm Phật, luân chỉ của triều đình đúng như văn bản đính kèm. Hãy nên lập tức không chậm trễ một khắc, công bố truyền đạt rộng rãi đến khắp Tam Tháp (ba khu vực chính của núi Hiei: Tōdō, Saitō, Yokawa). Vâng theo tôn ý của Hòa thượng ngự phòng, nay truyền đạt chỉ thị như trên.

Giờ Tuất, ngày 5 tháng 7 năm Trinh Ứng thứ 3 (1224) - (Viên Cơ) Quyền Đại Tăng Đồ

Kính gửi Chấp Đường Pháp Ấn ngự phòng

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 5, văn bản số 3255)

### **10. Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇宣旨) - Trích Nhứt Hướng Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Tuyên chỉ:

Về việc chuyên tu niệm Phật: Chiếu lệnh bãi bỏ đình chỉ vốn đã ban bố rất nhiều lần, thế nhưng việc chúng vẫn lén lút tiếp tục truyền bá là điều triều đình hoàn toàn không hề hay biết, ấy hoàn toàn là do sự tắc trách của các quan hữu ty. Hãy nên lập tức chiếu

theo quan phù đã ban hành trước đây mà nghiêm ngặt cấm đoán cho tuyệt. Hơn nữa, đối với việc tăng đồ đại chúng toan dấy loạn, phải nên ra lệnh ngăn chặn tức thì.

Vâng theo thánh ý, hạ thần kính cẩn tuyên đạt sự tình như trên.  
Thần Tín Thịnh kính cẩn tấu.

Ngày 29 tháng 6 năm Gia Lộc thứ 3 (Karoiku 3 - 1227)

Tả Vệ Môn Quyền Tá Tín Thịnh vâng mệnh kính trình

Kính dâng Chính sở của Thiên Thai Tọa Chủ (Viên Cơ) Đại Tăng Chính ngự phòng

Về việc viên Binh Vệ Nhập Đạo (Hyōe Nyūdō) chưa rõ danh tính thực, triều đình sẽ sớm hạ lệnh truy hỏi sang đất Quan Đông trong vài ngày tới, việc ấy hiện đang được xử lý. Kính cẩn tấu.

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3626)

## **11. Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ (天台座主円基御教書) - Trích Nhứt Hương Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Về việc chuyên tu niệm Phật, nội dung thánh đáp nơi luân chỉ của triều đình đúng như văn bản đính kèm. Hãy nên sớm công bố rõ ràng khắp sơn môn trong vài ngày tới. Vâng theo sắc ý của Hòa thượng ngự phòng, nay truyền đạt chỉ thị như trên.

Ngày 29 tháng 6 năm Gia Lộc thứ 3 (1227) - Quyền Đại Tăng Đô

Kính gửi: Chắp Đương Pháp Ấn ngự phòng

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3627)

## **12. Diên Lịch Tự Chính Sở Hạ Văn án (延曆寺政所下文案) - Trích Pháp Nhiên Thượng Nhơn Truyện, quyển 10**

Chính Sở Diên Lịch Tự ban xuống Cảm Thần Viện.

Việc nên sớm bắt giữ Long Khoan, Thành Giác, Không A, là những kẻ đứng đầu nhứt hướng chuyên tu, cùng dư đảng của họ.

Hiện nay, phái chuyên tu chính là ma chương của Phật pháp, là oán địch của các tông phái. Do đó, việc này đã nhiều lần dâng sớ tấu trình lên thiên tử và đều đã được ban chiếu sắc chuẩn y trừng trị. Bởi thế, mỗi khi tăng đồ đại chúng dâng lời lên thánh thính, triều đình lại tiếp tục hạ chiếu lệnh cấm đoán.

Phàm pháp chuyên tu dấy lên vốn lấy Nguyên Không làm kẻ dẫn đầu. Đám môn đệ của kẻ ấy thậm chí còn dám tôn xưng mộ phần của hănh là “ngự miếu” để quay về lễ bái quy kính. Sự quái gở lộng ngôn đến tột cùng, cấm đoán bao nhiêu cũng không hết tội. Bởi vậy, mộ phần của hănh đã bị phá hủy, thi hài đã bị hỏa thiêu vút bỏ. Gốc rễ một khi đã chặt đứt, cành lá há lại không héo tàn hay sao!

Giờ đây, không phân biệt nơi cư ngụ của kẻ quyền quý hay thứ dân, chẳng màng là lãnh địa của các nhà quyền môn, hễ thấy đồ chúng của bọn chúng là phải bắt giữ toàn bộ. Đặc biệt, chiếu chỉ ban xuống lần này đã soi rõ như gương sáng. Phải chiếu theo các văn thư ban hành trước đây mà cấm ngăn cho tuyệt.

Nói riêng thì là các trang viên thuộc mặt tự của Sơn Môn cùng hàng thần nhơn và kiều nhơn của đền Nhứt Cát (Hiyoshi), nói chung thì là thổ dân muôn xứ khắp thất đạo, tăng đồ các chùa miếu nơi biên viễn, thầy đều phải truy lùng, tìm kiếm những kẻ cấu kết theo bè phái chuyên tu ấy để bắt giữ quy án, phá hủy nơi cư ngụ của chúng, và vĩnh viễn trục xuất khỏi bờ cõi lãnh thổ của Hoàng đế. Chiếu theo sự bàn định thống nhứt của đại chúng, nay ban bố mệnh lệnh như trên.

Ngày 30 tháng 6 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Tiểu Tự Chủ Pháp Ấn Trú Tăng

Tu Lý Biệt Đường Pháp Ấn Đại Hòa Thượng Vị (đã ký)

Đô Duy Na Pháp Kiêu Thượng Nhơn Vị

Thượng Tọa Pháp Nhãn Hòa Thượng Vị (đã ký)

Tự Chủ Pháp Kiêu Thượng Nhơn Vị (đã ký)

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3628)

### **13. Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇綸旨) - Trích Kim Cương Tập, quyển 5**

Về việc chuyên tu niệm Phật: Triều đình vốn đang chiếu theo nội dung tấu trình của đại chúng để định đoạt phương án xử lý. Thế nhưng, nay lại nghe tin tăng đồ đại chúng tự tiện phái quan dịch xuống tận các mật tự, toan tính đập phá tăng phòng cư ngụ của những người kia.

Sự việc nếu là thật thì ắt sẽ làm bùng phát các vụ ẩu đả, ức hiếp, hỗn loạn. Há chẳng phải sẽ làm mất đi ý nghĩa chân chính của việc triều đình xử đoán hay sao? Hãy nên sớm hạ lệnh đình chỉ ngay mệnh lệnh tự tiện này!

Bản thân những kẻ ấy vốn đã bị triều đình xét xử, đàn hặc trừng phạt, có sao tăng chúng còn ôm giữ mối sầu hận uất ức làm chi? Cách thức hành xử ấy hầu như chẳng khác nào chiêu mời thêm hành vi càn quấy loạn lạc bừa bãi. Phải nên đặc biệt hạ lệnh ngăn chặn tức thì!

Vâng theo luân chỉ của Hoàng đế, hạ thần kính cẩn tuyên đạt như trên. Thần Lại Long kính cẩn tấu.

Giờ Thìn, ngày 4 tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Hữu Trung Biện Lại Long vâng mệnh kính trình

Kính dâng Chính sở của Thiên Thai Tọa Chủ (Viên Cơ) Đại Tăng  
Chính ngự phòng

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản  
số 3629)

**14. Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇綸旨)**  
**- Trích Nhứt Hương Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Kính vâng thánh chỉ ban rằng: Việc pháp chuyên tu niệm Phật  
dấy lên chính là căn nguyên làm suy vi các tông phái. Do đó, các  
triều Thiên hoàng liên tục hạ thánh chỉ nghiêm khắc, đặc biệt  
ban lệnh cấm đoán cho tuyệt. Thế nhưng những năm gần đây  
chúng lại rêu rao phục hưng trở lại. Trong lúc Sơn môn đang số  
kêu cầu kiện cáo, triều đình trước đó đã ban chiếu lệnh sai các  
quan y theo văn thư cũ mà đình chỉ dẹp trừ.

Hơn thế nữa, một mặt để ngăn ngừa Phật pháp suy đồi, mặt  
khác nhằm vỗ yên nổi uất ức sâu thán của tăng đồ đại chúng,  
triều đình dự định sẽ sớm ban chiếu chỉ trong vài ngày tới để xử  
phạt lưu đày biệt xứ đối với những kẻ đầu sỏ gồm: Long Khoan,  
Thành Giác, Không A Di Đà Phật, v.v. Đối với bè lũ tàn dư, sẽ tiến  
hành truy lùng nơi cư ngụ và vĩnh viễn trục xuất khỏi lãnh thổ  
đế đô.

Nay khá nên sớm vỗ yên nổi sầu khổ của đại chúng, đồng thời  
nhanh chóng hạ lệnh đình chỉ việc tăng đồ dấy loạn. Vâng theo  
luân chỉ của Hoàng đế, phải nên tận lực thi hành mệnh lệnh này.  
Thần Lại Long kính sợ cẩn tấu.

Giờ Dậu, ngày 5 tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Hữu Trung Biện Lại Long vâng mệnh kính trình

Kính dâng Chính sở của Thiên Thai Tọa Chủ (Viên Cơ) Đại Tăng

## Chính ngự phòng

Tấu thêm: Về việc viên Binh Vệ Nhập Đạo chưa rõ danh tính thực, triều đình sẽ chiếu theo nội dung tấu trình của tăng đồ mà truyền lệnh sang đất Quan Đông. Tùy theo tình hình báo cáo gửi về mà định liệu xử lý dứt khoát. Nội dung này cũng phải nên đồng thời hạ lệnh cho toàn thể tăng chúng được tường tri. Kính cẩn tấu.

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3631)

### **15. Ngự giáo thư của Thiên Thai Tọa chủ Viên Cơ (天台座主円基御教書) - Trích Nhứt Hướng Chuyên Tu Đình Chỉ Ký**

Về việc chuyên tu niệm Phật, luân chỉ của triều đình đúng như văn bản đính kèm. Hãy nên lập tức không chậm trễ một khắc, công bố truyền đạt rộng rãi đến khắp Tam Tháp (ba khu vực chính của núi Hiei: Tōdō, Saitō, Yokawa). Vâng theo tôn ý của Hòa thượng ngự phòng, nay truyền đạt chỉ thị như trên.

Ngày 5 tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3 (1227) - Quyền Đại Tăng Đô

Kính gửi: Chắp Đương Pháp Ấn ngự phòng

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3632)

### **16. Quan tuyên chỉ (官宣旨) - Trích Cao Tổ Di Văn Lục, quyển 5**

Hữu Biện Quan hạ lệnh cho Diên Lịch Tự.

Phải nhanh chóng thu hồi và đệ trình văn bằng độ điệp của các tăng tử Long Khoan (隆寛), Hạnh Tây (Kōsai) và Không A Di Đà Phật (空阿弥陀仏).

Quyền Đại Nạp Ngôn Nguyên Triều Thần Nhã Thân tuyên chỉ: Kính vâng sắc mệnh, bọn Long Khoan can tội bị xử phạt lưu đầy. Khá truyền lệnh cho bốn tự thu hồi độ điệp của chúng và đệ trình

lên triều đình. Chiếu theo sắc chỉ mà phụng hành, không được phép chậm trễ sai sót.

Ngày 6 tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Tả Đại Sử Ozuki no Sukune (đã ký)

Tả Thiếu Biện Đăng Nguyên Triều Thần (Thân Tuấn) (đã ký)

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3635)

### **17. Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇綸旨) - Trích Cao Tổ Di Văn Lục, quyển 5**

Triều đình đã ban chiếu lệnh xuống khắp Ngũ kỳ Thất đạo, nghiêm cấm dẹp trừ phường truyền bá chuyên tu niệm Phật. Nay thông báo để chư vị được tường tri. Vâng theo luân chỉ, hãy tận lực thi hành. Thần Lại Long kính cẩn tấu.

Ngày 13 tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Hữu Trung Biện Lại Long (đã ký)

Kính dâng: Chính sở của Thiên Thai Tọa Chủ (Viên Cơ) Đại Tăng Chính ngự phòng

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3637)

### **18. Tuyên chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇宣旨) - Trích Dân Kinh Ký, điều ngày 25 tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3**

Tuyên chỉ ngày 17 tháng 7 năm Gia Lộc thứ 3:

Hạnh nghiệp niệm Phật vốn là điều hàng tăng chúng cùng nhau tu tập. Thế nhưng những năm gần đây, bên trong thì không giữ giới hạnh Tam bảo, bên ngoài thì chẳng màng đến các điều khoản cấm chế của quan phủ. Tự lập một tông chuyên tu, bài xích

phá hoại các giáo pháp khác. Kẻ thì chọn chốn kinh kỳ lôi kéo đồ chúng không biết tầm quý, người lại trà trộn chốn sơn lâm chiêu tập bạn bè phi pháp. Lấy đó làm cớ đắm chìm trong nữ sắc, làm nền tảng bồi nhọt Phật đạo.

Thối cần rở phóng túng tội cùng vốn bắt nguồn từ có sự ấy. Do đó, đối với bọn Long Khoan, Hạnh Tây, Không A Di Đà Phật, triều đình đã truy xét tận gốc rễ và xử phạt lưu đầy biệt xứ.

Ngoài ra, những kẻ tự xưng là môn đệ thừa kế của chúng nhằm mưu cầu tư lợi yêu ghét cá nhân, vẫn ngang nhiên lén lút ở lại khắp nơi, tiếp tục phạm vào pháp cấm; tại các khóa lễ sám hối của tăng ni lại cất lên thứ âm thanh bi ai thê thiết. Chẳng những làm nhơ tai thối tục, mà còn trái nghịch sâu sắc với yếu chỉ chân thật của đạo màu. Nếu không sửa đổi thì lấy chi để chấn chỉnh tông phong nghiêm túc?

Các điều luật trong pháp cách thời thánh đại Hoàng Nhân (Kōnin) vẫn còn rành rành trước mắt. Phải nên ra lệnh cho khắp Ngũ kỳ Thất đạo dẹp trừ pháp môn truyền bá ấy, và bắt giữ quy án những kẻ vi phạm.

Tạng Nhân Đầu Hữu Trung Biện Đảng Nguyên Lại Long vâng mệnh truyền đạt.

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3638)

## **19. Gia Ngự giáo thư của Quan Bạch Đảng Nguyên Gia Thật (関白藤原家実家御教書) - Trích Cao Tổ Di Văn Lục, quyển 5**

Long Khoan Luật sư vì là kẻ đứng đầu chuyên tu, nên nhân lúc Sơn môn đang sơ kiện cáo, triều đình đã xử phạt lưu đầy đến xứ Lục Áo (Mutsu). Thế nhưng tăng chúng Sơn môn vẫn tiếp tục trầm tình bất bình. Do đó triều đình đổi nơi lưu đầy, quyết định trục xuất đầy kẻ ấy sang đảo Đối Mã (Tsushima).

Nghe đồn hiện nay kẻ ấy đang trốn tránh quanh quẩn tại vùng miền Đông. Triều đình lệnh sang Quan Đông, yêu cầu truy bắt để sớm áp giải sang hòn đảo ấy. Chiếu theo tôn ý của Điện hạ, nay truyền đạt chỉ thị như trên.

Ngày 26 tháng 9 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Tham Nghị (Bình Phạm Phụ) (đã ký)

Kính gửi: Tu Lý Quyền Lượng (Hōjō Tokiu-ji / Bắc Điều Thời Thị) điện

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3665)

**20. Luân chỉ của Thiên hoàng Hậu Quật Hà (後堀河天皇綸旨)  
- Trích Cao Tổ Di Văn Lục, quyển 5**

Triều đình đã ban chiếu lệnh đổi nơi lưu đày của Long Khoan sang xứ Đối Mã. Đồng thời hạ lệnh phải ban bố mệnh lệnh này xuống các cấp thừa hành. Nay thông tri sự tình để chư vị đệ trình tấu biểu xử lý.

(Khoảng tháng 9 năm Gia Lộc thứ 3)

Hữu Trung Biện Lại Long (đã ký)

Kính gửi: Trung Nạp Ngôn Luật Sư ngự phòng

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3666)

**21. Gia Ngự giáo thư của Quan Bạch Đằng Nguyên Gia Thập (関白藤原家実家御教書) - Trích Cao Tổ Di Văn Lục, quyển 5**

Về việc chuyên tu niệm Phật, triều đình trước đây đã ban chiếu truyền lệnh cho Kinh kỳ và Bảy đạo vĩnh viễn đình chỉ. Thế nhưng nghe báo tại các xứ vẫn còn lén lút lưu hành tệ nạn ấy.

Sơn môn nay dâng sớ thỉnh cầu triều đình hạ lệnh cho các sở Địa đầu (Jitō), Thủ hộ (Shugo) nghiêm túc xử lý để bảo vệ sắc chỉ. Phải nên hạ lệnh thi hành. Chiếu theo ý chỉ của Điện hạ yêu cầu phải xử lý rốt ráo việc này, nay truyền đạt mệnh lệnh như trên.

Ngày 10 tháng 10 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Tham Nghị (Bình Phạm Phụ) (đã ký)

Kính gửi: Vũ Tàng Thủ (Hōjō Yasutoki / Bắc Điều Thái Thời) điện  
(Nguyên văn chữ Hán, “*Liêm Thương Di Văn*”, quyển 6, văn bản số 3669)

## **22. Ngự giáo thư của Quan Đông (関東御教書) - Trích Cao Tổ Di Văn Lục, quyển 5**

Về việc Long Khoan Luật sư, phụng thư của Hữu Đại Biện Tế Tướng gia đã được công bố rõ ràng. Tên Luật sư ấy vào khoảng tháng 7 vừa qua đã trốn xuống miền Đông, lẫn lút quanh quẩn vùng lân cận Liêm Thương. Song chiếu theo pháp chế nghiêm cấm của Kinh Đô về việc trục xuất những kẻ niệm Phật, kẻ ấy đã trôi dạt lẫn trốn sang phía Áo Châu (Ōshū).

Hãy nên nhanh chóng truy lùng nơi ẩn náu của hắn, tuân theo thánh chỉ đã ban xuống mà áp giải đầy sang đảo Đối Mã. Chiếu theo mệnh lệnh của Liêm Thương Điện (Tướng quân / Chấp chính), nay truyền đạt chỉ thị như trên để làm tờ trần tấu.

Ngày 15 tháng 10 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Vũ Tàng Thủ: Bắc Điều Thái Thời (Hōjō Yasutoki)

Tương Mô Thủ: Bắc Điều Thời Phòng (Hōjō Tokifusa)

Kính gửi: Tào Bộ Trợ (Bắc Điều Thời Thịnh) điện, Tu Lý Lượng (Bắc Điều Thời Thị) điện

(Nguyên văn chữ Hán, “*Liêm Thương Di Văn*”, quyển 6, văn bản

số 3674)

**23. Gia Ngự giáo thư của Quan Bạch Đằng Nguyên Gia Thật**  
(関白藤原家実家御教書) - **Trích Cao Tổ Di Văn Lục, quyển 5**

Kẻ đứng đầu chuyên tu niệm Phật là Thành Giác Pháp sư (成覚) nghe đồn đang lẫn trốn quanh quần tại vùng đảo Đại Thủ xứ Tán Kỳ (Sanuki Ōtushima). Sự việc thực hư chưa rõ ràng, người của Sơn môn thỉnh cầu phải tiến hành thanh tra, kiểm chứng đích xác.

Chiếu theo ý chỉ của Điện hạ yêu cầu phải truy tìm điều tra tường tận sự việc, nay truyền đạt mệnh lệnh như trên.

Ngày 20 tháng 10 năm Gia Lộc thứ 3 (1227)

Tham Nghị Phạm Phụ (đã ký)

Kính gửi: Tu Lý Quyền Lượng (Bắc Điều Thời Thị) điện

(Nguyên văn chữ Hán, “Liêm Thương Di Văn”, quyển 6, văn bản số 3677)

## TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Nabata Takashi (名畑崇 - Danh Điền Sùng)

Giảng viên. Sinh năm 1933 (Chiêu Hòa 8) tại tỉnh Kỳ Phụ (岐阜, Gifu).

Năm 1956 (Chiêu Hòa 31), tốt nghiệp Khoa Sử học, Học viện Văn học, Đại học Đại Cốc (大谷, Ōtani).

Năm 1961 (Chiêu Hòa 36), thôi học sau khi hết hạn chương trình tiến sĩ tại Cao học viện Đại học Đại Cốc.

Năm 1979 (Chiêu Hòa 54), làm giáo sư Đại học Đại Cốc. Năm 1999 (Bình Thành 11), nghỉ hưu tại Đại học Đại Cốc.

Hiện là giáo sư danh dự Đại học Đại Cốc. Tiến sĩ (Văn học). Chuyên ngành: Sử học Phật giáo Nhật Bản. Trụ trì chùa Dưỡng Tuyền (養泉寺), Tổ 15, Giáo khu Kỳ Phụ.

Tác phẩm tiêu biểu:

Phá Tà Hiển Chánh Sao Tự Thuyết, và Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn Kính Tín Ký (cả hai do Đông Bồn Nguyễn Tự Xuất Bản Bộ ấn hành).

Tập 1 của bộ sách Thân Loan: Thân Loan Trong Lịch Sử - Truy Vấn Giáo Pháp Chơn Thật (Trúc Ma Thư Phòng);

Lịch Sử Bồn Nguyễn Tự (Pháp Tàng Quán);

Giảng Tọa – Liên Như (đồng tác giả, Bình Phàm Xã) v.v.



## LỜI CUỐI SÁCH CỦA DỊCH GIẢ

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn tập thứ 2 Đức Phật có dạy rằng: “Tất cả các pháp đều bất định; cho nên nhứt xiển đề cũng bất định”. Điều này có nghĩa là không có bất cứ một pháp nào trên thế gian này có mặt mà không thay đổi. Thay đổi từ xấu sang tốt hoặc ngược lại. Nghiệp lực của chúng sanh cũng giống như vậy. Do đó, nhứt xiển đề cũng có khả năng vãng sanh và có ngày thành Phật. (Theo Kinh Niết Bàn và Kinh Quán Vô Lượng Thọ)

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 Ngài nói rằng: “Time is change, everything has to change”; nghĩa là: “thời gian thay đổi; nên mọi vật đều phải đổi thay”. Câu này đúng với pháp duyên sanh, duyên khởi của Phật giáo, không sai một mảy may nào. Đây cũng có thể gọi là một định luật chẳng?

Những ngày tháng đầu tiên của năm 1974 tại Nhật Bản, tôi đã bắt đầu dịch tác phẩm: Truyện Cổ Việt Nam tập 1 của tác giả Nguyễn Đồng Chi ra tiếng Nhật và giáo sư Takeda chấm bài cho tôi, thay thế cho môn học tiếng Nhật tại Đại học Teikyo (Đế Kinh) phân khoa Giáo Dục năm thứ 2 ở Hachioji lúc bấy giờ. Sau gần 50 năm xa Nhật từ năm 1977, đã mấy lần về lại Nhật để thăm bạn xưa Thầy cũ, trong đó có giáo sư Takeda; ông bắt chuyện rất nhiều và Ông nhờ tôi tụng một bài Kinh Bát Nhã bằng tiếng Việt để thu vào băng Cassette và Ông nói rằng: “Nếu sau này tôi mất, gần bên quan tài của tôi, sẽ để bài kinh này của Thầy tụng”. Năm đó (2025) Thầy Takeda đã gần 90 tuổi.

Rồi từ năm 1974 đến nay (2026) mỗi năm tôi cố gắng hoàn thành một hay hai tác phẩm hoặc dịch phẩm, để đến hôm nay tôi đã có 75 tác phẩm như thế, viết và dịch từ nhiều ngôn ngữ khác nhau như: Việt, Anh, Đức, Hoa và Nhật ngữ. Đây là niềm vui và là niềm an ủi của mình khi tuổi về già nhìn ngắm lại những công trình hơn nửa thế kỷ của chính mình (1974-2026). Đây không phải là việc khoe khoang, mà là một nỗ lực, một sự chiến đấu với thời gian và bệnh tật không ngừng nghỉ từ tuổi trung niên cho đến lão niên.

Năm nay tôi chọn Tác phẩm “Bối cảnh việc thành lập Giáo Hành Tín Chứng” của Ngài Thân Loan (1173-1263) do giáo sư tiến sĩ Nabata Takashi (Danh Điền Sùng) nghiên cứu và viết nên tập sách dày 160 trang bằng Nhật ngữ rất giá trị. Đầu tiên như những lần trước, trước khi dịch, tôi phải đọc qua một lần để hiểu đại cương và sau đó, nhân mùa An Cư Kiết Hạ từ sau lễ Phật Đản đến Vu Lan, trong vòng 3 tháng này tôi mới bắt đầu dịch. Thế nhưng đọc vào nội dung thấy có nhiều chỗ hiểu không rõ hết. Bởi lẽ, đầu giáo sư Nabata Takashi có dịch và chú giải ra văn phong hiện đại Nhật Bản đi chẳng nữa; nhưng không phải đơn thuần dễ hiểu và tôi đã suy nghĩ về sự trợ lực của ChatGPT hay AI (ArtificialIntelligence); nghĩa là Thông minh Nhân tạo.

Năm 2026 từ tháng 3 đến tháng 5, Phái Đoàn Hoằng Pháp chúng tôi có mặt tại Hoa Kỳ và đi nhiều nơi trong vòng hơn 2 tháng để giảng pháp. Thời gian trong tuần tương đối rảnh rỗi nên tôi nảy ra ý định nhờ Thầy Trừng Sỹ cho AI dịch giúp thử một đoạn lời nói đầu ra tiếng Việt để tôi xem qua có thể sử dụng được không? Thầy vốn đã tốt nghiệp tiến sĩ Phật Học tại Đại học New Delhi Ấn Độ năm 2010 và đã ở Hoa Kỳ hơn 15 năm; nên tiếng Anh rất rành rẽ; còn Nhật ngữ thì Thầy không biết một chữ nào; nhưng theo yêu cầu của tôi, Thầy vẫn cố gắng dùng bản chính văn Nhật ngữ, rồi đổi ra trang dịch tự động tiếng Việt để tôi xem và sửa lại. Tôi quá mừng, vì bây giờ đã có máy móc làm thay cho mình rồi.

Lúc về lại Đức chuẩn bị lo cho lễ Phật Đản và lễ cầu nguyện bắt đầu xây dựng Học Viện Phật giáo Viên Giác tại Hannover thì tôi bị bệnh, phải vào bệnh viện ở Ravensburg thuộc miền Nam nước Đức ngay để mổ Prostata (Tiền liệt tuyến) vào ngày 26.5.2026. Đây là lần mổ thứ 5 trong vòng 10 năm. Lần đầu mổ Blase (Bàng quang) do những Tumor (cục bướu) đông và bị vỡ trong đó vào ngày 22.2.2016; cho nên bác sĩ Urologe (Niều Đạo Học) khuyên là nên mổ để lấy ra. Sau 4 lần như thế, cách nhau mỗi lần 6 tháng hay vài năm. Lần cuối của việc mổ bàng quang là năm 2022. Sau đó vẫn không xong và bây giờ chuyển sang Prostata (Tiền liệt tuyến) bị lớn nên theo lời bác sĩ nên mổ và cắt đi để khỏi phải rắc rối về sau này. Sau 4 ngày nằm ở bệnh viện, ngày 29.5.2026 các Sư cháu Thông Triêm và Thông Triển chở tôi về lại Hannover để ngày sau đó 30.5.2026 tham dự Đại Lễ Phật Đản 2.570. Đây là một phép màu, vì sau 5 lần mổ mà vẫn còn đi, đứng, làm việc.... Nhưng lần này thì lâu hơn 4 lần trước. Mỗi lần trước chỉ cần 1 tuần lễ đến 10 ngày là sinh hoạt bình thường trở lại; nhưng lần này, bác sĩ bảo phải cần từ 4 đến 8 tuần lễ mới lành hẳn và hôm nay ngày 17.7.2026 khi tôi viết lời cuối này, nhằm vào tuần lễ thứ 7 rồi. Mọi việc gần như ổn thỏa theo như lời bác sĩ dặn. Trong những ngày tịnh dưỡng tôi thấy có khá nhiều thời gian; nên ngày 6 tháng 7 năm 2026 tôi đã bắt đầu xem lại dịch phẩm này từ trang đầu để sửa lại và ngày 16.7.2026 thì đã sửa xong hoàn toàn bản dịch. Đây là những nhận xét của tôi về cách dịch này.

Nhìn chung thì rất hay; nhưng nhìn kỹ, người dịch phải có trách nhiệm chính cho bản dịch của mình. AI hay ChatGPT có thể giúp chúng ta được 80% trở lại; còn chính mình phải chủ động ở mọi khâu. Ví dụ khi dịch đến một trang nào đó, tôi phát hiện Thầy Trùng Sỹ quên không cho dịch ra Việt ngữ. Vậy là tôi phải trực dịch sang Việt ngữ ở những trang thiếu tiếng Việt này. Đó là chưa kể những chữ phiên âm từ Hán văn sang Việt ngữ hay Nhật ngữ

AI và ChatGPT dịch sai rất nhiều; chính dịch giả phải đối chiếu lại bản gốc của tác giả Nabata Takashi mới chuẩn xác. Đó là chưa kể việc xem lại lần cuối lỗi chính tả hay chấm câu v.v... Việc này tôi nhờ Thầy Trung Thành đảm nhận để sau đó giao qua khâu Layout và cuối cùng đưa lên Amazon trong năm nay.

Trước khi đi vào nội dung của quyển sách, chúng ta nên biết sơ qua tiểu sử và hành trạng của Ngài Thân Loan (Shinran); còn Tiểu Sử của tác giả Nabata Takashi đã có sẵn phía cuối cùng của quyển sách này. Quý vị có thể tham khảo nơi đó.

Thân Loan Thánh Nhơn sanh ngày 21.5.1173 tại Kinh Đô Nhật Bản và viên tịch ngày 16.1.1263, hưởng thọ 89 tuổi. Ông xuất gia năm 9 tuổi tại núi Tỷ Duệ (Hiei). Sau khoảng 20 năm tu học, Ngài theo học với Ngài Pháp Nhiên (Hōnen). Ngài Pháp Nhiên là Tổ khai sáng Tịnh độ Tông Nhật Bản. Năm 1207 Thân Loan bị lưu đày, sau đó lập gia đình và tiếp tục hoằng dương pháp môn niệm Phật. Tác phẩm quan trọng nhất của Ngài là: “Giáo Hành Tín Chứng”. Được xem là nền tảng giáo lý của Tịnh độ Chơn Tông.

Về tác phẩm này giáo sư NabataTakashi đã nghiên cứu rất nhiều tài liệu khác nhau để viết thành. Đây là một tác phẩm giá trị về văn chương, học thuật, ngôn ngữ cũng như lịch sử v.v... Khi đọc vào nội dung của sách chúng ta sẽ thấy được lý do vì sao các triều đình của các Thiên Hoàng vào cuối thế kỷ thứ 12 đến đầu thế kỷ thứ 13 tại Nhật Bản lại ra nhiều chỉ dụ cấm đoán pháp môn niệm Phật của Ngài Thân Loan như vậy? mặc dầu pháp môn này đã được chính kim khẩu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra qua ba kinh quan trọng. Đó là Đại Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà. Rồi trải qua các Vị Tổ Sư Ấn Độ như Long Thọ, Thế Thân, rồi Trung Quốc như: Đàm Loan, Đạo Xước và Thiệu Đạo, để cuối cùng được truyền qua Nhật Bản cho Ngài Nguyên Tín, Pháp Nhiên và Ngài Thân Loan? Đầu đuôi mối nợ chính là sự ganh tị, hiềm khích của 8 tông phái khác tại Nhật Bản lúc bấy giờ, tín đồ

không còn ưa chuộng nhiều như từ thời Thánh Đức Thái Tử nữa; nên 3.000 Tăng lữ và tín đồ của Diên Lịch Tự mới đưa tấu trạng lên Thiên Hoàng để nhờ xử phân qua 9 điều cáo buộc qua: “Đại chúng giải”. Thế là từ đó Thầy Trò phân ly. Kẻ bị từ hình, người bị lưu đầy và “Giáo Hành Tín Chứng” của Ngài Thân Loan viết ra, chính là để củng cố lập trường của mình qua những kinh điển đã nêu trên cũng như giải thích tường tận pháp môn này qua việc sở tu, sở chứng của mình để được vãng sanh về Cực Lạc qua lối niệm Phật tha lực, do bốn nguyện của Đức Từ Phụ A Di Đà Phật.

Muốn rõ từng chi tiết một, xin quý độc giả hãy tự lần giở vào từng trang sách để đọc và nghiên cứu thì mới có giá trị để thẩm thấu từng sự kiện một đã xảy ra trong đời Ngài Thân Loan để đi đến việc hình thành Giáo Hành Tín Chứng cho chư Tăng Ni và tín đồ của Tịnh độ Chơn Tông hành trì về sau này.

Như trên đã trình thưa là: “Thời gian đã thay đổi; nên mọi việc phải đổi thay”. Cho nên dịch phẩm này có sự trợ lực của Hòa Thượng Thích Trừng Sỹ, của ChatGPT, của AI; nhưng phần chính là của tôi đã xem và sửa lại toàn bộ dịch phẩm này ra Việt ngữ.

Không biết từ đây trở đi ra sao, vì lý do sức khỏe cũng như đang xây cất Học Viện Phật giáo Viên Giác; nên tôi phải chú tâm về việc này hơn là dịch thuật và viết lách; nhưng nếu có, sẽ nhờ những phương tiện hiện đại trợ giúp thì thời gian sẽ ít hơn. Vì với tuổi gần 80 (1949-2026) nên cần phải nghỉ ngơi nhiều, mà mỗi ngày tôi vẫn thường làm việc và hành trì gần 8 tiếng đồng hồ như vậy, có khi cũng sẽ bị kiệt sức.

Cầu Phật gia hộ cho tất cả chúng ta và pháp giới chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo.

*Phương Trượng Đường Tổ Đình Viên Giác Hannover Đức Quốc  
vào mùa hạ của năm 2026.*

***Dịch giả Thích Như Điển***



## DANH MỤC TÁC PHẨM PHIÊN DỊCH VÀ SÁNG TÁC CỦA HÒA THUƠNG THÍCH NHƯ ĐIỂN

ĐÃ XUẤT BẢN

1. Truyện cổ Việt Nam (Tập 1 & Tập 2) - Nhật ngữ- 1974, 1975.
2. Giọt mưa đầu hạ - Việt ngữ - 1979.
3. Ngõ ngang - Việt ngữ - 1980.
4. Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975 - Việt & Đức ngữ -1982.
5. Cuộc đời người Tăng sĩ - Việt & Đức ngữ - 1983.
6. Lễ nhạc Phật Giáo - Việt & Đức ngữ - 1984.
7. Tình đời nghĩa đạo - Việt ngữ - 1985.
8. Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo - Việt & Đức ngữ - 1985.
9. Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại hải ngoại - Việt & Đức ngữ - 1986.
10. Đường không biên giới - Việt & Đức ngữ - 1987.
11. Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức – Việt & Đức ngữ - 1988.
12. Lòng từ Đức Phật - Việt ngữ - 1989.
13. Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II , III - dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ - 1990, 1991, 1992.
14. Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc - Việt, Anh, Đức ngữ - 1993.
15. Giữa chốn cung vàng - Việt ngữ - 1994.
16. Chùa Viên Giác - Việt ngữ - 1994.
17. Chùa Viên Giác - Đức ngữ - 1995.
18. Vụ án một người tu - Việt ngữ - 1995.
19. Chùa Quan Âm (Canada) - Việt ngữ - 1996.
20. Phật Giáo và con người - Việt & Đức ngữ - 1996.
21. Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9 - Việt & Đức ngữ - 1997.
22. Theo dấu chân xưa (Hành hương Trung quốc I) - Việt ngữ - 1998.

23. Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo - Việt & Đức ngữ - 1998.
24. Tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma - Việt & Đức ngữ - 1999.
25. Vọng cổ nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II) - Việt ngữ - 1999.
26. Có và Không - Việt & Đức ngữ - 2000.
27. Kinh Đại Bi (dịch từ Hán văn ra Việt văn) - Việt & Đức ngữ - 2001.
28. Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh - dịch từ Hán văn ra Việt ngữ - 2001.
29. Bhutan có gì lạ? - Việt ngữ - 2001.
30. Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì - dịch từ Hán văn ra Việt ngữ - 2002.
31. Cảm tạ xứ Đức - Việt & Đức ngữ - 2002.
32. Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003, 2004) - Việt ngữ - 2003.
33. Bốn Sự kinh - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2003.
34. Những đoản văn viết trong 25 năm qua - Việt & Đức ngữ - 2003.
35. Phát Bồ Đề Tâm kinh luận - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2004.
36. Đại Đường Tây Vực Ký - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2004.
37. Làm thế nào để trở thành một người tốt - Việt ngữ - 2004.
38. Dưới cội bồ đề - Việt ngữ - 2005.
39. Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2005.
40. Bồ Đề Tư Lương luận - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2005.
41. Phật nói luận A-tỳ-đàm về việc thành lập thế giới - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2006.
42. Giai nhân và Hòa Thượng - Việt ngữ - 2006.
43. Thiền Lâm Tế Nhật Bản - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2006.
44. Luận về con đường giải thoát - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2006.
45. Luận về bốn chân lý - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2007.
46. Tịnh Độ tông Nhật Bản - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2007.
47. Tào Động tông Nhật Bản - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2008.

48. Pháp ngữ - Việt ngữ - 2008.
49. Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2009.
50. Nhật Liên tông Nhật Bản - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2009.
51. Chân Ngôn tông Nhật Bản - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2010.
52. Chết an lạc, tái sanh hoan hỷ - Dịch chung với T.T. Nguyên Tạng từ Anh ngữ sang Việt Ngữ - 2011.
53. Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng - Việt Ngữ - 2011.
54. Tư tưởng Tịnh Độ Tông - Việt ngữ - 2012.
55. Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản - Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ - 2012.
56. Dưới bóng đa chùa Viên Giác - Việt ngữ, viết chung với nhà văn Trần Trung Đạo - 2012.
57. Diệu Pháp Liên Hoa kinh Văn cú - Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt - 2013.
58. Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ) - Việt ngữ, viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc - 2013.
59. Hiện tượng của tử sinh - Việt ngữ - 2014.
60. Nhật Bản trong lòng tôi - Việt ngữ - 2015.
61. Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát - Chủ trì dịch và chứng nghĩa Việt văn từ bản Hán văn của Quý Thầy Hạnh Định, Hạnh Tâm và Hạnh Bốn - 2015.
62. Nước Úc trong tâm tôi - Việt ngữ - 2016.
63. Nước Mỹ bao lần đi và đến - Việt ngữ - 2017.
64. Thiền quán về Sống và Chết - Dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ, dịch chung với TT. Thích Nguyên Tạng - 2017.
65. Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa - Việt ngữ - 2018.
66. Vua là Phật, Phật là Vua - Việt ngữ - 2020.
67. Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu - Việt ngữ - 2020.
68. Tư tưởng Phật Giáo trong thi ca Nguyễn Du - Việt ngữ - 2021.
69. Tôi đọc Đại Tạng Kinh - Việt ngữ - 2022.
70. Sống với “Thán Di Sao của Ngài Thân Loan. Dịch từ Nhật ngữ sang

Việt ngữ - 2023.

71. Bàn về mối liên hệ giữa Văn Hóa, Giáo Dục và Tôn giáo. Việt ngữ - 2023.

72. Thân Loan Thánh Nhân Toàn Thư, Tập 1. Dịch từ Nhật ngữ và Cổ văn Hán tự sang Việt ngữ - 2023.

73. Thân Loan Thánh Nhân Toàn Thư, Tập 2. Dịch từ Nhật ngữ và Cổ văn Hán tự sang Việt ngữ - 2024.

74. Thế giới của Giáo Hạnh Tín Chứng. Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2025.

75. Bối cảnh hình thành tác phẩm ”Giáo Hành Tín Chứng”. Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2026.



**Tổ đình Viên Giác**  
Karlsruher Str. 6  
30519 Hannover – Germany  
Tel. +49 511 / 879630 – Fax +49 511 / 87 941 200  
Homepage: <http://www.viengiac.info>  
E-mail: [todinh@viengiac.info](mailto:todinh@viengiac.info)